BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

LÃ THỊ TUYÊN

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ GIÁO DỤC

Hà Nội, Năm 2018

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM HÀ NỘI

LÃ THỊ TUYÊN

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

Chuyên ngành: Lí luận và lịch sử Giáo dục
Mã số: 62.14.01.02

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LÍ LUẬN VÀ LỊCH SỬ GIÁO DỤC

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS Trần Thị Tuyết Oanh

Hà Nội, Năm 2018

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU **1**
1. Lý do chọn đề tài **1**
2. Mục đích nghiên cứu **2**
3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu **3**
4. Giả thuyết khoa học **3**
5. Nhiệm vụ nghiên cứu **3**
6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu **3**
7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu **4**
8. Những luận điểm cần bảo vệ **6**
9. Đóng góp mới của Luận án **6**
Chương 1. CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM **7**
1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề **7**
1.1.1. Những nghiên cứu về năng lực dạy học và phát triển năng lực dạy học. 7
1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 12
1.1.3. Đánh giá chung 14
1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài **15**
1.2.1. Năng lực 15
1.2.2. Năng lực dạy học 19
1.2.3. Phát triển năng lực dạy học 20
1.2.4. Giáo dục trải nghiệm 21
1.3. Năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật **23**
1.3.1. Đặc điểm học tập của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật trong quá trình đào tạo 23
1.3.2. Cơ sở xác định các năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 25
1.3.3. Các năng lực dạy học cơ bản của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 31
1.4. Vai trò, đặc điểm và yêu cầu của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật **33**

1.4.1. Vai trò và đặc điểm của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 33
1.4.2. Yêu cầu của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 35
1.5. Cấu trúc của quá trình phát triển năng lực dạy học và con đường phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 39
1.5.1. Cấu trúc của quá trình phát triển năng lực dạy học 39
1.5.2. Các con đường phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 41
1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 45
1.6.1. Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên 45
1.6.2. Năng lực của giảng viên 46
1.6.3. Kiểm tra, đánh giá 47
1.6.4. Môi trường, điều kiện rèn luyện phát triển năng lực dạy học 47
Kết luận chương 1 48
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM 50
2.1. Giới thiệu quá trình khảo sát thực trạng 50
2.1.1. Mục đích, đối tượng và phạm vi khảo sát 50
2.1.2. Nội dung khảo sát 50
2.1.3. Phương pháp khảo sát 50
2.2. Khái quát về các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật 51
2.2.1. Quá trình đào tạo 51
2.2.2. Yêu cầu đặt ra cho đổi mới ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật 55
2.3. Thực trạng năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 57
2.3.1. Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học 57
2.3.2. Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập 59
2.3.3. Năng lực thiết kế dạy học 61
2.3.4. Năng lực dạy học trực tiếp 63

2.4. Thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 72
2.4.1.Thực trạng nhận thức về phát triển năng lực dạy học nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 72
2.4.2. Thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 74
2.5. Đánh giá chung về thực trạng 84
2.5.1. Những mặt mạnh 84
2.5.2. Những hạn chế 85
2.5.3. Những nguyên nhân 86
Kết luận chương 2 88
Chương 3. BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM 90
3.1. Nguyên tắc xác định biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 90
3.1.1. Đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo 90
3.1.2. Đảm bảo phù hợp đặc trưng ngành học 91
3.1.3. Đảm bảo tính khoa học và thực tiễn 91
3.1.4. Nguyên tắc tôn trọng thực hành 92
3.1.5. Nguyên tắc phù hợp với chuẩn đầu ra 93
3.2. Các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm 93
3.2.1. Thiết kế khung năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật 93
3.2.2. Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên 105
3.2.3. Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ 112

3.2.4. Tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên 114

3.2.5. Tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề 117

3.2.6. Đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên 120

3.2.7. Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo quá trình và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá 124

3.3. Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất trong luận án 128

3.3.1. Giới thiệu tổ chức khảo nghiệm 128

3.3.2. Kết quả khảo nghiệm 128

3.4. Thực nghiệm sư phạm 130

3.4.1. Khái quát về quá trình thực nghiệm 130

3.4.2. Phân tích kết quả thực nghiệm 132

3.4.3. Kết luận thực nghiệm sư phạm 143

Kết luận chương 3 145

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ 147

1. Kết luận 147

2. Khuyến nghị 147

2.1. Đối với cán bộ quản lý trong các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật 147

2.2. Đối với giảng viên giảng dạy nghiệp vụ 148

2.3. Đối với sinh viên 148

DANH MỤC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ 1

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 2

Tài liệu tham khảo trong nước 2

Tài liệu tham khảo nước ngoài 8

PHỤ LỤC 10

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, kết quả nêu trong luận án là trung thực và chưa từng được ai công bố trong bất kỳ công trình nghiên cứu nào khác./.

Tác giả luận án

Lã Thị Tuyên

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CỤM TỪ VIẾT TẮT

Từ và cụm từ	Viết tắt là
Đại học sư phạm	ĐHSP
Cao đẳng sư phạm	CĐSP
Sư phạm nghệ thuật	SPNT
Trung học cơ sở	THCS
Phát triển năng lực	PTNL
Năng lực dạy học	NLDH
Phương pháp dạy học	PPDH
Nghiệp vụ sư phạm	NVSP
Sinh viên	SV
Giảng viên	GV
Giáo viên phổ thông	GVPT
Âm nhạc	ÂN
Mĩ thuật	MT

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 2.1. Đánh giá năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học... 58
Bảng 2.2. Đánh giá năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập 60
Bảng 2.3. Đánh giá năng lực thiết kế dạy học 61
Bảng 2.4. Đánh giá năng lực dạy học trực tiếp..... 64
Bảng 2.5. Đánh giá năng lực thực hiện các biện pháp..... 66
và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật..... 66
Bảng 2.6. Tổng hợp chung về năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 70
Bảng 2.7. Tổng hợp ý kiến về vai trò của giáo dục trải nghiệm..... 72
trong phát triển năng lực dạy học..... 72
Bảng 2.8. Tổng hợp ý kiến về các yếu tố ảnh hưởng..... 73
đến phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm 73
Bảng 2.9. Tổng hợp đánh giá về mục tiêu phát triển năng lực dạy học 74
cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật..... 74
Bảng 2.10. Tổng hợp ý kiến đánh giá về nội dung phát triển năng lực dạy học 77
Bảng 2.11. Các con đường trải nghiệm ảnh hưởng đến..... 78
phát triển năng lực dạy học của sinh viên..... 78
Bảng 2.12. Đánh giá quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học 79
Bảng 2.13. Mức độ sử dụng bước tiến hành giờ học 80
để phát triển năng lực dạy học 80
Bảng 2.14. Kết quả phát triển năng lực dạy học 81
Bảng 2.15. Tổng hợp ý kiến đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học..... 82
Bảng 2.16. Những khó khăn mà sinh viên gặp phải 83
trong phát triển năng lực dạy học..... 83
Bảng 2.17. Những khó khăn mà giảng viên gặp phải 84
khi tổ chức rèn luyện phát triển năng lực dạy học 84
Bảng 3.1. Yêu cầu kiến thức và kĩ năng của các năng lực dạy học nghệ thuật 100
Bảng 3.2. Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính cần thiết của các biện pháp..... 128
Bảng 3.3. Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính khả thi của các biện pháp 129
Bảng 3.4. Kết quả kiểm tra trình độ ban đầu 133

về học phần Lí luận dạy học của lớp đối chứng và lớp thực nghiệm 133
Bảng 3.5. Kết quả kiểm tra trình độ thường xuyên..... 135
về học phần Lí luận dạy học của lớp đang làm thực nghiệm..... 135
Bảng 3.6. Kết quả kiểm tra đầu ra của các lớp đang làm thực nghiệm 137
Bảng 3.7. Kết quả lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm 138
Bảng 3.8. Kết quả thực tập sư phạm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng 141
Bảng 3.9. Mức độ năng lực dạy học của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng 141

DANH MỤC CÁC HÌNH, SƠ ĐỒ VÀ BIỂU ĐỒ

Hình 2.1. Biểu đồ tổng hợp chung về năng lực dạy học 71
của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 71
Hình 2.2. Biểu đồ tổng hợp đánh giá về mục tiêu phát triển năng lực dạy học.. 75
Hình 2.3. Biểu đồ ý kiến đánh giá về nội dung phát triển năng lực dạy học..... 78
Hình 2.4. Biểu đồ tổng hợp kết quả phát triển năng lực dạy học 81
Hình 2.5. Biểu đồ tổng hợp ý kiến đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học 82
Hình 3.1. Khung năng lực dạy học nghệ thuật..... 99
Hình 3.2. Quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên 111
Hình 3.3. Quy trình đánh giá năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật 127
Hình 3.4. Biểu đồ kết quả nhận thức đầu vào lớp đối chứng và lớp thực nghiệm 133
Hình 3.5. Biểu đồ kết quả nhận thức thường xuyên 135
của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng 135
Hình 3.6. Biểu đồ kết quả đầu ra của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng..... 137
Hình 3.7. Biểu đồ kết quả lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm139
Hình 3.8. Biểu đồ kết quả thực tập sư phạm nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng 141
Hình 3.9.Biểu đồ mức độ năng lực dạy học nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng 142

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong thế giới hiện đại, khi thông tin khoa học bùng nổ, công nghệ sản xuất đổi mới, nền kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển nhanh chóng, đòi hỏi tất cả các quốc gia phải có một chiến lược giáo dục nhằm đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn. Trong chiến lược giáo dục đó, hạt nhân quan trọng là *"Phát triển toàn diện và phát huy tốt nhất tiềm năng, trí sáng tạo của người học; chuyển quá trình giáo dục chủ yếu từ trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học"* [20]. Từ đó, hình thành cho sinh viên khát vọng học tập và năng lực thực hành, đặc biệt là năng lực giải quyết các vấn đề phức hợp.

Lí luận và thực tiễn giáo dục cho thấy, chất lượng giáo dục phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố, trong đó năng lực sư phạm của giáo viên đóng vai trò quan trọng. Năng lực sư phạm được hình thành bằng nhiều con đường, nhưng đào tạo ở các trường sư phạm có thể xem là sự khởi đầu mang tính nền tảng.

Hoạt động sư phạm của giáo viên trước hết thể hiện trong các giờ dạy, do đó cần có hệ thống năng lực dạy học trên cơ sở vận dụng kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ vào công việc của mình. Việc xác định hệ thống năng lực dạy học để phát triển cho sinh viên là vấn đề hết sức quan trọng trong đào tạo ở các trường sư phạm.

Đối với sinh viên các trường sư phạm nghệ thuật, tương lai sẽ là các thầy cô giáo dạy Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường phổ thông, họ cần cả tư chất nghệ sĩ lẫn năng lực và nghệ thuật sư phạm. Giáo dục nghệ thuật cơ bản là giáo dục thực hành nhận thức, cảm thụ nghệ thuật, đồng thời có thể giúp học sinh phát triển năng lực sáng tạo, thực hành nghệ thuật ở mức độ phổ thông. Do vậy, có thể xem hoạt động giáo dục nghệ thuật trong trường phổ thông là giáo dục mang tính chuyên biệt, đặc thù. Sự giống và khác nhau về năng lực của một giáo viên phổ thông dạy các môn khoa học cơ bản và giáo viên môn học nghệ thuật là kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo chuyên ngành (năng lực chuyên môn) lại một phần (nhưng không thể thiếu được) là dựa trên năng khiếu của họ. Tuy nhiên, năng khiếu đó được xác định như một điều kiện để nếu họ có ý chí học tập, có phương pháp tốt, có chương trình phù hợp và môi trường đào tạo tiên tiến sẽ hình thành năng lực thích hợp.

Tại các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật, trong thời gian qua, mặc dù đã đổi mới nội dung chương trình, phương pháp dạy học, hình thức đào tạo, tăng cường

trang bị phương tiện kỹ thuật dạy học... nhưng việc phát triển năng lực dạy học của sinh viên vẫn còn nhiều bất cập, do thiếu kinh nghiệm, thiếu lí luận về sư phạm nghệ thuật, hơn thế nữa, nghiệp vụ sư phạm chưa được các nhà trường quan tâm đúng mực. Vì vậy, vấn đề nâng cao chất lượng đào tạo và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên đang đặt ra cấp thiết với các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật Việt Nam.

Theo quan điểm giáo dục hiện đại, phát triển năng lực cho người học là xu thế tất yếu, là cách tiếp cận đào tạo theo định hướng đầu ra; theo đó, việc dạy học không chỉ chú ý tích cực hóa người học về trí tuệ, mà còn chú ý rèn luyện cho họ năng lực giải quyết các vấn đề gắn với tình huống nghề nghiệp, nhằm thực hiện hiệu quả mục tiêu đào tạo. Tuy nhiên, cần minh định con đường hình thành nhận thức, kĩ năng theo chuẩn các năng lực của sinh viên sư phạm nghệ thuật rất khác biệt và cần nghiên cứu một cách hệ thống mới có thể giúp cho việc đổi mới đào tạo lĩnh vực này hiệu quả.

Trong khi đó, hiện nay, phương thức "giáo dục trải nghiệm" được các nhà khoa học, các nhà quản lí giáo dục và giáo viên đặc biệt quan tâm. Việc đưa hoạt động trải nghiệm vào giáo dục nhà trường góp phần khắc phục những tồn tại, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo. Hoạt động này giúp người học có nhiều cơ hội trải nghiệm, vận dụng kiến thức học được vào thực tiễn, từ đó hình thành năng lực thực tiễn và phát huy tiềm năng sáng tạo của bản thân.

Vấn đề vận dụng lí thuyết giáo dục trải nghiệm trong giáo dục và đào tạo đã được một số tác giả trong nước và nước ngoài nghiên cứu, song cho đến nay chưa có công trình khoa học nào đi sâu nghiên cứu việc vận dụng lí thuyết giáo dục trải nghiệm vào phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

Xuất phát từ cơ sở lí luận và thực tiễn nêu trên, tác giả chọn đề tài: ***"Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên đại học sư phạm nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm"*** làm luận án Tiến sĩ của mình, với hy vọng góp phần nâng cao chất lượng phát triển năng lực dạy học nói riêng và chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật nói chung, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ giáo viên phổ thông ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

2. Mục đích nghiên cứu

Luận án đề xuất các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên trong nhà trường, nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên âm nhạc, mĩ thuật ở trường phổ thông, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực sư phạm nghệ thuật cho hệ thống giáo dục quốc dân.

3. Khách thể và đối tượng nghiên cứu

3.1. Khách thể nghiên cứu

Năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

3.2. Đối tượng nghiên cứu

Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

4. Giả thuyết khoa học

Trong phát triển năng lực dạy học, nếu xác định được khung năng lực dạy học nghệ thuật đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật; xây dựng được quy trình thực hiện giờ học; xây dựng và sử dụng bài tập thực hành trong dạy học; tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm; đổi mới tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ và hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm; đổi mới đánh giá kết quả dạy học thì sẽ nâng cao hiệu quả phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo đội ngũ giáo viên nghệ thuật.

5. Nhiệm vụ nghiên cứu

5.1. Xây dựng cơ sở lí luận về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

5.2. Khảo sát, đánh giá thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật.

5.3. Đề xuất các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

5.4. Thực nghiệm sư phạm các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

6. Giới hạn phạm vi nghiên cứu

6.1. Giới hạn địa bàn nghiên cứu:

Luận án được nghiên cứu ở một số trường đại học có đào tạo chuyên ngành sư phạm nghệ thuật (Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; Đại học Sư phạm Hà Nội; Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương) và một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

6.2. ***Giới hạn nội dung nghiên cứu:***

Thực hiện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật qua các hoạt động về Nghiệp vụ sư phạm.

7. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

7.1. Phương pháp luận nghiên cứu

- *Tiếp cận hệ thống - cấu trúc*: Xác định đào tạo giáo viên nghệ thuật là một bộ phận trong hệ thống đào tạo, xuất phát từ yêu cầu đào tạo giáo viên phổ thông. Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật là một nội dung quan trọng trong quá trình đào tạo; từ đó xác định các thành tố, mối liên hệ và chức năng của các thành tố để vận dụng vào phát triển năng lực dạy học cho giáo sinh nhằm phát huy tối đa tác động của từng thành tố để nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật.

- *Tiếp cận thực tiễn:* Xem xét quá trình phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật trong môi trường đào tạo giáo viên, từ đặc điểm và yêu cầu thực tế dạy học âm nhạc, mĩ thuật ở trường phổ thông.

- *Tiếp cận chuẩn đầu ra:* Đào tạo giáo viên nghệ thuật phải lấy mục tiêu chuẩn đầu ra làm đích, hướng tới việc hình thành những năng lực cần thiết cho sinh viên, trong đó có năng lực dạy học để sau khi tốt nghiệp, người giáo viên nghệ thuật thực hiện hiệu quả cao nhiệm vụ nhà giáo của mình.

- *Tiếp cận hoạt động:* Năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật được hình thành, phát triển thông qua quá trình học tập và rèn luyện tại trường sư phạm. Việc nghiên cứu năng lực dạy học phải thông qua thực tiễn hoạt động dạy học trên lớp của sinh viên; như: quan sát, nghiên cứu hành vi giảng dạy, đánh giá kết qủa hành động giảng dạy và giải bài tập tình huống của giáo sinh...

- *Tiếp cận phát triển:* Giáo dục phải phát triển tối đa năng lực dạy học của mỗi sinh viên, giúp họ làm chủ được những tình huống, đương đầu với thách thức sẽ gặp phải trong cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp một cách chủ động và sáng tạo.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

7.2.1. Nhóm phương pháp nghiên cứu lí thuyết

Đề tài sử dụng phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh, khái quát hoá, hệ thống hóa các nguồn tư liệu liên quan đến biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

7.2.2. Nhóm phương pháp nghiên cứu thực tiễn

- *Phương pháp quan sát sư phạm*

Quan sát sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên trong các giờ học nghiệp vụ sư phạm, kiến tập, thực tập sư phạm, Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, giải quyết tình huống sư phạm, thực hành phát triển năng lực dạy học của sinh viên.

Tiến hành dự giờ của sinh viên trong các giờ rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, kiến tập, thực tập sư phạm để thu thập thông tin phục vụ việc đánh giá thực trạng phát triển năng lực dạy học và thực nghiệm biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên dựa vào giáo dục trải nghiệm.

- *Phương pháp điều tra*

Khảo sát thực trạng năng lực dạy học của sinh viên và các biện pháp đang sử dụng để tổ chức rèn luyện.

+ *Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi:* Để có thông tin làm cơ sở cho việc phân tích thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật, tác giả đã khảo sát bằng phiếu hỏi với sinh viên, giảng viên chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật và giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mĩ thuật tại các trường THCS.

+ *Phương pháp điều tra bằng phỏng vấn trực tiếp:* Thực hiện phỏng vấn các nhà khoa học, giảng viên, cán bộ quản lý tại 3 trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật; giáo viên và cán bộ quản lý trường cơ sở về việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật hiện nay.

- *Phương pháp chuyên gia:* Trao đổi trực tiếp với các chuyên gia để lấy ý kiến tư vấn, góp ý về việc xây dựng đề cương nghiên cứu; về quá trình và các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm với những khó khăn và thuận lợi của nó; đồng thời xin ý kiến chuyên gia về tính cấp thiết, tính khả thi của biện pháp phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm và tổ chức thực nghiệm sư phạm các biện pháp đó cho sinh viên.

- *Phương pháp nghiên cứu sản phẩm hoạt động:* Thông qua sản phẩm hoạt động dạy học của sinh viên (bài kiểm tra, thiết kế giáo án, thiết kế đồ dùng dạy học, kết quả thực hành nghiệp vụ sư phạm, kết quả thực tập sư phạm, Hội thi Nghiệp vụ sư phạm…) để thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá thực trạng phát triển năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

- *Phương pháp thực nghiệm sư phạm:* Tổ chức thực nghiệm nhằm xác định tính khoa học, tính khả thi của việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật theo các biện pháp phát triển năng lực dạy học đã được nghiên cứu và đề xuất trong Luận án. Qua đó khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học đã nêu.

7.2.3. Nhóm phương pháp hỗ trợ:

Sử dụng các công thức toán thống kê và phần mềm SPSS để xử lí các số liệu về thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật và đánh giá độ tin cậy của các kết quả thực nghiệm.

8. Những luận điểm cần bảo vệ

8.1. Sinh viên đã học chuyên ngành sư phạm nghệ thuật phải phát triển và hoàn thiện năng lực dạy học cơ bản và năng lực dạy học đặc thù môn nghệ thuật. Các năng lực này chỉ được hình thành và phát triển trong quá trình đào tạo ở nhà trường sư phạm nghệ thuật nhằm giúp cho sinh viên sau khi ra trường hoạt động có hiệu quả trong lĩnh vực nghề nghiệp.

8.2. Để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật đạt hiệu quả cần phải xác định được hệ thống năng lực dạy học phù hợp với đặc trưng các môn nghệ thuật và phù hợp với chuẩn đầu ra; đồng thời xác định được các biện pháp tập trung vào việc xây dựng quy trình thực hiện giờ học; xây dựng và sử dụng bài tập thực hành trong dạy học; tổ chức dạy học theo định hướng giáo dục trải nghiệm; đổi mới tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ, kiến tập, thực tập sư phạm; và đổi mới đánh giá kết quả dạy học sẽ nâng cao được hiệu quả phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

9. Đóng góp mới của Luận án

- Luận án góp phần làm phong phú và sâu sắc hơn lí luận về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm; xác định hệ thống năng lực dạy học và những đặc trưng của phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật; làm rõ vai trò, đặc điểm và yêu cầu của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên; từ đó xác định cấu trúc của quá trình phát triển năng lực dạy học và các con đường, các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

- Đã phân tích, đánh giá được thực trạng phát triển năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật; xác định hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong phát triển năng lực dạy học của sinh viên; đã giúp các nhà quản lí và đội ngũ giảng viên có nhu cầu và căn cứ để nâng cao chất lượng đào tạo lĩnh vực ĐHSP Nghệ thuật.

- Xác định được biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm để giúp cho các nhà quản lí giáo dục, giảng viên áp dụng và đổi mới dạy học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo ĐHSP Nghệ thuật.

Chương 1
CƠ SỞ LÍ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

1.1. Tổng quan nghiên cứu vấn đề

1.1.1. Những nghiên cứu về năng lực dạy học và phát triển năng lực dạy học

1.1.1.1. Những nghiên cứu về năng lực dạy học

Năng lực hoạt động của con người nói chung, năng lực dạy học của giáo viên nói riêng có vai trò rất quan trọng trong lao động nghề nghiệp, vì vậy nó đã trở thành đối tượng nghiên cứu của khoa học tâm lí, giáo dục, xã hội học.

Các học giả trong nước và quốc tế đã phân tích năng lực ở nhiều góc độ khác nhau, tổng hợp các công trình nghiên cứu đó, có hai hướng sau đây:

- *Một là, xem năng lực là thuộc tính tâm lí độc đáo của cá nhân.* Đại diện cho hướng này là F.N Gônôbôlin, Phạm Minh Hạc, Nguyễn Quang Uẩn, Vũ Dũng, Hoàng Phê [27], [30], [78], [19], [62]... Theo họ, năng lực là tập hợp các thuộc tính hay phẩm chất tâm lí của cá nhân, là đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo - tức là có thể thực hiện một cách thuần thục và chắc chắn một hay một số dạng hoạt động nào đó. Năng lực được hình thành và phát triển, cho phép con người đạt được thành công trong một hoạt động thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp.

- *Hai là, xem năng lực như là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn.* Theo đó, các tác giả Rogies X., Barnett, R.,McLagan P.A, [64], [83], [93] cho rằng: năng lực là tập hợp các hoạt động dựa trên sự huy động và sử dụng có hiệu quả kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng, thái độ và hứng thú để giải quyết vấn đề, ứng xử phù hợp bối cảnh thực tế. Theo họ, người có năng lực hoạt động là người nắm được và vận dụng đúng cách thức hoạt động nhằm thực hiện hành động có kết quả; để hình thành năng lực, con người không chỉ nắm vững lí thuyết hoạt động mà còn phải biết vận dụng vào thực tiễn. Khi tiến hành hoạt động, trước hết cần xác định mục đích hoạt động, sau đó phải thông hiểu kĩ thuật, cách thức thực hiện hoạt động theo trình tự hợp lí. Trong cấu trúc năng lực luôn bao hàm vốn tri thức, kĩ xảo tập trung và phân phối, di chuyển chú ý, kĩ xảo tri giác, tư duy sáng tạo.

Các quan niệm kể trên tuy có những điểm khác nhau, nhưng xét về bản chất chúng không phủ định nhau, mà là việc nhấn mạnh khía cạnh này hay khía cạnh khác, mở rộng hay thu hẹp nội hàm khái niệm năng lực để nghiên cứu.

Ở Liên Xô và các nước Đông Âu trước đây, có nhiều nghiên cứu về năng lực thực hành trong giảng dạy cho sinh viên sư phạm với những công trình của X.I.Kixegof, O.A.Abdullina, N.V.Kuzơmina, F.N.Gônôbôlin,... Kết quả của những nghiên cứu này đã trở thành cơ sở lí luận cho việc tổ chức rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên trong quá trình đào tạo giáo viên tương lai.

X.I.Kixegof đã phân tích đặc điểm tâm lí và cơ chế hình thành kĩ năng sư phạm, ông nêu ra hơn 100 kĩ năng dạy học và giáo dục, trong đó tập trung vào 50 kĩ năng cần thiết nhất, được phân chia luyện tập theo từng thời kỳ cụ thể [45]. O.A.Abdullina đưa ra hệ thống năng lực sư phạm và mô tả chúng theo thứ bậc [59]; N.V.Kuzơmina khẳng định mối quan hệ giữa các năng lực chuyên môn với năng khiếu sư phạm và nhấn mạnh cần bồi dưỡng để năng khiếu sư phạm trở thành năng lực sư phạm; F.N.Gônôbôlin chỉ ra cách thức rèn luyện năng lực sư phạm cho sinh viên [27].

Ở các nước phương Tây, với cách nhìn thực tiễn hơn, tác giả J.Watson (1926), A.Pojoux (1926), F.Skinner (1963)... đã đề cập đến việc huấn luyện năng lực dạy học cho sinh viên dựa trên các thành tựu Tâm lí học hành vi và Tâm lí học chức năng.

Tại trường Đại học Standfort (Hoa Kỳ), trong báo cáo: "Khoa học và nghệ thuật đào tạo giáo viên" nhóm "Phidelta Kapkar" đã trình bày năm nhóm năng lực sư phạm của người giáo viên tương ứng với năm bước lên lớp và phân tích chúng thành các yếu tố để rèn luyện và đánh giá năng lực sư phạm của người giáo viên tương lai [73].

"Hội thảo canh tân đào tạo bồi dưỡng giáo viên các nước châu Á và Thái Bình Dương" do tổ chức APEID tổ chức tại Hàn Quốc đã nhấn mạnh tầm quan trọng của việc hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên, đã chỉ ra bất cập và đề xuất giải pháp khắc phục chúng trong hoạt động thực hành, thực tập sư phạm. Ở đây, mối quan hệ giữa kiến thức sư phạm và năng lực thực hành sư phạm được khẳng định [102].

Bàn về năng lực giảng dạy và vai trò của chúng với kết quả học tập của sinh viên, tác giả Vogt và Bottomley trong bài viết *"Mối quan hệ giữa kết quả học tập của học sinh và kĩ năng giảng dạy của giáo viên"* đã khẳng định yếu tố quan trọng để tăng hiệu quả học tập của học sinh, chính là năng lực giảng dạy của giáo viên [103].

Ở Việt Nam, nghiên cứu về năng lực dạy học của giáo viên theo ba hướng:

Hướng thứ nhất: Xem năng lực dạy học như là kĩ thuật, là phương tiện thực hiện hành động dạy học của giáo viên. Theo hướng này, tác giả Trần Anh Tuấn đã chỉ ra ưu, nhược điểm của công tác thực hành, thực tập, đưa ra quy trình tập các kĩ năng dạy học cơ bản cho sinh viên [75]. Tác giả Lã Văn Mến đã xây dựng quy trình rèn luyện phát triển kĩ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên CĐSP [55].

Hướng thứ hai: Xem năng lực dạy học là một biểu hiện năng lực của người giáo viên. Theo Lê Văn Hồng: Năng lực sư phạm bao gồm: nhóm năng lực dạy học, nhóm năng lực giáo dục, nhóm năng lực tổ chức các hoạt động khác [34]. Nguyễn Như An đã nêu bốn nhóm kĩ năng giảng dạy trên lớp môn Giáo dục học và xây dựng quy trình rèn luyện hệ thống kĩ năng đó cho sinh viên [1]. Phan Thanh Long đã xác định những yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến việc hình thành kĩ năng dạy học cho sinh viên [52].

Hướng thứ ba: Xem năng lực dạy học là việc vận dụng tri thức, kinh nghiệm đã có vào quá trình dạy học. Các tác giả Nguyễn Đình Chỉnh, Phạm Trung Thanh [14], [15], [66], [67], [68]… cho rằng: Năng lực sư phạm bao gồm hệ thống tri thức và kĩ năng sư phạm; các tác giả đã đề cập đến nội dung hoạt động thực tập sư phạm như xác định khái niệm năng lực dạy học; con đường hình thành và phát triển năng lực dạy học; hình thức và nguyên tắc tổ chức thực tập sư phạm… ở sinh viên sư phạm.

Như vậy, các công trình nghiên cứu trên với phạm vi đề tài hẹp, cách tiếp cận thiên về truyền thống, nhiều nội dung không phù hợp giai đoạn hiện nay. Do vậy, kết quả nghiên cứu của các đề tài trên cần được bổ sung, nghiên cứu phát triển theo tiếp cận mới, phù hợp với sự phát triển giáo dục đào tạo nói chung và đào tạo sư phạm nghệ thuật nói riêng. Tuy nhiên, những luận điểm của các công trình nghiên cứu đó sẽ là tiền đề cơ bản, quan trọng để xây dựng cơ sở lí luận về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

1.1.1.2. Những nghiên cứu về phát triển năng lực dạy học

Ở thế kỷ XVII, J.Ia.Comenxki nhà giáo dục học danh tiếng châu Âu đã đặt nền móng của khoa học sư phạm với những công trình nghiên cứu về lí luận dạy học. Ông cho rằng việc học không chỉ dựa vào kiến thức sách vở mà phải gắn với thực tế, nội dung dạy học phải phù hợp với trình độ của người học. Tác phẩm "Method of the art - Nghệ thuật dạy học" của ông có ý nghĩa to lớn trong hệ thống lí luận dạy học.

Ở Đức việc nghiên cứu về lí luận dạy nghề được tiến hành rất sớm, tiêu biểu là công trình của R.Retzke [63]. Ông cho rằng các bài tập phát triển năng lực phải có giá trị thực tiễn, phải kết hợp hài hòa giữa bài tập nhóm và bài tập cá nhân để tạo hứng thú cho sinh viên, tối ưu hóa quá trình dạy nghề.

Những năm 1960, ở Liên xô và các nước Đông Âu đã nghiên cứu việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm, tiêu biểu là công trình của Ivanov, Socolov, O.A.Abdullina [59], F.N.Gônôbôlin [27]...kết quả nghiên cứu đã trở thành hệ thống lí luận dạy học theo phát triển năng lực và vận dụng rộng rãi trong thực tế.

Năm 1968, các trường đại học liên bang Mỹ đã biên soạn chương trình và tài liệu bồi dưỡng giáo viên dựa trên định hướng phát triển năng lực. Đây là bộ tài liệu được xây dựng dựa trên chuẩn giáo viên. Hiện nay bộ tiêu chuẩn này sử dụng phổ biến ở nhiều nước trên thế giới, được các cơ quan sử dụng lao động ủng hộ.

Đến năm 1970, ở Bắc Mỹ, dạy học theo định hướng phát triển năng lực được vận dụng một cách phổ biến. Đào tạo theo cách này không dùng thời gian quy định cho khóa học mà dùng lượng kiến thức, kĩ năng theo tiêu chuẩn chuyên môn nghề làm đơn vị đo. Các nhà nghiên cứu Bắc Mỹ cho rằng: dạy học dựa trên phát triển năng lực có gốc rễ trong đào tạo giáo viên với đặc điểm là đào tạo ra sản phẩm giống nhau theo khuôn mẫu đã định, hơn nữa chương trình đào tạo, bồi dưỡng giáo viên có nét độc đáo, dễ định ra chuẩn mực và đào tạo theo những chuẩn mực đó" [105].

Năm 1982, Wiliam E. Blank xuất bản tài liệu *"Sổ tay phát triển chương trình đào tạo theo định hướng phát triển năng lực"* [105], cuốn sách đề cập các vấn đề cơ bản về đào tạo theo định hướng phát triển năng lực, phân tích nghề, phân tích nhu cầu người học, xây dựng hồ sơ năng lực người học, phát triển công cụ đánh giá, cải tiến và quản lý chương trình đào tạo. Nghiên cứu của ông được ứng dụng rộng rãi và mang lại kết quả to lớn trong đào tạo nghề ở Mỹ vào những năm 1985 thế kỷ XX.

Năm 1995, Jonh W Burke viết cuốn *"Giáo dục và đào tạo dựa trên năng lực thực hiện"* [91], trong đó tác giả đã trình bày nguồn gốc của dạy học dựa trên định hướng phát triển năng lực, quan niệm về năng lực thực hiện và tiêu chuẩn năng lực thực hiện, về vấn đề đánh giá dựa trên định hướng phát triển năng lực và cải tiến chương trình đào tạo dựa trên năng lực thực hiện.

Gần đây, một số nhà sư phạm người Đức đã nghiên cứu về vấn đề này như Hortsch Hanno, Hermann Satedag, Steig Michael [88], [89], [100]. Theo họ, phát triển năng lực phải là mục tiêu đào tạo giáo viên - người đặt nền móng giúp người học hình thành và phát triển năng lực. Người học là bản sao của người dạy không chỉ ở phẩm chất mà còn ở sự thực hiện hoạt động nghề nghiệp. Định hướng đầu ra của quá trình đào tạo là quan điểm cho việc xây dựng mô hình năng lực người giáo viên.

Qua nghiên cứu các công trình của các nhà khoa học nước ngoài cho thấy, hiện nay trên thế giới đã áp dụng rộng rãi phương pháp đào tạo dựa trên cơ sở định hướng phát triển năng lực, đặc biệt ở các nước công nghiệp phát triển.

Ở Việt Nam, những năm gần đây nhiều hội thảo khoa học về nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực như: "Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên hệ thống

giáo dục kĩ thuật và dạy nghề giai đoạn 2001-2010" [47]; "Chất lượng giáo dục và vấn đề đào tạo giáo viên" [46]; "Đổi mới phương pháp dạy học" [33]... Dự án quốc tế của Bỉ về đào tạo và bồi dưỡng phương pháp dạy học cho giáo viên theo tiếp cận năng lực; nhiều đề tài khoa học; nhiều luận văn, luận án đã tập trung đề cập tới quan điểm "kết quả đầu ra" và năng lực làm việc sáng tạo trong thực tế của người học.

Công trình nghiên cứu "Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề" [73] của Nguyễn Đức Trí (năm 1996) là công trình lí luận đầu tiên về đào tạo nghề theo tiếp cận phát triển năng lực ở Việt Nam. Công trình bước đầu làm sáng tỏ mặt lí luận về phương thức đào tạo theo hướng phát triển năng lực, đồng thời chỉ ra các bước phát triển chương trình đào tạo theo tiếp cận năng lực và xây dựng tiêu chuẩn kĩ năng nghề quốc gia.

Đề tài cấp Bộ, Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật ở trình độ đại học cho các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề [74] tác giả Nguyễn Đức Trí (năm 2000) đã đề xuất mô hình đào tạo giáo viên kĩ thuật trong đó có đề cập đến triết lý, các đặc điểm cơ bản; ưu nhược điểm của phương thức đào tạo theo định hướng phát triển năng lực; vận dụng phương thức đào tạo này vào đào tạo giáo viên.

Cùng nghiên cứu về phát triển năng lực dạy học, tác giả Trịnh Xuân Thu đã phân tích tầm quan trọng của việc xây dựng chương trình đào tạo học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm theo năng lực và xác nhận năng lực người học trong đào tạo [70].

Bộ Lao động - Thương binh xã hội đã ban hành "Quy định chuẩn giáo viên, giảng viên dạy nghề" [10]; Chuẩn đánh giá nghiệp vụ sư phạm giáo viên trung cấp chuyên nghiệp [7], Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành "Điều lệ Hội thi nghiệp vụ sư phạm" [6];... Điều đó cũng khẳng định sự quan tâm của các cơ quan quản lý đến phát triển năng lực dạy học của đội ngũ giáo viên.

Ngày 22/10/2009, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS [69] với 6 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS và hướng dẫn cách đánh giá, xếp loại giáo viên.

Hội thảo Quốc tế "Phát triển năng lực giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục" của trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên (11/2017) đã đề xuất khung năng lực cốt lõi của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục trong bối cảnh toàn cầu hóa.

Đây là căn cứ quan trọng để chúng tôi nghiên cứu xây dựng mô hình năng lực dạy học cho sinh viên trong các trường ĐHSP Nghệ thuật.

1.1.2. Những nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

1.1.2.1. Những nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm

Mặc dù tư tưởng về trải nghiệm trong giáo dục được đề cập từ rất lâu, nhưng lí thuyết giáo dục dựa trên kinh nghiệm là một lí thuyết giáo dục hiện đại, nổi bật trong thế kỷ XX, đã và đang đóng vai trò trung tâm trong nền giáo dục tiến bộ, trở thành xu hướng giáo dục trong thế kỉ XXI. Gắn liền với tên tuổi của các nhà giáo dục hàng đầu thế giới như William James, John Dewey, Jean Piage, Vygotsky…Theo đó, các nhà nghiên cứu khẳng định, giáo dục là việc nhận thức và chuyển đổi kinh nghiệm.

John Dewey - nhà khoa học giáo dục người Mĩ, qua tác phẩm *Kinh nghiệm và Giáo dục* với triết lí đề cao vai trò của kinh nghiệm trong giáo dục và chỉ ra hạn chế của giáo dục nhà trường. Theo đó, bằng cách kết nối người học và kiến thức được học với thực tiễn, kinh nghiệm có ý nghĩa giáo dục, giúp nâng cao hiệu quả giáo dục.

Nổi bật nhất trong những nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm là nghiên cứu của Kolb xuất bản năm 1984. Mô hình học tập trải nghiệm của Kolb được xem như nền tảng cho việc nghiên cứu dạy học trong từng lĩnh vực cụ thể, là giải pháp hướng dẫn thiết kế học tập trong lớp học. Theo đó, bản chất của hoạt động học là quá trình trải nghiệm, trong đó kiến thức của người học được tạo ra trong quá trình dạy học thông qua việc chuyển hóa kinh nghiệm. Tuy nhiên, việc lựa chọn và thiết kế các hoạt động học tập nhằm dẫn dắt người học đi qua đầy đủ các giai đoạn học tập theo mô hình của Kolb gặp phải một số khó khăn. Svinick, M.D., Dixon, N.M. (1978) đã thay đổi mô hình giáo dục trải nghiệm của Kolb đối với từng hoạt động trong lớp học đưa ra một mô hình mô tả mức độ tham gia trực tiếp của người học nhằm giải quyết những khó khăn mà giáo viên gặp phải khi áp dụng mô hình giáo dục trải nghiệm của Kolb.

Cho đến năm 1977, "Hiệp hội Giáo dục trải nghiệm" được thành lập, giáo dục trải nghiệm chính thức được thừa nhận bằng văn bản và được tuyên bố rộng rãi.

Năm 2002, tại Hội nghị thượng đỉnh Liên hiệp quốc về Phát triển bền vững, chương trình "Dạy và học vì một tương lai bền vững" được UNESCO thông qua, giáo dục trải nghiệm được giới thiệu, phổ biến, bước thêm bước tiến mạnh mẽ hơn và phát triển sâu rộng.

Ở Việt Nam, những quan điểm, tư tưởng về giáo dục trải nghiệm bắt nguồn từ việc nghiên cứu vận dụng thuyết kiến tạo vào trong giáo dục phổ thông với mô hình Trường Phổ thông Thực nghiệm của Hồ Ngọc Đại (1978); Trường Tiểu học Thực

nghiệm Huế (1985); Trường Phổ thông Thực nghiệm Đà Lạt (1992)…Thuyết kiến tạo đặc biệt nhấn mạnh việc con người tạo ra kiến thức và ý nghĩa từ sự tương tác giữa kinh nghiệm và ý tưởng mới của cá nhân thông qua trải nghiệm, tức là phải dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm.

Năm 2015, Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức Hội thảo *Hoạt động trải nghiệm sáng tạo của học sinh phổ thông* tập trung một số nghiên cứu khoa học về cơ sở lí luận, thực tiễn triển khai hoạt động giáo dục trải nghiệm ở một số quốc gia có nền giáo dục phát triển và gợi ý áp dụng vào giáo dục phổ thông.

Ngày nay, UNESCO nhìn nhận giáo dục trải nghiệm như một triển vọng cho giáo dục toàn cầu trong các thập kỷ tới, giáo dục trải nghiệm đang tiếp tục phát triển và hình thành mạng lưới rộng lớn những cá nhân, tổ chức giáo dục, trường học trên toàn thế giới ứng dụng.

1.1.2.2. Những nghiên cứu về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

Vấn đề đào tạo ĐHSP Nghệ thuật nói chung, phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm nói riêng là một lĩnh vực khá mới mẻ, chưa được nhiều tác giả quan tâm nghiên cứu.

Những vấn đề về phương pháp giảng dạy âm nhạc phổ thông được một số nhà giáo, nhạc sĩ quan tâm như: Phan Trần Bảng, Nguyễn Minh Toàn, Đỗ Mạnh Thường, Tu Mi, Đắc Quỳnh, Hoàng Long - Hoàng Lân, Nguyễn Hoành Thông, Lê Minh Châu... Các tác giả đã tìm kiếm phương pháp dạy học âm nhạc mới, cải tạo phương pháp cũ cho phù hợp, cải tạo tình trạng dạy nhồi nhét, nặng nề, phi âm nhạc...

Nguyễn Thu Tuấn (2016), *Lí luận dạy học Mĩ thuật ở trường THCS*, là tài liệu nghiên cứu và học tập có giá trị về học thuật chuyên môn trong nghiên cứu lĩnh vực sư phạm nghệ thuật; cuốn sách đưa đến cho người đọc thông tin, tri thức cần thiết để có thể vận dụng vào thực tiễn công tác giảng dạy và nghiên cứu về lí luận, góp phần nâng cao chất lượng dạy học Mĩ thuật ở trường phổ thông nước ta hiện nay [76].

Tuy nhiên, từ thực tế đến lí luận và từ lí luận soi vào thực tế vẫn còn nhiều "chỗ trống" cần tiếp tục được các nhà nghiên cứu khoa học giáo dục nghệ thuật bồi đắp dần và hình thành từng bước. Mặt khác, muốn việc sử dụng phương pháp dạy học hiệu quả, trước hết cần có đội ngũ giáo viên nghệ thuật có đủ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu thực tiễn đảm nhận.

Khối các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật hằng năm cũng tổ chức hội thảo chủ yếu bàn về nội dung chương trình, kế hoạch đào tạo, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, ít

những nghiên cứu có tính cơ bản về phát triển năng lực sư phạm, năng lực dạy học ở giáo sinh. Bên cạnh đó, hằng năm, các nhà trường đã tổ chức Hội nghị tổng kết công tác kiến, thực tập sư phạm, đã đánh giá, phân tích mặt được và mặt chưa được của vấn đề rèn luyện nghiệp vụ của sinh viên, phân tích những khó khăn, thiếu sót thường có của sinh viên trong thực tập giảng dạy và đưa ra một số giải pháp, kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật. Tuy nhiên, các giải pháp đưa ra còn thiếu tính đồng bộ, chưa tiếp cận nhiều theo các phương pháp đào tạo mới.

Đề tài nghiên cứu cấp Bộ mang mã số B 96-48-02: "Nâng cao chất lượng giáo dục nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên trường CĐSP Nhạc - Họa trung ương" đã giải quyết được một số vấn đề lí luận và thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng giáo dục nghiệp vụ cho sinh viên CĐSP Âm nhạc, CĐSP Mĩ thuật [21].

Tác giả Nguyễn Quốc Toản có rất nhiều bài báo, bài viết về vấn đề này, đặc biệt trong cuốn Phương pháp giảng dạy Mĩ thuật (Giáo trình đào tạo giáo viên THCS) ông đã đề cập đến nhiều vấn đề lí luận nghiệp vụ, trong đó đi sâu vào phương pháp giảng dạy cụ thể. Song ông chưa nêu rõ những kĩ năng cần phải có, cách thức rèn luyện và chuẩn đánh giá rèn luyện các kĩ năng đó…để sinh viên sau khi ra trường có thể đảm đương được khối lượng công việc mà ông đã nêu nhằm đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của ngành học và xã hội [72].

1.1.3. Đánh giá chung

Qua phân tích các tài liệu lí luận của các tác giả trong và ngoài nước về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm, chúng tôi nhận thấy:

Nhìn chung, các công trình nghiên cứu đã nhìn nhận một cách cơ bản về quá trình đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho giáo viên tương lai. Các nhà khoa học đã đề cập khá toàn diện trên bình diện lí thuyết về năng lực, năng lực dạy học, chỉ ra các yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm. Họ cho rằng, muốn đạt hiệu quả trong quá trình đào tạo, không chỉ quan tâm đến việc tổ chức đơn thuần mà còn phải đi sâu vào bản chất các hoạt động của quá trình rèn luyện năng lực sư phạm, năng lực dạy học, đặc biệt tạo điều kiện cho sinh viên thực hành, vận dụng, kiểm chứng cái đã học, từ đó họ có điều kiện để tự rèn luyện nhân cách.

Những nghiên cứu về giáo dục trải nghiệm cho thấy ưu điểm lớn nhất của lí thuyết này là góp phần thay đổi tư duy giáo dục từ chỗ đặt người dạy vào vị trí trung tâm sang lấy hoạt động học của người học làm trung tâm nhằm hướng tới sự phát triển cá nhân, đảm bảo cho một cuộc sống có mục tiêu, có định hướng. Vì vậy, đây là

vấn đề cần phải được nghiên cứu, triển khai áp dụng vào dạy học, giáo dục ở các cấp, các môn học nhằm góp phần vào công cuộc đổi mới giáo dục Việt Nam trong xu thế đổi mới giáo dục thế giới hiện nay. Những giá trị mà trải nghiệm đem lại cho người học đã mở ra định hướng quan trọng trong giáo dục đại học ở Việt Nam. Cần phải nghiên cứu sâu hơn nữa để tạo điều kiện cho sinh viên trải nghiệm thường xuyên theo nhiều lĩnh vực: thực tập, làm việc, nghiên cứu khoa học…ở các môn học khác nhau với môi trường và điều kiện khác nhau. Đó là sự kết hợp giữa đào tạo học thuật và đào tạo thực tiễn nhằm đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay.

Các công trình nghiên cứu cho thấy, đã có nhiều công trình nghiên cứu về năng lực dạy học, phát triển năng lực dạy học và đã triển khai có hiệu quả trong thực tiễn đào tạo. Những luận điểm của các công trình nghiên cứu đó sẽ là tiền đề cơ bản, quan trọng để xây dựng cơ sở lí luận về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm. Tuy nhiên, ở Việt Nam, số lượng nghiên cứu về năng lực dạy học và phát triển năng lực dạy học không nhiều, đặc biệt là sự vắng bóng các nghiên cứu về dạy học theo tiếp cận trải nghiệm đủ để thấy rằng việc nghiên cứu về vấn đề này ở bậc Đại học còn hạn chế. Hơn nữa, hầu hết các công trình nghiên cứu chỉ mới đề cập đến quan điểm, định hướng chung, chỉ ra bản chất năng lực thực hiện của người giáo viên, vấn đề vận dụng lí thuyết phát triển năng lực vào quá trình dạy học được đề cập chủ yếu trong lĩnh vực dạy nghề. Một số ít công trình đã đề cập đến vấn đề năng lực dạy học của giáo viên nghệ thuật với phạm vi hẹp, cách tiếp cận thiên về truyền thống, nhiều nội dung không phù hợp giai đoạn hiện nay. Do vậy, chúng tôi cho rằng, hiện nay vấn đề nghiên cứu phát triển năng lực dạy học của sinh viên ở các trường ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm còn là mới mẻ, cấp bách và cần thiết.

1.2. Các khái niệm cơ bản của đề tài

1.2.1. Năng lực

Khái niệm năng lực là một phạm trù đã được các nhà Tâm lí học, Giáo dục học, Xã hội học xem xét từ rất lâu, như là một trong những thành tố cơ bản của cấu trúc nhân cách con người. Ngày nay, khái niệm năng lực được hiểu nhiều nghĩa khác nhau do sự lựa chọn dấu hiệu khác nhau, nhưng tựu chung lại có hai hướng chính:

Một là, xem năng lực là các thuộc tính tâm lí độc đáo của cá nhân

Theo F.N Gônôbôlin: "*Năng lực là những thuộc tính tâm lí cá nhân, nhờ những thuộc tính này mà con người hoàn thành tốt đẹp một hoạt động nào đó"* [27].

Phạm Minh Hạc cho rằng: "*Năng lực là tổ hợp đặc điểm tâm lí cá nhân đáp ứng được đòi hỏi của hoạt động nhất định và là điều kiện để thực hiện hoạt động có kết quả"* [30].

Tác giả Nguyễn Quang Uẩn:*"Năng lực là tập hợp các thuộc tính hay phẩm chất tâm lí của cá nhân, đóng vai trò là điều kiện bên trong, tạo thuận lợi cho việc thực hiện tốt một dạng hoạt động nhất định"* [78].

Tác giả Vũ Dũng: "*Năng lực là tổ hợp những thuộc tính độc đáo của cá nhân, phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả tốt"* [19].

Theo Hoàng Phê: năng lực là: "1/ Khả năng, điều kiện chủ quan hoặc tự nhiên sẵn có để thực hiện một hoạt động nào đó. 2/ Phẩm chất tâm sinh lí và trình độ chuyên môn tạo cho con người khả năng hoàn thành một hoạt động nào đó với chất lượng cao" [62].

Từ điển Giáo dục học "Khả năng được hình thành và phát triển, cho phép con người đạt thành công trong một hoạt động thể lực, trí lực hoặc nghề nghiệp. Năng lực được thể hiện vào khả năng thi hành một hoạt động, thực hiện một nhiệm vụ" [31].

Từ điển Bách khoa Việt Nam (Tập III) "Năng lực là đặc điểm của cá nhân thể hiện mức độ thông thạo - tức là có thể thực hiện một cách thuần thục và chắc chắn - một hay một số dạng hoạt động nào đó. Năng lực gắn liền với những phẩm chất về trí nhớ, tính nhậy cảm, trí tuệ, tính cách của cá nhân" [32].

Hai là, xem năng lực như là sự vận dụng kiến thức, kinh nghiệm vào hoạt động thực tiễn

Theo tác giả Đặng Thành Hưng:*"Năng lực là thuộc tính cá nhân cho phép cá nhân thực hiện thành công hoạt động nhất định, đạt kết quả mong muốn trong những điều kiện cụ thể"* [41].

Tại Hội nghị chuyên đề về những năng lực cơ bản của Hội đồng châu Âu, sau khi phân tích các định nghĩa về năng lực, F.E. Weinert kết luận: "năng lực được thể hiện như một hệ thống khả năng, sự thành thạo hoặc những kĩ năng thiết yếu, có thể giúp con người đủ điều kiện vươn tới một mục đích cụ thể".

Cũng tại diễn đàn này, J.Coolahan (UB châu Âu 1996) cho rằng: "Năng lực được xem như là những khả năng cơ bản dựa trên cơ sở tri thức, kinh nghiệm, các giá trị và thiên hướng của một người được phát triển thông qua thực hành giáo dục" [98].

Tác giả người Mỹ McLagan P.A hiểu năng lực "là một tập hợp các kiến thức, thái độ và kĩ năng hoặc cách chiến lược tư duy mà tập hợp này là cốt lõi và quan trọng cho việc tạo ra những sản phẩm đầu ra quan trọng" [93].

Theo tác giả Rogies X., năng lực là biết sử dụng các nội dung và các kĩ năng trong một tình huống có ý nghĩa [64].

Năng lực được học giả Barnett định nghĩa như là một tập hợp các kiến thức, kĩ năng và thái độ phù hợp với một hoạt động thực tiễn [83].

Theo Quebec - Ministere de l'Education "Năng lực là khả năng vận dụng những kiến thức, kinh nghiệm, kĩ năng, thái độ và hứng thú để hành động một cách phù hợp và có hiệu quả các tình huống phong phú của cuộc sống" [98].

"Năng lực thể hiện như một hệ thống khả năng, sự thành thạo hoặc những kĩ năng thiết yếu, có thể giúp con người đủ điều kiện vươn tới một mục đích cụ thể" (F.E Weinert, OECD, 2001).

Tuy các tác giả đưa ra các nhận định khác nhau về năng lực nhưng họ đều thống nhất tại một điểm: Năng lực không phải là một thuộc tính đơn nhất mà là một tổng thể của nhiều yếu tố có liên hệ tác động qua lại với nhau. Nói đến *năng lực* là phải nói đến khả năng thực hiện, là phải *biết làm*, chứ không chỉ *biết và hiểu*. Năng lực không chỉ thuần tuý bao hàm kiến thức và kĩ năng, năng lực bao gồm khả năng đáp ứng được những đòi hỏi/ yêu cầu phức tạp qua việc nỗ lực sử dụng tốt các kiến thức, kĩ năng và huy động được các nguồn thích hợp nhất trong từng hoàn cảnh cụ thể.

Trên cơ sở nghiên cứu các quan điểm về năng lực, theo tác giả: *Năng lực là tổ hợp các yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ và kinh nghiệm cá nhân cho phép cá nhân thực hiện có hiệu quả một hoạt động trong các điều kiện cụ thể và theo các chuẩn mực nhất định.*

Có nhiều cách phân loại năng lực, trong đó các cách phân loại chủ yếu sau:

Năng lực chung (General Competency): là những năng lực cơ bản, thiết yếu, cốt lõi... làm nền tảng cho hoạt động của con người trong cuộc sống và lao động nghề nghiệp như năng lực nhận thức, năng lực trí tuệ, năng lực ngôn ngữ và tính toán; năng lực giao tiếp, năng lực vận động... Năng lực chung hình thành và phát triển dựa trên bản năng di truyền, quá trình giáo dục và trải nghiệm cuộc sống của con người.

Năng lực chuyên biệt (Proffessional Competencies): là những năng lực riêng được hình thành và phát triển trên cơ sở các năng lực chung theo định hướng chuyên sâu, riêng biệt trong các loại hình hoạt động, công việc hoặc tình huống, môi trường đặc thù, trong một lĩnh vực hay một môn học nào đó.

Năng lực cũng có thể được phân loại thành các năng lực thành phần như *năng lực xã hội, năng lực cá nhân, năng lực về phương pháp và năng lực nghề nghiệp* hoặc trong quá trình lao động nghề nghiệp có thể phân ra các loại *năng lực về ý tưởng - thiết kế; thi công - vận hành; giám sát và đánh giá...*

Glenn M., Mary Jo Blahna (2005), cho rằng bối cảnh thời đại mới, xu thế phát triển giáo dục và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ đã tác động và làm biến đổi nhanh chóng, sâu sắc đến tất cả các lĩnh vực của xã hội, trong đó có giáo dục và việc làm. Sự biến đổi đó thể hiện trước hết ở quan niệm mới về hình mẫu nhân cách người lao động trong xã hội công nghiệp văn minh hiện đại. Mô hình nhân cách người lao động được xây dựng dựa trên năng lực (Human Resources Competency), bao gồm 03 thành tố cấu trúc cơ bản: Kiến thức, Kĩ năng và Thái độ [90].

Kiến thức (Knowledge): có kiến thức nền tảng cơ bản để học tập và tiếp thu công nghệ, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp ở mức độ tinh thông, làm việc có kế hoạch, am hiểu pháp luật, tiếp thu nhanh, kiến thức xã hội...

Kĩ năng (Skills): kĩ năng cơ bản (đọc, viết, tính toán, nói, nghe); kĩ năng nghề nghiệp (thực hiện thành thạo công việc, khả năng xử lý các tình huống nghề nghiệp, có năng lực thích ứng với sự thay đổi theo yêu cầu sản xuất/dịch vụ, có kĩ năng quản lý về thời gian và hiệu quả của nhóm); kĩ năng phát triển (xác định mục tiêu, hoạch định sự nghiệp, tự hoàn thiện và phát triển bản thân…).

Thái độ (Attitude): có tác phong công nghiệp (khẩn trương, đúng giờ ...), ý thức kỷ luật lao động cao, có niềm say mê nghề nghiệp, tự tin, liêm chính và trung thực, chịu trách nhiệm cá nhân, tôn trọng các ý kiến của người khác, có tinh thần yêu nước, yêu dân tộc, sống có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội,..

Như vậy, phân tích hai hướng nghiên cứu trên, ta nhận thấy năng lực có những đặc điểm sau đây:

- Năng lực bao giờ cũng gắn với một hoạt động cụ thể (năng lực học tập, năng lực nghệ thuật, năng lực nghiên cứu khoa học...), với tình huống cụ thể (khó khăn, nguy cấp, mới mẻ...), đó chính là "năng lực thực hiện".

- Năng lực được thể hiện ở hai mặt: phương thức hoạt động (sáng tạo, hiệu quả) và sản phẩm hoạt động (năng suất, chất lượng).

- Để có năng lực cần hai điều kiện: một là phải có những phẩm chất tâm, sinh lí phù hợp với hoạt động (tư chất, năng khiếu, trí thông minh...), hai là phải có kiến thức chuyên môn, kinh nghiệm hoạt động và thái độ tích cực, sáng tạo (do được đào tạo, giáo dục và trải nghiệm trong thực tế).

- Năng lực của con người có các mức độ khác nhau (thiên tài, tài năng, năng khiếu, thông minh, giỏi, khá, yếu, kém...).

- Năng lực là sự tích hợp tất cả các yếu tố kể trên thành một thể thống nhất.

Như vậy, năng lực có cấu trúc phức tạp, song những thành tố cơ bản tạo nên cấu trúc năng lực gồm tri thức, kĩ năng và thái độ. Trong mỗi thành tố lại tích hợp các yếu tố sinh học, tâm lí và văn hóa cá nhân. Năng lực không đơn giản là bao gồm tri thức, kĩ năng và thái độ, mà đó là cấu trúc tâm lí của năng lực. Bởi vì năng lực là một chất khác với mọi thứ kia gộp lại, năng lực vừa có bản chất sinh học, vừa có bản chất tâm lí, vừa có bản chất xã hội ở cá nhân cho phép cá nhân đó thực hiện thành công hoạt động nhất định theo yêu cầu hay tiêu chí nhất định và thu được kết quả thấy được trên thực tế. Năng lực biểu hiện ở quá trình hoạt động (hiệu suất, phương thức, tốc độ, phong cách làm việc) và kết quả hoạt động (sản lượng, năng suất, chất lượng sản phẩm). Năng lực không phải là khả năng (Ability - có thể làm được, có thể không làm được), không phải tiềm năng (Potential) mà là cái tồn tại thật sự ở cá nhân.

1.2.2. Năng lực dạy học

Dạy học theo quan điểm hiện đại là quá trình và kết quả của sự tích lũy, tái sản xuất và phát triển giá trị, kinh nghiệm xã hội đã chọn lọc, ở từng cá nhân và thế hệ người học nhằm thực hiện chức năng phát triển cá nhân và phát triển cộng đồng trong khuôn khổ điều chỉnh của thể chế chính trị, kinh tế, văn hóa, đạo đức, pháp luật của quốc gia [38].

Dạy học không đơn giản là truyền đạt và lĩnh hội tri thức, kĩ năng, chuẩn mực thái độ mà đó là xử lí, tổ chức lại, nâng cấp, mở rộng và cuối cùng là phát triển kinh nghiệm xã hội ở cá nhân để tạo nên giá trị mới hơn, cao hơn, hữu ích hơn, hiệu quả hơn ở chính họ. Qua hoạt động và giao tiếp xã hội, họ mang những giá trị mới đó đóng góp vào xã hội và làm phong phú, phát triển kinh nghiệm xã hội ở thế hệ tiếp sau. Nhờ qui luật này mà xã hội loài người phát triển liên tục, thế hệ sau về nguyên tắc phát triển cao hơn thế hệ trước.

Mục đích chung nhất và lí tưởng của dạy học là phát triển con người hài hòa về các mặt thể chất, tâm lí và xã hội thông qua các hoạt động giáo dục khoa học, giáo dục ngôn ngữ, giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mĩ, giáo dục công nghệ, giáo dục công dân, giáo dục toán học và năng lực logic.

Nội dung tổng quát của dạy học là các hoạt động có chức năng huấn luyện, đào tạo, lãnh đạo và quản lí quá trình học tập, rèn luyện của người học để họ phát triển các thành phần thực thể của cá nhân, các chức năng cơ bản và nền tảng của cá nhân

để sống và tồn tại, các phương thức và kinh nghiệm hành vi cần thiết để sống an toàn, hạnh phúc và thành công.

Phương thức cơ bản nhất của dạy học là quá trình dạy học, là quá trình xã hội hóa cá nhân bằng các công cụ vật chất và tinh thần cụ thể, được hoạch định chặt chẽ về nhiều mặt, được tiến hành có hệ thống, nguyên tắc, phương pháp và phương tiện nhất định. Quá trình dạy học bao gồm các hoạt động xử lí kinh nghiệm và giá trị của loài người từ hình thái xã hội thành hình thái cá nhân, từ cái trừu tượng chung thành cụ thể ở từng người, từ khách quan với mỗi người thành chủ quan ở từng người [38].

Từ những quan niệm nêu trên về năng lực, về dạy học, theo đó: *Năng lực dạy học là tổ hợp các yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ sư phạm và kinh nghiệm cá nhân cho phép giáo viên thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ dạy học theo chuẩn đặt ra, trong những điều kiện nhất định.*

Năng lực dạy học là kiểu năng lực nghề nghiệp mà nhà giáo cần có trong hoạt động dạy học để tiến hành có kết quả các nhiệm vụ dạy học theo mục tiêu, tiêu chuẩn qui định. Xét ở khía cạnh nào đó, năng lực dạy học là loại kĩ năng chuyên môn của nghề nhà giáo. Vì yếu tố cốt lõi trong bất cứ năng lực nào đều là kĩ năng hoặc những kĩ năng. Những thứ khác trong năng lực như tri thức, thái độ, tình cảm, tâm vận động, sức khỏe… cũng rất quan trọng, song thiếu kĩ năng thì chúng trở nên kém giá trị mặc dù không phải hoàn toàn vô dụng.

1.2.3. Phát triển năng lực dạy học

Năng lực dạy học là thành phần cơ bản tạo thành năng lực sư phạm và là năng lực tổng hợp của nhiều năng lực quan trọng trong năng lực sư phạm của giáo viên.

Năng lực dạy học của giáo viên bao gồm nhiều hành động phức hợp, theo nội dung công việc từ công tác chuẩn bị (thiết kế giáo án, chuẩn bị đồ dùng trực quan...) cho đến việc triển khai hoạt động dạy học (tiến hành dạy học) và đánh giá kết quả học tập của học sinh, kết thúc quá trình dạy học.

Để có năng lực dạy học, giáo viên phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản sau:

- Có vốn kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết, hiểu biết sâu sắc về lí thuyết dạy học.

- Phải nắm vững đặc điểm tâm lí nhận thức, đặc điểm học tập của học sinh.

- Phải biết sử dụng phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, phương tiện kỹ thuật dạy học trên cơ sở nắm vững mục tiêu, nội dung và điều kiện dạy học.

Muốn phát triển năng lực dạy học cho sinh viên phải tổ chức cho họ tham gia vào hoạt động giảng dạy ở trường sư phạm và trong quá trình rèn luyện và trải

nghiệm thực tế giáo dục ở trường phổ thông nhằm giúp sinh viên thích ứng với những yêu cầu của thực tế dạy học phổ thông trong điều kiện nhất định của tiến bộ xã hội nói chung và tiến bộ khoa học giáo dục nói riêng.

Quá trình phát triển năng lực dạy học cho sinh viên chủ yếu thông qua hoạt động dạy học, qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, qua thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm ở trường phổ thông; có mục đích, nội dung, có kế hoạch, có phương pháp…, dưới sự hướng dẫn của giảng viên và giáo viên phổ thông. Biện pháp tập luyện phải phát huy tính tự giác, tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên, phải biến quá trình tập luyện thành quá trình tự tập luyện, trong đó quá trình tự tập luyện của sinh viên là chính.

Theo đó, *phát triển năng lực dạy học là quá trình sinh viên thực hành, luyện tập một cách thường xuyên, hệ thống các hoạt động dạy học theo mục tiêu, nội dung, quy trình chuẩn thực hiện công việc trong một thời gian nhất định để họ tích lũy và có được hệ thống năng lực nhằm thực hiện mục tiêu dạy học ngày càng đạt hiệu quả cao.*

1.2.4. Giáo dục trải nghiệm

Có rất nhiều tác giả đưa ra quan niệm về "Trải nghiệm" (Experiential). Có thể nêu một số quan niệm sau:

Từ điển tiếng Việt: "Trải" có nghĩa là: Đã từng qua, từng biết, từng chịu đựng. "Nghiệm" có nghĩa là: Kinh qua thực tế nhận thấy điều gì đó đúng hay không đúng [62].

Từ điển Bách Khoa: "Trải nghiệm" là sự trải qua, kinh qua một hoàn cảnh, môi trường, điều kiện nào đó để suy ngẫm, suy xét hay chứng thực một điều gì đó [32].

Từ điển Tâm lí học: "Trải nghiệm là hoạt động nhằm thu nhận vốn hiểu biết từ cuộc sống qua lao động, giao tiếp... hoặc những suy nghĩ được học từ lí luận" [19].

John Dewey cho rằng: Trải nghiệm là quá trình con người kết nối bản thân với quá khứ, hiện tại và tiến tới tương lai. Với ông, ý nghĩa lớn nhất của trải nghiệm là tính biện chứng, là sự tương tác giữa con người với thế giới. Sự tương tác bao gồm cả hình thức và kết quả của hoạt động thực tiễn, bao gồm cả kỹ thuật và kĩ năng, cả những nguyên tắc hoạt động và phát triển của thế giới [43].

Quan niệm của các tác giả trên đều coi "trải nghiệm" là quá trình quan sát (trải qua), tham gia hay tiếp xúc với sự vật, sự kiện nào đó trong thực tiễn, qua đó có được những hiểu biết nhất định về chúng nhằm thỏa mãn nhu cầu tự nhận thức, tự rèn luyện của cá nhân. Sự hiểu biết đó chính là những kinh nghiệm của mỗi cá nhân và các kinh nghiệm sẽ luôn khác nhau do trải nghiệm của cá nhân nảy sinh ở những môi trường, điều kiện, hoàn cảnh khác nhau.

Từ những phân tích trên, chúng tôi cho rằng: *Trải nghiệm là những kinh nghiệm mà mỗi cá nhân tích lũy được khi trực tiếp tham gia và trải qua các hoạt động thực tiễn của cuộc sống (học tập, lao động, hành nghề, giao tiếp, vui chơi, nghiên cứu khoa học…) trong điều kiện, hoàn cảnh cụ thể. Ở đó, họ có cơ hội thực hành, thử nghiệm, thể nghiệm bản thân; tương tác, giao tiếp với sự vật hiện tượng, con người. Thông qua đó, họ có thể phát hiện và chứng minh được khả năng của mình và hình thành nên những cảm xúc tích cực, làm động lực thúc đẩy sự tái diễn kinh nghiệm một cách liên tục hướng tới phát triển năng lực cá nhân.*

Theo Hiệp hội Giáo dục trải nghiệm quốc tế: "*Giáo dục trải nghiệm* là một phạm trù bao hàm nhiều phương pháp trong đó người dạy khuyến khích người học tham gia trải nghiệm thực tế, sau đó phản ánh, tổng kết lại để tăng cường hiểu biết, phát triển kĩ năng, định hình các giá trị sống và phát triển tiềm năng bản thân, tiến tới đóng góp tích cực cho cộng đồng và xã hội".

Giáo dục trải nghiệm xảy ra khi một người sau khi trải nghiệm nhìn lại và đánh giá, xác định cái gì là hữu ích hoặc quan trọng cần nhớ, và sử dụng những điều này để thực hiện các hoạt động khác trong tương lai. *John Dewey - 1938.*

Giáo dục trải nghiệm là phương pháp luận nền tảng của Trung tâm 4T trong việc triển khai các chương trình, hoạt động nhằm tăng cường kĩ năng, hiểu biết, hướng tới phát triển toàn diện và phát huy đầy đủ tiềm năng bản thân người học.

Giáo dục trải nghiệm cũng có cơ sở lí thuyết dựa trên nghiên cứu của *Edgar Dale 1946* chỉ ra rằng: Con người nhớ được lượng thông tin qua các hoạt động gồm: 10% qua đọc, 20% qua nghe, 30% qua nhìn, 40% qua nghe và nhìn, 50% qua nói (đối thoại với thầy, thảo luận nhóm…), 60% qua trải nghiệm (phát biểu ý kiến, đóng kịch, sắm vai, thực tập trong phòng thí nghiệm hay hiện trường để áp dụng những điều đã học…). Có thể nói, với phương pháp thuyết giảng cùng với phương tiện nghe nhìn, người học nhớ được 50% nội dung bài giảng. Nhưng nếu họ được trải nghiệm, như nói hay làm thì hiệu quả còn cao hơn. Albert Einstein từng nói "Chỉ có trải nghiệm mới là hiểu biết, còn tất cả các thứ khác chỉ là thông tin".

Giáo dục trải nghiệm là hoạt động giáo dục tích hợp nhiều lĩnh vực học tập và giáo dục; đòi hỏi khả năng phối hợp liên kết nhiều lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Trong đó, dưới sự định hướng, hướng dẫn, khuyến khích của nhà giáo dục, người học trực tiếp tham gia trải nghiệm thực tế các hoạt động khác nhau của nhà trường và xã hội với tư cách là chủ thể của hoạt động. Giáo dục trải nghiệm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học trong các hoạt động, qua đó tăng

cường hiểu biết, phát triển năng lực thực tiễn, phẩm chất nhân cách, phát huy tiềm năng sáng tạo của cá nhân. Người học được tham gia vào tất cả các khâu của quá trình hoạt động; được trình bày và lựa chọn ý tưởng, tham gia chuẩn bị, thiết kế hoạt động, trải nghiệm, bày tỏ quan điểm, tự đánh giá, tự khẳng định.

Như vậy: *Giáo dục trải nghiệm là mô hình học tập mà ở đó người dạy tập trung vào quá trình tạo ra các trải nghiệm và dẫn dắt người học chủ động học tập bằng trải nghiệm thông qua những môi trường và điều kiện nhất định với sự sáng tạo của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn của đời sống, của nghề nghiệp nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm và dần chuyển hoá thành năng lực thực tiễn, phẩm chất và năng lực sáng tạo đa dạng của các em.*

Trong xu hướng đổi mới giáo dục tiếp cận năng lực, trải nghiệm sáng tạo trở thành một yêu cầu bắt buộc. Học tập trải nghiệm không bó buộc trong không gian lớp học mà có thể linh động bên ngoài lớp học với các hình thức tổ chức đa dạng. Phương pháp này giúp người học có nhiều cơ hội trải nghiệm để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn từ đó hình thành năng lực thực tiễn cũng như phát huy tiềm năng sáng tạo của bản thân. Việc đưa hoạt động trải nghiệm vào trong chương trình giáo dục nhà trường góp phần khắc phục những tồn tại của chương trình giáo dục hiện nay, đáp ứng yêu cầu cấp thiết của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục.

1.3. Năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

1.3.1. Đặc điểm học tập của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật trong quá trình đào tạo

Đối tượng dạy học ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật là sinh viên từ 18 đến 22 tuổi, có năng khiếu về Âm nhạc/ Mĩ thuật đang theo học các chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật để trở thành giáo viên dạy Âm nhạc hoặc Mĩ thuật trong các trường Tiểu học, THCS. Họ là những người trưởng thành đi học và học để tham gia hoạt động nghề nghiệp. Họ trưởng thành về thể chất, về nhận thức và về tâm lí. Vì vậy, hoạt động học tập của họ có điểm chung của người trưởng thành, của sinh viên và điểm riêng của sinh viên sư phạm nghệ thuật.

Sinh viên là những người đã có định hướng nghề nghiệp. Mục đích học tập của họ là học để trở thành giáo viên nghệ thuật tham gia dạy học, giáo dục và nghiên cứu khoa học lĩnh vực giáo dục nghệ thuật trong các trường phổ thông. Động cơ nghề nghiệp là động cơ quan trọng nhất thúc đẩy họ tham gia học tập. Họ là những người có vốn sống phong phú, kinh nghiệm xã hội nhiều mặt và đặc biệt là kiến thức, hiểu biết kinh nghiệm thực tiễn nghề nghiệp rất đa dạng và họ sử dụng kinh nghiệm vào

quá trình học tập. Do là người trưởng thành nên họ có ý thức trách nhiệm nghề nghiệp cao, họ không thích bị người khác áp đặt. Vấn đề là dạy học phải nuôi dưỡng, kích thích được niềm say mê, nguyện vọng và định hướng nghề nghiệp của sinh viên.

Phương pháp học tập cơ bản là học bằng cách tự khám phá và trải nghiệm trong thực tế thông qua hoạt động nghề nghiệp nhằm tích lũy kinh nghiệm cho bản thân dưới sự tổ chức, điều khiển của giảng viên. Cơ chế tạo sự thay đổi này là sự lĩnh hội và hành động luyện tập của mỗi sinh viên. Sinh viên hoàn toàn có khả năng tự học, tự nghiên cứu. Tuy nhiên khả năng đó nhiều hay ít, phát triển hay không còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố trong đó có cách dạy của giảng viên. Như vậy, khi giảng dạy giảng viên phải tạo môi trường kích thích và hỗ trợ một cách thuận lợi cho sinh viên lĩnh hội kiến thức và luyện tập kĩ năng.

Hình thức học tập tương đối đa dạng: học lí thuyết trên giảng đường, thực hành, trải nghiệm ở trường lớp và ở trường phổ thông, tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia các diễn đàn, hội thảo khoa học, tự học ở thư viện... Trong đó, giảng viên là người cố vấn, định hướng quá trình lĩnh hội, tiếp thu kiến thức của sinh viên. Hơn nữa, tài liệu học tập ở đại học không ngừng thay đổi, không gian học tập rộng lớn... Điều đó đòi hỏi sinh viên phải có khả năng thích nghi cao; đồng thời họ phải tự giác, tích cực và có kế hoạch trong quá trình học tập.

Với đặc thù về loại hình đào tạo, sinh viên cần có năng khiếu nghệ thuật (chất giọng hay, đàn giỏi, nhạy cảm về âm nhạc hoặc có năng khiếu trong phối màu, bố cục hài hòa, sống động, sắc nét...). Song để trở thành giáo viên nghệ thuật ở trường phổ thông giai đoạn hiện nay, họ phải học tập, rèn luyện tích cực, tự giác về mọi mặt, không chỉ về phẩm chất đạo đức, nhân cách và năng lực sư phạm của người thầy giáo mà cả phẩm chất và năng lực của người nghệ sĩ. Muốn vậy, họ phải biết xác định mục đích, nhiệm vụ; biết xây dựng kế hoạch, chủ động, tự giác trong học tập và rèn luyện, có kĩ năng tự học, tự bồi dưỡng để không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ. Mặt khác, họ phải tham gia tích cực các hoạt động ngoại khóa: hội diễn văn nghệ, thi sáng tác nghệ thuật, câu lạc bộ, triển lãm tranh, thực tế, ký họa... không ngừng trau dồi, phát triển năng khiếu và chuyên môn, nghiệp vụ.

So với sinh viên sư phạm, sinh viên sư phạm nghệ thuật phải học và rèn luyện các kĩ năng thực hành nhiều hơn. Hoạt động học của họ là quá trình lĩnh hội các phương pháp hoạt động biểu hiện trực tiếp mang tính tái tạo và sáng tạo dưới sự tổ chức và hướng dẫn của giảng viên (một thầy - một trò/ một nhóm trò). Với đặc trưng đó đòi hỏi sinh viên không chỉ học các lĩnh vực chuyên môn về âm nhạc/ mĩ thuật mà

còn phải tìm hiểu, học tập kiến thức về nghiệp vụ sư phạm nghệ thuật, rèn luyện các kĩ năng sư phạm phù hợp chuyên môn. Trong quá trình giáo dục, sinh viên vừa là đối tượng, khách thể, vừa là chủ thể. Là đối tượng, khách thể sinh viên chịu sự tác động, điều khiển của các lực lượng giáo dục. Với tư cách là chủ thể của hoạt động giáo dục, họ phải là chủ thể tự giác, tích cực, chủ động tiếp thu, lĩnh hội tri thức, rèn luyện phẩm chất đạo đức, kĩ năng nghề nghiệp, không ngừng hoàn thiện nhân cách. Quá trình rèn luyện tay nghề cho sinh viên là quá trình giáo dục, mọi tác động giáo dục chỉ hiệu quả khi họ là chủ thể tích cực tác động vào các tác nhân đó.

Như vậy, thông qua việc trang bị cho sinh viên vốn hiểu biết đúng đắn về nghề nghiệp và tổ chức tốt các hoạt động rèn luyện đa dạng, phong phú, trường sư phạm cần hình thành hứng thú luyện tập kĩ năng nghề nghiệp cho sinh viên.

1.3.2. Cơ sở xác định các năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

1.3.2.1. Chuẩn nghề nghiệp giáo viên

Để xác định được hệ thống năng lực của người giáo viên nghệ thuật ở trường phổ thông cần xác định được những yêu cầu khách quan về năng lực của người giáo viên THCS có trình độ đại học.

Bộ Giáo dục và Đào tạo nước ta trong những năm gần đây đã ban hành bộ Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Tiểu học (năm 2007) và Chuẩn nghề nghiệp giáo viên Trung học (năm 2009). Nội dung của chuẩn nghề nghiệp thực chất là các yêu cầu về năng lực thực hiện hoạt động nghề nghiệp trong các lĩnh vực cơ bản đối với giáo viên phổ thông ở một cấp học cụ thể (chưa tính đến quy định về trình độ được đào tạo của giáo viên). Bộ chuẩn nghề nghiệp giáo viên của một cấp học có cấu trúc và cách diễn đạt khác nhau nhưng từng yêu cầu của chuẩn nghề nghiệp đều xác định những kiến thức và kĩ năng cần thiết bảo đảm cho sự thành công của các hoạt động mà người giáo viên phải thực hiện hàng ngày ở cơ sở giáo dục. Theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên các cấp do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành, những năng lực nghiệp vụ sư phạm trong cấu trúc năng lực nghề nghiệp của giáo viên gồm 5 tiêu chuẩn:

(1) Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục;

(2) Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học: đảm bảo kiến thức môn học, chương trình môn học, vận dụng các phương pháp dạy học, sử dụng các phương tiện dạy học, xây dựng môi trường học tập, quản lí hồ sơ dạy học;

(3) Năng lực xây dựng và thực hiện kế hoạch giáo dục: giáo dục qua môn học, giáo dục qua công tác chủ nhiệm, hoạt động đoàn đội, qua các hoạt động cộng đồng; vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục;

(4) Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập và rèn luyện đạo đức học sinh;

(5) Năng lực phát triển nghề nghiệp.

Đây là những năng lực cốt lõi, cần thiết của giáo viên giúp họ thực hiện chức năng, vai trò, nhiệm vụ giáo dục, đáp ứng yêu cầu của trường phổ thông hiện nay.

Như vậy, trên cơ sở chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông, từ đó, đề xuất nhóm năng lực dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

1.3.2.2. Đặc điểm dạy học các môn nghệ thuật

Nhiệm vụ giáo dục thẩm mĩ trong trường phổ thông là một trong bốn mặt quan trọng nhất: Đức, Trí, Thể, Mĩ. Âm nhạc và Mĩ thuật là những môn học chủ công để thực hiện nhiệm vụ giáo dục thẩm mĩ.

Dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường phổ thông là dạy cho tất cả học sinh, không phân biệt có hay không có năng khiếu âm nhạc, mĩ thuật. Qua đó cung cấp kiến thức văn hóa nghệ thuật phổ thông nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện, góp phần hoàn thiện nhân cách người lao động mới. Giáo dục âm nhạc, mĩ thuật cho học sinh phổ thông không nhằm đào tạo các em trở thành người làm nghề âm nhạc, mĩ thuật mà thông qua đó tác động vào đời sống tinh thần của các em, nhằm góp phần cùng với các môn học khác thực hiện mục tiêu đào tạo cấp học phổ thông. Chính vì vậy, việc dạy học không tập trung vào rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo để làm nghề âm nhạc, mĩ thuật mà dùng âm nhạc, mĩ thuật làm phương tiện tác động vào thế giới tinh thần của học sinh; qua đó giúp cho việc phát triển tình cảm, thẩm mĩ, đạo đức và trí tuệ, góp phần làm cân bằng hài hòa các nội dung giáo dục. Ngoài ra, dạy học âm nhạc, mĩ thuật cũng không đi sâu vào kiến thức lí thuyết âm nhạc, mĩ thuật mà phải tạo điều kiện để trẻ em được hoạt động và tiếp xúc với âm nhạc, mĩ thuật qua tác phẩm âm nhạc, hội họa. Nhận thức này hết sức quan trọng để từ đó định ra nội dung học tập và phương pháp giảng dạy thích hợp. Trong quá trình dạy học cần phát huy tính tích cực của học sinh, tích hợp các nội dung kiến thức trong từng bài học, từng tiết học; phát huy tinh thần tương tác trong các hoạt động, giáo viên giúp học sinh tìm tòi, khám phá để tự thu nhận kiến thức. Vận dụng lí luận chung đó, môn Âm nhạc, Mĩ thuật sẽ phải có những biện pháp, cách thức cụ thể phù hợp đặc trưng bộ môn.

Âm nhạc, Mĩ thuật là những môn học nghệ thuật mang tính đặc thù, nên việc giáo dục âm nhạc, mĩ thuật cũng có những yêu cầu chuyên biệt. Để có thể giảng dạy theo chuẩn kiến thức, kĩ năng môn học trong trường phổ thông đòi hỏi phải có đội ngũ giáo viên chuyên trách đảm nhiệm. Dạy học nghệ thuật ở trường phổ thông khác

hẳn với giảng dạy nghệ thuật trong trường chuyên nghiệp, nơi đào tạo số ít người có năng khiếu được chọn lọc, tuyển lựa để sau này làm nghề âm nhạc/ mĩ thuật.

Quá trình dạy học âm nhạc/ mĩ thuật phụ thuộc vào mục tiêu, nhiệm vụ giáo dục đề ra, phụ thuộc vào phương tiện, trang thiết bị dạy học và những điều kiện khách quan (vùng, miền, thành phố, nông thôn, vùng sâu, vùng xa...).

Nếu không phân biệt thật rõ chỗ này, người ta dễ mơ hồ, nhầm lẫn, thậm chí phủ định những vấn đề về chương trình, nội dung và phương pháp mà những nhà sư phạm nghệ thuật trên thế giới cũng như trong nước đã dày công nghiên cứu, đúc kết và thực hiện trong ngành giáo dục.

Tóm lại, quá trình dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường Tiểu học, THCS cần:

- Trang bị cho học sinh những hiểu biết và kĩ năng cơ bản nhất, phải bồi dưỡng, phát huy niềm say mê và hứng thú học tập, giúp học sinh cảm thụ được cái đẹp của con người, của cuộc sống tự nhiên và xã hội…

- Làm cho môn Âm nhạc, Mĩ thuật gần gũi, thân thiện với học sinh, không để các em có năng lực trung bình hoặc ít có khả năng nghệ thuật sợ và chán học.

- Giáo viên phải sáng tạo, chủ động tìm những biện pháp, thủ thuật có hiệu quả nhất để chuyển tải các nội dung âm nhạc, mĩ thuật nhẹ nhàng, sinh động, hấp dẫn và có tác dụng giáo dục thẩm mĩ cao.

- Đặc trưng của hoạt động nghệ thuật chủ yếu là thực hành. Trong khi đó, nghệ thuật gắn với thực tiễn, cảm xúc gắn với thực tiễn và thông qua thực tiễn gắn với cảm xúc. Mục tiêu của giáo dục nghệ thuật là hình thành ở người học các năng lực: hiểu biết, cảm thụ, thực hành, sáng tạo và ứng dụng nghệ thuật. Vì vậy, trong dạy học cần phát huy tính tích cực của học sinh, tăng cường các hoạt động giáo dục trải nghiệm; học sinh được nghe âm nhạc và tiếp cận với tác phẩm đồ họa cụ thể. Tạo môi trường học tập đa dạng và phong phú để học sinh được suy nghĩ, cảm nhận, khám phá và thể hiện bản thân trong môi trường nghệ thuật. Khi đó, nội dung giáo dục sẽ là môi trường, là bối cảnh để phát triển năng lực nghệ thuật ở học sinh.

- Thông qua việc trải nghiệm trong môi trường nghệ thuật giúp người học:

+ Trải nghiệm thực tiễn các hoạt động: ca hát, nghe nhạc, nhảy múa, chơi nhạc cụ, tập đọc nhạc, trang trí, kí họa, điêu khắc...trình diễn, sáng tạo nghệ thuật.

+ Khám phá sự đa dạng của thế giới nghệ thuật, nhận thức về mối liên hệ giữa nghệ thuật với văn hóa, lịch sử và các loại nghệ thuật, bảo vệ và phổ biến các giá trị nghệ thuật truyền thống.

+ Thể hiện sự quan tâm và yêu thích, phát triển những năng lực về thực hành, cảm thụ, sáng tạo, góp phần phát triển năng khiếu nghệ thuật.

+ Ứng dụng những kiến thức và kĩ năng nghệ thuật vào đời sống hàng ngày; tích cực tham gia các hoạt động nghệ thuật.

1.3.2.3. Yêu cầu về năng lực của giáo viên nghệ thuật ở trường phổ thông

Giáo viên dạy nghệ thuật cần vững cả chuyên môn (lí luận và thực hành) và nghiệp vụ sư phạm (cách dạy, cách giảng, cách nói, cách viết, cách minh họa, cách thị phạm mẫu...). Như vậy, làm nghệ thuật đã là khó, làm giáo viên dạy nghệ thuật lại càng khó hơn. Đó là cái khác căn bản giữa người làm nghệ thuật (họa sĩ, ca sĩ, nhạc công) với người dạy nghệ thuật (nhà giáo - họa sĩ, nhà giáo - ca sĩ, nhạc công).

Yêu cầu về chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm:

- Soạn bài phải đảm bảo chất lượng chuyên môn và hình thức trình bày đúng quy định của các cấp quản lý giáo dục; Dạy đúng, dạy đủ kiến thức cơ bản.

- Nắm vững đặc điểm của từng phân môn để tìm ra các phương pháp dạy học thích hợp cho từng bài dạy; Phải sử dụng đa dạng các phương pháp dạy học: những phương pháp dạy học truyền thống và các phương pháp, kĩ thuật mới dựa trên sự trải nghiệm, sự khám phá kiến thức, kĩ năng sáng tạo linh hoạt của học sinh trong các quy trình dạy học dưới sự hướng dẫn của giáo viên; Phải sử dụng hiệu quả các phương pháp đặc trưng trong dạy học nghệ thuật như: thực hành, làm mẫu, luyện tập.

- Biết sử dụng có hiệu quả phương tiện trực quan và phương tiện kỹ thuật dạy học hiện đại; biết cách làm và sưu tầm đồ dùng dạy học; biết phân tích, đánh giá bài giảng, chọn lọc, phát huy hết tính năng và tác dụng của đồ dùng dạy học

- Ngôn ngữ của giáo viên phải đảm bảo tính phổ thông, khoa học, chính xác, mô phạm. Sử dụng có hiệu quả các phương tiện diễn đạt như ngôn ngữ, ánh mắt, nét mặt, dáng điệu, cử chỉ...phù hợp với nội dung dạy học. Viết và trình bày bảng hợp lí, khoa học. Vẽ thị phạm chuyên môn phải đúng, đẹp, nhanh, gợi cảm...

- Tạo môi trường học tập đa dạng và phong phú để học sinh được suy nghĩ, cảm nhận, khám phá và thể hiện bản thân trong môi trường nghệ thuật.

- Biết xử lí các tình huống sư phạm nảy sinh trong quá trình lên lớp.

- Biết phát hiện học sinh năng khiếu và có phương hướng bồi dưỡng.

Yêu cầu về ngoại khóa

- Giáo viên dạy môn Âm nhạc:

+ Biết tổ chức hoạt động âm nhạc thông thường trong trường học.

+ Biết tổ chức hoạt động âm nhạc trong các ngày lễ, hội truyền thống.

+ Biết tổ chức cho học sinh xem biểu diễn và nghe âm nhạc.

+ Biết phát động phong trào và tổ chức cho học sinh tham gia các cuộc thi văn nghệ theo chủ đề do các đơn vị ở trong và ngoài ngành giáo dục tổ chức.

+ Biết kể chuyện âm nhạc, biết tổ chức nói chuyện âm nhạc và thưởng thức âm nhạc.

+ Biết tổ chức chương trình biểu diễn văn nghệ trong nhà trường dưới hình thức hội diễn, hội thi, trò chơi âm nhạc.

- Giáo viên dạy môn Mĩ thuật:

+ Biết tổ chức trưng bày triển lãm các bài tập của học sinh trường mình.

+ Biết phát động phong trào và tổ chức cho học sinh tham gia các đợt vẽ tranh theo chủ đề do các đơn vị ở trong và ngoài ngành giáo dục tổ chức.

+ Biết kể chuyện mĩ thuật; biết hướng dẫn học sinh xem tranh, xem triển lãm.

+ Biết trang trí phông màn, cắt dán chữ, kẻ chữ, vẽ tranh áp phích... để phục vụ các ngày lễ, ngày hội và các hoạt động tập thể của nhà trường.

1.3.2.4. Yêu cầu chuẩn đầu ra của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

a. Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Âm nhạc

* *Tên ngành đào tạo:* Sư phạm Âm nhạc (Music Education).

* *Trình độ đào tạo:* Đại học.

* *Yêu cầu về kiến thức:*

- Nắm vững kiến thức khoa học có hệ thống ở trình độ đại học sư phạm về giảng dạy âm nhạc, bao gồm các kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn, tâm lí học, giáo dục học, ngoại ngữ và âm nhạc.

- Có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục âm nhạc và quản lý công tác giáo dục âm nhạc ở các cơ quan quản lý giáo dục.

* *Yêu cầu về kĩ năng:*

- *Kĩ năng cứng:* Có năng lực giảng dạy lí thuyết và thực hành để đảm nhiệm công tác ở cơ sở giáo dục; Có khả năng phân tích nội dung, hình thức tác phẩm âm nhạc; Có năng lực tổ chức các hoạt động về dạy và học âm nhạc; Có khả năng nghiên cứu khoa học; Biết xây dựng kế hoạch giảng dạy âm nhạc.

- *Kĩ năng mềm:* Có năng lực tuyên truyền, giáo dục âm nhạc; Biết tổ chức, vận động cha mẹ học sinh, sinh viên và các tổ chức xã hội phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục thế hệ trẻ; Có khả năng đóng góp vào phong trào chung của xã hội; Biết phát hiện, bồi dưỡng, tạo điều kiện phát triển năng khiếu cho học sinh.

* *Yêu cầu về thái độ:*

- Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên xã hội chủ nghĩa: Thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức, trách nhiệm cao, đạo đức tốt, tác phong mẫu mực.

- Có ý thức cập nhật kiến thức, kĩ năng và sáng tạo trong công việc.

- Có ý thức, trách nhiệm về nhiệm vụ giáo dục thẩm mĩ cho thế hệ trẻ.

** Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:*

- Có khả năng làm công tác giảng dạy và hoạt động âm nhạc tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Có thể làm công tác nghiên cứu ở các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học về giáo dục âm nhạc, các cơ quan đoàn thể cần sử dụng hoặc có liên quan

** Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường:*

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

b. Chuẩn đầu ra ngành Sư phạm Mĩ thuật

** Tên ngành đào tạo:* Sư phạm Mĩ thuật (Fine - Arts Education)

** Trình độ đào tạo:* Đại học

** Yêu cầu về kiến thức:*

- Nắm vững kiến thức khoa học có hệ thống ở trình độ đại học sư phạm về giảng dạy mĩ thuật, bao gồm các kiến thức về khoa học xã hội - nhân văn, Tâm lí học, giáo dục học, ngoại ngữ và mĩ thuật.

- Có khả năng nghiên cứu khoa học giáo dục mĩ thuật và quản lý công tác giáo dục mĩ thuật ở các cơ quan quản lý giáo dục.

** Yêu cầu về kĩ năng:*

- *Kĩ năng cứng:* Có khả năng thực hành cơ bản và sáng tác mĩ thuật theo yêu cầu của chương trình đào tạo; Biết phân tích nội dung, hình thức của tác phẩm nghệ thuật; Biết xây dựng kế hoạch giảng dạy mĩ thuật; Có năng lực tổ chức các hoạt động về dạy và học mĩ thuật; Nắm được phương pháp nghiên cứu khoa học.

- *Kĩ năng mềm:* Có năng lực tuyên truyền, giáo dục mĩ thuật; Biết tổ chức, vận động cha mẹ học sinh, sinh viên và các tổ chức xã hội phối hợp với nhà trường trong việc giáo dục thế hệ trẻ; Có khả năng đóng góp vào phong trào chung của xã hội; Biết phát hiện, bồi dưỡng, tạo điều kiện phát triển năng khiếu cho học sinh.

** Yêu cầu về thái độ:*

- Có phẩm chất cơ bản của người giáo viên xã hội chủ nghĩa: Thấm nhuần thế giới quan Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, yêu học sinh, yêu nghề, có ý thức, trách nhiệm cao, đạo đức tốt, có tác phong mẫu mực.

- Có ý thức cập nhật kiến thức, kĩ năng và sáng tạo trong công việc.

- Có ý thức, trách nhiệm về nhiệm vụ giáo dục thẩm mĩ cho thế hệ trẻ.

** Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp:*

- Có khả năng làm công tác giảng dạy và hoạt động mĩ thuật tại các tại các cơ sở giáo dục và đào tạo.

- Có thể làm công tác nghiên cứu ở các viện, trung tâm nghiên cứu khoa học về giáo dục mĩ thuật, các cơ quan đoàn thể cần sử dụng hoặc có liên quan.

** Khả năng học tập nâng cao trình độ sau khi ra trường:*

Có đủ khả năng tiếp tục học tập và nghiên cứu ở bậc học cao hơn.

1.3.3. Các năng lực dạy học cơ bản của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

Trong hệ thống, mỗi năng lực dạy học ứng với việc thực hiện một tập hợp các hành động dạy học có mục đích đặc thù. Các mục đích này có tính tác nghiệp, do đó có thể phân cấp thành nhiều bậc. Đây là cơ sở để xác định các năng lực cụ thể với tư cách là hành động thành phần nhằm thực hiện các mục đích bộ phận, các thao tác thành phần trong cấu trúc năng lực dạy học cơ bản. Các năng lực cụ thể vừa là nội dung của các bước luyện tập, vừa là tiêu chuẩn của các thao tác, hành động mà căn cứ vào đó, có thể kiểm soát đánh giá kết quả quá trình tập luyện. Các năng lực dạy học được xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ của giáo viên và các khâu cơ bản của quá trình dạy học.

Môn Âm nhạc và Mĩ thuật là hai môn nghệ thuật với những đặc trưng, đặc thù của bộ môn. Tuy nhiên, không có nghĩa là nó đối lập với những năng lực dạy học chung mà ở đây chỉ là sự biểu hiện cụ thể của cái chung. Vì vậy, trong dạy học các môn nghệ thuật, giáo viên cần có những năng lực dạy học sau:

1.3.3.1. Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học

Nghiên cứu người học và chương trình dạy học là nhiệm vụ tiên quyết để dạy học hiệu quả. Để hiểu đặc điểm người học và việc học cần thông qua quan sát, trắc nghiệm, phỏng vấn, điều tra, phân tích tiểu sử và dư luận, phân tích hồ sơ học tập... Qua đó, phát hiện người học học thế nào nói chung và học thế nào dưới tác động dạy học của mình. Đó là kết quả của việc nghiên cứu quá trình, hoạt động và môi trường học tập, cũng như khuynh hướng của những tương tác giữa dạy học và học tập.

Đặc biệt, năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học càng quan trọng và có ý nghĩa hơn đối với giáo viên nghệ thuật, là "chỉ số cơ bản của năng lực sư phạm" [34]. Nếu thiếu năng lực này, giáo viên sẽ không đánh giá đúng khả năng âm nhạc/ mĩ thuật và hứng thú học tập của người học. Do vậy, với họ nội dung nào cũng đơn giản, dễ hiểu, không cần một thủ thuật trình bày nào đặc biệt, khi dạy học,

họ sẽ hướng về mình chứ không hướng về người học. Ngược lại, nếu có năng lực này, khi dạy học giáo viên biết đặt mình vào vị trí của người học.

1.3.3.2. Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập

Nhà giáo phải là thủ lĩnh đối với người học của mình. Cho dù người học có giỏi mà không có sự lãnh đạo trực tiếp của giáo viên, thì ở đó vẫn gián tiếp có vai trò lãnh đạo của giáo viên và vai trò đó đã được chuyển hóa thành năng lực tự chỉ đạo ở người học. Nếu thiếu sự lãnh đạo của giáo viên thì việc học tập mất phương hướng, tự phát, thiếu tư tưởng và lệch lạc về giá trị (nhu cầu, động cơ, thái độ học tập), do đó ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển cá nhân và phát triển của tổ chức học sinh.

1.3.3.3. Năng lực thiết kế dạy học

Một đặc điểm cơ bản của giáo dục nhà trường là được tiến hành có mục đích, có kế hoạch dưới sự lãnh đạo, tổ chức, điều khiển của giáo viên, dựa vào đặc điểm đối tượng đã nghiên cứu từ trước để lập một kế hoạch phù hợp, khả thi, có thể kiểm soát và đánh giá được. Bản kế hoạch đó định rõ: đầu vào (các điều kiện, đặc điểm người học...), đầu ra (mục tiêu, sản phẩm), các hoạt động, tiến độ, phân công trách nhiệm (người thực hiện), nội dung, thời gian, địa điểm, phương pháp, phương tiện, kĩ thuật, hình thức tổ chức. Đây là nhiệm vụ bắt buộc thể hiện tính chuyên nghiệp của nghề dạy học, bảo đảm rằng những gì mình sẽ làm đều đã được tính toán, tổ chức và quyết định thận trọng, chu đáo, đúng đắn.

1.3.3.4. Năng lực dạy học trực tiếp

Dạy học trực tiếp là nhiệm vụ đặc thù nhất của nghề dạy học nhằm biến mục tiêu, kế hoạch dự kiến thành hiện thực bằng các hoạt động thích hợp, bảo đảm chất lượng và hiệu quả. Đó là việc thông báo nhiệm vụ học tập, cung cấp thông tin và dữ liệu, hướng dẫn khai thác, tìm kiếm sự kiện, phát hiện vấn đề học tập, chỉ dẫn và điều chỉnh quá trình nhận thức của người học, giao tiếp và ứng xử với hành vi của người học, hướng dẫn sử dụng các nguồn lực học tập, giám sát và đánh giá tiến trình và kết quả học tập, sử dụng phương tiện và học liệu dạy học… Ngoài ra, tùy theo tính chất của nội dung học tập, nhà giáo còn phải làm mẫu, trình diễn kĩ năng mẫu, chỉ đạo và hỗ trợ quá trình giải quyết vấn đề và xử lí các tình huống dạy học của người học.

Nhóm năng lực dạy học trực tiếp bao gồm một số năng lực thành tố sau:

- Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp
- Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập
- Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập
- Năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học

- Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật; gồm:

+ Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật

+ Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu

+ Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật

+ Năng lực phân tích và hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật

+ Năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật

+ Năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật

Như vậy, hệ thống năng lực dạy học của giáo viên hết sức đa dạng và phức tạp. Đây chính là đầu ra mà quá trình rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật hướng tới.

1.4. Vai trò, đặc điểm và yêu cầu của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

1.4.1. Vai trò và đặc điểm của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

Có thể nói, mục tiêu phát triển năng lực người học được bàn đến nhiều từ những năm cuối thế kỉ XX và ngày nay đã trở thành xu hướng giáo dục quốc tế. Một trong những giải pháp dạy học hiện đại giúp phát triển tối đa năng lực người học chính là dạy học theo tiếp cận trải nghiệm. Triển khai hoạt động giáo dục trải nghiệm chính là thực hiện nguyên lí giáo dục "học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp với lao động sản xuất, nhà trường gắn liền với xã hội". Đây là chiến lược dạy học lấy hoạt động của người học làm trung tâm, với những đặc trưng: Người học hứng thú, tích cực, độc lập, sáng tạo trong quá trình học tập, nắm kiến thức sâu sắc, kiểu dạy học này rất có giá trị trong việc *tập trung hình thành và phát triển năng lực người học*.

Giáo dục nghệ thuật chủ yếu là thực hành nên không thể chỉ đóng khung trong lớp học. Trong dạy học nghệ thuật, các năng lực dạy học như năng lực cảm thụ, sáng tạo, ứng dụng, trình diễn, thị phạm mẫu tác phẩm nghệ thuật... phải được phát huy tối đa. Vì vậy, trong đào tạo giáo viên nghệ thuật, trải nghiệm sáng tạo rất có giá trị trong việc phát triển năng lực, *đặc biệt là năng lực sư phạm, năng lực dạy học* cho sinh viên. Ở đó, nhà trường sư phạm không còn là địa điểm duy nhất cho việc học, giảng viên không còn là nguồn truyền kiến thức duy nhất. Việc học của sinh viên diễn ra trong những trải nghiệm có định hướng, có dẫn dắt, có kiểm tra, đánh giá,

điều này sẽ quyết định việc đạt được mục tiêu phát triển năng lực người học theo định hướng kết quả đầu ra. Theo đó.

- *Giáo dục trải nghiệm với hình thức và không gian mở rộng* ra ngoài lớp học; lực lượng tham gia vào quá trình giáo dục không chỉ là giảng viên và nhà trường sư phạm; bên cạnh đó, cơ sở vật chất dạy học, không gian điện tử, nhà trường phổ thông và giáo viên dạy âm nhạc/ mĩ thuật… sẽ là nguồn lực chủ yếu liên quan đến một loạt các thiết lập giáo dục; qua đó các mối quan hệ được hình thành và hoàn thiện: người học với chính họ, người học với người học khác, người học với giảng viên sư phạm, với giáo viên phổ thông...

- *Giáo dục trải nghiệm tăng cường thiết kế và triển khai hoạt động dạy học theo hướng tối đa hóa cơ hội trải nghiệm cho người học*, gắn việc học tập ở trường sư phạm với thực tiễn giáo dục nghệ thuật ở phổ thông. Qua đó, người học không chỉ lĩnh hội tri thức, kĩ năng, chuẩn mực thái độ mà còn tự lực dùng kiến thức để xử lí, tổ chức, nâng cấp, mở rộng kinh nghiệm giáo dục vốn có thành kinh nghiệm mới có giá trị cao hơn, hữu ích hơn ở chính họ dưới vai trò chủ đạo của người dạy trong môi trường học tập đa dạng.

- *Nội dung giáo dục trải nghiệm mang tính phân hóa cao* được khai thác từ những kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm người học tích lũy được ở trường sư phạm, được đưa ra kiểm tra, thử nghiệm và hòa nhập với những ý kiến mới cô đọng hơn, thiết thực, gần gũi với thực tiễn giáo dục nghệ thuật ở phổ thông, đáp ứng được nhu cầu, nguyện vọng của người học, giúp sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn giáo dục nghệ thuật ở trường phổ thông một cách dễ dàng, thuận lợi và hiệu quả.

- Đặc biệt, trong đào tạo giáo viên nghệ thuật, *giáo dục trải nghiệm giúp sinh viên lĩnh hội được kinh nghiệm ở một số lĩnh vực tri thức mà không có phương thức học tập nào thực hiện được*. Lĩnh hội kinh nghiệm lịch sử xã hội loài người và thế giới xung quanh để phát triển nhân cách cá nhân là mục tiêu quan trọng của hoạt động học tập. Tuy nhiên, có những kinh nghiệm chỉ có thể lĩnh hội được qua trải nghiệm thực tế. Ví dụ, việc cảm thụ một tác phẩm nghệ thuật chỉ thực sự có được khi cá nhân được trải nghiệm với chúng. Sự đa dạng trong trải nghiệm sẽ mang lại cho người học vốn sống, vốn kinh nghiệm phong phú mà người dạy không thể cung cấp thông qua các bài giảng đơn thuần.

- *Trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật, kinh nghiệm, động cơ, hứng thú của người học đóng vai trò quyết định việc tạo ra tri thức mới làm cơ sở cho việc phát triển năng lực của bản thân*. Qua giáo dục trải nghiệm, người học có động cơ

học tập đúng đắn, họ sẽ chủ động tương tác trực tiếp với tài liệu và môi trường học tập, hứng thú, chú ý và tích cực tham gia vào quá trình học tập, tự kiểm soát, tự chịu trách nhiệm và tự cải thiện việc rèn luyện phát triển năng lực dạy học của bản thân.

- *Giáo dục trải nghiệm mang lại cho sinh viên sư phạm nghệ thuật cơ hội và điều kiện phát triển năng lực dạy học*, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và vận dụng kiến thức, kĩ năng dạy học vào thực tế giáo dục nghệ thuật ở bậc phổ thông; người học được tham gia tích cực vào việc thực hành, luyện tập, trình diễn, tìm tòi, trải nghiệm, cảm thụ, ứng dụng, sáng tạo, giải quyết vấn đề, tự chịu trách nhiệm; qua việc *sử dụng tổng hợp các giác quan* để cảm nhận và chia sẻ những trạng thái cảm xúc khác nhau khi tham gia trải nghiệm. Qua đó, làm tăng khả năng lưu giữ những điều đã học lâu hơn, bồi dưỡng, phát huy niềm say mê và hứng thú học tập, giúp sinh viên cảm thụ được cái đẹp của con người, của cuộc sống tự nhiên và xã hội… làm cơ sở cho việc hình thành và phát triển năng lực dạy học nghệ thuật ở sinh viên.

- *Kết quả trải nghiệm là của cá nhân,* là những năng lực dạy học được hình thành và phát triển thông qua trải nghiệm, tạo cơ sở nền tảng cho việc trải nghiệm và thực hành kỹ năng dạy học của sinh viên vào thực tiễn hoạt động dạy học âm nhạc, mĩ thuật ở trường phổ thông trong tương lai.

Tóm lại, có thể khẳng định giáo dục trải nghiệm là một chiến lược giáo dục hiệu quả có thể thực hiện với mọi người học và môn học, đặc biệt trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật. Nhờ vai trò thiết kế, tổ chức, hướng dẫn của người dạy theo quy trình nhất định, sẽ giúp phát triển nhân cách, phát triển năng lực sư phạm, năng lực dạy học của người học, đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của xã hội.

1.4.2. Yêu cầu của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

Giáo viên nói chung, giáo viên dạy nghệ thuật nói riêng, năng lực dạy học là một trong những yếu tố quyết định chất lượng dạy học. Tuy nhiên để có năng lực dạy học là điều không phải dễ dàng. Để đạt được, ngay từ khi học tại trường sư phạm, sinh viên ĐHSP Nghệ thuật phải rèn luyện chuyên môn, nghiệp vụ thường xuyên, kiên trì và liên tục với nội dung chương trình và phương thức đào tạo hiệu quả nhằm phát triển năng lực dạy học của bản thân. Việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- *Thứ nhất:* Giáo dục trải nghiệm cần môi trường học tập mô phỏng thực tế, cần có đủ điều kiện và phương tiện dạy học tiên tiến, trang thiết bị hiện đại như phòng thực hành nghiệp vụ sư phạm, phương tiện nghe nhìn, học cụ, thư viện đầy đủ tài liệu

để người học tra cứu tài liệu cũng như để thực hiện đổi mới phương pháp dạy học. Qua đó, người học thực hiện các hoạt động nhóm, phản biện, thuyết trình, phỏng vấn, khảo sát... linh hoạt và hiệu quả. Mặt khác, cần có sự tham gia trực tiếp của môi trường giáo dục phổ thông với đội ngũ giáo viên dạy âm nhạc/ mĩ thuật chứ không đơn thuần là bảng đen phấn trắng, giảng đường và máy chiếu.

- *Thứ hai:* Đối với người dạy, lí luận dạy học khẳng định trong quá trình dạy học, người dạy luôn giữ vai trò chủ đạo, là người tổ chức, điều khiển, lãnh đạo hoạt động học của người học. Tuy nhiên, trong giáo dục trải nghiệm, vai trò chủ đạo của người dạy còn thể hiện ở khả năng thiết kế và hướng dẫn người học tham gia trực tiếp các hoạt động trải nghiệm dưới sự thừa nhận rằng: Những trải nghiệm này sẽ dẫn đến việc học tập hiệu quả, đồng thời luôn yêu cầu người học chuẩn bị bài tập có sự phản ánh một cách thường xuyên, đôi khi sự phản ánh của người học nằm ngoài tầm dự kiến của người dạy và lúc này sự tinh tế, linh hoạt và sáng tạo của người dạy cần phát huy. Nếu người dạy không giữ đúng vai trò của mình thì tính chủ động của người học có thể bị hạn chế, việc trải nghiệm không đạt được mục tiêu dạy học đã đề ra. Do vậy, với vai trò của mình, *người dạy có trách nhiệm đảm bảo chất lượng của sự trải nghiệm chứ không phải việc trải nghiệm đảm bảo cho chất lượng học tập*.

Người dạy phải có kiến thức và năng lực dạy học nghệ thuật thực tế để đảm bảo việc trải nghiệm chuẩn xác nhất. Trong môi trường giáo dục trải nghiệm, việc truyền tải kiến thức qua tương tác, chia sẻ và thử thách, vai trò của người thầy có thay đổi: Thầy đặt câu hỏi, gợi ý, dẫn dắt, phân tích nhiều chiều, thách đố, phản biện trò, trở thành một phần của cuộc khám phá kiến thức, cùng trò làm việc nhóm và cùng giải quyết vấn đề. Muốn có lượng kiến thức vững chắc và năng lực dạy học thực tiễn để có thể theo dõi, tổng hợp, tóm lược những tranh luận của người học, để ứng dụng trong những hoàn cảnh khác nhau và có thể sáng tạo trong phương pháp truyền đạt, từ tình hình cụ thể lớp học người thầy luôn phải tự học, phải cập nhật kiến thức và thông tin mới. Người thầy cũng cần có tính sáng tạo cao trong việc vận dụng phương pháp phù hợp nội dung dạy học, phù hợp trạng thái tâm lí của sinh viên. Muốn vậy, nhà trường cần hỗ trợ giáo viên về tài liệu, tổ chức tập huấn hoặc đào tạo cấp chứng chỉ về tổ chức hoạt động giáo dục trải nghiệm.

Người dạy luôn khuyến khích người học cân bằng giữa trải nghiệm tích cực và trải nghiệm tiêu cực, học từ những thành công cũng như thất bại khi trải nghiệm là việc làm vô cùng hữu ích. Khi học từ một trải nghiệm tiêu cực, mỗi người học luôn muốn giữ lại kiến thức và bỏ qua trải nghiệm, sau đó có ý thức điều chỉnh lại kiến

thức và kinh nghiệm không đúng đã tồn tại trong bản thân mình. Nhưng khi học từ một trải nghiệm tích cực, mỗi người học muốn tiếp thu cả tri thức và lưu giữ trải nghiệm, sau đó hồi tưởng lại và rút ra những hiểu biết sâu sắc, nhờ đó các em có thêm sức mạnh, động lực và cảm hứng để nỗ lực hơn trong các trải nghiệm tiếp theo.

- *Thứ ba:* Về phía người học, trong quá trình thực hành phát triển năng lực dạy học, người học vừa là khách thể của hoạt động dạy vừa là chủ thể của hoạt động học với vai trò tự giác, tích cực, độc lập, sáng tạo. Tuy nhiên, trong dạy học theo trải nghiệm, vai trò chủ thể của người học còn thể hiện ở việc họ luôn tự chịu trách nhiệm, tự cải thiện hiệu quả hoạt động trải nghiệm để làm thay đổi và cá nhân hóa kiến thức, kinh nghiệm, năng lực dạy học của bản thân. Từ đó tiến xa hơn năng lực hiện có để phát triển lòng đam mê, đặt ra tiêu chuẩn cá nhân cao nhằm theo đuổi lĩnh vực hoạt động để có thể trở thành một chuyên gia, một "người thầy" trong lĩnh vực mà họ đã chọn; hướng đến hiểu đúng bản thân mình và những mối quan hệ giữa mình với người khác, họ luôn tích cực thực hiện các bài tập thực hành nhằm đạt hiệu quả cao nhất về năng lực dạy học của bản thân.

Quá trình học tập của người học là quá trình thích nghi toàn diện: Kết quả của quá trình học tập dựa vào trải nghiệm là sự tổng hợp các mặt trong đời sống tâm lí của con người: Nhận thức - cảm xúc - hành vi, đồng thời việc học trải nghiệm được diễn ra qua nhiều phương pháp như: thảo luận, dạy mẫu, dự giờ, quan sát, thực tế, thực tập sư phạm… đến việc giải quyết vấn đề, ra quyết định và sáng tạo. Nhờ đó, người học học tập một cách tự nhiên, không khô cứng, gò bó, phù hợp với các phong cách học tập khác nhau cũng như nhu cầu, nguyện vọng cá nhân người học.

Người học luôn phải tương tác với tài liệu và môi trường dạy học âm nhạc/ mĩ thuật thực tế ở trường phổ thông để phát triển năng lực dạy học của bản thân: Mỗi cá nhân do trải nghiệm với tố chất di truyền đều có kinh nghiệm nền tảng khác nhau, trong khi dạy học nghệ thuật, người dạy cần cả năng khiếu nghệ thuật lẫn tư chất sư phạm. Khi tương tác với tài liệu học tập và môi trường (làm việc, giao tiếp với người dạy, với bạn học…), kinh nghiệm nền tảng được huy động và được chia sẻ, thử thách, cải thiện… dẫn cá nhân đạt đến trình độ phát triển cao hơn được đặc trưng bởi năng lực giải quyết vấn đề độc lập. Tuy nhiên, sự tương tác cần diễn ra trong nhiều tình huống khác nhau tạo cho người học hứng thú học tập, tạo điều kiện để người học tăng cường hoạt động thảo luận, tranh luận, chia sẻ về hoạt động dạy học nghệ thuật, đó là cách mà người dạy giúp người học phát triển năng lực dạy học qua trải nghiệm.

- *Thứ tư:* Qui mô lớp học phải hợp lí (tối đa là 50-60 người/ lớp) để giáo viên có thể áp dụng các phương pháp giảng dạy như thảo luận nhóm, sắm vai… đồng thời giáo viên có thể theo dõi được mức độ nhận thức và sự tích cực của mỗi người học.

- *Thứ năm:* Tích cực đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học. Tăng cường thiết kế và triển khai các hoạt động dạy học theo hướng tối đa hóa cơ hội trải nghiệm cho người học, gắn dạy học với thực tiễn dạy học nghệ thuật ở trường phổ thông. Tổ chức và duy trì các câu lạc bộ nghệ thuật, các hoạt động sân khấu hóa, các hội thi Nghiệp vụ sư phạm, diễn đàn, giao lưu, hoạt động văn hóa - văn nghệ... giúp sinh viên có niềm say mê hứng thú hơn trong giờ học chính khóa cũng là hình thức phát huy năng lực sư phạm, năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

Tăng cường các hoạt động thực hành, gắn kết các hoạt động thực hành chuyên môn, thực hành nghề nghiệp với các hoạt động giáo dục ở nhà trường phổ thông. Duy trì, phát huy hiệu quả hoạt động dự giờ dạy mẫu, xem băng giờ dạy mẫu, trao đổi, thảo luận sau tiết dạy để rút kinh nghiệm tiết dạy, coi trọng và quan tâm nhiều đến các hoạt động nghiệp vụ sư phạm, kiến tập, thực tập của sinh viên trong thời gian còn học tập tại trường nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

Ngoài trải nghiệm hoạt động dạy học nghệ thuật, người dạy cần trở thành những chuyên gia về lĩnh vực tổ chức các hoạt động nghệ thuật cho học sinh phổ thông, tổ chức chuyên đề về hoạt động nghệ thuật ngoài lớp học. Qua đó, hướng dẫn và trao đổi kinh nghiệm cho sinh viên; sinh viên học tập, thực hành, trải nghiệm, rút kinh nghiệm về cách tổ chức sân chơi nghệ thuật, thực hành các kĩ năng dàn dựng tiết mục, chương trình biểu diễn văn nghệ, chương trình triển lãm mĩ thuật, tổ chức câu lạc bộ nghệ thuật…trong nhà trường cho học sinh. Hình thức vừa học, vừa tổ chức sinh hoạt ngoài trời để thực hành, trải nghiệm, vận dụng, rèn luyện, phát triển năng lực sư phạm nghệ thuật đã học.

- *Thứ sáu:* Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển năng lực người học. Đánh giá năng lực đầu ra của hoạt động giáo dục trải nghiệm cần coi trọng nhận xét quá trình tiến bộ về nhiều mặt khác nhau của người học. Điều quan trọng nhất là cần quan sát, nhận xét, góp ý để đánh giá ngay trong quá trình hoạt động thực tiễn, dựa trên các biểu hiện cụ thể về phương thức và kết quả hoạt động của người học. Việc đánh giá người học không chỉ cho điểm mà còn tập trung chủ yếu vào đánh giá quá trình, đánh giá cách người học học để có kiến thức, kinh nghiệm mới. Việc đánh giá quá trình người học đạt được kiến thức là sự kết hợp giữa

đánh giá của người dạy và sự tự đánh giá của người học, đánh giá của người học với người học, đồng thời kết hợp giữa đánh giá quá trình với đánh giá những kiến thức, kinh nghiệm mà người học có được thông qua trải nghiệm trong hiện tại và trước đó.

Tóm lại, để thực hiện hiệu quả phương thức giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật thì cần sự nỗ lực của tất cả các thành phần tham gia vào quá trình đào tạo và tổ chức đào tạo từ bộ phận quản lí cho tới người dạy và người học. Khâu quan trọng nhất vẫn là sự nâng cao ý thức tự học và thay đổi phương pháp giảng dạy của người thầy.

1.5. Cấu trúc của quá trình phát triển năng lực dạy học và con đường phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

1.5.1. Cấu trúc của quá trình phát triển năng lực dạy học

1.5.1.1. Mục tiêu phát triển

Mục tiêu phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc định hướng đào tạo nguồn nhân lực lĩnh vực giáo dục nghệ thuật đáp ứng nhu cầu phát triển giáo dục đào tạo. Đào tạo có mục đích hình thành những kiến thức, kĩ năng và thái độ cho người học để sau khi học xong họ có thể thực hiện được các hoạt động lao động tạo ra những sản phẩm hay dịch vụ xã hội mà thị trường lao động yêu cầu. Căn cứ định hướng đầu ra của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật để xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học là thực hiện có hiệu quả hệ thống năng lực dạy học môn học Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường phổ thông.

1.5.1.2. Nội dung phát triển

Nội dung phát triển năng lực dạy học phải tích hợp giữa lí thuyết và thực hành, giữa học tập và trải nghiệm theo từng công việc của nghề. Để dạy học theo định hướng phát triển năng lực, nội dung bài giảng cần được trình bày theo trình tự công việc, những kiến thức, kĩ năng và thái độ cần thiết phải được hình thành để người học có thể thực hiện thành thạo từng công việc của nghề trong những điều kiện nhất định. Mặt khác, khi thiết kế nội dung bài học phải chú ý đến việc gắn bó giữa nội dung, phương pháp và phương tiện dạy học với việc áp dụng tối đa phương pháp dạy học tích cực và công nghệ dạy học hiện đại vào bài giảng. Nội dung dạy học tránh tùy tiện, lan man. Nói cách khác, mục tiêu, tiêu chí đánh giá và nội dung dạy học phải là một thể thống nhất theo định hướng phát triển năng lực các công việc của nghề với chuẩn được quy định trong điều kiện cho trước.

Căn cứ nội dung dạy học để xác định hệ thống tri thức cần cung cấp và trang bị cho người học. Đây là yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến việc phát triển năng lực người học. Để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, trước hết phải trang bị cho sinh viên: Kiến thức chuyên môn về môn học mà sinh viên sẽ giảng dạy sau này. Kiến thức nghiệp vụ: Tâm lí học, Giáo dục học, Phương pháp dạy học…Kiến thức về các kĩ năng dạy học như quy trình tập luyện, yêu cầu các thao tác của hành động…

Để trở thành giáo viên, trước hết sinh viên phải có kiến thức khoa học, nhất là các bộ môn khoa học mà họ sẽ giảng dạy sau này và các khoa học khác có liên quan. Không có trình độ khoa học nhất định thì không thể trở thành giáo viên, nhất là giáo viên giỏi. Có kiến thức khoa học, muốn trở thành giáo viên giỏi đòi hỏi phải có nghiệp vụ sư phạm vững chắc. Muốn có nghiệp vụ sư phạm, sinh viên phải thông qua các hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm để biến các kiến thức thu nhận được thành các kĩ năng, năng lực của bản thân.

1.5.1.3. Phương pháp phát triển

Hệ thống kĩ thuật, thao tác hoạt động và các kĩ xảo tương ứng là điều kiện để hình thành, phát triển kĩ năng. Nếu sinh viên có hệ thống các thao tác kĩ thuật, các kĩ xảo gần gũi với các kĩ năng dạy học thì việc rèn luyện phát triển năng lực dạy học thuận lợi hơn. Ví dụ, nếu một sinh viên đã có kĩ xảo phát âm chuẩn, nói trôi chảy…thì việc rèn luyện, phát triển năng lực ngôn ngữ cho sinh viên này thuận lợi hơn những sinh viên nói ngọng, khả năng diễn đạt kém.

Phương pháp và phương tiện luyện tập là yếu tố ảnh hưởng mạnh mẽ và trực tiếp đến việc phát triển năng lực dạy học. Mỗi phương pháp luyện tập sẽ đưa đến một hiệu quả khác nhau về trình độ năng lực của sinh viên. Chính vì vậy, muốn cải thiện năng lực dạy học cho sinh viên phải cải tiến phương pháp và phương tiện luyện tập, lựa chọn những phương pháp và phương tiện có hiệu quả cao để luyện tập.

Phương pháp dạy học theo quan điểm phát triển năng lực không chỉ chú ý tích cực hoá người học về hoạt động trí tuệ mà còn chú ý rèn luyện năng lực giải quyết vấn đề gắn với những tình huống của cuộc sống và nghề nghiệp, đồng thời gắn hoạt động trí tuệ với hoạt động thực hành, thực tiễn. Tăng cường việc học tập trong nhóm, đổi mới quan hệ người dạy - người học theo hướng cộng tác có ý nghĩa quan trọng nhằm phát triển năng lực xã hội.

Để phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm, giáo viên cần lưu ý:

- *Tạo điều kiện cho việc phát huy tính tự lực và khả năng ứng dụng.* Dạy học theo tiếp cận trải nghiệm chỉ đạt hiệu quả cao khi tổ chức cho người học không chỉ

nắm vững kiến thức lí thuyết và thực tế mà còn tự lực dùng kiến thức đó để ứng dụng thực tế và chuyển đổi khả năng ứng dụng vào những bối cảnh, tình huống khác nhau.

- *Người dạy cần tạo không gian đàm thoại trong dạy học.* Đối với dạy học truyền thống, trò chuyện trong lớp học là rất hạn chế, nhưng trong dạy học theo tiếp cận trải nghiệm, trò chuyện là một phương pháp dạy học đem đến cơ hội để phát triển tư duy phản ánh cho người học, giúp họ biết tự rút ra ý nghĩa cho kinh nghiệm, biết tự cải thiện hiệu quả của việc học trải nghiệm.

- *Khuyến khích người học có động cơ học tập đúng đắn để từ đó biết tự kiểm soát, tự chịu trách nhiệm và tự cải thiện việc học của mình.*

- *Dạy học theo tiếp cận trải nghiệm đòi hỏi phải có thời gian phù hợp.* Thời gian phù hợp sẽ giúp người học không chỉ lĩnh hội được tri thức chủ quan, phát hiện ra những tri thức mới khách quan mà còn có năng lực vận dụng tri thức vào việc giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn cuộc sống một cách sáng tạo và hiệu quả.

1.5.2. Các con đường phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

Thành tựu của Tâm lí học hiện đại đã khẳng định: Tâm lí, ý thức, nhân cách… của cá nhân được hình thành và phát triển trong hoạt động. Vì vậy, để hình thành năng lực dạy học cho sinh viên phải đưa họ tham gia vào các hoạt động nghề nghiệp, thông qua các hoạt động đào tạo như dạy học, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, thông qua thực hành, thực tập sư phạm và các hoạt động bổ trợ khác. Trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm, nhà trường chỉ trang bị cho sinh viên những hiểu biết về các năng lực cần có với những kĩ năng cơ bản tương ứng, bước đầu biết vận dụng vào các hoạt động thực tiễn ở trường phổ thông, đặc biệt là giai đoạn đầu khi mới ra trường, để họ có khả năng từng bước thích ứng với công việc của mình.

1.5.2.1. Thông qua hoạt động dạy học

Dạy học là một con đường quan trọng để trang bị tri thức khoa học và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên. Trong nhà trường, dạy học không đơn thuần là "dạy chữ" mà thông qua "dạy chữ" để "dạy người" và "dạy nghề". Có thể khẳng định rằng, tất cả các môn học trong chương trình đào tạo đều có khả năng giáo dục, nâng cao năng lực nghề nghiệp cho sinh viên.

Ngay từ đầu khóa học, nhà trường đã có những hoạt động để định hướng nghề nghiệp cho sinh viên. Đầu tiên sinh viên được học nhập môn sư phạm, học chính trị. Những buổi này sinh viên được các giảng viên có kinh nghiệm, các thầy cô lãnh đạo

nhà trường lên lớp nói về mục đích, yêu cầu, nội dung, chương trình…của quá trình đào tạo nghề thầy giáo trong nhà trường.

Chương trình đào tạo ĐHSP được cấu trúc bởi các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp gồm cơ sở ngành, chuyên ngành, thực tập tốt nghiệp. Trong khóa học, các em được học các môn nghiệp vụ làm cơ sở cho việc hình thành năng lực dạy học (như Tâm lí học lứa tuổi và Tâm lí học sư phạm, Tổ chức hoạt động dạy học ở nhà trường, Phương pháp dạy học Âm nhạc, Phương pháp dạy học Mĩ thuật, Giao tiếp sư phạm...); các môn khoa học chuyên ngành; tham gia các hoạt động nghiệp vụ của nhà trường... Sinh viên được học môn Tiếng Việt thực hành để giúp họ nói đúng, viết đúng tiếng phổ thông... Đây là các tri thức chuyên môn và nghiệp vụ cơ bản, đảm bảo cho sinh viên có cơ sở hình thành, phát triển năng lực dạy học cho bản thân.

Thông qua hoạt động dạy học, giảng viên giúp sinh viên tự giác, tích cực, chủ động chiếm lĩnh tri thức chuyên môn nghiệp vụ. Từ đó năng lực sư phạm, năng lực dạy học của sinh viên từng bước hình thành, định hình và phát triển.

Thực tiễn dạy học cho thấy, nhiều sinh viên chịu ảnh hưởng sâu sắc phong cách giảng dạy của giảng viên, nhất là giảng viên phương pháp dạy học. Những sinh viên này đã bắt chước phong cách giảng dạy của các thầy cô giáo như tác phong, thái độ, chữ viết, cách trình bày, cách diễn đạt…trong đó có hệ thống kĩ năng dạy học của thầy. Trong quá trình dạy học, thông qua việc tổ chức lớp học, thông qua cách vào bài, cách đặt vấn đề, cách đặt câu hỏi, cách xử lý các tình huống trên lớp, cách truyền thụ…để người giảng viên truyền nghề cho sinh viên. Trong quá trình học tập, sinh viên không chỉ được tiếp thu các tri thức về chuyên môn và nghiệp vụ mà còn được tiếp thu trực quan các thao tác, các kĩ năng sư phạm chuẩn mực của giảng viên. Đây là cơ sở để sinh viên học hỏi, bắt chước, là điều kiện ban đầu cho việc hình thành năng lực sư phạm của mình. Như vậy, để đảm bảo tính chất "dạy nghề" trong quá trình dạy học, *người thầy giáo sư phạm phải luôn trau dồi tay nghề của mình một cách mẫu mực cho sinh viên học tập, noi theo, thầy giáo phải là hình mẫu chuẩn mực cho sinh viên kiến tập*. Trong quá trình dạy học, giáo viên tiến hành các thao tác một cách mẫu mực sẽ là cơ hội tốt để sinh viên học tập. Đây là hình thức truyền nghề trực tiếp, sống động và tương đối hiệu quả. Song, phương pháp giảng dạy ở đại học có những khác biệt với phương pháp giảng dạy ở trường phổ thông. Do đó, sinh viên không thể bắt chước hoàn toàn cách dạy của thầy để vận dụng dập khuôn khi thực tập sư phạm và khi

giảng dạy ở trường phổ thông sau này. Mỗi sinh viên cần có sự chọn lọc để thẩm thấu những điều cần thiết cho nghề nghiệp của mình sau này ở trường phổ thông.

Như vậy, mặc dù chức năng chính của dạy học là truyền thụ tri thức khoa học và các kĩ năng, kỹ xảo tương ứng, xong thông qua dạy học vẫn có thể bước đầu hình thành các kĩ năng dạy học cơ bản cho sinh viên. Đó là thông qua sự mẫu mực của giáo viên trong khi dạy để sinh viên học tập, bắt chước. Để phát huy triệt để ưu thế của biện pháp này, mỗi lớp sinh viên nên có ít nhất một vài giáo viên dạy giỏi, giáo viên giàu kinh nghiệm giảng dạy.

1.5.2.2. Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm trong trường

Khi sinh viên đã tiếp thu hệ thống tri thức về chuyên môn và nghiệp vụ cần thiết, họ phải biến những tri thức đó thành năng lực thực tiễn ngay từ khi còn học ở trường sư phạm, bằng cách thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên như: Soạn giáo án, tập giảng, qua các hình thức tổ chức hoạt động, điều khiển một buổi sinh hoạt tập thể, văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao, hội thảo khoa học, xêmina, hội thi nghiệp vụ sư phạm… Đây là một trong những con đường nâng cao chất lượng lĩnh hội các kiến thức sư phạm, rèn luyện khả năng ứng dụng kiến thức lí thuyết vào thực tế, tạo nên thái độ "nghi vấn tích cực" về kiến thức đã học. Qua đó sinh viên có cơ hội vận dụng tri thức chuyên môn, nghiệp vụ để giải quyết các bài tập thực tiễn, nhờ đó mà kĩ năng nghề nghiệp được hình thành và có điều kiện rèn luyện, củng cố. Cũng chính thông qua các loại hình hoạt động, mà sinh viên có điều kiện gắn lí luận với thực tiễn, làm cho việc nắm tri thức của họ vững chắc hơn, tạo cho họ cơ hội "hiểu sâu, nhớ lâu, vận dụng tốt". Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên là quá trình chuẩn bị cho sinh viên những kĩ năng nghề nghiệp cơ bản để họ thực hành nghề ở trường phổ thông trong các đợt kiến tập, thực tập sư phạm.

Hội thi Nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên là một hoạt động có tính nề nếp hằng năm của các nhà trường đào tạo sư phạm. Đây là một hoạt động sôi nổi thu hút được sự tham gia của các thầy cô giáo và sinh viên, tạo nên không khí rầm rộ trong toàn trường. Nội dung của cuộc thi hết sức đa dạng và phong phú đã tạo nên một "sân chơi" học tập hấp dẫn cho sinh viên. Đây không chỉ là sân chơi để sinh viên tập luyện mà còn là điều kiện để họ thi thố tài năng, bộc lộ khả năng sư phạm, thể hiện kết quả quá trình rèn luyện của mình. Không những thế, đây còn là cơ hội để sinh viên học hỏi giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau rút kinh nghiệm nhằm nâng cao tay nghề và hiệu quả rèn luyện nghiệp vụ sư pham. Qua đó, giảng viên kiểm tra, đánh giá kết quả tập

luyện của sinh viên, nhìn thấy được mặt mạnh và mặt yếu của sinh viên để có biện pháp tập luyện tiếp theo. Hội thi nghiệp vụ sư phạm thường được tổ chức rất nhiều hình thức, nhiều nội dung, vì thế cũng rèn luyện được rất nhiều loại kĩ năng cho sinh viên. Ví dụ, trong cuộc thi có các nội dung như hùng biện, trình bày bảng, giải quyết tình huống sư phạm, thi giảng…Để có thể tham gia vào cuộc thi, đòi hỏi sinh viên phải nỗ lực rèn luyện rất lớn. Qua các đợt cọ xát này, năng lực sư phạm nói chung và năng lực dạy học nói riêng của sinh viên được nâng lên.

1.5.2.3. Thông qua các hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm

Thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm là một hình thức đào tạo có tác dụng kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo của người giáo viên tương lai. Qua đó, đòi hỏi sinh viên vận dụng tổng hợp vốn hiểu biết nói chung cũng như những thủ thuật, phương pháp, biện pháp cụ thể để triển khai hoạt động thực tập một cách độc lập, sáng tạo, tích cực. Đây còn là một dịp tốt để sinh viên thể hiện toàn bộ năng lực và phẩm chất nghề nghiệp của mình một cách rõ ràng và chính xác.

Hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm ở trường phổ thông là con đường gần gũi với hoạt động thực tiễn của sinh viên sau này. Hoạt động này có tác dụng tạo ra hứng thú nghề nghiệp trực tiếp cho sinh viên, giúp sinh viên thích nghi với các yêu cầu của hoạt động sư phạm, khắc phục thiếu sót trong quá trình đào tạo ở trường sư phạm từ đó có kế hoạch, biện pháp rèn luyện, hoàn chỉnh tay nghề của bản thân.

Qua các đợt thực tế, kiến tập, thực tập tại trường phổ thông, sinh viên được dự giờ dạy giỏi của giáo viên phổ thông: Qua đó, giúp sinh viên tri giác trực tiếp hình mẫu chuẩn để luyện tập các kĩ năng dạy học chuẩn mực của giáo viên dạy giỏi, vừa rèn luyện kĩ năng vừa có tác dụng bổ sung kiến thức phổ thông cho sinh viên. Sinh viên sẽ học được các kĩ năng dạy học của giáo viên dạy giỏi trong quá trình giảng dạy trên lớp, học được cách lựa chọn nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học trong các bài cụ thể, rút ra bài học cho bản thân.

Đây là cơ hội tốt nhất trong chương trình đào tạo để sinh viên thể hiện những gì họ có được trong quá trình học tập, là điều kiện để họ rèn luyện kĩ năng nghề nghiệp bộc lộ phẩm chất và năng lực bản thân. Qua đó nâng cao hơn nữa lòng yêu nghề, mến trẻ, tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp ở sinh viên. Cũng qua hoạt động này, nhiều kĩ năng nghề của sinh viên được hình thành và phát triển như: Kĩ năng truyền thụ, kĩ năng tiếp xúc với học sinh, kĩ năng tổ chức các hoạt động cho học sinh…, những kĩ năng này giúp sinh viên giảm bớt lúng túng ban đầu khi thực sự bước vào nghề. X.I. Kixêgôp đã khẳng định: “về nguyên tắc, hệ thống tri thức lí luận nghiệp vụ

chỉ có thể đảm bảo cho sinh viên một sự định hướng cho sư phạm khởi đầu chứ hoàn toàn chưa đủ để hình thành ở sinh viên những kĩ năng, kĩ xảo tương ứng" [45].

Như vậy, để có năng lực dạy học sinh viên phải được rèn luyện trong các hoạt động thực tiễn giáo dục. Ngay cả các bài tập tình huống, các giờ thảo luận, giờ xêmina…, nhiều lắm chỉ mới khuôn sinh viên vào việc củng cố kiến thức bằng các tình huống giả định rất hình thức, sinh viên không thể tự biết tính đúng sai của biện pháp xử lý do bản thân mình đưa ra. Do vậy, các định hướng lí luận có ở sinh viên không thể chuyển thành các kĩ năng nghề nghiệp và năng lực nghề nghiệp nếu không thông qua hoạt động thực tập, thực tế ở trường phổ thông, nơi họ sẽ làm việc sau này. Có thể khẳng định: con đường chủ yếu để phát triển năng lực là tập luyện, "vai trò của tập luyện là đặc biệt quan trọng " [1]. Song quá trình tập luyện phải có biện pháp phù hợp, theo một quy trình hợp lí, có tổ chức, có kế hoạch, có phương pháp…

Tóm lại, quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm là một chỉnh thể thống nhất, liên tục, nằm trong hệ thống chương trình đào tạo, từ việc trang bị tri thức, thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên đến thực tập sư phạm. Qua đó giáo dục và phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên, chuẩn bị cơ sở ban đầu để sinh viên bước vào lao động nghề nghiệp sau này. Trong đó, việc rèn luyện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên là bộ phận quan trọng, chiếm tỉ trọng khá lớn, là một quá trình trải suốt khoá đào tạo bao gồm các hoạt động thống nhất có quan hệ chặt chẽ với nhau.

1.6. Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên. Sau đây chúng tôi trình bày một số yếu tố cơ bản nhất.

1.6.1. Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên

Bản thân mỗi sinh viên là yếu tố quyết định trực tiếp kết quả rèn luyện phát triển năng lực dạy học của họ. Các điều kiện bên trong như năng khiếu, tính kiên trì, tính nghiêm túc, sự sáng tạo… là những nhân tố thuận lợi để rèn luyện năng lực dạy học. Kinh nghiệm cho thấy, nếu sinh viên có ý thức luyện tập, tinh thần, thái độ tập luyện đúng đắn thì họ có kết quả cao trong tập luyện, các năng lực dạy học của họ tương đối thuần thục, thậm chí một số kĩ năng đạt đến trình độ thuần thục, kết quả thực tập sư phạm cũng được đánh giá tốt và họ vươn lên trưởng thành rất nhanh sau khi ra trường để trở thành những giáo viên dạy giỏi và uy tín trước đồng nghiệp. Ngược lại, số sinh viên lười học, ngại tham gia hoạt động rèn luyện nghiệp vụ thì khi

đi thực tập sư phạm và giai đoạn đầu khi mới ra trường, họ thường lúng túng, vấp váp, quá trình thích ứng nghề chậm hơn nhiều so với sinh viên nói trên.

Vì vậy, trường sư phạm không chỉ dạy văn hoá chuyên môn mà còn là một trường dạy nghề "Nghề thầy giáo". Bên cạnh việc trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức về văn hoá chuyên môn còn cần trang bị cho họ hệ thống tri thức về sư phạm cần thiết để tổ chức hoạt động dạy học và giáo dục. Để thực hiện tốt nhiệm vụ này, đội ngũ giảng viên, đặc biệt là giảng viên Tâm lí, Giáo dục, Phương pháp giảng dạy bộ môn cần phối hợp chặt chẽ với bộ môn, khoa và phòng đào tạo để tạo ra một sức mạnh tổng hợp trong việc rèn luyện tay nghề cho sinh viên. Quá trình huấn luyện tay nghề cho sinh viên cần tổ chức theo hướng tác động đồng bộ cả tri thức, kĩ năng và các phẩm chất nghề nghiệp.

1.6.2. Năng lực của giảng viên

Năng lực sư phạm không chỉ có ý nghĩa quan trọng với sinh viên mà còn có vai trò đặc biệt quan trọng với giảng viên. Giảng viên muốn chuyển tải kiến thức chuyên môn, kĩ năng nghiệp vụ đến người học phải thông qua năng lực và nghiệp vụ sư phạm của bản thân. Vì vậy, đòi hỏi đội ngũ giảng viên phải có năng lực sư phạm thuần thục, mang tính kĩ xảo và nghệ thuật chuyên nghiệp. Năng lực sư phạm của giảng viên càng cao thì việc cung cấp hệ thống kiến thức cho sinh viên càng dễ dàng và đạt hiệu quả; qua đó giảng viên định hướng hình thành năng lực sư phạm cho sinh viên, thông qua kĩ năng sư phạm mà giảng viên sử dụng, sinh viên sẽ được quan sát, học tập và thực hiện một số kĩ năng sư phạm từ giảng viên. Mặt khác, kĩ năng sư phạm mà giảng viên sử dụng thành thạo, vững chắc sẽ tạo cơ hội hướng dẫn sinh viên tự học, tự rèn luyện để nắm vững chuyên môn và hình thành năng lực sư phạm nói chung, năng lực dạy học nói riêng ở trường phổ thông sau này.

Kết quả nghiên cứu của các nhà lí luận dạy học hiện đại cho thấy, sự tác động qua lại giữa hoạt động dạy và học được phản ánh tập trung trong qúa trình tổ chức và điều khiển, tự tổ chức và tự điều khiển trong hệ thống thầy - trò, trò - trò và hệ thống trò - tài liệu học tập. Trong hệ thống giảng viên với hoạt động dạy, sinh viên với hoạt động học, người giảng viên giảng dạy ở các trường sư phạm giữ vai trò chủ đạo với tư cách là chủ thể tác động sư phạm nhằm vào hai đối tượng điều khiển: sinh viên và hoạt động nhận thức của họ.

Để tổ chức tốt hoạt động dạy học ngành sư phạm nghệ thuật cần có các điều kiện cơ bản đặc thù. Giảng viên không chỉ là những nhà chuyên môn, nhà phương

pháp mà còn là những nhà nghệ thuật. Họ phải có tri thức chuyên sâu vững chắc, có nhiệt huyết với nghề và giàu kinh nghiệm thực hành. Họ không chỉ là nhà lí luận để dạy lí thuyết mà còn là nhà thực hành thành thạo để hướng dẫn thực hành cho sinh viên. Họ phải vững vàng về nghiệp vụ sư phạm; phải là những người vẽ giỏi hoặc hát hay, đàn tốt, biểu diễn truyền cảm...

1.6.3. Kiểm tra, đánh giá

Kiểm tra, đánh giá ảnh hưởng mạnh mẽ đến kết quả tập luyện của sinh viên. Nếu quá trình tập luyện được phân thành những giai đoạn cụ thể, mỗi giai đoạn đều có kiểm tra, đánh giá chặt chẽ thì kết quả rèn luyện của sinh viên sẽ cao hơn. Đặc biệt, kết quả đánh giá quá trình tập luyện gắn với kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên thì hiệu quả tập luyện càng nâng lên rõ rệt.

Trong đánh giá sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên sử dụng kết hợp đánh giá quá trình và đánh giá kết quả. Đánh giá quá trình giúp người học hiểu rõ sự phát triển năng lực dạy học của bản thân ở từng giai đoạn, thời điểm và khuyến khích sinh viên tập luyện tốt hơn. Đánh giá kết quả để xác định kết quả cuối cùng mà người học đạt được.

1.6.4. Môi trường, điều kiện rèn luyện phát triển năng lực dạy học

Khác với các trường đào tạo nghề khác, trường nghệ thuật là một trường đào tạo nghề mang tính đặc thù. Không chỉ đào tạo các chuyên ngành nghệ thuật mà còn đào tạo giáo viên trẻ năng khiếu nghệ thuật cho thế hệ trẻ tương lai của đất nước. Vì vậy điều kiện phương tiện dạy học cũng mang tính đặc thù riêng để thực hiện tốt hình thức dạy học đặc thù theo cá nhân - nhóm... Trang thiết bị, phương tiện dạy học và môi trường rèn luyện là một yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo.

Xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo yêu cầu dạy học theo hướng phát huy hết công xuất những phòng học đã có, đồng thời ưu tiên đầu tư trang thiết bị tiên tiến cho những phòng học chuyên ngành, đề cao và khuyến khích vai trò tự học của sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên sử dụng các thiết bị phù hợp với môi trường đào tạo mang tính đặc thù nghệ thuật như ưu tiên phòng chuẩn để dạy học thực hành. Đối với sinh viên sư phạm Mĩ thuật cần có phòng học lí thuyết, phòng thực hành. Phòng học thực hành hình họa, bố cục, trang trí, điêu khắc...phải đảm bảo độ phối sáng chuẩn (ánh sáng một chiều), có không gian rộng, thoáng, có đồ dùng dạy học trực quan (các bộ xương người bằng nhựa và tranh, giá vẽ, tượng mẫu, vật mẫu, tranh ảnh...). Đối với sinh viên sư phạm Âm nhạc có phòng học lí thuyết, thực hành, thanh nhạc, nhạc cụ.

Các phòng học thanh nhạc và nhạc cụ phải có đàn piano, gương soi, hệ thống cách âm (bá âm) 100% để giữ âm thanh phát ra âm thật, không bị pha tạp, vừa không bị âm thanh ngoài vào làm ảnh hưởng chất lượng giảng dạy. Ngoài ra, phải có nhà biểu diễn đầy đủ các trang thiết bị để sinh viên tham gia hội diễn, tổ chức các hội thi năng khiếu. Bên cạnh đó, Thư viện nhà trường cần có nhiều đầu sách khoa học cơ bản, khoa học cơ sở, khoa học chuyên ngành, nghiệp vụ để phục vụ và đáp ứng nhu cầu học tập của sinh viên.

Tóm lại, năng lực dạy học là một yếu tố hết sức quan trọng đối với giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường phổ thông. Ngày nay, dạy học theo định hướng phát triển năng lực là một hướng lựa chọn phù hợp để có thể đảm bảo yêu cầu cách mạng trong giáo dục hiện đại. Tuy nhiên, nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu như: dạy học theo định hướng phát triển năng lực sẽ cần có một chương trình đào tạo luôn thích ứng với yêu cầu xã hội, đồng thời cần có đội ngũ giảng viên có năng lực nghệ thuật và năng lực sư phạm đảm bảo tốt nhất việc triển khai quá trình dạy học. Mặt khác, một cơ sở đào tạo sư phạm nghệ thuật muốn triển khai dạy học theo định hướng phát triển năng lực sẽ khó khăn nhiều hơn các cơ sở đào tạo khác. Do vậy, các trường sư phạm nghệ thuật phải có quyết tâm cao hơn, đổi mới quản lý đào tạo một cách tích cực, tạo môi trường dạy học tương thích để mục tiêu đào tạo gắn với yêu cầu xã hội mới có thể đạt hiệu quả tốt nhất.

Kết luận chương 1

Chương 1 của Luận án đã phản ánh các kết quả nghiên cứu cơ bản về tổng quan vấn đề nghiên cứu, tổng hợp và phân tích các khái niệm cơ bản của đề tài về năng lực và phát triển năng lực dạy học, về giáo dục trải nghiệm và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm. Năng lực là một vấn đề hết sức phức tạp trong Tâm lí học và Giáo dục học. Các nhà nghiên cứu đã có những quan niệm khác nhau về năng lực. Tuy giữa các quan niệm có khác nhau nhưng không mâu thuẫn nhau. Sự khác nhau chủ yếu ở chỗ mở rộng hay thu hẹp khái niệm. Khái niệm về năng lực xác định là: *Năng lực là tổ hợp các yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ và kinh nghiệm cá nhân cho phép cá nhân thực hiện có hiệu quả một hoạt động trong các điều kiện cụ thể và theo các chuẩn mực nhất định.*

Trên cơ sở khái niệm năng lực, chương 1 của Luận án đã hình thành khái niệm năng lực dạy học và phát triển năng lực năng lực dạy học với các nội hàm cụ thể là:

Năng lực dạy học là tổ hợp các yếu tố kiến thức, kĩ năng, thái độ sư phạm và kinh nghiệm cá nhân cho phép giáo viên thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ dạy học theo chuẩn đặt ra, trong những điều kiện nhất định.

Phát triển năng lực dạy học là quá trình sinh viên thực hành, luyện tập một cách thường xuyên, hệ thống các hoạt động dạy học theo mục tiêu, nội dung, quy trình chuẩn thực hiện công việc trong một thời gian nhất định để họ tích lũy và có được hệ thống năng lực nhằm thực hiện mục tiêu dạy học ngày càng đạt hiệu quả cao.

Giáo dục trải nghiệm là mô hình học tập mà ở đó người dạy tập trung vào quá trình tạo ra các trải nghiệm và dẫn dắt người học chủ động học tập bằng trải nghiệm thông qua những môi trường và điều kiện nhất định với sự sáng tạo của cá nhân trong việc kết nối kinh nghiệm học được trong nhà trường với thực tiễn của đời sống, của nghề nghiệp nhờ đó các kinh nghiệm được tích lũy thêm và dần chuyển hoá thành năng lực thực tiễn, phẩm chất và năng lực sáng tạo đa dạng của các em.

Bằng việc làm rõ các khái niệm có liên quan như năng lực, năng lực dạy học, phát triển năng lực dạy học; phân tích đặc điểm đào tạo ĐHSP Nghệ thuật, chương 1 của Luận án đã xác lập được hệ thống các năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật bao gồm: *Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học; Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập; Năng lực thiết kế dạy học; Năng lực dạy học trực tiếp*.

Từ việc phân tích vai trò và đặc điểm của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật; Luận án cũng đã xác định các thành tố và con đường phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm. Các thành tố đó là: Mục tiêu phát triển, nội dung phát triển và phương pháp phát triển. Các con đường trải nghiệm để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật gồm: (1) Qua hoạt động dạy học, (2) Qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm trong trường, (3) Qua các hoạt động thực hành, kiến tập, thực tập sư phạm.

Từ đó, xác yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm, gồm: (1) Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên; (2) Năng lực sư phạm của giảng viên; (3) Kiểm tra, đánh giá; (4) Môi trường, điều kiện rèn luyện phát triển năng lực dạy học.

Những kết quả nghiên cứu ở chương 1 đã tạo cơ sở lí luận để giải quyết các nhiệm vụ, nội dung nghiên cứu ở các chương tiếp theo của Luận án.

Chương 2
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

2.1. Giới thiệu quá trình khảo sát thực trạng

2.1.1. Mục đích, đối tượng và phạm vi khảo sát

- Mục đích khảo sát:

Điều tra, khảo sát thực tế nhằm thu thập số liệu để đánh giá thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm một cách khách quan, cụ thể để phân tích, tìm ra ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, làm cơ sở thực tiễn cho việc đề xuất các nội dung đổi mới khắc phục những hạn chế đó.

- Đối tượng khảo sát:

Để có thông tin làm cơ sở cho việc phân tích thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm, đã điều tra, khảo sát trên sinh viên và giảng viên chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật tại một số trường đào tạo ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật và giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mĩ thuật tại các trường THCS.

- Phạm vi khảo sát:

Luận án được nghiên cứu ở một số trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật (Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; ĐHSP Hà Nội; ĐHSP Nghệ thuật Trung ương) và một số trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2.1.2. Nội dung khảo sát

Quá trình điều tra, khảo sát tập trung vào những nội dung sau:

+ Khảo sát thực trạng năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

+ Khảo sát thực trạng nhận thức về phát triển năng lực dạy học nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

+ Khảo sát thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

2.1.3. Phương pháp khảo sát

- Phương pháp quan sát sư phạm

Tiến hành quan sát hoạt động phát triển năng lực dạy học của sinh viên trong các giờ học rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kiến tập, thực tập sư phạm,

trong Hội thi Nghiệp vụ sư phạm, giải quyết các tình huống sư phạm, thực hành phát triển năng lực dạy học của sinh viên.

Dự giờ 16 bài giảng của sinh viên trong các giờ học rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kiến tập, thực tập sư phạm (8 bài giảng ở nhóm thực nghiệm, 8 bài giảng ở nhóm đối chứng) tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa để thu thập thông tin phục vụ cho việc đánh giá thực trạng phát triển năng lực dạy học và thực nghiệm biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

- Phương pháp điều tra bằng phiếu hỏi

Để có thông tin làm cơ sở cho việc phân tích thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật, tác giả đã khảo sát bằng phiếu hỏi với 399 sinh viên, giảng viên chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật và giáo viên dạy môn Âm nhạc, môn Mĩ thuật tại các trường THCS; cụ thể:

Mẫu số 1: Khảo sát 287 sinh viên (92 sinh viên trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; 98 sinh viên trường ĐHSP Hà Nội; 98 sinh viên ĐHSP Nghệ thuật Trung ương).

Mẫu số 2: Khảo sát 57 giảng viên (18 giảng viên trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; 19 giảng viên trường ĐHSP Hà Nội; 20 giảng viên trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương).

Mẫu số 3: Khảo sát 55 giáo viên tại 18 trường THCS trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. (Các mẫu phiếu khảo sát xem phụ lục số 2,3,4)

- Phương pháp điều tra bằng phỏng vấn trực tiếp

Tác giả đã thực hiện phỏng vấn trực tiếp 6 nhà khoa học, 12 giảng viên, 8 cán bộ quản lý tại 3 trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật; 50 giáo viên cơ sở về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

2.2. Khái quát về các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật

2.2.1. Quá trình đào tạo

2.2.1.1. Lịch sử nhà trường

Trong những năm 70 - 80 của thế kỷ XX, nhiệm vụ đào tạo giáo viên Âm nhạc và Mĩ thuật cho trường phổ thông chủ yếu tập trung ở trường CĐSP Nhạc Họa Trung ương (nay là trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương). Sau đó, vào thập niên 90 của thế kỷ XX, các trường Đại học, CĐSP, các trường Văn hóa nghệ thuật địa phương cũng đào tạo các ngành này. Tuy nhiên, ở các trường này, Âm nhạc, Mĩ thuật chỉ là một

môn ghép với các môn khác thành một bộ môn hoặc một khoa. Việc tuyển sinh không thường xuyên mà phụ thuộc vào nhu cầu của địa phương qua từng giai đoạn.

Từ năm 2002 trở lại đây, trước yêu cầu giáo dục con người toàn diện, nhu cầu cần có giáo viên chuyên trách dẫn đến nhiều trường TCSP, CĐSP, ĐHSP và trường Văn hóa Nghệ thuật địa phương đào tạo giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật dưới nhiều hình thức, nổi bật nhất là liên kết đào tạo. Một số trường đại học thành lập khoa Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật hoặc khoa Sư phạm Nghệ thuật. Có thể thấy, lúc này vai trò của các trường đào tạo giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật được đặc biệt chú trọng.

Hiệu quả giáo dục nghệ thuật cho học sinh phổ thông trong những thập kỷ qua, cần phải nói đến công sức, thành quả đào tạo của các trường, khoa Sư phạm Nghệ thuật, với "vị trí đầu đàn" gần 50 năm truyền thống của trường ĐHSP Nghệ thuật Trung ương, Khoa Giáo dục Nghệ thuật của trường ĐHSP Hà Nội với hơn 40 năm đào tạo giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật tại Thủ đô và một vài trường CĐSP địa phương.

Tại Thanh Hóa, trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, tiền thân là trường Sơ cấp Văn hóa - Nghệ thuật (1968), đến năm 1970 nâng cấp thành Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật, năm 2004 nâng cấp lên trường Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật và đến năm 2011 được nâng cấp lên Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Nhà trường đào tạo đa ngành, đa hệ, trong đó có đào tạo lĩnh vực Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật. Từ những năm 1981 trường đào tạo bậc Trung cấp; đến năm 1997 đào tạo Cao đẳng, từ 2012 đào tạo ĐHSP Âm nhạc, Mĩ thuật.

2.2.1.2. Quy mô đào tạo chuyên ngành sư phạm nghệ thuật

Năm 2002, khi bắt đầu triển khai thay Sách giáo khoa giáo dục Âm nhạc, Mĩ thuật đại trà, chỉ có khoảng 35% số trường Tiểu học, và THCS có giáo viên chuyên trách dạy Âm nhạc, Mĩ thuật.

Năm 2009, theo thông tin từ Bộ Giáo dục và đào tạo, cả nước thiếu gần 10.000 giáo viên Mĩ thuật và Âm nhạc.

Năm 2012, đội ngũ giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật trong toàn quốc lớn mạnh hơn nhiều cả về số lượng cũng như chất lượng. Một số thành phố lớn, một số địa phương đã đáp ứng khoảng 90% nhu cầu giáo viên Âm nhạc/ Mĩ thuật của các trường.

Năm 2016, theo số liệu thống kê của Vụ Giáo dục Tiểu học và Vụ Giáo dục Trung học, số lượng giáo viên dạy các môn nghệ thuật đã đủ cho 15.254 trường Tiểu học và 10.911 trường THCS cả nước. Tuy nhiên, trên thực tế thì số lượng giáo viên nghệ thuật đang ở tình trạng mất cân đối. Đa số các trường ở thành phố, thị xã, thị

trấn mới có giáo viên dạy chuyên trách; còn các trường ở vùng khó khăn, vùng miền núi xa xôi thì hầu như còn thiếu giáo viên dạy các môn này.

Hiện nay, trong chương trình giáo dục phổ thông, môn Âm nhạc và Mĩ thuật thuộc khối kiến thức bắt buộc từ Tiểu học đến THCS. Tháng 7 năm 2017, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã chính thức thông qua. Trong đó, môn nghệ thuật được đưa vào cả ba cấp học: TH, THCS (môn học bắt buộc), THPT (môn tự chọn). Điều này dẫn đến sự thiếu đồng bộ trong chương trình giáo dục phổ thông hiện hành cũng như vai trò hướng nghiệp cho học sinh có năng khiếu nghệ thuật từ bậc THPT lên bậc học cao hơn (Trung học chuyên nghiệp, Cao đẳng và Đại học).

2.2.1.3. Đội ngũ giảng viên dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật

Đội ngũ giảng viên tại các khoa, các trường đào tạo chuyên ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật, phần lớn được đào tạo bài bản, chính quy trong các trường nghệ thuật lớn mang tính hàn lâm. Họ được đào tạo kĩ năng chuyên sâu về chuyên môn nhưng lí luận, kiến thức nền về giáo dục và đào tạo còn hạn chế. Có thể họ cảm thụ nghệ thuật tốt, sáng tác giỏi nhưng truyền đạt và giáo dục thẩm mĩ lại là vấn đề khác nữa. Trong bối cảnh hiện nay khi mà nhịp sống thay đổi từng giờ, nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội nên các trào lưu nghệ thuật cũng thay đổi. Thậm chí quan điểm nghệ thuật cũng không ngừng vận động. Việc cập nhật thông tin, sàng lọc và nhận định của từng cá thể trong xã hội luôn là đòi hỏi nếu như mỗi con người không muốn tự loại mình. Thực tế cho thấy những luận điểm về nghệ thuật (qua các bài giảng) đã được đưa vào chương trình 30 - 40 năm nhưng vẫn được giảng trong thời điểm hiện nay. Qua việc nghiên cứu tư liệu và thông qua thực tiễn thì nội dung chương trình mới đặc biệt là những kiến thức có tính cập nhật đáp ứng xu thế phát triển chung là không thể thiếu trong nội dung giảng dạy trong các trường đại học.

2.2.1.4. Đội ngũ giảng viên dạy nghiệp vụ sư phạm

Trên thực tế chất lượng đội ngũ giảng viên dạy nghiệp vụ sư phạm được coi là nhân tố có vai trò chủ đạo, quyết định trực tiếp chất lượng đào tạo nói chung và đào tạo nghiệp vụ sư phạm nói riêng cho giáo viên tương lai. Ngoài công tác trọng tâm là giảng dạy, các giảng viên còn tham gia các hoạt động văn hoá nghệ thuật trong và ngoài nhà trường. Tuy nhiên, một bộ phận không nhỏ đội ngũ giảng viên này chưa đáp ứng được yêu cầu thực tiễn về chuyên môn và nghiệp vụ, đội ngũ này vừa yếu, lại vừa thiếu, đặc biệt là giảng viên phương pháp giảng dạy bộ môn. Một mặt, từ trước đến nay vẫn tồn tại định kiến sai lầm rằng, những người không có khả năng làm

nghiên cứu thì vào tổ bộ môn Phương pháp hoặc ai cũng có thể dạy phương pháp miễn là có trình độ khoa học cơ bản. Điều này kéo theo việc bộ môn Phương pháp bị coi nhẹ không chỉ ở giảng viên mà cả ở sinh viên sư phạm. Bên cạnh đó, nhiều giảng viên dạy nghiệp vụ sư phạm lại thiếu kinh nghiệm và không hiểu biết về thực tiễn giáo dục phổ thông. Điều này dẫn đến việc giảng dạy lí thuyết suông, xa vời thực tế.

Để khắc phục tình trạng trên, nhiều năm qua, các nhà trường đặc biệt chú trọng nâng cao năng lực sư phạm, bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên. Công việc này được thể hiện trên các mặt:

- Khuyến khích, động viên giảng viên đi học sau đại học bằng nhiều hình thức tập trung, không tập trung... để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp phát triển giáo dục nói chung, giáo dục thẩm mĩ nói riêng. Cử giảng viên tham gia dự các lớp tập huấn Phương pháp dạy học tích cực, Phương pháp dạy học Đại học..., thay sách giáo khoa ở Tiểu học và THCS, lớp bồi dưỡng chuyên đề nghiệp vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức.

- Tổ chuyên môn thường xuyên dự giờ, nhận xét, góp ý các tiết dạy của giảng viên, đặc biệt là giảng viên trẻ. Thông qua đó cùng nhau trao đổi, rút kinh nghiệm nhằm từng bước hoàn thiện phương pháp dạy học bộ môn.

- Đội ngũ giảng viên không ngừng học tập, cập nhật kiến thức tin học, từng bước đưa công nghệ thông tin vào dạy học nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả giáo dục và đào tạo trong thời đại toàn cầu hóa.

2.2.1.5. Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ĐHSP Nghệ thuật

- Các trường đều có phòng học lí thuyết và phòng học thực hành chuyên ngành. Thiết bị giảng đường cơ bản được trang bị đồng bộ.

+ Phòng học lí thuyết trang bị hệ thống máy vi tính kết nối với máy chiếu đa năng, trang âm đảm bảo cho giảng viên thực hiện đổi mới phương pháp dạy học. Phòng học đạt tiêu chuẩn về diện tích, ánh sáng, chỗ ngồi theo quy định.

+ Các phòng chức năng như phòng học Tin học, phòng học Ngoại ngữ...

+ Phòng học nghiệp vụ mĩ thuật: Trang trí, Bố cục, Hình họa, Điêu khắc...

+ Phòng học nghiệp vụ âm nhạc như phòng thanh nhạc, phòng nhạc cụ, phòng múa, các thiết bị học tập chuyên ngành: Đàn piano, orgal, một số nhạc cụ dân tộc... phục vụ chuyên môn học tập và thực hành nhạc cụ của sinh viên.

- Hội trường đa năng, Trung tâm Thư viện, Nhà biểu diễn.

Về cơ bản, cơ sở vật chất và thiết bị dạy học ĐHSP Nghệ thuật chỉ đáp ứng ở mức tối thiểu. Với đặc thù chuyên ngành đào tạo, việc trang bị những phòng thực hành Nghiệp vụ sư phạm là cần thiết thì ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật hầu như không có hoặc có nhưng chưa đảm bảo.

2.2.1.6. Về chương trình, giáo trình, tài liệu tham khảo, thư viện

Hiện nay, các trường đào tạo Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật đều theo chương trình khung của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Từ năm 2004, Dự án Đào tạo giáo viên THCS đã cho xuất bản giáo trình hệ đào tạo CĐSP Âm nhạc/ CĐSP Mĩ thuật. Có thể nói, đây là bộ tài liệu rất cần thiết cho các trường đào tạo giáo viên âm nhạc/ giáo viên mĩ thuật. Tuy nhiên, để sử dụng bộ giáo trình này trong công tác đào tạo thì còn phải đề cập đến một số thiếu sót như: nội dung chương trình còn nặng, còn có những sai sót về học thuật nên khi áp dụng cho giáo sinh cũng chưa thực sự phù hợp. Vì vậy, trong quá trình đào tạo, nhà trường đã triển khai cho giảng viên biên soạn Tập bài giảng các học phần trong chương trình đào tạo và thực hiện công khai, minh bạch chương trình, giáo trình, tập bài giảng trên mạng thông tin điện tử.

Thư viện của các trường có phòng tra cứu thông tin, có phần mềm và các trang thiết bị phục vụ cho việc mượn, tra cứu tài liệu; có đủ nguồn thông tin tư liệu: sách, giáo trình, bài giảng của các học phần, các tài liệu liên quan; có tạp chí trong và ngoài nước, đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập các học phần/môn học trong chương trình đào tạo ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật.

2.2.2. Yêu cầu đặt ra cho đổi mới ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật

Giáo dục nghệ thuật có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển lâu dài về năng lực thẩm mĩ của học sinh. Sau hơn 2 năm công bố dự thảo, cuối tháng 7 năm 2017, Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể đã được chính thức thông qua. Trong đó, môn nghệ thuật được đưa vào cả ba cấp học: TH, THCS (môn học bắt buộc), THPT (môn tự chọn). Điều này khẳng định một lần nữa sự nhìn nhận, đánh giá của các nhà giáo dục về tầm quan trọng của giáo dục nghệ thuật với việc hình thành nhân cách, trí tuệ học sinh. Đồng thời cũng từ đó đặt ra cho các cơ sở đào tạo giáo viên nghệ thuật những đòi hỏi, yêu cầu mới với vai trò là nơi đào tạo nguồn nhân lực cho công tác giảng dạy nghệ thuật bậc phổ thông.

Để thực hiện tốt nhiệm vụ nâng cao năng lực nhà giáo đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện, góp phần vào việc thực hiện thành công chương trình giáo dục phổ thông tổng thể mới, không thể không đề cập tới việc nâng cao năng lực nhà giáo

trong lĩnh vực nghệ thuật - một lĩnh vực với những đòi hỏi mang tính đặc thù cao, trong khi giáo viên nghệ thuật vẫn còn tồn tại những bất cập và chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới. Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên nghệ thuật cho các trường phổ thông là việc làm hết sức cần thiết, chiến lược và lâu dài trong công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước giai đoạn hiện nay. Trong lĩnh vực giáo dục nghệ thuật, các nhà trường luôn xác định rõ ràng nhiệm vụ, mục tiêu đối với công cuộc đổi mới giáo dục của đất nước đó là đào tạo ra đội ngũ những nhà giáo có chuyên môn, năng lực và phẩm chất tốt, phù hợp với yêu cầu của thời đại, đáp ứng được yêu cầu công việc của lĩnh vực giáo dục đặc thù - giáo dục nghệ thuật.

Một số văn bản về đổi mới ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật:

- Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị lần thứ 8 Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế;

- Quyết định số 732/QĐ-TTg ngày 29/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án "Đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý cơ sở giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục phổ thông giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025";

- Quyết định số 6181/QĐ-BGDĐT ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành kế hoạch hành động của ngành Giáo dục triển khai chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020 và chương trình hành động của Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021, Bộ phận thường trực Ban chỉ đạo đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục xây dựng kế hoạch hành động với những mục tiêu cơ bản như: Nâng cao năng lực đào tạo, bồi dưỡng của các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về chất lượng đào tạo của các trường sư phạm; nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

- Kết luận tại cuộc họp về công tác chuẩn bị đội ngũ giáo viên phổ thông dạy các môn đặc thù của Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 19/05/2017 do Bộ trưởng Phùng Xuân Nhạ chủ trì đã nhấn mạnh tới vai trò chủ động của các nhà trường trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên Nghệ thuật.

Định hướng đào tạo giáo viên nghệ thuật trình độ đại học trong giai đoạn tới

Để định hướng cụ thể và là cơ sở chính xác cho việc đào tạo, bồi dưỡng năng lực giáo viên nghệ thuật, chuẩn bị nguồn giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật cho bậc học phổ thông phù hợp với chủ trương đổi mới sách giáo khoa, bổ sung sách giáo khoa Âm nhạc, Mĩ thuật ở cấp học THPT, nhiệm vụ đề ra cho các cơ sở đào tạo giáo viên nghệ thuật trình độ đại học là:

+ Phải bồi dưỡng, đào tạo lại đội ngũ giảng viên đại học đạt trình độ chuẩn.

+ Phải tổ chức đánh giá số lượng, năng lực giáo viên giảng dạy các môn nghệ thuật ở trường phổ thông, từ đó chỉ ra được thực trạng năng lực giáo viên giảng dạy các môn học này so với yêu cầu đổi mới.

+ Nghiên cứu chương trình giáo dục phổ thông và chương trình các môn học về nghệ thuật; từ đó xây dựng chuẩn năng lực nghề nghiệp giáo viên nghệ thuật các bậc phổ thông. Việc xây dựng dự thảo chương trình, bồi dưỡng theo chuẩn được tiến hành với 2 nhóm là Âm nhạc, Mĩ thuật cho các cấp trong hệ thống giáo dục phổ thông. Mục tiêu, nội dung chương trình đào tạo giáo viên nghệ thuật cần phải được tiếp cận với năng lực thực hiện phù hợp với những đổi mới trong giáo dục và đào tạo.

+ Rà soát điều chỉnh mục tiêu, chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo theo năng lực, theo chuẩn đầu ra của ngành đào tạo giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật.

+ Xây dựng hệ thống giáo trình, đổi mới phương thức đào tạo, phương thức kiểm tra đánh giá, rà soát đầu tư cơ sở vật chất để đảm bảo chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật trình độ đại học phù hợp với điều kiện mới.

2.3. Thực trạng năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

Chúng tôi tổng hợp kết quả điều tra trên 287 sinh viên, 57 giảng viên của 3 trường (Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa; ĐHSP Hà Nội; ĐHSP Nghệ thuật Trung ương) và 55 giáo viên trường cơ sở hướng dẫn thực tập sư phạm với 2 loại phiếu: dành cho sinh viên tự đánh giá và dành cho giảng viên nghiệp vụ, giáo viên trường cơ sở đánh giá. Đánh giá thực trạng năng lực dạy học theo các mức độ: Tốt, Khá, Trung bình, Yếu, Rất yếu.

2.3.1. Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học

Khảo sát năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học của sinh viên, kết quả tương đối tương đồng ở các nhóm nghiên cứu: đa số (47,2%) ý kiến cho rằng năng lực nghiên cứu người học và việc học ở sinh viên đạt mức Trung bình; Có 3,6% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên ở mức Tốt; 27,9% đánh giá mức Khá và có đến 21,3% ý kiến nhận định năng lực này ở mức Yếu và Rất yếu (Bảng 2.1).

Bảng 2.1. Đánh giá năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học

TT	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học	Mức độ	Giảng viên		Sinh viên		Giáo viên		Tỉ lệ chung	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Tổng số	Tỉ lệ %
1	Năng lực quan sát người học và hành vi học tập	Tốt	2	3,5	7	2,4	3	5,5	12	3,8
		Khá	19	33,3	107	37,3	23	41,8	149	37,5
		TB	27	47,4	125	43,6	23	41,8	175	44,2
		Yếu	7	12,3	39	13,6	4	7,3	50	11,0
		Rất yếu	2	3,5	9	3,1	2	3,6	13	3,4
2	Năng lực đo lường đặc điểm tâm, sinh lí người học	Tốt	1	1,8	7	2,4	3	5,5	11	3,2
		Khá	13	22,8	75	26,1	13	23,6	101	24,2
		TB	30	52,6	142	49,5	29	52,7	201	51,6
		Yếu	12	21,1	51	17,8	8	14,5	71	17,8
		Rất yếu	1	1,8	12	4,2	2	3,6	15	3,2
3	Năng lực điều tra bằng các kĩ thuật thông thường	Tốt	2	3,5	7	2,4	3	5,5	12	3,8
		Khá	12	21,1	71	24,7	13	23,6	96	23,1
		TB	29	50,9	146	50,9	29	52,7	204	51,5
		Yếu	12	21,1	54	18,8	8	14,5	74	18,1
		Rất yếu	2	3,5	9	3,1	2	3,6	13	3,4
4	Năng lực thu thập và phân tích dữ liệu học tập	Tốt	2	3,5	7	2,4	3	5,5	12	3,8
		Khá	23	40,4	111	38,7	19	34,5	153	37,9
		TB	22	38,6	115	40,1	21	38,2	158	38,9
		Yếu	9	15,8	47	16,4	9	16,4	65	16,2
		Rất yếu	1	1,8	7	2,4	3	5,5	11	3,2
5	Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa	Tốt	2	3,5	5	1,7	3	5,5	10	3,6
		Khá	10	17,5	59	20,6	7	12,7	76	16,9
		TB	25	43,9	141	49,1	31	56,4	197	49,8
		Yếu	15	26,3	63	22,0	10	18,2	88	22,1
		Rất yếu	5	8,8	19	6,6	4	7,3	28	7,6
Trung bình		Tốt	9	3,2	33	2,3	15	5,5	57	3,6
		Khá	77	27,0	423	29,5	75	27,3	575	27,9
		TB	133	46,7	669	46,6	133	48,4	935	47,2
		Yếu	55	19,3	254	17,7	39	14,2	348	17,1
		Rất yếu	11	3,9	56	3,9	13	4,7	80	4,2

Trong đó, năng lực đánh giá ở mức Khá tập trung vào *Năng lực quan sát người học và hành vi học tập* (37,5%) và *Năng lực thu thập và phân tích dữ liệu học tập* (37,9%). Năng lực được đánh giá ở mức độ Trung bình là *Năng lực đo lường những đặc điểm tâm - sinh lí của người học* (51,6%) và *Năng lực điều tra bằng các kĩ thuật thông thường* (51,5) được. *Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa* các đánh giá tập trung điểm ở mức độ Yếu và Rất yếu (29,7%) (Bảng 2.1).

Kết quả đánh giá trên theo chúng tôi là chưa cao. Kết quả khảo sát cho thấy, việc sinh viên có năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học không chỉ thông qua hoạt động dạy học trên giảng đường đại học của các cơ sở đào tạo giáo viên nghệ thuật, bên cạnh đó là sự phụ thuộc vào hiệu quả việc tổ chức trải nghiệm thực tiễn hoạt động dạy học môn Âm nhạc, Mĩ thuật tại các trường phổ thông cơ sở.

2.3.2. Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập

Đánh giá về năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập của sinh viên, các ý kiến có nhiều điểm rất khác nhau. Số đông sinh viên cho rằng năng lực này của mình chỉ đạt mức Trung bình (chiếm 46,0 %), trong khi đó 40% giảng viên hướng dẫn đánh giá sinh viên đạt mức Khá, còn đa số giáo viên phổ thông cho rằng, năng lực này của sinh viên ở mức Trung bình (chiếm 46,9%) và có đến 24,4% giáo viên phổ thông nhận định ở mức độ Yếu hoặc Rất yếu (Bảng 2.2). Có lẽ tự đánh giá của sinh viên là chính xác, hơn ai hết, họ biết năng lực của mình đạt ở mức độ nào.

Trong hệ thống năng lực thuộc nhóm năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập thì năng lực tổ chức lớp và nhóm học tập của sinh viên được các ý kiến đánh giá ở mức độ tốt nhất (6,3% mức Tốt; 41,9% mức Khá). Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực học tập các ý kiến đánh giá mức Yếu và Rất yếu cao nhất (23,8% và 8,3%) (Bảng 2.2).

Thực tế cho thấy, đặc thù loại hình giờ học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật là dạy học thực hành, tiết học được chia thành các hoạt động cụ thể, nhiều hoạt động gắn liền với hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm tổ. Vì vậy, việc sinh viên thiết kế kế hoạch dạy học tốt là cơ sở quan trọng cho thực hiện tốt hoạt động lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập. Mà trong quá trình sinh viên học tập các môn nghiệp vụ, thực hành nghiệp vụ sư phạm, thực tập sư phạm, giảng viên nghiệp vụ và giáo viên phổ thông hướng dẫn, điều chỉnh, kiểm soát việc thiết kế kế hoạch dạy học - đây cũng là cơ sở quan trọng để năng lực này ở sinh viên tốt hơn một số năng lực dạy học khác.

Bảng 2.2. Đánh giá năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập

TT	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập	Mức độ	Giảng viên		Sinh viên		Giáo viên		Tỉ lệ chung	
			Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
1	Năng lực thuyết phục và hợp tác với người học	Tốt	1	1,8	11	3,8	2	3,6	14	3,1
		Khá	22	38,6	84	29,3	17	30,9	123	32,9
		TB	25	43,9	132	46,0	26	47,3	183	45,7
		Yếu	7	12,3	51	17,8	7	12,7	65	14,3
		Rất yếu	2	3,5	9	3,1	3	5,5	14	4,0
2	Năng lực phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học	Tốt	2	3,5	9	3,1	1	1,8	12	2,8
		Khá	23	40,4	73	25,4	13	23,6	109	29,8
		TB	20	35,1	142	49,5	28	50,9	190	45,2
		Yếu	10	17,5	51	17,8	10	18,2	71	17,8
		Rất yếu	2	3,5	12	4,2	3	5,5	17	4,4
3	Năng lực khuyến khích, động viên người học	Tốt	2	3,5	9	3,1	1	1,8	12	2,8
		Khá	23	40,4	69	24,0	11	20,0	103	28,1
		TB	21	36,8	146	50,9	27	49,1	194	45,6
		Yếu	9	15,8	54	18,8	14	25,5	77	20,0
		Rất yếu	2	3,5	9	3,1	2	3,6	13	3,4
4	Năng lực tổ chức lớp và nhóm học tập	Tốt	3	5,3	18	6,3	4	7,3	25	6,3
		Khá	30	52,6	116	40,4	18	32,7	164	41,9
		TB	20	35,1	114	39,7	20	36,4	154	37,1
		Yếu	4	7,0	37	12,9	10	18,2	51	12,7
		Rất yếu	0	0,0	2	0,7	3	5,5	5	2,1
5	Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực học tập	Tốt	2	3,5	13	4,5	2	3,6	17	3,9
		Khá	16	28,1	56	19,5	10	18,2	82	21,9
		TB	18	31,6	126	43,9	28	50,9	172	42,1
		Yếu	15	26,3	72	25,1	11	20,0	98	23,8
		Rất yếu	6	10,5	20	7,0	4	7,3	30	8,3
Trung bình		Tốt	10	3,5	60	4,2	10	3,6	80	3,8
		Khá	114	40,0	398	27,7	69	25,1	581	30,9
		TB	104	36,5	660	46,0	129	46,9	893	43,1
		Yếu	45	15,8	265	18,5	52	18,9	362	17,7
		Rất yếu	12	4,2	52	3,6	15	5,5	79	4,4

2.3.3. Năng lực thiết kế dạy học

Quá trình khảo sát từ giảng viên, sinh viên và giáo viên phổ thông về năng lực thiết kế dạy học của sinh viên thu được kết quả như sau (Bảng 2.3):

Bảng 2.3. Đánh giá năng lực thiết kế dạy học

TT	Năng lực thiết kế dạy học	Mức độ	Giảng viên		Sinh viên		Giáo viên		Tỉ lệ chung	
			Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %
1	Năng lực xác định mục tiêu dạy học	Tốt	4	7,0	7	2,4	3	5,5	14	5,0
		Khá	23	40,4	107	37,3	23	41,8	153	39,8
		TB	28	49,1	125	43,6	23	41,8	176	44,8
		Yếu	2	3,5	39	13,6	4	7,3	45	8,1
		Rất yếu	0	0,0	9	3,1	2	3,6	11	2,3
2	Năng lực thiết kế hoạt động của người dạy và người học	Tốt	2	3,5	7	2,4	3	5,5	12	3,8
		Khá	23	40,4	75	26,1	13	23,6	111	30,0
		TB	28	49,1	142	49,5	29	52,7	199	50,4
		Yếu	3	5,3	51	17,8	8	14,5	62	12,5
		Rất yếu	1	1,8	12	4,2	2	3,6	15	3,2
3	Năng lực thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học	Tốt	3	5,3	7	2,4	3	5,5	13	4,4
		Khá	20	35,1	71	24,7	13	23,6	104	27,8
		TB	29	50,9	146	50,9	29	52,7	204	51,5
		Yếu	4	7,0	54	18,8	8	14,5	66	13,5
		Rất yếu	1	1,8	9	3,1	2	3,6	12	2,8
4	Năng lực thiết kế học liệu và phương tiện trực quan, phương tiện e-learning	Tốt	3	5,3	7	2,4	3	5,5	13	4,4
		Khá	24	42,1	111	38,7	19	34,5	154	38,4
		TB	26	45,6	115	40,1	21	38,2	162	41,3
		Yếu	3	5,3	47	16,4	9	16,4	59	12,7
		Rất yếu	1	1,8	7	2,4	3	5,5	11	3,2
5	Năng lực thiết kế môi trường học tập	Tốt	3	5,3	5	1,7	3	5,5	11	4,2
		Khá	14	24,6	59	20,6	7	12,7	80	19,3
		TB	33	57,9	141	49,1	31	56,4	205	54,5
		Yếu	5	8,8	63	22,0	10	18,2	78	16,3
		Rất yếu	2	3,5	19	6,6	4	7,3	25	5,8
Trung bình		Tốt	15	5,3	33	2,3	15	5,5	63	4,3
		Khá	104	36,5	423	29,5	75	27,3	602	31,1
		TB	144	50,5	669	46,6	133	48,4	946	48,5
		Yếu	17	6,0	254	17,7	39	14,2	310	12,6
		Rất yếu	5	1,8	56	3,9	13	4,7	74	3,5

Kết quả khảo sát về năng lực thiết kế dạy học của sinh viên cho thấy: Có 4,3% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên ở mức độ Tốt; 31,1% đánh giá mức Khá; 48,5% Trung bình và đến 16,1% ý kiến cho rằng năng lực thiết kế dạy học của sinh viên ở mức Yếu và Rất yếu (Bảng 2.3*)*.

Tuy nhiên, những khảo sát này chỉ đánh giá khái quát, không có tiêu chí để so sánh cụ thể nên ý kiến đánh giá còn chung chung, mang nặng cảm tính, cũng giống như việc đánh giá kết quả thực hành nghiệp vụ sư phạm hiện nay. Do vậy, ngoài việc khảo sát các đối tượng điều tra, tác giả còn tiến hành nghiên cứu kết quả các học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và hồ sơ kiến tập, thực tập sư phạm của sinh viên.

Kết quả cho thấy năng lực thiết kế dạy học của sinh viên thấp hơn nhiều so với kết quả khảo sát, cụ thể:

- Xác định mục tiêu dạy học chưa hướng vào người học (chiếm 37%). Điều này lý giải phần nào về sự không phù hợp giữa chất lượng đào tạo ĐHSP Nghệ thuật với yêu cầu thực tế ở trường phổ thông (do không xác định đúng mục tiêu). Khi trao đổi và phỏng vấn thêm giáo viên phổ thông và sinh viên, họ cho rằng đã quen với việc xác định mục đích, yêu cầu bài học (theo truyền thống) và sự hướng dẫn của giảng viên còn chưa cụ thể;

- Thiết kế hoạt động của người dạy và người học: Xác định hoạt động của người dạy vẫn đóng vai trò trung tâm của quá trình dạy học (chiếm 88%). Nghiên cứu giáo án của sinh viên trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm và kiến tập, thực tập sư phạm cho thấy hoạt động dạy - học cơ bản vẫn là *thầy truyền đạt, thị phạm mẫu - trò lắng nghe, thực hiện theo mẫu.* Việc giảng dạy không lấy học sinh làm trung tâm, hoạt động học của người học vẫn là hoạt động thụ động. Việc có được hoạt động của người học là theo quy định của mẫu giáo án, chứ bản chất vẫn là thiết kế dạy học theo kiểu truyền thống, chỉ khác về mặt hình thức, chứ nội dung Rất yếu gì mới;

- Xác định phương pháp và kĩ thuật dạy học: Phỏng vấn và trao đổi với các đối tượng được khảo sát, các ý kiến đều cho rằng khó khăn khi lựa chọn được các phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp với nội dung và đối tượng để phát huy tính tích cực của người học. Theo họ, các phương pháp dạy học truyền thống dễ sử dụng, Rất yếu những đòi hỏi nhiều về kiến thức và kinh nghiệm của người thực hiện, trong khi đó, các phương pháp dạy học tích cực khó vận dụng, đòi hỏi nhiều cả kiến thức, kinh nghiệm và các điều kiện đảm bảo cho hoạt động dạy học;

- Phương tiện dạy học được xác định dưới dạng liệt kê trong mục *đồ dùng và phương tiện dạy học* theo quy định của mẫu giáo án chứ sinh viên không khai thác triệt để tính năng của phương tiện trong quá trình dạy học, đặc biệt dạy học các môn Âm nhạc/ Mĩ thuật. Sinh viên còn lúng túng trong sử dụng nhạc cụ, trong thị phạm mẫu và hướng dẫn cách vẽ cho học sinh. Điều này càng khẳng định việc thiết kế dạy học chỉ tập trung vào hoạt động của giáo viên và phương tiện dạy học là để hỗ trợ hoạt động dạy của người dạy mà không nhằm để tổ chức hoạt động của người học.

Do hầu hết sinh viên đều thông thạo máy tính, nên họ ít gặp khó khăn khi thực hiện xây dựng bài học điện tử (xây dựng trình chiếu điện tử phục vụ quá trình dạy học). Tuy nhiên, khi đánh giá nội dung này theo các tiêu chí xác định, thì đến 88% hồ sơ bài giảng không đạt yêu cầu. Hầu hết phần trình chiếu điện tử chỉ là bản sao của nội dung dạy học, chủ yếu giúp người dạy không quên giáo án, chứ thiếu sự gia công sư phạm. Mặt khác, nội dung thể hiện không đảm bảo tính sư phạm, tính khoa học. Do vậy, khi thực hiện sẽ không đạt hiệu quả mong muốn.

Như vậy, kết quả khảo sát và những nghiên cứu cụ thể trên đây cho thấy, năng lực thiết kế dạy học của sinh viên như xác định đúng mục tiêu dạy học; thiết kế hoạt động của giáo viên và học sinh trong bài học; lựa chọn phương pháp và phương tiện dạy học... còn nhiều hạn chế. Điều này cũng góp phần lý giải, tại sao kết quả thực hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực dạy học của sinh viên rất cao nhưng năng lực dạy học, mà thực chất là dạy học theo định hướng phát triển năng lực của sinh viên lại chưa đáp ứng yêu cầu của thực tiễn dạy học.

Nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là sinh viên còn lúng túng và thụ động trong cách làm việc với giáo trình, tài liệu, cụ thể là chưa biết cách khai thác, lựa chọn kiến thức, kĩ năng cần dạy, chưa tập trung năng lượng tư duy vào những điểm sáng, điểm có vấn đề hay trọng tâm của bài dạy.

2.3.4. Năng lực dạy học trực tiếp

Bên cạnh kết quả khảo sát, để đánh giá năng lực dạy học trực tiếp, tác giả tiến hành nghiên cứu thêm thực tiễn kết quả học phần Thực hành nghiệp vụ sư phạm thường xuyên, kết quả kiến tập, thực tập sư phạm.

Kết quả nghiên cứu như sau (Bảng 2.4):

Bảng 2.4. Đánh giá năng lực dạy học trực tiếp

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ	Giảng viên		Sinh viên		Giáo viên		Tỉ lệ chung	
			Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %
1	Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp	Tốt	6,0	10,5	28	9,8	4	7,3	38	9,2
		Khá	14,0	24,6	91	31,7	18	32,7	123	29,7
		TB	32,0	56,1	139	48,4	29	52,7	200	52,4
		Yếu	5,0	8,8	29	10,1	4	7,3	38	8,7
		Rất yếu	0,0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0
2	Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập	Tốt	2,0	3,5	11	3,8	3	5,5	16	4,3
		Khá	16,0	28,1	89	31,0	16	29,1	121	29,4
		TB	32,0	56,1	155	54,0	31	56,4	218	55,5
		Yếu	5,0	8,8	26	9,1	4	7,3	35	8,4
		Rất yếu	2,0	3,5	6	2,1	1	1,8	9	2,5
3	Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình dạy học	Tốt	2,0	3,5	4	1,4	2	3,6	8	2,8
		Khá	16,0	28,1	80	27,9	16	29,1	112	28,3
		TB	32,0	56,1	177	61,7	28	50,9	237	56,2
		Yếu	5,0	8,8	16	5,6	7	12,7	28	9,0
		Rất yếu	2,0	3,5	10	3,5	2	3,6	14	3,5
4	Năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học	Tốt	2,0	3,5	8	2,8	2	3,6	12	3,3
		Khá	14,0	24,6	76	26,5	13	23,6	103	24,9
		TB	34,0	59,6	164	57,1	28	50,9	226	55,9
		Yếu	5,0	8,8	30	10,5	8	14,5	43	11,3
		Rất yếu	2,0	3,5	9	3,1	4	7,3	15	4,6
5	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học nghệ thuật	Tốt	2,7	4,7	20	6,9	3	6,1	26	5,9
		Khá	15,8	27,8	89	31,1	16	29,7	121	29,5
		TB	27,5	48,2	131	45,5	26	47,0	184	46,9
		Yếu	7,5	13,2	32	11,0	6	11,2	45	11,8
		Rất yếu	3,5	6,1	16	5,6	3	6,1	23	5,9
Trung bình		Tốt	15	5,1	71	4,9	14	5,2	100	5,1
		Khá	76	26,6	425	29,6	79	28,8	580	28,4
		TB	158	55,3	766	53,3	142	51,6	1065	53,4
		Yếu	28	9,6	133	9,2	29	10,6	189	9,8
		Rất yếu	10	3,3	41	2,9	10	3,8	61	3,3

Kết quả nghiên cứu cho thấy:

- *Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp*

Đánh giá về năng lực này qua phiếu điều tra và quan sát giờ dạy của sinh viên đều có kết quả tương đồng: 9,2% mức Tốt; 29,7% đạt mức Khá; 52,4% đạt mức Trung bình; 8,7% ở mức Yếu và không có lựa chọn mức Rất yếu ở năng lực này (Bảng 2.4).

Qua quan sát của tác giả, những trường hợp đạt mức yếu thường là thiếu tự tin, mất bình tĩnh, nắm không vững chuyên môn (không thuộc bài), dẫn đến trình bày vấn đề rời rạc, không logic, mạch lạc, thiếu sức lôi cuốn, hấp dẫn và như vậy số yếu này cũng không phải do không có "năng khiếu" mà ở đây là quá trình rèn luyện chưa đảm bảo. Trao đổi thêm với nhiều sinh viên, giảng viên, giáo viên phổ thông về vấn đề này, tác giả cũng nhận được nhiều sự đồng tình về những đánh giá đó.

- *Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập*

Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập của người học phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trong đó năng lực chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm của giáo viên giữa vai trò quyết định.

Đánh giá về năng lực này qua phiếu điều tra và quan sát giờ dạy của sinh viên cho thấy: 4,3% mức Tốt; 29,4% đạt mức Khá; 55,5% đạt mức Trung bình; 8,4% ở mức Yếu và 2,5% ở mức Rất yếu (Bảng 2.4).

- *Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập*

Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập thể hiện qua công việc giám sát, kiểm tra mức độ nắm vững kiến thức, kĩ năng và thái độ ở người học trong giờ học. Qua kết quả điều tra, có 12,5% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên Yếu và Rất yếu, 56,2% mức Trung bình, 31,1% đạt mức Khá và Tốt.

Tuy nhiên, qua quan sát giờ dạy của sinh viên cho thấy, đa phần sinh viên thực hiện công việc này còn lúng túng, gượng ép, việc nhận xét không phù hợp với đánh giá (xếp loại), đánh giả còn tùy tiện, cảm tính, nhất là đánh giá, nghiệm thu sản phẩm (đo lường, kiểm tra chất lượng sản phẩm) của học sinh sau quá trình luyện tập. Kết quả cuối cùng là việc kiểm tra, đánh giá trong dạy học không đạt mục tiêu đề ra, hiệu quả thấp. Trong khi, với môn Âm nhạc, Mĩ thuật việc kiểm tra, đánh giá có những đặc thù riêng, tác động không nhỏ đến kết quả học tập và quá trình phấn đấu của học sinh trong quá trình học tập.

- *Năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học*

Với các tiêu chí đánh giá cụ thể thông qua bài giảng, việc vận dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học của sinh viên cho kết quả: 3,3% Tốt, 24,9% Khá, 55,9% Trung bình, 11,3% ở mức Yếu và 4,6 ở mức Rất yếu.

Đánh giá mức độ sử dụng các phương pháp dạy học vào trong quá trình phát triển năng lực dạy học cho thấy: Hầu hết các phương pháp dạy học truyền thống vẫn là các phương pháp được sử dụng nhiều nhất, trong đó nhóm phương pháp thuyết trình và thị phạm mẫu là nhiều hơn cả; phương pháp đàm thoại, trực quan cũng được sử dụng nhiều sau đó. Các phương pháp dạy học tích cực như dạy học theo góc, dạy theo nhóm, dạy theo hợp đồng, đóng vai ... chiếm một tỷ lệ rất thấp.

Tuy nhiên, để phát huy tính tích cực của người học nhất là chỉ bằng các phương pháp dạy học truyền thống là điều hết sức khó khăn. Khi phỏng vấn, trao đổi thêm, cả giảng viên hướng dẫn và giáo viên phổ thông đều cho rằng đa số sinh viên lúng túng trong sử dụng phương tiện dạy học, đặc biệt là sử dụng đàn phím điện tử trong quá trình dạy học đối với sinh viên sư phạm Âm nhạc và sử dụng máy chiếu hoặc thị phạm mẫu các thao tác, các bước của bài vẽ trong giờ dạy Mĩ thuật. Trong khi đó, đây là điều kiện bắt buộc để triển khai hoạt động dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông. Một hiện trạng nữa qua dự giờ của sinh viên tác giả còn phát hiện, nhiều sinh viên quá lạm dụng phương tiện dạy học, làm cho giờ giảng bị rối, không phát huy được hiệu quả của phương tiện dạy học.

- *Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật*:

Kết quả khảo sát về về năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật thể hiện qua bảng sau (Bảng 2.5):

Bảng 2.5. Đánh giá năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật

TT	Năng lực thực hiện biện pháp và kĩ thuật dạy học nghệ thuật	Mức độ	Giảng viên		Sinh viên		Giáo viên		Tỉ lệ chung	
			Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %
1	Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật	Tốt	6	10,5	28	9,8	6	10,9	40	10,4
		Khá	19	33,3	89	31,0	17	30,9	125	31,8
		TB	24	42,1	137	47,7	26	47,3	187	45,7
		Yếu	8	14,0	33	11,5	6	10,9	47	12,1
		Rất yếu	0	0,0	0	0,0	0	0,0	0	0,0

TT	Năng lực thực hiện biện pháp và kĩ thuật dạy học nghệ thuật	Mức độ	Giảng viên		Sinh viên		Giáo viên		Tỉ lệ chung	
			Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %	Điểm TB	Tỉ lệ %
2	Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu	Tốt	5	8,8	24	8,4	5	9,1	34	8,7
		Khá	17	29,8	84	29,3	15	27,3	116	28,8
		TB	32	56,1	143	49,8	28	50,9	203	52,3
		Yếu	3	5,3	26	9,1	6	10,9	35	8,4
		Rất yếu	0	0,0	10	3,5	1	1,8	11	1,8
3	Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật	Tốt	3	5,3	22	7,7	8	14,5	33	9,2
		Khá	17	29,8	108	37,6	21	38,2	146	35,2
		TB	22	38,6	105	36,6	19	34,5	146	36,6
		Yếu	9	15,8	29	10,1	6	10,9	44	12,3
		Rất yếu	6	10,5	23	8,0	1	1,8	30	6,8
4	Năng lực phân tích và hướng dẫn học sinh phân tích giá trị nghệ thuật	Tốt	0	0,0	10	3,5	0	0,0	10	1,2
		Khá	17	29,8	65	22,6	16	29,1	98	27,2
		TB	28	49,1	146	50,9	26	47,3	200	49,1
		Yếu	6	10,5	44	15,3	6	10,9	56	12,3
		Rất yếu	6	10,5	22	7,7	7	12,7	35	10,3
5	Năng lực phát hiện và giải quyết vấn đề trong thực tiễn dạy học	Tốt	2	3,5	12	4,2	1	1,8	15	3,2
		Khá	16	28,1	95	33,1	20	36,4	131	32,5
		TB	24	42,1	130	45,3	23	41,8	177	43,1
		Yếu	10	17,5	29	10,1	6	10,9	45	12,9
		Rất yếu	5	8,8	21	7,3	5	9,1	31	8,4
6	Năng lực hỗ trợ, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật	Tốt	0	0,0	22	7,7	0	0,0	22	2,6
		Khá	9	15,8	94	32,8	9	16,4	112	21,6
		TB	35	61,4	122	42,5	33	60,0	190	54,6
		Yếu	9	15,8	28	9,8	7	12,7	44	12,8
		Rất yếu	4	7,0	21	7,3	6	10,9	31	8,4
Trung bình		Tốt	16	4,7	118	6,9	20	6,1	154	5,9
		Khá	95	27,8	535	31,1	98	29,7	728	29,5
		TB	165	48,2	783	45,5	155	47,0	1103	46,9
		Yếu	45	13,2	189	11,0	37	11,2	271	11,8
		Rất yếu	21	6,1	97	5,6	20	6,1	138	5,9

+ Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật

Với sinh viên ĐHSP Nghệ thuật, nhận thức và cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật có thể xem là năng lực cơ bản, nền tảng cho sự phát triển các năng lực chuyên biệt khác. Vì vậy, trong nhiều năng lực, năng lực nhận thức và cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật được đa số ý kiến đánh giá tương đối thống nhất. Có đến 10,4% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên đạt mức Tốt và 31,8% mức Khá, mức Trung bình 45,7%, chỉ có 12,1% ý kiến cho rằng năng lực nhận thức ngôn ngữ nghệ thuật của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật ở mức Yếu và không có ý kiến đánh giá ở mức Rất yếu (Bảng 2.5).

+ Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu

Hiệu quả của việc biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật phụ thuộc phần lớn vào tố chất và năng khiếu nghệ thuật cũng như quá trình rèn luyện về nghiệp vụ của mỗi người. Trong đó, yếu tố năng khiếu và tố chất cá nhân của người học được sát hạch từ đầu vào tuyển sinh. Năng này đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng với các năng lực khác, nhất là năng lực chuyên môn (kỹ thuật). Khi tiến hành dự giờ, quan sát sinh viên thực hiện, tác giả thấy, đa số sinh viên chú trọng đến năng lực chuyên môn nhiều hơn là năng lực sư phạm, quá chú ý vào việc làm ra sản phẩm hơn là hướng dẫn làm ra sản phẩm đó như thế nào, điều này dẫn đến kết quả: Chính sinh viên hay bị sai hỏng vì áp lực tâm lí hoặc học sinh không hình dung chính xác về biểu tượng công việc. Điều này thể hiện ở việc khi trình diễn, sinh viên thường thiếu định hướng hành động cho học sinh (mục đích, yêu cầu, trình tự của các thao động tác...); lúng túng trong việc trình diễn thao tác, thao tác thiếu chính xác (mặc dù kĩ năng chuyên môn, tay nghề ở nhiều sinh viên khá); giải thích không rõ ràng những thao, động tác khó thực hiện...

Khi được hỏi về năng lực này có 8,7% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên ở mức Tốt; 28,8 % đánh giá mức Khá; 52,3% mức Trung bình và có 10,2% ý kiến cho rằng năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật của sinh viên ở mức Yếu và Rất yếu (Bảng 2.5).

+ Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật

Kết quả khảo sát về năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật của sinh viên cho thấy: Trung bình các ý kiến được hỏi ở giảng viên, sinh viên và giáo viên phổ thông có 9,2% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên ở mức độ Tốt, 6,8% mức Rất yếu. Tuy nhiên, việc đánh giá không tương đồng giữa các nhóm. Giảng viên có lẽ vì yêu cầu chuyên môn cao hơn trong biểu hiện tính sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật, vì vậy chỉ có 5,3% ý kiến cho rằng cho rằng năng lực này của sinh viên đạt mức Tốt và

đến 10,5% ở mức Rất yếu. Trong khi đó, giáo viên phổ thông lại cho rằng: năng lực này ở sinh viên Tốt (14,5%) và chỉ có 1,8% mức Rất yếu (Bảng 2.5).

+ Năng lực phân tích và hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật

Theo kết quả khảo sát về năng lực phân tích và hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật của sinh viên cho thấy: Có 1,2% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên ở mức độ Tốt; 27,2% đánh giá mức Khá; 49,1% Trung bình và đến 22,6% ý kiến cho rằng năng lực thiết kế dạy học của sinh viên ở mức Yếu và Rất yếu (Bảng 2.5*)*.

+ Năng lực phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật

Để có năng lực *phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật*, phải được tổng hòa từ nhiều yếu tố**,** mặt khác, biểu hiện của năng lực này là rất rõ ở mỗi cá nhân, tạo nên dấu ấn và nét riêng biệt cá nhân của mỗi người. Tỉ lệ lựa chọn cho thấy ý kiến nhận định về năng lực này ở sinh viên có sự tương đồng ở ba nhóm khảo sát (giảng viên, sinh viên, giáo viên phổ thông). Tổng hợp kết quả khảo sát về năng lực *phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật* của sinh viên cho thấy: Có 3,2% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên ở mức Tốt; 32,5% đánh giá mức Khá; 43,1% mức Trung bình và đến 21,3% ý kiến cho rằng năng lực này ở mức Yếu và Rất yếu (Bảng 2.5).

+ Năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật

Kết quả điều tra ở cả giảng viên, sinh viên và giáo viên phổ thông, có đến 21,2% ý kiến cho rằng năng lực này của sinh viên còn Yếu và Rất yếu; 54,6% ở mức Trung bình, 21,6% đạt mức Khá và tỉ lệ Tốt rất thấp (2,6%).

Tỉ lệ khảo sát ở các mức độ ở năng lực này có sự chênh lệch, không tương đồng ở các nhóm khách thể khảo sát. Số đông sinh viên cho rằng năng lực này ở họ đạt mức độ Tốt và Khá đến 40,5%. Trong khi đó giảng viên và giáo viên phổ thông cho rằng năng lực này ở sinh viên Khá là 15,8% và 16,4%. Họ đều cho rằng năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật ở sinh viên chưa đạt mức Tốt (Bảng 2.5).

Thực tế cho thấy, năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật thể hiện qua hoạt động dạy học trên lớp và hoạt động ngoại khóa nghệ thuật ở trường phổ thông. Trong khi, việc tiếp cận với hoạt động giáo dục

nghệ thuật ở trường phổ thông của sinh viên chưa nhiều, chỉ thông qua các đợt thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm nên điều đó cũng hạn chế năng lực này ở sinh viên. Bản thân các em nhìn nhận còn chưa thực sự khách quan về năng lực này. Vì vậy việc nhận định về năng lực này ở bản thân sinh viên còn chưa sát.

Như vậy, từ kết quả khảo sát, có thể tổng hợp chung về năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật cụ thể như sau (Bảng 2.6):

Bảng 2.6. Tổng hợp chung về năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

TT	Tổng hợp chung về năng lực dạy học	Mức độ	Giảng viên	Sinh viên	Giáo viên	Tỉ lệ chung
1	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học	Tốt	3,2	2,3	5,5	3,6
		Khá	27,0	29,5	27,3	27,9
		TB	46,7	46,6	48,4	47,2
		Yếu	19,3	17,7	14,2	17,1
		Rất yếu	3,9	3,9	4,7	4,2
2	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập	Tốt	3,5	4,2	3,6	3,8
		Khá	40,0	27,7	25,1	30,9
		TB	36,5	46,0	46,9	43,1
		Yếu	15,8	18,5	18,9	17,7
		Rất yếu	4,2	3,6	5,5	4,4
3	Năng lực thiết kế dạy học	Tốt	5,3	2,3	5,5	4,3
		Khá	36,5	29,5	27,3	31,1
		TB	50,5	46,6	48,4	48,5
		Yếu	6,0	17,7	14,2	12,6
		Rất yếu	1,8	3,9	4,7	3,5
4	Năng lực dạy học trực tiếp	Tốt	5,1	4,9	5,2	5,1
		Khá	26,6	29,6	28,8	28,4
		TB	55,3	53,3	51,6	53,4
		Yếu	9,6	9,2	10,6	9,8
		Rất yếu	3,3	2,9	3,8	3,3
Tỉ lệ chung (%)		Tốt	4,3	3,4	4,9	4,2
		Khá	32,5	29,1	27,1	29,6
		TB	47,2	48,1	48,8	48,1
		Yếu	12,7	15,8	14,5	14,3
		Rất yếu	3,3	3,6	4,7	3,8

Hình 2.1. Biểu đồ tổng hợp chung về năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

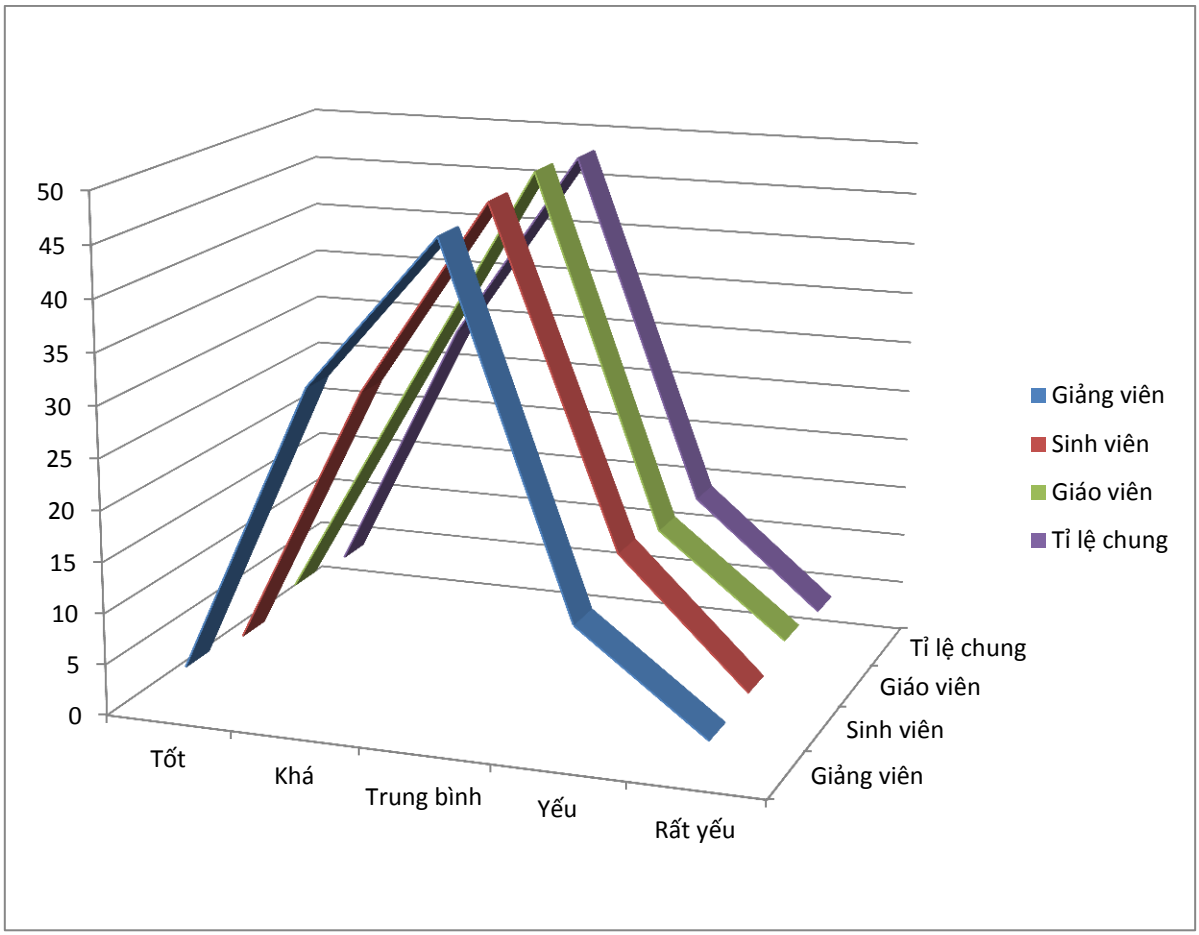

Nhìn chung, những kết quả đánh giá trên theo chúng tôi còn cao hơn thực tế. Nếu so với kết quả đánh giá thực tập sư phạm (phần lớn sinh viên được điểm 9, 10, rất ít điểm 7,8) thì mức độ các năng lực dạy học trực tiếp của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật là thấp hơn.

Tóm lại, qua ý kiến của các đối tượng có liên quan là sinh viên, giảng viên và giáo viên hướng dẫn sinh viên kiến tập, thực tập ở trường phổ thông, chúng tôi thấy nhiều điểm còn chưa hoàn toàn thống nhất. Tuy vậy, cả ba nhóm ý kiến trên đều có điểm chung thống nhất sau: Thực trạng về năng lực dạy học của sinh viên được chuẩn bị trong trường còn có một số mặt hạn chế, năng lực dạy học của sinh viên chủ yếu còn ở mức độ trung bình. Vì vậy, sinh viên mới dừng lại ở khả năng dạy đúng, dạy đủ chứ chưa thể dạy hay, dạy hấp dẫn được. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến khả năng hành nghề của sinh viên sau này. Như vậy, việc phát triển các năng lực dạy học vẫn là một vấn đề cần thiết và cấp bách trong đào tạo ĐHSP Nghệ thuật. Quá trình đào tạo của nhà trường cần có những biện pháp phù hợp để năng lực dạy học của sinh viên sớm được hình thành tốt hơn.

2.4. Thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

2.4.1.Thực trạng nhận thức về phát triển năng lực dạy học nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

2.4.1.1. Nhận thức về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật

Bảng 2.7. Tổng hợp ý kiến về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học

TT	Lựa chọn	Giảng viên (%)	Sinh viên (%)	Giáo viên (%)
1	Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở người học	42,1	47,4	34,5
2	Để khắc phục tính hàn lâm trong đào tạo	59,6	28,9	25,5
3	Để đạt kết quả cao trong học tập	35,1	55,4	32,7
4	Để làm chủ kiến thức và kĩ năng chuyên môn, nghiệp vụ	63,2	47,0	29,1
5	Để thực hiện nhiệm vụ đi thực tế, thực tập	24,6	48,4	38,2
6	Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này	52,6	35,9	41,8
7	Để có năng lực học tập và giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp	29,8	37,3	45,5
8	Để trở thành một giáo viên giỏi	31,6	54,0	60,0
9	Để hình thành năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	71,9	69,0	70,9

Nhìn vào bảng 2.7 ta thấy, đa số sinh viên, giảng viên và giáo viên phổ thông đã nhận thức đúng đắn về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật. Tỷ lệ giảng viên lựa chọn đáp án là "Để khắc phục tính hàn lâm trong đào tạo" chiếm 59,6%, "Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này" chiếm 52,6%. Tỷ lệ sinh viên lựa chọn đáp án "Để hình thành năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp"chiếm tỷ lệ cao nhất (69%). Tuy nhiên, phần đông sinh viên chưa trọng tâm vào một đáp án nào nhất định. Đối với giáo viên phổ thông, đáp án họ lựa chọn thường gắn liền với thực tiễn hoạt động dạy học ở trường phổ thông, đáp án "Để hình thành năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp" chiếm 70,9%, "Để trở thành một giáo viên giỏi" chiếm 60,0%, "Để có năng lực học tập và giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp" chiếm 45,5%.

So sánh nhận thực về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật giữa giảng viên, sinh viên và giáo viên phổ thông chúng ta thấy, giảng viên và giáo viên phổ thông nhận thức rất thực tế, thường hướng đến thực tiễn giảng dạy ở trường phổ thông, hình thành năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp. Sinh viên nhận thức về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học còn tương đối dàn trải và không sát với thực tế.

2.4.1.2. Nhận thức về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm

Theo đánh giá của giảng viên (bảng 2.8), yếu tố ảnh hưởng nhiều nhất tới hiệu quả phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật là: Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên (33,3%). Tiếp theo là 45,6 % về Yếu tố Kiểm tra, đánh giá và 43,6 % ý kiến về Năng lực của giảng viên có Ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm.

Theo nhận định của sinh viên (bảng 2.8), các yếu tố ảnh hưởng tới việc phát triển năng lực dạy học với các mức độ khác nhau; trong đó, sinh viên lựa chọn mức độ *Ảnh hưởng rất nhiều* gồm các yếu tố: Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên (33,1%), Năng lực sư phạm của giảng viên (24,7%).

Bảng 2.8. Tổng hợp ý kiến về các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm

TT	Lựa chọn	Đối tượng	Mức độ ảnh hưởng (%)				
			Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng trung bình	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên	Sinh viên	33,1	31,7	33,8	1,4	0,0
		Giảng viên	33,3	49,1	15,8	1,8	0,0
2	Năng lực của giảng viên	Sinh viên	24,7	43,6	30,3	1,4	0,0
		Giảng viên	22,8	40,4	33,3	3,5	0,0
3	Kiểm tra, đánh giá	Sinh viên	4,2	58,9	26,5	9,4	1,0
		Giảng viên	0,0	45,6	43,9	10,5	0,0
4	Môi trường, điều kiện rèn luyện phát triển năng lực dạy học	Sinh viên	3,8	34,5	33,8	26,5	1,4
		Giảng viên	0,0	35,1	52,6	12,3	0,0

Như vậy, giảng viên và sinh viên cho rằng việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm chịu ảnh hưởng của nhiều yếu tố. Nhìn chung, ý kiến của giảng viên và sinh viên về vấn đề này tương đối thống nhất. Đây là cơ sở quan trọng để chúng tôi xây dựng biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

2.4.2. Thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

2.4.2.1. Thực trạng mục tiêu phát triển năng lực dạy học

Hiện nay, mục tiêu phát triển năng lực dạy học trong thực hành nghiệp vụ sư phạm ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật có khác đôi chút, song cơ bản đều tập trung ở những mục tiêu như:

- Củng cố và vận dụng kiến thức, kĩ năng về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm vào giải quyết những nhiệm vụ cụ thể trong hoạt động dạy học;
- Tiếp tục rèn luyện để hình thành và hoàn thiện các năng lực dạy học cơ bản nhằm đảm bảo cho hoạt động dạy học đạt hiệu quả;
- Góp phần phát triển và hoàn thiện nhân cách người giáo viên.

Tùy thuộc vào từng điều kiện, hoàn cảnh, các trường đào tạo sư phạm nghệ thuật cụ thể hóa những mục tiêu trên thành những mục tiêu cụ thể hơn. Tuy nhiên, những mục tiêu này vẫn còn định tính, chưa hướng đến chuẩn đầu ra của người tốt nghiệp, dẫn đến thiếu tính thực tiễn.

Tổng hợp các ý kiến đánh giá của các đối tượng khảo sát về mức độ phù hợp của các mục tiêu phát triển năng lực dạy học trong thực hành nghiệp vụ sư phạm so với thực tiễn cho thấy hầu hết các ý kiến (chiếm 71,8) cho rằng mục tiêu chỉ là tương đối phù hợp và có 9,3 ý kiến cho rằng không phù hợp với thực tiễn (bảng 2.9)

Bảng 2.9. Tổng hợp đánh giá về mục tiêu phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

TT	Mức độ	Giảng viên (%)	Sinh viên (%)	Tỷ lệ chung (%)
1	Rất phù hợp	0	0	0
2	Phù hợp	22,8	18,1	18,9
3	Tương đối phù hợp	68,4	72,5	71,8
4	Không phù hợp	8,8	9,4	9,3

Hình 2.2. Biểu đồ tổng hợp đánh giá về mục tiêu phát triển năng lực dạy học

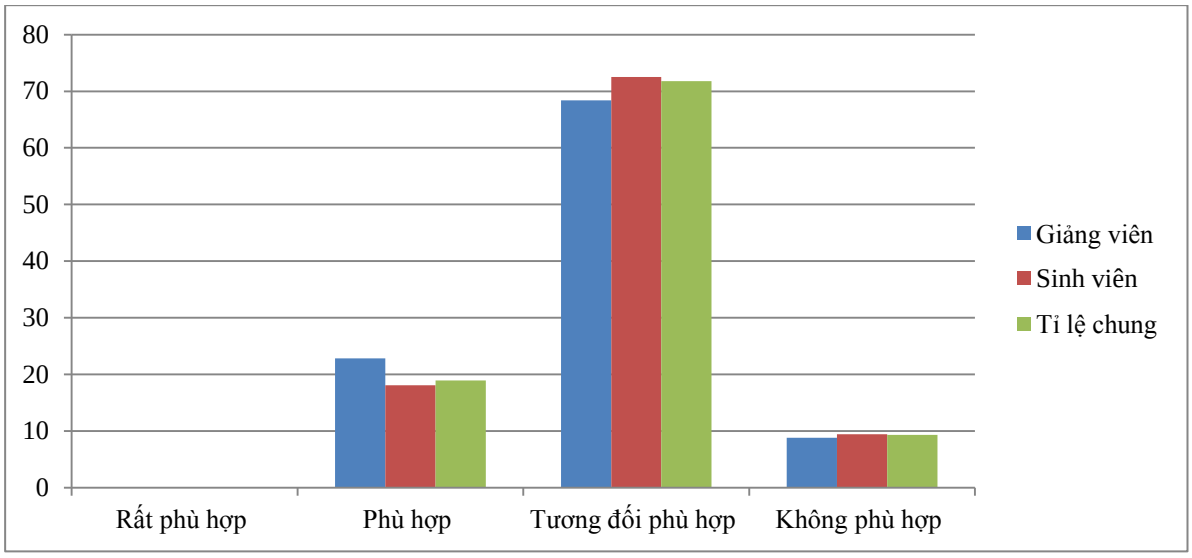

Mặt khác, qua trao đổi với giảng viên hướng dẫn nghiệp vụ ở một số trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật và giáo viên Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông thì mục tiêu rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nói chung, phát triển năng lực dạy học nói riêng hiện nay chỉ mang tính định hướng chung mà chưa theo mô hình định hướng phát triển năng lực (tập trung cụ thể vào kiến thức, kĩ năng, thái độ), trong khi đó, thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường phổ thông đã có nhiều thay đổi cả về mục tiêu, nội dung chương trình, phương pháp, cách thức tổ chức đào tạo.

Như vậy, thực hành nghiệp vụ sư phạm là hoạt động rèn luyện năng lực, thực hành, thực tập các công việc dạy học của sinh viên nhưng mục tiêu vẫn chỉ mang chất định tính mà không chỉ ra được những hoạt động cụ thể mà sinh viên cần thực hiện cũng như những tiêu chí cần đạt được trong quá trình rèn luyện.

2.4.2.2. Thực trạng nội dung phát triển năng lực dạy học

Tuy có khác nhau đôi chút về một số nội dung trong thực hành năng lực dạy học, song về cơ bản, việc rèn luyện phát triển năng lực dạy học của các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật được thiết kế gồm các nội dung sau:

Phần 1: Thực hành năng lực sư phạm

(Dành chung cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật)

Bài 1: Rèn luyện kĩ năng nói, đọc

1. Rèn luyện ngôn ngữ nói

2. Rèn luyện ngôn ngữ đọc

Bài 2: Rèn luyện kĩ năng viết

1. Rèn luyện kĩ năng viết trên giấy

2. Luyện kĩ năng viết bảng

Bài 3: Rèn luyện kĩ năng xử lí tình huống sư phạm

1. Mục đích, ý nghĩa của xử lí tình huống sư phạm
2. Quy trình xử lý tình huống sư phạm
3. Nguyên tắc xử lý tình huống sư phạm
4. Các dạng tình huống sư phạm thường xảy ra
5. Tổ chức rèn luyện.

Phần 2: Thực hành năng lực dạy học

(Dành cho sinh viên ĐHSP Âm nhạc)

Bài 1:Năng lực thiết kế và đánh giá kế hoạch bài học môn Âm nhạc

1. Năng lực thiết kế kế hoạch bài học
2. Năng lực đánh giá kế hoạch bài học
3. Tổ chức luyện tập

Bài 2: Năng lực thiết kế đồ dùng dạy học môn Âm nhạc

1. Phương pháp thiết kế đồ dùng dạy học môn Âm nhạc
2. Tổ chức luyện tập

Bài 3: Năng lực thi công bài giảng môn Âm nhạc

1. Nhóm bài 1 nội dung
2. Nhóm bài 2 nội dung
3. Nhóm bài 3 nội dung.

Phần 2: Thực hành năng lực dạy học

(Dành cho sinh viên ĐHSP Mĩ thuật)

Bài 1: Năng thiết kế và đánh giá kế hoạch bài học môn Mĩ thuật

1. Kĩ năng thiết kế kế hoạch bài học
2. Kĩ năng đánh giá kế hoạch bài học
3. Tổ chức luyện tập

Bài 2: Năng lực thiết kế đồ dùng dạy học môn Mĩ thuật

1. Phương pháp thiết kế đồ dùng dạy học môn Mĩ thuật
2. Tổ chức luyện tập

Bài 3: Năng lực thi công bài giảng

1. Phân môn Vẽ theo mẫu
2. Phân môn Vẽ trang trí
3. Phân môn Vẽ tranh
4. Phân môn Nặn tạo dáng
5. Phân môn Thường thức Mĩ thuật

Tổng hợp ý kiến đánh giá về nội dung phát triển năng lực dạy học của giảng viên và sinh viên (bảng 2.10) cho thấy:

Bảng 2.10. Tổng hợp ý kiến đánh giá về nội dung phát triển năng lực dạy học

TT	Mức độ	Giảng viên (%)	Sinh viên (%)	Tỷ lệ chung (%)
1	Rất phù hợp	0	0	0
2	Phù hợp	15,8	19,2	18,6
3	Tương đối phù hợp	49,1	57,1	55,8
4	Không phù hợp	35,1	23,7	25,6

Có 55,8% ý kiến cho rằng nội dung phát triển năng lực dạy học tương đối phù hợp với thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường phổ thông. Tuy nhiên, cũng có tới 25,6% ý kiến cho rằng nội dung phát triển năng lực dạy học không phù hợp. Tỷ lệ này được thể hiện rõ hơn ở giảng viên (35,1% cho rằng nội dung phát triển không phù hợp). Khi được hỏi thêm về nội dung này, giảng viên rèn luyện nghiệp vụ sư phạm ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật cho rằng nội dung phát triển năng lực dạy học hiện nay không theo kịp thực tế, thiếu gắn kết chặt chẽ với thực tiễn giáo dục phổ thông. Hiện nay, các trường phổ thông đang triển khai dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật theo định hướng phát triển năng lực, nhưng nội dung chương trình đào tạo giáo viên nghệ thuật nói chung, nội dung chương trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nói riêng vẫn theo truyền thống, dẫn đến năng lực sư phạm của người học được hình thành và phát triển trong quá trình đào tạo không đáp ứng được thực tế, cụ thể:

- Nội dung chương trình rèn luyện năng lực dạy học trong thực hành nghiệp vụ sư phạm cấu trúc chưa hợp lí, theo quy chế đào tạo cũ, chưa làm rõ các mức độ đạt được mục tiêu theo thang bậc kiến thức, kĩ năng và thái độ cho từng nội dung.

- Chưa thể hiện rõ yêu cầu tổ chức các hoạt động dạy học, phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá, các điều kiện đảm bảo về cơ sở vật chất, phương tiện dạy học… cho từng nội dung;

- Mối quan hệ, tính tích hợp các nội dung trong chương trình còn hạn chế;

- Nội dung chương trình đã được thực hiện nhiều năm, cũng đã có nhiều nghiên cứu, thay đổi nhưng cũng chỉ mới dừng lại ở việc hình thành các kĩ năng cơ bản như cách trình bày vấn đề, viết, trình bày bảng, thị phạm mẫu, diễn giải, gợi mở vấn đề bằng hệ thống câu hỏi, xử lý tình huống sư phạm…do đó, không phù hợp trước những biến đổi của khoa học, kỹ thuật, thông tin và công nghệ.

Hình 2.3. Biểu đồ ý kiến đánh giá về nội dung phát triển năng lực dạy học

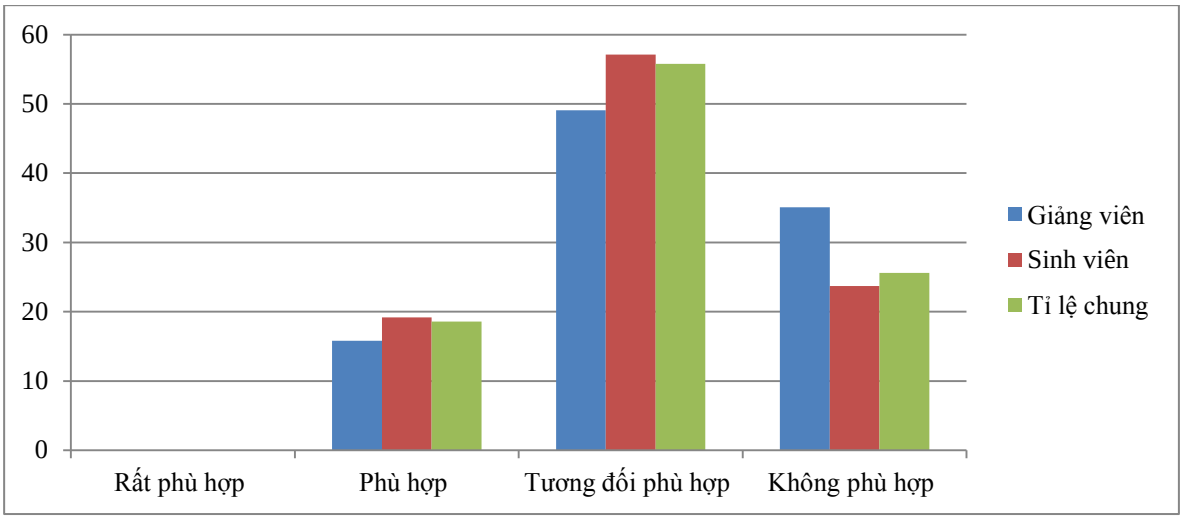

2.4.2.3. Thực trạng các con đường trải nghiệm để phát triển năng lực dạy học

Kết quả khảo sát về ảnh hưởng của các con đường trải nghiệm đến sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên, chúng tôi đã thu được như bảng sau (Bảng 2.11):

Bảng 2.11. Các con đường trải nghiệm ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học của sinh viên

TT	Các con đường	Đối tượng	Mức độ ảnh hưởng (%)				
			Ảnh hưởng rất nhiều	Ảnh hưởng nhiều	Ảnh hưởng trung bình	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Thông qua hoạt động dạy học	Sinh viên	5,6	28,2	52,6	12,2	1,4
		Giảng viên	0,0	22,8	66,7	10,5	0,0
		Giáo viên	0,0	14,5	52,7	32,7	0,0
		Trung bình	*1,87*	*21,8*	*57,3*	*18,5*	*0.5*
2	Thông qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và Hội thi Nghiệp vụ sư phạm	Sinh viên	12,9	56,1	29,3	1,7	0
		Giảng viên	21,1	73,7	5,2	0	0
		Giáo viên	5,5	63,6	30,9	0	0
		Trung bình	*13,2*	*64,5*	*21,8*	*0,6*	*0*
3	Thông qua các hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm	Sinh viên	32,6	40,8	26,0	0	0
		Giảng viên	36,8	54,4	8,8	0	0
		Giáo viên	43,6	54,5	1,8	0	0
		Trung bình	*37,7*	*49,9*	*12,2*	*0*	*0*

Số liệu khảo sát cho thấy, sinh viên, giảng viên và giáo viên phổ thông đã đánh giá tương đối đúng đắn về ảnh hưởng của các con đường trải nghiệm đến sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên.

Trong đó, các ý kiến tập trung nhấn mạnh đến ảnh hưởng của con đường Thông qua hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm: 37,7% ý kiến cho rằng hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm ảnh hưởng rất nhiều, 49,9% ảnh hưởng nhiều đến việc phát triển năng lực dạy học của sinh viên.

Về con đường Thông qua hoạt động dạy học: các ý kiến còn dàn trải. Giảng viên và giáo viên nhìn nhận thực tế hơn, một số ít sinh viên còn tập trung vào con đường dạy học ở trường sư phạm. Cá biệt có 5,6% sinh viên cho rằng đây là con đường ảnh hưởng rất nhiều đến phát triển năng lực dạy học ở họ. Với đánh giá như vậy sẽ chi phối và ảnh hưởng đến quá trình và hiệu quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên.

2.4.2.4. Thực trạng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học

Qua quan sát, dự giờ, nghiên cứu giáo án của các giảng viên chúng tôi thấy các giảng viên tiến hành dạy học theo 3 giai đoạn: Chuẩn bị dạy học, Tiến hành dạy học, Kết thúc dạy học. Mỗi giai đoạn thực hiện các công việc (hoạt động) nhất định.

Năng lực dạy học được hình thành và phát triển qua các giai đoạn của quá trình rèn luyện kĩ năng, thông qua quy trình như sau: (*1) Hướng dẫn ban đầu; (2) Hướng dẫn thường xuyên; (3) Hướng dẫn kết thúc.*

Đánh giá chung về mức độ phù hợp của quy trình phát triển năng lực dạy học tại các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật hiện nay, có 12,5% ý kiến cho rằng quy trình không phù hợp với thực tiễn và 64,2% khẳng định quy trình chỉ là tương đối phù hợp (bảng 2.12). Thật vậy, chỉ trong thời gian ngắn, với quá nhiều mục tiêu, thực hành năng lực dạy học không thể tập trung vào năng lực thực hiện của giáo viên nghệ thuật. Mặt khác, quy trình phát triển năng lực dạy học có tính độc lập tương đối, trong khi thực tiễn, các công việc này có thể thực hiện xen ghép với nhau.

Bảng 2.12. Đánh giá quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học

TT	Mức độ	Giảng viên (%)	Sinh viên (%)	Tỷ lệ chung (%)
1	Rất phù hợp	0	0	0
2	Phù hợp	26,3	22,6	23,3
3	Tương đối phù hợp	66,7	63,8	64,2
4	Không phù hợp	7,0	13,6	12,5

Khảo sát giảng viên và sinh viên về mức độ sử dụng từng công việc trong các bước tiến hành giờ dạy của giảng viên để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, kết quả kháo sát được thể hiện ở bảng 2.13:

Bảng 2.13. Mức độ sử dụng bước tiến hành giờ học để phát triển năng lực dạy học

Các bước tiến hành	Mức độ sử dụng các bước trong tiến hành dạy học							
	Rất thường xuyên		Thường xuyên		Không thường xuyên		Không sử dụng	
	GV	SV	GV	SV	GV	SV	GV	SV
1. Hướng dẫn ban đầu								
1.1. Nêu mục tiêu bài học	3,5	3,8	49,1	46,7	42,1	43,6	5,3	5,9
1.2. Kiểm tra điều kiện và kiến thức liên quan bài học	1,8	1,4	47,4	49,1	43,9	41,5	7,0	8,0
1.3. Xác định kiến thức, kĩ năng, phẩm chất và thái độ	3,5	2,8	40,4	43,6	49,1	44,9	7,0	8,7
1.4. Xác định nhiệm vụ và nội dung bài tập thực hành	8,8	8,0	54,4	50,9	36,8	39,0	0,0	2,1
1.5. Nêu khái quát trình tự các bước, các thao động tác	5,3	4,5	50,9	54,7	43,9	40,8	0,0	0,0
1.6. Biểu diễn và phân tích hành động mẫu	1,8	3,1	68,4	70,0	29,8	26,1	0,0	0,7
1.7. Hướng dẫn phiếu, thiết bị, dụng cụ, nhóm luyện tập	0,0	0,0	38,6	36,9	49,1	47,4	12,3	15,7
2.Hướng dẫn thường xuyên								
2.1. Giảng viên nêu nội dung bài tập thực hành	8,8	7,3	59,6	55,4	31,6	37,3	0,0	0,0
2.2. Sinh viên nghiên cứu bài tập, tìm hướng giải quyết	7,0	5,9	57,9	51,9	33,3	38,0	1,8	4,2
2.3. Sinh viên và nhóm học tập thực hiện luyện tập	14,0	12,5	63,2	66,9	22,8	20,6	0,0	0,0
2.4. Sinh viên tự đánh giá, nhóm đánh giá, giảng viên theo dõi, uốn nắn, kiểm tra	0,0	0,7	49,1	46,7	36,8	40,1	14,0	12,5
3. Hướng dẫn kết thúc								
3.1. Củng cố kiến thức	0,0	1,0	47,4	48,4	36,8	32,4	15,8	18,1
3.2. Củng cố kỹ năng	3,5	2,1	42,1	37,6	42,1	46,3	12,3	13,9
3.3. Lưu ý ưu điểm, hạn chế sinh viên thường gặp	0,0	1,7	33,3	30,0	47,4	52,3	19,3	16,0
Tỉ lệ trung bình:	**4,1**	**3,9**	**50,1**	**49,2**	**39,0**	**39,3**	**6,8**	**7,6**
Trung bình chung	**4,0**		**49,7**		**39,1**		**7,2**	

Kết quả khảo sát cho thấy, quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên được giảng viên thực hiện thông qua giáo án và nội dung bài giảng để sinh viên tiếp thu kiến thức, luyện tập kĩ năng, hình thành kĩ xảo, tay nghề, phẩm chất và thái độ nghề nghiệp. Giảng viên đã tính tới những biện pháp phát huy tính tích cực, độc lập của sinh viên trong quá trình dạy học nhằm nâng cao chất lượng nắm tri thức của sinh viên. Tuy nhiên, chúng tôi cũng nhận thấy, trung bình mức độ sử dụng các bước trong tiến hành dạy học có đến 39,1% không thường xuyên 7,2%

không sử dụng và 49,7% thường xuyên, giảng viên chưa chú trọng nhiều đến rèn luyện để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên. Qua tìm hiểu, chúng tôi được biết, các học phần nghiệp vụ với thời lượng thực hành còn ít, biên chế lớp học đông, gây khó khăn cho giảng viên trong quá trình phát triển năng lực dạy học cho sinh viên. Vì vậy, mặc dù đã phản ánh tương đối bài bản và đầy đủ kiến thức, kĩ năng ấn định nhưng trong điều kiện thực tế hiện nay, quy trình này dễ làm cho sinh viên nhận thức và luyện tập thụ động, kém hiệu quả. Từ đó có thể làm cho sinh viên thiếu chủ động, không tích cực trong học tập, khi tốt nghiệp ra trường nhiều sinh viên chưa thật sự có năng lực thực hiện, lúng túng và không bắt nhịp ngay công việc của người giáo viên dạy nghệ thuật ở trường phổ thông.

2.4.2.5. Thực trạng đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học

Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học có ý nghĩa rất lớn đối với chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật. Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học nhằm phân loại chính xác năng lực sư phạm của từng giáo sinh trước khi trở thành nhà giáo thực sự. Đánh giá đúng đắn khoa học còn góp phần tạo nên sự công bằng trong giáo dục đào tạo, tạo động cơ lành mạnh thúc đẩy sinh viên thường xuyên rèn đức, luyện tài để có đủ phẩm chất và năng lực hoàn thành nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho thời kỳ công nghiệp hóa - hiện đại hóa.

Nghiên cứu kết quả năng lực dạy học của sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật cho thấy: Kết quả năng lực dạy học của sinh viên chủ yếu là khá, giỏi (khá 50,2%, giỏi 32,1%), trung bình (17,8%) - bảng 2.14.

Bảng 2.14. Kết quả phát triển năng lực dạy học

TT	Kết quả phát triển năng lực dạy học	Sinh viên trường (%)			Tỷ lệ chung (%)
		Đại học VH, TT, DL Thanh Hóa	ĐHSP Hà Nội	ĐHSP Nghệ thuật TW	
1	Giỏi	40,2	52,6	57,1	50,2
2	Khá	33,7	33,0	29,6	32,1
3	Trung bình	26,1	14,4	13,3	17,8
4	Yếu, kém	0	0	0	0

Hình 2.4. Biểu đồ tổng hợp kết quả phát triển năng lực dạy học

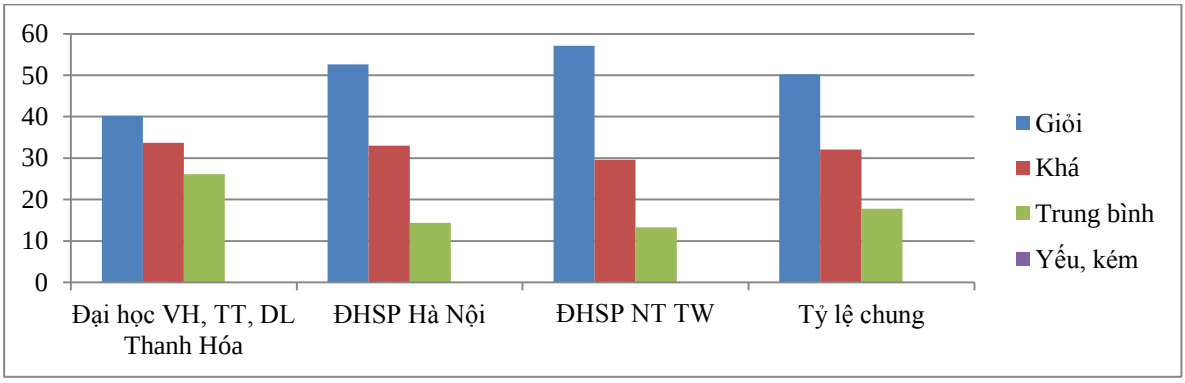

Theo đánh giá của nhiều giảng viên hướng dẫn thực hành năng lực dạy học, việc đánh giá kết quả thực hành nghiệp vụ sư phạm nói chung, thực hành năng lực dạy học nói riêng hiện nay không phản ánh đúng thực tế chất lượng rèn luyện, thường cao hơn so với thực tế (bảng 2.15): 16,9% ý kiến cho rằng việc đánh giá là không phù hợp; 60,8% khẳng định việc đánh giá chỉ ở mức tương đối phù hợp. Tuy nhiên, một số (chủ yếu là giảng viên hướng dẫn - chiếm 26,3%) cho rằng việc đánh giá phản ánh đúng chất lượng rèn luyện. Không có ý kiến nào cho rằng việc đánh giá kết quả rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực dạy học thấp hơn thực tế.

Bảng 2.15. Tổng hợp ý kiến đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học

TT	Mức độ	Giảng viên (%)	Sinh viên (%)	Tỷ lệ chung (%)
1	Rất phù hợp	0	0	0
2	Phù hợp	26,3	21,6	22,4
3	Tương đối phù hợp	64,9	60,0	60,8
4	Không phù hợp	8,8	18,5	16,9

Hình 2.5. Biểu đồ tổng hợp ý kiến đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học

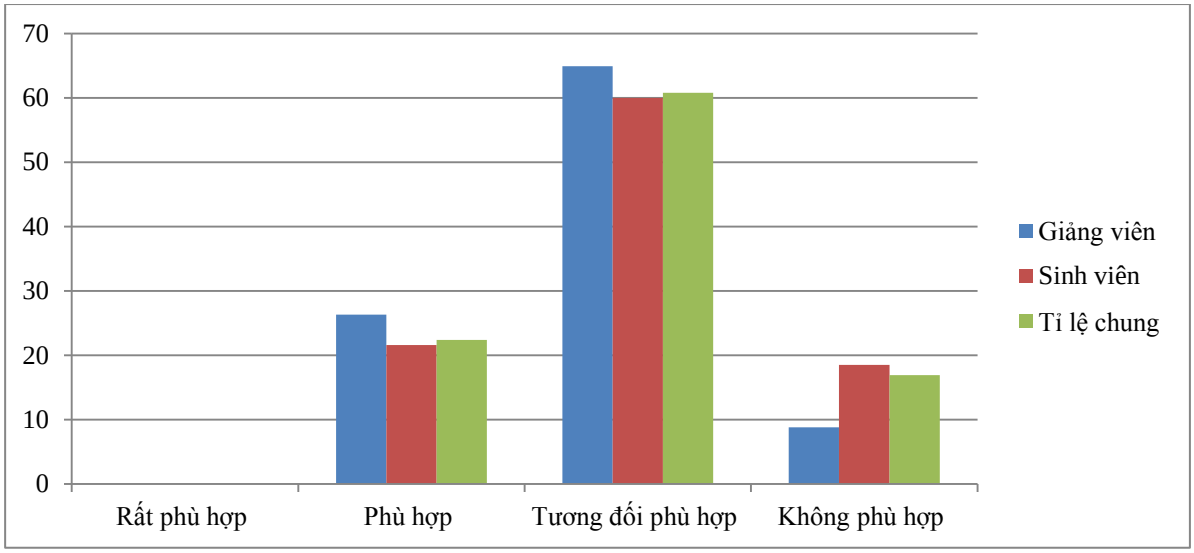

Theo tác giả, nếu việc đánh giá phản ánh đúng chất lượng rèn luyện năng lực dạy học (thỏa mãn mục tiêu thực hành nghiệp vụ sư phạm đặt ra) có nghĩa là mục tiêu thực hành nghiệp vụ sư phạm, mục tiêu phát triển năng lực dạy học hoàn toàn không phù hợp với thực tiễn, không đáp ứng yêu cầu thực tiễn giáo dục (kết quả chỉ phản ánh chất lượng bên trong quá trình thực hành nghiệp vụ dạy học chứ chưa đáp ứng được chất lượng bên ngoài). Chính kết quả khảo sát về năng lực dạy học của sinh viên sư phạm nghệ thuật là minh chứng cho những đánh giá đó.

2.4.2.6. Thực trạng những khó khăn trong quá trình phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

a. *Những khó khăn mà sinh viên gặp phải khi phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm*

Bảng 2.16. Những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong phát triển năng lực dạy học

TT	Các khó khăn	Tỉ lệ (%)
1	Thiếu mục tiêu để vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp	27,9
2	Thiếu động lực để tích cực rèn luyện	27,2
3	Năng khiếu, khả năng của sinh viên hạn chế	36,9
4	Thiếu giáo trình, tài liệu, học liệu tham khảo	16,4
5	Thiếu thời gian	14,3
6	Giảng viên chưa quan tâm, khuyến khích sinh viên rèn luyện	16,7
7	Thị phạm mẫu và quy trình rèn luyện chưa phù hợp	18,1
8	Giảng viên chưa hướng dẫn cụ thể cách học tập, rèn luyện	19,5
9	Thiếu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thuận lợi để rèn luyện	26,5
10	Thiếu bầu không khí tâm lí tích cực, say mê để khuyến khích sinh viên rèn luyện	28,2
11	Khó khăn khác	17,4

Về mặt chủ quan, sinh viên thường hay gặp những khó khăn: Năng khiếu, khả năng của sinh viên hạn chế (36,9%) là lựa chọn cao nhất; Thiếu mục tiêu để vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp (27,9%), Thiếu động lực để tích cực rèn luyện (27,2%).

Về mặt khách quan, sinh viên thường gặp những khó khăn: Thiếu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thuận lợi để rèn luyện (26,5%), Thiếu bầu không khí tâm lí tích cực, say mê để khuyến khích sinh viên rèn luyện (28,2%) - Bảng 2.16.

b. Những khó khăn mà giảng viên gặp phải khi tổ chức rèn luyện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

Về mặt chủ quan, đa số giảng viên gặp khó khăn như: Kiến thức và kĩ năng về tổ chức đào tạo theo định hướng phát triển năng lực còn hạn chế (42,1%) và Thiếu động lực để tổ chức sinh viên tích cực rèn luyện (33,3%). Về những khó khăn khách quan: Môi trường làm việc hợp tác tích cực, hiệu quả cho sinh viên còn hạn chế

(42,1%). Một khó khăn khác mà giảng viên cũng hay gặp phải khi tổ chức rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm nghệ thuật theo định hướng phát triển năng lực, đó là Năng khiếu, khả năng của sinh viên hạn chế (31,6%) - Bảng 2.17. Trong đào tạo sư phạm nghệ thuật, một trong những đặc thù là năng khiếu của người học cũng đóng vai trò quan trọng, tác động không nhỏ tới chất lượng hoạt động đào tạo.

Bảng 2.17. Những khó khăn mà giảng viên gặp phải khi tổ chức rèn luyện phát triển năng lực dạy học

TT	Các khó khăn	Tỉ lệ (%)
1	Môi trường để sinh viên vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp còn hạn chế	29,8
2	Thiếu động lực để tổ chức sinh viên tích cực rèn luyện	33,3
3	Năng khiếu, khả năng của sinh viên hạn chế	31,6
4	Thiếu giáo trình, tài liệu, học liệu tham khảo	22,8
5	Thiếu thời gian	19,3
6	Thiếu điều kiện tiếp xúc gần gũi để quan tâm, khuyến khích sinh viên rèn luyện	28,1
7	Kiến thức và kĩ năng về tổ chức đào tạo theo định hướng phát triển năng lực còn hạn chế	38,6
8	Môi trường làm việc hợp tác tích cực, hiệu quả cho sinh viên còn hạn chế	42,1
9	Thiếu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thuận lợi để rèn luyện	24,6
10	Thiếu bầu không khí tâm lí tích cực, say mê để khuyến khích sinh viên rèn luyện	28,1
11	Khó khăn khác	17,5

2.5. Đánh giá chung về thực trạng

2.5.1. Những mặt mạnh

- Việc tổ chức rèn luyện, phát triển năng lực dạy học tại các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật đã phần nào hình thành và phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, đóng góp quan trọng vào việc cung cấp số lượng đáng kể giáo viên nghệ thuật cho các trường phổ thông những năm qua.

- Quá trình rèn luyện, phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật đã bám sát quy định chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo; diễn ra tương đối liên

tục trong quá trình đào tạo, mỗi giai đoạn đề ra nội dung, yêu cầu cụ thể khác nhau. Một số năng lực dạy học của sinh viên đã được hình thành tương đối thuần thục. Sinh viên sau khi tốt nghiệp phần nào đã đáp ứng được yêu cầu thực tiễn giáo dục.

2.5.2. Những hạn chế

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu, khảo sát thực trạng, kết hợp với đánh giá từ thực tiễn đào tạo ĐHSP Nghệ thuật cho thấy:

Xét tổng thể, nhà trường đã áp dụng các biện pháp cơ bản trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên thông qua rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên; kiến tập, thực tập sư phạm; dự giờ giáo viên dạy giỏi. Tuy nhiên, quá trình rèn luyện, phát triển năng lực dạy học chưa thể hiện rõ tính liên tục, mục tiêu cụ thể cho mỗi giai đoạn rèn luyện chưa được xác định rõ ràng. Quá trình đào tạo còn khái quát chung chung, chưa đi vào cụ thể, chi tiết, chưa bám sát thực tiễn. Trong quá trình huấn luyện năng lực dạy học cho sinh viên chưa chú ý phân tích cấu trúc năng lực của giáo viên nghệ thuật để sinh viên có tiêu chí rèn luyện, phấn đấu. Phần lớn các năng lực dạy học của sinh viên mới dừng lại ở mức độ làm được nhưng chưa thuần thục, hoặc khi làm được khi không.

- Nội dung các năng lực dạy học chưa được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với tình hình mới, đặc biệt chưa xác định các năng lực dạy học mới, những năng lực nảy sinh do yêu cầu của thời đại như năng lực sử dụng máy vi tính trong dạy học, năng lực sử dụng các phương tiện dạy học hiện đại…

- Trong quá trình giảng dạy, phần thực hành bị cắt xén để dạy lí thuyết, đặc biệt các bộ môn Tâm lí học, Giáo dục học, thời gian dành cho thực hành khá nhiều nhưng phần lớn giảng viên đều dùng để dạy lí thuyết, điều này ảnh hưởng không nhỏ đến việc hình thành năng lực dạy học cho sinh viên.

- Trong quá trình rèn luyện, chủ yếu tập trung rèn luyện các năng lực truyền thụ, chưa xem việc rèn luyện năng lực chỉ là một khâu của việc hình thành năng lực nghề nghiệp cho sinh viên. Với nội dung rèn luyện như vậy có thể giúp cho người giáo viên thực hiện được các nhiệm vụ truyền thống lâu nay nhưng chưa đáp ứng được những đòi hỏi của thực tiễn giáo dục hiện nay.

- Năng lực thiết kế dạy học còn chưa đáp ứng yêu cầu, nhất là trong việc soạn giáo án, đề cương bài giảng. Một số sinh viên còn nhầm lẫn giữa mục đích và mục tiêu dạy học; không biết thiết kế hoạt động dạy học để phát huy được tính tích cực của người học. Việc xác định mục tiêu, nội dung, phương pháp, phương tiện dạy

học... nặng về truyền thống, chưa xác định người học là trung tâm của quá trình dạy học, do vậy toàn bộ công việc thiết kế dạy học chưa hướng tới việc hình thành và phát triển năng lực của người học.

- Năng lực dạy học trực tiếp còn hạn chế, thiếu tính sáng tạo, dập khuôn, máy móc trong việc vận dụng phương pháp; lúng túng trong sử dụng phương tiện dạy học; tùy tiện trong kiểm tra, đánh giá; thiếu linh hoạt trong xử lý tình huống sư phạm… không phát huy được tính tích cực, chủ động của người học. Sinh viên chưa bao quát lớp học, thường lúng túng, mất bình tĩnh; phân phối chú ý không đều, không chủ động về thời gian và thường lúng túng khi cho học sinh làm thử, tổ chức quan sát và phân công thực hành luyện tập. Mục tiêu thực hiện dạy học trở thành việc truyền tải hết nội dung đã chuẩn bị trong giáo án cho người học, chứ không phải là để hình thành và phát triển năng lực người học, dẫn đến kết quả dạy học thường không đạt được mục tiêu, nhất là mục tiêu ngoài (chất lượng công việc mà thực tiễn đòi hỏi).

- Quá trình đánh giá kết quả kiến tập, thực tập sư phạm quá cao với khả năng thực tế của sinh viên, vì thế không có tác dụng phân hoá sinh viên và không kích thích được sự phấn đấu vươn lên của họ.

Để sinh viên có được năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu thực tiễn, nghĩa là có năng lực thực hiện, đòi hỏi phải có sự nghiên cứu, đổi mới quá trình tổ chức rèn luyện nghiệp vụ sư phạm nói chung, phát triển năng lực dạy học nói riêng. Trong điều kiện không thể kéo dài thời gian luyện tập, để có sự đột phá, nâng cao được chất lượng phát triển năng lực dạy học, đòi hỏi phải thay đổi toàn diện từ mục tiêu, nội dung, quy trình, đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học theo một tiếp cận mới: *Tiếp cận giáo dục trải nghiệm.* Có như vậy, sinh viên sau quá trình thực hành nghiệp vụ sư phạm mới có được năng lực thực hiện, đáp ứng được yêu cầu của công việc.

2.5.3. Những nguyên nhân

Trong những năm qua, sinh viên do các trường đào tạo ra đã trở thành những giáo viên Âm nhạc, Mĩ thuật bắt nhịp được với công việc giảng dạy và hoạt động ngoại khóa ở các trường Tiểu học và THCS. Nhiều giáo viên không ngừng nỗ lực rèn luyện chuyên môn nghiệp vụ đã trở thành những giáo viên giỏi cấp huyện và cấp tỉnh. Nhiều sinh viên sau khi ra trường đã trở thành cán bộ Đoàn thanh niên, giáo viên dạy giỏi các môn năng khiếu (đàn Orgal, Hát, Vẽ) trong các nhà văn hóa, nhà thiếu nhi. Tuy nhiên, bên cạnh đó, vẫn còn nhiều giáo viên yếu kém cả chuyên môn lẫn khả năng hoạt động phong trào.

Thực tiễn quá trình đào tạo cho thấy, trong vài năm trở lại đây, số sinh viên có kết quả học tập từ trung bình khá trở xuống chiếm tỉ trọng nhiều hơn. Vậy nguyên nhân do đâu và rõ ràng chất lượng học tập của sinh viên như vậy sẽ mâu thuẫn với yêu cầu của xã hội về chất lượng đội ngũ giáo viên ngày càng được nâng cao, mâu thuẫn với trình độ đội ngũ giảng viên, điều kiện dạy - học ngày một nâng cao?.

2.5.3.1. Nguyên nhân của thành công

Xu hướng hội nhập là điều kiện kích thích các mục tiêu đổi mới, trong đó có hoạt động giáo dục. Quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở thế kỷ mới khi mà xu thế hội nhập khu vực và thế giới ngày càng được đẩy mạnh, đó chính là cơ hội để giáo dục đào tạo có được những bước chuyển mình tích cực. Cơ hội đầu tiên có thể nói, đó là việc được tiếp cận với hệ thống tri thức khoa học mới, những kinh nghiệm thực tiễn tiên tiến của thế giới, của khu vực về giảng dạy, đào tạo và phương thức quản lý trong đào tạo sư phạm nói chung, sư phạm nghệ thuật nói riêng. Việc hội nhập quốc tế đã cho các cơ sở đào tạo được cập nhật và học hỏi các nội dung đào tạo tiên tiến của các trường khác ở nước ngoài; tạo khả năng liên kết với những trường đại học quốc tế danh tiếng về nền học thuật, nghiên cứu nhằm tăng cường hơn nữa năng lực của các trường trong nước. Mở ra hướng phát triển cho người học về việc học tập, nghiên cứu tại chỗ mà vẫn có thể học được kiến thức hiện đại, với hiệu quả kinh tế.

Mặt khác, trong những năm qua, công tác giáo dục nghệ thuật ở trường phổ thông đã được Nhà nước, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng như các cơ quan chức năng đặc biệt quan tâm. Mặc dù còn có những khó khăn và hạn chế về nhiều mặt nhưng trong thời gian qua, Bộ Giáo dục và Đào tạo, những nhà nghiên cứu giáo dục và sư phạm nghệ thuật đã có những đóng góp rất lớn, đưa sự nghiệp giáo dục nghệ thuật trong nhà trường có những bước tiến đáng kể, khẳng định được vị thế và vai trò giáo dục nghệ thuật trong trường phổ thông.

2.5.3.2. Nguyên nhân của những tồn tại

Trước xu thế mới của thời đại, yêu cầu đổi mới giáo dục nước ta nói chung, các trường Đại học nói riêng, được đặt ra với những thách thức mới. Đặc biệt, với các cơ sở đào tạo có tính đặc thù: vừa là giáo viên, vừa là nghệ sĩ thì việc đào tạo giáo viên có tri thức và kĩ năng nghề nghiệp, có phương pháp tư duy khoa học, có nhân cách đạo đức nhằm đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của xã hội là việc làm rất quan trọng, vì vậy nhiệm vụ đào tạo sinh viên sư phạm nghệ thuật cần được xác định rõ ràng.

Một trong những thách thức khác chính là sự bão hòa nhóm ngành đào tạo Sư phạm, với thực tế là trong 4,5 năm trở lại đây, vấn đề đảm bảo sức hút cho ngành Sư

phạm Nghệ thuật là một việc hết sức khó khăn, lượng thí sinh đăng ký dự thi đại học các ngành khối Sư phạm, trong đó có Sư phạm Nghệ thuật ngày càng giảm sút dẫn đến khả năng âm nhạc/ mĩ thuật của các giáo sinh khác nhau rõ rệt. Do mức độ đầu vào khác nhau và đặc biệt trong vài năm trở lại đây, quy mô đào tạo sư phạm nghệ thuật bị thu hẹp, nên một số trường Đại học, Cao đẳng phải tuyển cả những thí sinh không đủ năng khiếu Âm nhạc/ Mĩ thuật để đào tạo, dẫn đến chất lượng đầu ra thấp. Khi sinh viên ra trường đi xin việc thì gặp rất nhiều "khó khăn", có xin được việc thì thu nhập cũng rất thấp. Dẫn đến việc tuyển sinh đầu vào bị giảm về số lượng dẫn theo chất lượng cũng có phần suy giảm, đó là quy luật tất yếu của công tác đào tạo.

Mặt khác, trong quá trình đào tạo thường xuyên đứng trước những yêu cầu, những thách thức của xã hội về: Nhu cầu sử dụng nhân lực có trình độ, có khả năng thích ứng cao của thị trường sử dụng lao động; Đối diện thường xuyên với sự lạc hậu của chương trình đào tạo; Giải quyết nhu cầu "thực dụng" của người học và xu hướng kém hứng thú lĩnh vực nhân văn.

Bên cạnh đó, hiện nay có quá nhiều trường đào tạo giáo viên nghệ thuật, với các hệ đào tạo và loại hình đào tạo khác nhau. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo, đến trình độ chuyên môn và nghiệp vụ rất không đồng đều của giáo viên Âm nhạc/ Mĩ thuật hiện nay.

Có thể thấy, có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng trên, nhưng qua nghiên cứu của tác giả cho thấy, nguyên nhân chủ yếu là do hoạt động rèn luyện năng lực dạy học trong rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, cụ thể:

- Thiếu tính cụ thể trong xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học, thiếu chuẩn năng lực thực hiện (chuẩn đầu ra);
- Nội dung phát triển năng lực dạy học còn nghèo nàn, đơn điệu;
- Quy trình phát triển năng lực dạy học chưa tối ưu, thiếu tính khoa học;
- Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học còn phiến diện, chưa đảm bảo tính toàn diện, chính xác, khách quan, không có được thông tin phản hồi chính xác để điều chỉnh quá trình rèn luyện, mang tính thủ tục; thiếu tiêu chuẩn đánh giá cho từng nội dung rèn luyện năng lực dạy học cụ thể.

Kết luận chương 2

Chương 2 của Luận án đã phản ánh các kết quả khảo sát về thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm, số liệu thống kê và xử lý kết quả khảo sát cho thấy:

- Giảng viên, sinh viên và giáo viên phổ thông có những hiểu biết nhất định về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm, nhưng những hiểu biết này cũng bộc lộ những hạn chế, chưa đầy đủ, chính xác. Đa số, giảng viên, sinh viên và giáo viên phổ thông đánh giá cao ý nghĩa của cách tiếp cận này trong quá trình đào tạo sinh viên sư phạm nghệ thuật.

- Có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển năng lực dạy học cho sinh viên dựa vào giáo dục trải nghiệm: Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên; Năng lực của giảng viên; Kiểm tra, đánh giá; Điều kiện, môi trường và phương tiện rèn luyện.

- Kết quả phát triển năng lực dạy học đạt được là đáng khích lệ, song đánh giá một cách khách quan, khoa học thì thấy rằng việc phát triển năng lực dạy học còn có những hạn chế nhất định, cụ thể là:

+ Mục tiêu phát triển còn thiếu cụ thể, định hướng chủ yếu theo nội dung chứ không định hướng theo chuẩn đầu ra;

+ Nội dung phát triển được xác định chưa thực sự phù hợp, chủ yếu tập trung vào rèn luyện một số năng lực dạy học cơ bản;

+ Quy trình phát triển đã có sự đổi mới nhưng chưa thực sự tối ưu;

+ Đánh giá kết quả phát triển còn thiếu tính khách quan, phiến diện, mang tính thủ tục; thiếu tiêu chuẩn đánh giá từng nội dung phát triển năng lực dạy học cụ thể.

Để nâng cao năng lực dạy học trong thực hành nghiệp vụ sư phạm của sinh viên đòi hỏi phải đổi mới toàn diện các nội dung trên, bởi đó chính là các nội dung quan trọng có ảnh hưởng quyết định tới năng lực dạy học của sinh viên trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm cũng như trong quá trình đào tạo.

Các kết quả nghiên cứu ở Chương 2 tạo cơ sở thực tiễn để đề xuất các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm ở Chương 3.

Chương 3
BIỆN PHÁP PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐẠI HỌC SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT DỰA VÀO GIÁO DỤC TRẢI NGHIỆM

3.1. Nguyên tắc xác định biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

Nguyên tắc xác định biện pháp phát triển năng lực dạy học là hệ thống những luận điểm cơ bản có tính khái quát và pháp quy, định hướng và chi phối toàn bộ quá trình xác định hệ thống biện pháp phát triển năng lực dạy học đạt hiệu quả.

Qua phân tích về mặt lí luận và thực tiễn, để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật đạt hiệu quả, khi xây dựng các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, cần phải quán triệt tốt các nguyên tắc sau:

3.1.1. Đảm bảo phù hợp mục tiêu đào tạo

Về mục tiêu đào tạo, Điều 5 - Luật Giáo dục Đại học: "Đào tạo trình độ đại học để sinh viên có kiến thức chuyên môn toàn diện…có kĩ năng thực hành cơ bản, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và giải quyết những vấn đề thuộc ngành đào tạo".

Đào tạo nguồn nhân lực có năng lực thực hiện là nhu cầu tất yếu của xã hội. Do vậy, mục tiêu đào tạo ngành học là hình thành năng lực hành nghề và định hướng chung cho mục tiêu môn học. Trên cơ sở mục tiêu đào tạo ngành học, môn học, giảng viên sẽ hướng các hoạt động sư phạm vào công tác dạy học, trong đó đổi mới biện pháp phát triển năng lực dạy học là một yếu tố quan trọng góp phần thực hiện mục tiêu đào tạo lĩnh vực ĐHSP Nghệ thuật đáp ứng yêu cầu xã hội.

Mục tiêu Thực hành Nghiệp vụ sư phạm trong đào tạo ĐHSP Nghệ thuật là đảm bảo cho người học có năng lực thực hiện thành thục các kĩ năng; có phẩm chất, tác phong và thái độ của người giáo viên hiện đại để lập nghiệp.

Các biện pháp phát triển năng lực dạy học đề xuất phải đảm bảo:

- Phù hợp mục tiêu đào tạo và xu hướng phát triển ở đại học; là cơ sở cho đổi mới chương trình và phương pháp dạy học, thúc đẩy động cơ và hứng thú học tập, hình thành kĩ năng tự học, là cơ sở đánh giá và công nhận năng lực người học;

- Góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả đào tạo, có khả năng áp dụng và tạo ra sự phù hợp giữa bên cung và bên cầu về đội ngũ giáo viên nghệ thuật;

- Phải phù hợp chương trình, đội ngũ cán bộ giảng viên, cơ sở vật chất, với điều kiện dạy học và nhu cầu, phong cách, thói quen học tập của sinh viên...

3.1.2. Đảm bảo phù hợp đặc trưng ngành học

Trước xu thế của thời đại, yêu cầu đổi mới giáo dục Đại học được đặt ra với những thách thức mới. Tại các cơ sở đào tạo ĐHSP Nghệ thuật có nhiệm vụ đào tạo đội ngũ giáo viên có khả năng làm tốt công tác giảng dạy và hoạt động âm nhạc, mĩ thuật ở trường phổ thông. Với đặc thù là, đội ngũ giáo viên này cần cả tư chất nghệ sĩ lẫn năng lực sư phạm. Muốn vậy, việc trang bị cho họ hệ thống tri thức và kĩ năng nghề nghiệp, có phương pháp tư duy khoa học, có nhân cách đạo đức nhằm đáp ứng tốt yêu cầu phát triển của xã hội là việc làm rất quan trọng. Trong đó, năng lực dạy học có vai trò đặc biệt quan trọng với giáo sinh nghệ thuật. Giáo dục nghệ thuật là giáo dục thực hành nhận thức, cảm thụ nghệ thuật, giúp học sinh phát triển năng lực sáng tạo, thực hành nghệ thuật ở mức độ cơ sở. Những đặc thù trong quá trình hình thành năng lực dạy học bộc lộ qua yếu tố đặc trưng về quá trình tiếp thu kiến thức chuyên ngành theo lối tịnh tiến, chậm rãi; yếu tố kiến thức và kĩ thuật chuyên ngành chậm hình thành, nên hạn chế quá trình phát triển năng lực sư phạm ngành đặc thù. Mặt khác, nghệ thuật là sự giao hoà tâm hồn, tình cảm trước hiện tượng sinh động, người thầy dạy nghệ thuật cần có khả năng truyền cảm đến học sinh. Chính điều đó đã tạo nên những giá trị nghệ thuật cho nhân loại. Khi giảng dạy, người thầy cần khơi dậy tâm hồn, tình cảm, năng khiếu tự nhiên và giúp các em nhạy cảm hơn trong việc tiếp thu kiến thức. Do vậy, có thể xem hoạt động giáo dục nghệ thuật trong trường phổ thông là giáo dục mang tính chuyên biệt, đặc thù; ngoài những năng lực dạy học mà tất cả giáo viên cần có; giáo viên dạy nghệ thuật cần có năng lực dạy học chuyên biệt, biện pháp phát triển năng lực dạy học đặc thù phù hợp chuyên môn đào tạo.

Sự giống và khác nhau về năng lực của người giáo viên phổ thông dạy các môn khoa học cơ bản và giáo viên dạy các môn học nghệ thuật là kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo chuyên ngành (năng lực chuyên môn) lại một phần (nhưng không thể thiếu được) là dựa trên năng khiếu của họ. Tuy nhiên, năng khiếu được xác định ở mức độ nhất định như một điều kiện để nếu họ có ý chí học tập, có phương pháp tốt, có chương trình phù hợp và môi trường đào tạo tiên tiến sẽ hình thành năng lực thích hợp.

3.1.3. Đảm bảo tính khoa học và thực tiễn

Mô hình, tiêu chuẩn, quá trình, biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật được thiết lập dựa trên chuẩn giáo viên của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Chuẩn đầu ra của nghề ĐHSP Nghệ thuật), trên cơ sở phân tích nhiệm vụ, chức năng của giáo viên âm nhạc, mĩ thuật ở trường phổ thông làm cho quá trình đào tạo phù hợp với yêu cầu của trường phổ thông.

Khi xây dựng các biện pháp phát triển năng lực dạy học phải đảm bảo:

- Dựa theo quy luật của quá trình hình thành năng lực, phù hợp chương trình dạy học, thời gian, thời lượng đào tạo; phải đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật, xu thế phát triển giáo dục Việt Nam và thế giới.

- Đảm bảo tính khả thi nhằm đạt được mục tiêu đề ra; sinh viên phải làm chủ được tri thức, có kĩ năng thực hiện nhiệm vụ đặt ra, giải quyết có hiệu quả nhiệm vụ giáo dục và dạy học ở nhà trường phổ thông.

- Phù hợp nội dung và phương pháp dạy học, đảm bảo tính kế thừa, hiện đại, thực tiễn nhằm đảm bảo phát huy cao nhất năng lực dạy học của sinh viên.

- Đảm bảo phù hợp điều kiện học tập và khả năng tiếp nhận của sinh viên; phù hợp điều kiện, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của giảng viên; điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện hỗ trợ dạy học của nhà trường.

3.1.4. Nguyên tắc tôn trọng thực hành

Khi xây dựng và vận dụng các biện pháp phát triển năng lực dạy học trong đào tạo phải làm cho sinh viên nắm vững tri thức, cơ sở khoa học, kĩ thuật của hệ thống năng lực dạy học. Từ đó giúp họ hình thành kĩ năng vận dụng chúng để giải quyết những tình huống khác nhau trong thực tiễn dạy học ở trường phổ thông.

Để thực hiện nguyên tắc tôn trọng thực hành, các biện pháp đề xuất cần:

- Coi trọng và tiến hành rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên với hình thức tổ chức đa dạng, phong phú; phương pháp linh hoạt, phù hợp…; khuyến khích, tạo điều kiện cho người học tham gia các hoạt động âm nhạc, mĩ thuật một cách tích cực, chủ động, sáng tạo, phù hợp khả năng và tạo sự tự tin cho họ.

- Thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa âm nhạc, mĩ thuật; Hội thi Nghiệp vụ sư phạm; Hội thi, hội diễn văn nghệ; xem biểu diễn; nói chuyện chuyên đề nghệ thuật… Qua đó bổ trợ kiến thức, kĩ năng của chương trình chính khóa, định hình cho họ cách tổ chức hoạt động ngoại khóa nghệ thuật. Giúp họ có cơ hội mở rộng kiến thức xã hội, kiến thức chuyên môn, rèn luyện năng lực hoạt động nghệ thuật. Bên cạnh đó còn rèn luyện cho sinh viên tính tập thể, tính kỷ luật, nâng cao tư tưởng, đạo đức, tính tích cực, sáng tạo trong học tập và rèn luyện.

- Đổi mới học phần thực hành, thực tập sư phạm trên cơ sở tích lũy kĩ năng nghề, tăng cường tiếp cận thực tế trường cơ sở để bổ sung kiến thức thực tiễn, phát triển năng lực dạy học, bảo đảm đào tạo gắn kết với thực tiễn. Qua đó, giúp họ hiểu sâu sắc lí thuyết, tự tin, hoạt động nghề nghiệp hiệu quả sau tốt nghiệp.

3.1.5. Nguyên tắc phù hợp với chuẩn đầu ra

Chuẩn đầu ra là toàn bộ yêu cầu, tiêu chí cấu thành năng lực nghề nghiệp giáo viên; là cơ sở định hướng việc đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá và phát triển đội ngũ giáo viên mà cơ sở đào tạo phải hình thành ở sinh viên. Xây dựng chuẩn đầu ra là yêu cầu cần thiết của mỗi nhà trường giúp sinh viên định hướng đúng đắn chuyên ngành mình học nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực.

Chuẩn đầu ra ngành sư phạm nghệ thuật là hệ thống các yêu cầu cơ bản về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, các năng lực nghề nghiệp mà người giáo viên nghệ thuật phải đạt được để thực hiện tốt nhiệm vụ giáo dục, đáp ứng mục tiêu giáo dục phổ thông. Sinh viên ĐHSP Nghệ thuật phải nắm vững yêu cầu, thích ứng với nghề, cập nhật thực tế công tác giáo dục ở trường phổ thông.

Xuất phát từ cách tiếp cận năng lực, nội dung dạy học, nội dung môn học, biện pháp phát triển năng lực dạy học cần được thiết kế, xây dựng theo nguyên tắc hướng đến việc hình thành những năng lực dạy học đảm bảo mục tiêu đào tạo.

Để thực hiện nguyên tắc phù hợp với chuẩn đầu ra, các biện pháp đề xuất cần:

- Xác lập hệ thống năng lực dạy học cần phát triển đảm bảo phù hợp, khả thi theo định hướng chuẩn đầu ra trên cơ sở khảo sát, lấy ý kiến chuyên gia; chi tiết hóa các năng lực thành những kĩ năng dạy học cụ thể;

- Giúp người học phát triển tối đa kinh nghiệm, năng lực tiềm ẩn, tố chất sẵn có để thích ứng với sự phát triển nghề nghiệp và dự báo đón đầu những thay đổi về yêu cầu năng lực nghề nghiệp, năng lực dạy học trong tương lai.

- Tạo cơ hội gắn kết giữa người học, nhà trường đào tạo với các trường cơ sở trong quá trình đào tạo đảm bảo khoa học, liên tục, linh hoạt, mềm dẻo, hiệu quả.

3.2. Các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

3.2.1. Thiết kế khung năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật

Ngành Sư phạm Âm nhạc, Sư phạm Mĩ thuật, hồ sơ năng lực là tập hợp những năng lực và phẩm chất mà sinh viên cần đạt được để đảm nhận việc giảng dạy ở trường phổ thông trong môi trường khác nhau sau tốt nghiệp. Thiết kế khung năng lực dạy học dựa trên cơ sở tham chiếu chuẩn đầu ra, tham chiếu mục tiêu môn dạy trong chương trình giáo dục phổ thông mới và tham vấn ý kiến chuyên gia, đối chiếu với thực tiễn hoạt động giáo dục nghệ thuật ở trường phổ thông. Ví dụ môn Âm nhạc, học sinh được trải nghiệm môi trường âm nhạc qua các hoạt động ca hát, nghe nhạc, vận động, nhảy múa, chơi nhạc cụ, tập đọc nhạc, trình diễn, sáng tạo âm nhạc. Theo

đó, người giáo viên cần phải có những năng lực này để giúp học sinh hình thành và phát triển những kĩ năng tương ứng. Đây là cơ sở xác định nội dung các mô đun kiến thức, phương pháp tổ chức dạy học, phương pháp đánh giá kết quả học tập để phát triển những năng lực cần thiết cho sinh viên tốt nghiệp tiệm cận tới những tiêu chuẩn trong hồ sơ năng lực sinh viên tốt nghiệp. Từ đó, đề xuất khung năng lực dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật, cụ thể như sau:

(1) *Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học*

Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học thể hiện sự xác định khả năng nắm vững kiến thức, kĩ năng, kĩ xảo cần có trước liên quan đến bài học ở học sinh để lựa chọn hoạt động học ở bước sau. Nhờ đó, giáo viên xác định được kĩ năng, kĩ xảo, thao động tác mới cần huấn luyện trong bài; Phân tích đặc điểm hoạt động của lớp học và điều kiện thực hành hiện có để chuẩn bị phương án tổ chức lớp học; Xác định hạt nhân cho mỗi nhóm và cách tổ chức nhóm (thảo luận, làm việc nhóm...). Vì vậy, biểu hiện của năng lực này là giáo viên biết xác định khối lượng kiến thức đã có và mức độ, phạm vi lĩnh hội của học sinh, từ đó xác định mức độ, khối lượng kiến thức, kĩ năng mới cần giúp học sinh lĩnh hội.

Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học gồm có:

- *Quan sát người học và hành vi học tập*
- *Đo lường những đặc điểm tâm - sinh lí của người học*
- *Điều tra bằng các kĩ thuật thông thường*
- *Thu thập và phân tích dữ liệu học tập*
- *Phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa*

(2) *Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập*

Nhà giáo thực sự là nhà quản lí đối với học tập và đối tượng quản lí chính là hành vi của người học (cá nhân và lớp), các quan hệ trong dạy học (giáo viên và người học, người học với nhau), tổ chức của học sinh (tổ, nhóm), các nguồn lực học tập (học liệu, thời gian, phương tiện), chương trình và kế hoạch học tập nói chung. Đồng thời với sự quản lí của giáo viên và dưới ảnh hưởng của việc quản lí này, người học có vai trò tự quản lí hành vi và quản lí việc học của mình.

Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập gồm:

- *Thuyết phục và hợp tác với người học*
- *Phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học*
- *Khuyến khích, động viên người học*

- *Tổ chức lớp và nhóm học tập*

- *Quản lí thời gian và nguồn lực học tập*

(3). Năng lực thiết kế dạy học

Thiết kế bài học là một quá trình có tính hệ thống để biến các nguyên tắc dạy học thành kế hoạch dạy học và sử dụng, khai thác phương tiện, tài liệu học tập. Thiết kế bài học gắn với việc viết mục tiêu bài học, xác định nội dung và hoạt động dạy học, thiết kế các tài liệu học tập. Năng lực thiết kế kế hoạch dạy học, bao gồm:

- *Xác định mục tiêu dạy học*

- *Thiết kế hoạt động dạy học*

- *Thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học*

- *Thiết kế học liệu và phương tiện trực quan, e-learning*

- *Thiết kế môi trường học tập*

Để đảm bảo được năng lực này, đòi hỏi người giáo viên Âm nhạc/ Mĩ thuật phải có khả năng xác định được:

- Công việc cần chuẩn bị của giáo viên và học sinh trước mỗi nội dung dạy học.

- Những hoạt động bắt buộc phải có của giáo viên và học sinh trên lớp.

- Hệ thống câu hỏi kiểm tra kiến thức, câu hỏi gợi mở phát huy trí lực học sinh, câu hỏi luyện tập và củng cố kiến thức.

- Hệ thống bài tập thực hành rèn luyện năng lực.

- Lựa chọn phương pháp, phương tiện, kỹ thuật, đồ dùng dạy học hợp lí.

- Hướng dẫn học sinh học ở nhà.

- Phân bố thời gian hợp lí cho mỗi đơn vị kiến thức/ phần việc.

Những công việc trên phải được thể hiện ngay trong bản thiết kế kế hoạch dạy học theo hướng: Giáo viên chủ đạo, định hướng, gợi mở, dẫn dắt - Học sinh chủ động tiếp thu bài giảng thông qua hệ thống câu hỏi, bài tập.

(4). Năng lực dạy học trực tiếp

Nhóm năng lực dạy học trực tiếp bao gồm một số năng lực thành tố sau:

- *Giao tiếp và ứng xử trên lớp* để tạo ra mối quan hệ hợp tác, huy động mọi nguồn lực để làm giáo dục.

- *Hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập*: qua đó giáo viên sử dụng các phương pháp luận và chiến lược dạy học thông qua các biện pháp thông báo, cung cấp tư liệu, tạo lập tình huống dạy học, đề xuất ý tưởng và vấn đề học tập, hướng dẫn người học giải quyết vấn đề, tổ chức thảo luận, thực nghiệm, môi trường học tập kiến tạo, xây dựng các trường hợp và dự án học tập để chỉ đạo người học tìm

tòi, nghiên cứu, rèn luyện và phát triển, hướng dẫn người học xử lí thông tin, tổ chức dữ liệu, ra quyết định, xác định giải pháp, điều chỉnh ý tưởng và giả thiết, điều khiển tiến trình làm việc của mình trong môi trường và các tương tác mà họ tạo ra...

- *Giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập*

Đánh giá không đơn thuần là sự ghi nhận thực trạng, kết quả mà còn đề xuất những quyết định làm thay đổi thực trạng theo hướng mục tiêu. Đánh giá phải đặt ra từ khâu lập kế hoạch, quan tâm trong suốt thời gian triển khai công việc cho đến khi kết thúc. Khi đánh giá đòi hỏi giáo viên phải đánh giá công bằng, khách quan, chính xác kết quả học tập của học sinh, phải biết kích hoạt, phát triển khả năng tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau trong học sinh, giúp các em kịp thời điều chỉnh cách học và tự điều chỉnh cách dạy của mình cho phù hợp với mục tiêu.

Để đánh giá hiệu quả, đòi hỏi giáo viên phải có những năng lực:

+ Thiết kế tiêu chí, công cụ kiểm tra, đánh giá

+ Tổ chức hoạt động kiểm tra, đánh giá

+ Thu thập thông tin và phân tích, xử lí kết quả kiểm tra, đánh giá để kịp thời uốn nắn lệch lạc trong học tập của học sinh và trong cách dạy của mình

- *Sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học*

Mỗi phương pháp dạy học, dù truyền thống hay hiện đại đều có ưu điểm, đều nhấn mạnh khía cạnh nào đó của cơ chế dạy học hoặc nhấn mạnh mặt nào đó thuộc về vai trò của người dạy. Điều quan trọng là người dạy biết khai thác, vận dụng một cách tối ưu, hiệu quả, sáng tạo các phương pháp dạy học trong điều kiện có thể để phát huy tính tích cực của người học. Bên cạnh đó, *g*iáo viên phải có năng lực sử dụng thiết bị và phương tiện dạy học, biết đưa mô hình, học cụ cho người học quan sát đúng lúc để tập trung sự chú ý của người học. Khi đó, giờ giảng sẽ trở nên hấp dẫn, hiệu quả tăng lên rõ rệt.

Nguyên tắc sử dụng phương tiện dạy học là: Đảm bảo an toàn, phục vụ thiết thực cho bài giảng; phù hợp đặc điểm tâm sinh lí học sinh; sử dụng đúng lúc, đúng cách, đủ cường độ; đảm bảo các quy tắc điều khiển và vận hành.

- *Thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật*

Đây là loại năng lực tác nghiệp, qua đó giáo viên sử dụng câu hỏi, sử dụng các hành vi sư phạm để đáp lại những hành vi phản ứng của người học, sử dụng các kĩ thuật ghép nhóm học tập, dạy học phân hoá, dạy học tích hợp; sử dụng một số kĩ thuật dạy học cụ thể như công não, làm mẫu, thuyết trình, giải thích, phân tích, mô tả,

kiểm tra...ngay trong tiến trình dạy học hoặc hướng dẫn người học rèn luyện trong các hoạt động giáo dục khác.

Năng lực này bao gồm các năng lực dạy học sau:

+ *Nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật*: gồm nhận thức thông thường và nhận thức sâu sắc. Nhận thức thông thường là bất kỳ ai cũng có thể nhận biết về cái hay, cái đẹp của một tác phẩm nghệ thuật mang lại qua âm thanh (âm nhạc) hay trực quan (mĩ thuật). Nhận thức sâu sắc là sự hiểu biết, sự nghiên cứu giá trị nghệ thuật và nguyên do, đặc trưng, kĩ thuật mà tác giả và tác phẩm đem lại. Vấn đề đặt ra là phát triển năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật ở tiêu chí này là gì?. Một sinh viên có năng khiếu cảm thụ nghệ thuật trội về lĩnh vực nào thì sẽ nhanh chóng lĩnh hội được lĩnh vực đó. Chẳng hạn sinh viên có năng khiếu thanh nhạc sẽ thuận lợi trong môn hát, sinh viên có khả năng thẩm âm tốt sẽ sử dụng nhạc cụ thuận lợi. Mặt khác mức độ năng khiếu của sinh viên rất khác nhau, nghĩa là phát triển năng lực dạy học sẽ trở nên nhiều giáo án trong lớp, trong nhóm.

+ *Biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu*:

Biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật là hoạt động cụ thể của ca sĩ, hay các họa phẩm của họa sĩ trình bầy trước công chúng. Với phạm trù đào tạo giáo sinh nghệ thuật, kĩ năng biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật được định dạng là: đọc nhạc, hát, nói chuyện âm nhạc của họ trước học sinh. Đương nhiên, nhiều khi họ cũng phải nhập vai ca sĩ, họa sĩ không chuyên khi tổ chức hoạt động xã hội nghệ thuật. Vấn đề đặt ra là nhận thức nghệ thuật và năng lực biểu hiện nghệ thuật có mối quan hệ như thế nào?. Nhận thức nghệ thuật tốt có biểu hiện nghệ thuật tốt không?. Một sinh viên muốn thực hành sư phạm tốt thì yêu cầu năng lực nhận thức nghệ thuật và năng lực thực hành nghệ thuật thế nào?. Môn học nghệ thuật muốn tạo hưng phấn cho học sinh rất cần người giáo viên đảm bảo năng lực toàn diện: tổ chức tốt, thị phạm tốt, hoạt động xã hội tốt. Thị phạm nghệ thuật trước hết là thị phạm chuẩn mực và sau đó là thị phạm hay, hấp dẫn.

Trình diễn thao tác mẫu (thị phạm mẫu): là việc giáo viên thực hiện các động tác kĩ thuật mẫu kết hợp với giải thích cơ sở khoa học của thao tác giúp học sinh hình dung rõ ràng từng động tác riêng lẻ của hành động và trình tự của động tác, làm cho họ có thể bắt chước được hành động mẫu.

+ *Sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật:* Như trên đã trình bầy, thị phạm nghệ thuật của giáo viên trước hết là thị phạm chuẩn mực và sau đó là thị phạm hay, hấp dẫn. Thị phạm hay, hấp dẫn chính là sáng tạo nghệ thuật thông qua mức độ làm mới bài học do tài năng sư phạm của họ mang lại. Một bài hát mẫu của giáo viên mang lại sự hưng

phấn cho học trò, một cách đọc nhạc gợi cảm thu hút học sinh, một câu chuyện âm nhạc thường thức có tình tiết mới, một tổ chức hoạt động âm nhạc xã hội ấn tượng. Những bài học, chương trình đó đều dựa trên hướng tiếp cận năng lực tích cực. Qua đó, giúp học sinh biểu hiện, thể hiện quan điểm, thái độ, tình cảm thông qua các mối quan hệ xã hội, các sản phẩm nghệ thuật theo định hướng thẩm mĩ lành mạnh và mang dấu ấn cá nhân.

+ Phân tích và hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật:

Phân tích được giá trị thẩm mĩ của các sự vật, hiện tượng, các biểu hiện trong cuộc sống; có quan điểm riêng về giá trị nghệ thuật; Nhận thức sâu sắc giá trị nghệ thuật của văn hóa dân tộc và truyền thống. Có khả năng hướng dẫn học sinh phân tích được những thành tố biểu hiện nghệ thuật. Chọn lựa những loại âm nhạc hay và có giá trị nghệ thuật để nghe, luyện tập và biểu diễn. Chọn lựa loại hình nghệ thuật thích ứng với năng lực cá nhân để tham gia. Tự xây dựng thị hiếu nghệ thuật cho bản thân.

+ Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật:

Thành công trong dạy học phụ thuộc phần lớn vào năng lực phát hiện, đặt và giải quyết những vấn đề gặp phải trong thực tiễn dạy học. Khó có những quy trình công nghệ, những angorit hoạt động thích hợp cho mọi tình huống sư phạm luôn biến đổi và xuất hiện bất ngờ đòi hỏi giáo viên phải ứng xử kịp thời. Do đó muốn thành công trong dạy học, giáo viên phải có năng lực giải quyết tình huống sư phạm hết sức đa dạng, phức tạp.

+ Hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật:

Năng lực phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật là năng lực đánh giá, cảm nhận được "tiếng nói" của "hình" và "sắc" qua mỗi bức vẽ, cho dù đó chỉ là những nét vẽ đơn sơ, mộc mạc của tác phẩm hội họa; năng lực nghe âm thanh (độ trầm bổng và tiết tấu vang lên) chuẩn xác của tác phẩm âm nhạc. Muốn hình thành năng lực này, trước hết, giáo viên phải là người có năng khiếu cao, có sự cảm nhận tinh tế, có quan điểm thẩm mĩ đúng đắn. Nói chung là khả năng chuyên môn đã đạt đến trình độ chín. Năng khiếu là yếu tố mang tính chất tiên quyết của một tài năng nghệ thuật. Trong quá trình giảng dạy, nếu chúng ta biết phát hiện sớm và có phương pháp giáo dục đúng đắn, kịp thời trong một môi trường giáo dục thuận lợi thì chắc chắn sẽ giúp trẻ bộ lộ và phát triển tối đa tài năng của mình.

Hình 3.1. Khung năng lực dạy học nghệ thuật

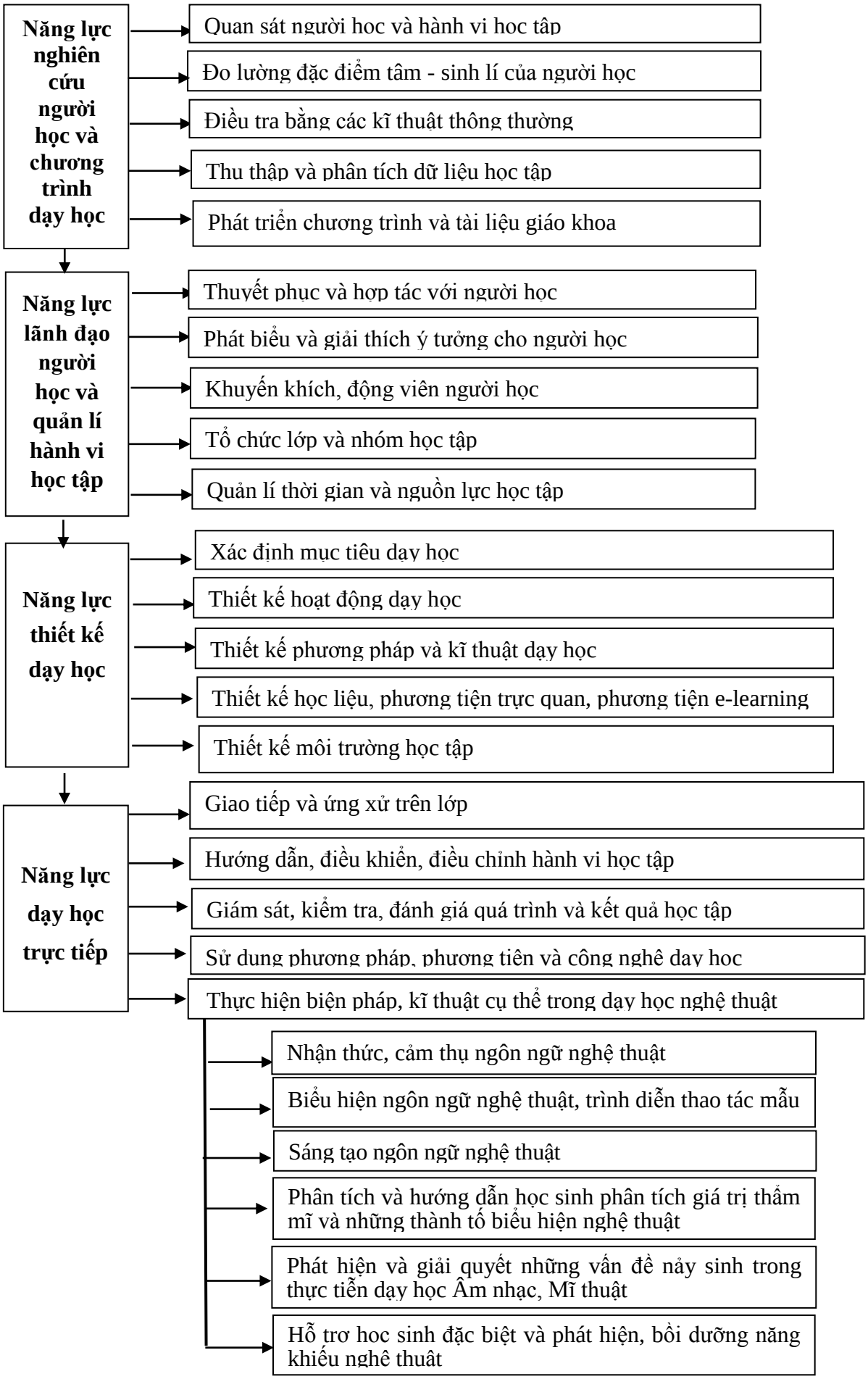

Các yêu cầu tối thiểu về kiến thức và kĩ năng của các năng lực dạy học cần hình thành cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật:

Bảng 3.1. Yêu cầu kiến thức và kĩ năng của các năng lực dạy học nghệ thuật

Kiến thức	Kĩ năng
1. Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học	
- Nắm vững kiến thức tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm; khả năng âm nhạc/ mĩ thuật và hứng thú học tập của người học. - Nêu được các yêu cầu, thuận lợi và khó khăn của học sinh khi học tập. - Nắm vững khối lượng kiến thức đã có và mức độ, phạm vi lĩnh hội của người học; từ đó nắm vững mức độ, kiến thức, kĩ năng mới cần giúp học sinh lĩnh hội. - Trình bày, giải thích và phân tích được các phương pháp thu thập, xử lý thông tin về người học, việc học của cá nhân, nhóm, tập thể.	- Lựa chọn các phương pháp thu thập, xử lý thông tin trong việc tìm hiểu người học và việc học. - Xây dựng công cụ nghiên cứu để tìm hiểu người học và việc học: mẫu phiếu quan sát, bảng hỏi, mẫu phỏng vấn... - Nhận diện được sự biến đổi cảm xúc, tình cảm, nhận thức, trí tuệ, ý thức, thái độ và các hiện tượng tâm lí khác của học sinh biểu hiện qua nét mặt, cử chỉ, ngôn ngữ và qua các hành vi, ứng xử ...của học sinh; - Xử lí, phân tích thông tin thu thập được về người học và việc học, những yếu tố liên quan để phân loại và lập hồ sơ cá nhân người học và hồ sơ dạy học.
- Hiểu chương trình, cách thức thiết kế và phát triển chương trình môn Âm nhạc, Mĩ thuật; - Hiểu sách giáo khoa và tài liệu dạy học môn Âm nhạc, Mĩ thuật; - Phân tích mối quan hệ giữa chương trình và sách giáo khoa, học liệu;	- Phân tích và nhận xét về chương trình môn Âm nhạc, Mĩ thuật; - Xác định được hình thức, phương pháp, phương tiện, điều kiện thực hiện chương trình môn dạy/ bài dạy; - Chỉ ra mối liên kết giữa chương trình môn học và các tài liệu giáo khoa có liên quan;
2. Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập	
- Nắm vững nhu cầu, động cơ, thái độ học tập, hành vi của người học, các quan hệ trong dạy học (giáo viên với học sinh, học sinh với nhau); - Nắm vững các nguồn lực học tập, chương trình và kế hoạch học tập.	- Thuyết phục và hợp tác với người học - Phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học - Khuyến khích, động viên người học - Tổ chức lớp và nhóm học tập - Quản lí thời gian và nguồn lực học tập.
3. Năng lực thiết kế dạy học	
3.1. Xác định mục tiêu dạy học	
- Nắm vững sách giáo khoa và các tài liệu liên quan đến giờ dạy. - Nắm vững mục tiêu môn học, mục tiêu bài dạy.	- Thu thập và nghiên cứu sách giáo khoa, tài liệu dạy học… - Xác định được mục tiêu dạy học theo hướng hình thành năng lực, thể hiện tính

- Nắm vững đặc điểm đối tượng dạy học.	tích hợp và phân hóa trong dạy học, phù hợp đối tượng và điều kiện nhà trường.
3.2. Thiết kế hoạt động dạy học	
- Nắm vững cấu trúc kế hoạch dạy học; - Phân tích các bước lập kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học; - Trình bày và phân tích các điều kiện, các yếu tố chi phối việc lập, thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch bài học;	- Xác định chính xác nội dung dạy học; Chuẩn đoán nhu cầu, đặc điểm đối tượng dạy học; Xác định việc chuẩn bị của giáo viên và học sinh; Dự kiến các tình huống có thể nảy sinh và cách xử lí phù hợp. - Thiết kế được các hoạt động dạy - học phù hợp mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy học nhằm phát huy tính tích cực ở học sinh;
3.3. Thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học	
- Nêu được nội hàm và phân biệt được các phương pháp và kĩ thuật dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật - Nắm vững phương pháp, kĩ thuật, cách tiến hành, điểm mạnh và hạn chế, điều kiện sử dụng.	- Biết thiết kế kế hoạch bài học thể hiện các phương pháp và kĩ thuật dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học; - Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài học điện tử; chuẩn bị đồ dùng, thiết bị dạy học;
3.4. Thiết kế học liệu, phương tiện trực quan, e-learning	
- Nêu được nội hàm và phân biệt được các học liệu và phương tiện dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật; - Nắm vững phương pháp, kĩ thuật thiết kế và sử dụng học liệu, phương tiện trực quan, e-learning dạy học.	- Biết thiết kế học liệu và phương tiện trực quan, phương tiện e-learning dạy học phù hợp với mục tiêu và nội dung dạy học; - Ứng dụng công nghệ thông tin vào thiết kế bài học điện tử; chuẩn bị đồ dùng, thiết bị dạy học.
3.5. Thiết kế môi trường học tập	
- Trình bày những vấn đề lí luận về tổ chức và quản lí lớp học (về môi trường học tập, về tập thể, nhóm và các quan hệ liên cá nhân trong nhóm, tập thể học sinh; các đặc trưng tâm lí của tập thể và tác động của cá nhân, tập thể học sinh, của môi trường đến việc học tập của cá nhân học sinh… ; - Phân tích nội dung, phương pháp và kĩ thuật tổ chức tạo môi trường học tập hiệu quả cho học sinh; - Nêu được yêu cầu về năng lực và phẩm chất nghề của người giáo viên quản lí lớp học hiệu quả.	- Tổ chức không gian và quản lý lớp học theo hướng tạo môi trường lớp học an toàn, thân thiện, tích cực, hiệu quả; - Sử dụng phương pháp tổ chức và duy trì kỉ luật tích cực của lớp học theo hướng tăng cường vai trò tự quản của học sinh; - Xử lí các tình huống, xung đột nảy sinh; - Hướng dẫn, hỗ trợ học sinh quản lí, tự kiểm soát và tự điều chỉnh bản thân; - Kiểm soát và điều khiển cảm xúc, hành vi của bản thân trước học sinh; - Nhận và sử dụng các thông tin phản hồi để điều chỉnh các tác động sư phạm trong việc tổ chức lớp học.

4. Năng lực dạy học trực tiếp	
4.1. Giao tiếp và ứng xử trên lớp	
- Trình bày được các vấn đề cơ bản về giao tiếp và giao tiếp sư phạm; - Nêu và phân tích được những nét cơ bản về văn hóa giao tiếp; - Nêu được các yêu cầu, nguyên tắc, nội dung, phương pháp và kĩ năng giao tiếp với: học sinh, đồng nghiệp, cha mẹ học sinh…; - Nêu được vai trò, chức năng, yêu cầu, phương pháp, phương tiện, kĩ thuật khai thác và sử dụng giao tiếp vào hoạt động giáo dục, phát triển cộng đồng nghề nghiệp và xã hội. - Phân tích được các cách tiếp cận, các nguyên tắc khi xử lí các tình huống giáo dục theo quan điểm tích cực và đặt lợi ích, sự phát triển, sự tiến bộ của học sinh lên trên; - Trình bày các bước giải quyết tình huống giáo dục.	- Xác định được và tuân thủ các nguyên tắc giao tiếp và văn hóa giao tiếp; - Nhận dạng được sự biến đổi trạng thái tâm lí của học sinh trong giao tiếp; - Biết sử dụng phối hợp các phương tiện giao tiếp để biểu đạt ý nghĩ, thái độ của mình; lôi cuốn, lắng nghe, thấu hiểu, phản hồi và gây ảnh hưởng đến người học; - Quản lí được cảm xúc bản thân trong các tình huống giao tiếp cụ thể; Nhận dạng được tính chất của tình huống xảy ra; - Biết tạo bầu không khí giao tiếp thuận lợi thể hiện ở sự cởi mở, lịch sự, tự tin, tôn trọng, dân chủ và linh hoạt; - Thu thập và xử lý được thông tin cần thiết để giải quyết tình huống giáo dục; - Lựa chọn và thực hiện được phương án giải quyết tình huống phù hợp nhất; - Đánh giá được cách giải quyết tình huống và rút ra được bài học cho bản thân.
4.2. Hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập	
- Trình bày những vấn đề lí luận cơ bản về hoạt động học, hoạt động dạy, tự học của học sinh: mục tiêu, nội dung, phương pháp, hình thức, phương tiện, quy trình tổ chức… - Phân tích được các mô hình học tập hiện đại, theo hướng phát triển năng lực học sinh; - Trình bày được những vấn đề cơ bản về tổ chức hoạt động học trong dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật; - Phân tích được lí thuyết về nhu cầu; động cơ; nguồn kích thích nhu cầu, động cơ và phương pháp kích thích nhu cầu, động cơ, hứng thú học tập của học sinh, khả năng vận dụng chúng trong dạy học; - Trình bày các cách thức, phương	- Biết sử dụng các phương pháp, kĩ thuật, phương tiện, hình thức tổ chức hoạt động học tập của học sinh trong dạy học để tổ chức hướng dẫn, hỗ trợ các hoạt động học tập của học sinh trên lớp và ở nhà theo mục tiêu và nội dung học tập ; - Tổ chức và duy trì các dạng tương tác trong dạy học (trực tiếp, gián tiếp; giáo viên - học sinh; học sinh - học sinh; học sinh - đối tượng học …); - Sử dụng các phương pháp, cách thức kích thích nhu cầu, tạo động cơ học cho học sinh và hoàn thiện bản thân; - Thu thập và xử lí thông tin phản hồi từ học sinh, đồng nghiệp và từ các nguồn khác để điều chỉnh hoạt động dạy, hoạt động học cho học sinh theo thiết kế ban đầu phù hợp với thực tế lớp học;

pháp đánh giá và thu thập thông tin phản hồi về hoạt động dạy học.	- Tự đánh giá mức độ đạt mục tiêu dạy học sau giờ dạy.
4.3. Giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập	
- Phân tích các vấn đề lí luận về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập môn Âm nhạc/ Mĩ thuật - Nắm vững các hình thức, phương pháp, các bước tiến hành kiểm tra, đánh giá; các yêu cầu trong kiểm tra, đánh giá kết - Có kiến thức, kĩ năng nghệ thuật tốt để đánh giá và thực hành mẫu cho học sinh - Có quan điểm cá nhân để phán xét, đánh giá tính thẩm mĩ của các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống.	- Thiết kế được tiêu chí, công cụ kiểm tra đánh giá phù hợp mục tiêu và nội dung dạy học. - Lựa chọn và vận dụng phương pháp, hình thức tổ chức kiểm tra đánh giá phù hợp mục tiêu và đối tượng dạy học. - Tổ chức được hoạt động kiểm tra đánh giá và sử dụng thông tin phản hồi từ kiểm tra đánh giá để điều chỉnh hoạt động dạy học; - Sử dụng được một số phần mềm thông dụng trong kiểm tra, đánh giá; - Biết cách ghi nhận xét, phản hồi, lưu giữ kết quả đánh giá để lập hồ sơ từng học sinh và điều chỉnh hoạt động dạy học.
4.4. Sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học	
- Nắm vững nguyên tắc và quy trình vận phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học; - Nắm vững tính năng của công nghệ thông tin và truyền thông; phương pháp và quy trình ứng dụng của chúng vào dạy học.	- Tiếp cận phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm. - Sử dụng phương tiện, phần mềm công cụ và công nghệ dạy học phù hợp, hiệu quả, chủ yếu là trực quan và thực hành sáng tạo. - Biết biết chế tạo một số phương tiện dạy học phổ biến, đơn giản;
4.5. Thực hiện biện pháp, kĩ thuật cụ thể trong dạy học nghệ thuật	
+ Nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật	
Nắm vững kiến thức cơ bản về chuyên môn và nghiệp vụ lĩnh vực sư phạm nghệ thuật làm cơ sở nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật.	Có khả năng nhận thức, cảm thụ được giá trị nghệ thuật, có cảm xúc và đánh giá được cái đẹp trong cuộc sống.
+ Biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu	
Nắm vững các động tác kĩ thuật mẫu kết hợp với giải thích cơ sở khoa học của thao tác giúp học sinh hình dung rõ ràng từng động tác riêng lẻ của hành động và trình tự của động tác, làm cho họ có thể bắt chước được hành động mẫu.	- Biết phân tích hành động mẫu thành các động tác, cử động...; sắp xếp trình tự hợp lí, xác định yếu tố khó, khâu chuyển tiếp, dự kiến tình huống; chuẩn bị phương tiện, dụng cụ; định mức thời gian; dự kiến vị trí, điều kiện biểu diễn để học sinh dễ quan sát. - Biết biểu diễn hành động mẫu: Nêu rõ mục đích của hành động, trình tự thao động tác, yêu cầu kèm theo kết quả cần đạt được.

+ Sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật	
Nắm vững kiến thức cơ bản về chuyên môn và nghiệp vụ lĩnh vực sư phạm nghệ thuật làm cơ sở cho việc sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật.	Giúp học sinh biểu hiện, thể hiện quan điểm, thái độ, tình cảm qua các mối quan hệ xã hội, các sản phẩm nghệ thuật theo định hướng thẩm mĩ lành mạnh, mang dấu ấn cá nhân.
+ Phân tích và hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật	
Có kiến thức cơ bản về chuyên môn và nghiệp vụ lĩnh vực sư phạm nghệ thuật và có quan điểm cá nhân để phân tích, phán xét và hướng dẫn học sinh phán xét, đánh giá tính thẩm mĩ của các sự vật, hiện tượng trong cuộc sống.	- Phân tích được giá trị thẩm mĩ của các sự vật, hiện tượng, các biểu hiện trong cuộc sống; có quan điểm riêng về giá trị nghệ thuật; Nhận thức sâu sắc giá trị nghệ thuật của văn hóa dân tộc và truyền thống. - Có khả năng hướng dẫn học sinh phân tích được thành tố biểu hiện nghệ thuật;
+ Phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật	
- Nắm vững hệ thống kiến thức về chuyên môn và nghiệp vụ; - Nắm rõ đặc điểm tâm sinh lí lứa tuổi và đặc thù trong dạy học về nguyên tắc và cách thức ứng xử tình huống sư phạm diễn ra trong quá trình dạy học... làm cơ sở cho việc phát hiện và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông.	- Phát hiện và giải quyết vấn đề, nhận dạng, biểu đạt vấn đề cần giải quyết, nêu phương án giải quyết, lựa chọn phương án hợp lí, rút bài học kinh nghiệm. - Phát hiện, nhận dạng, biểu đạt vấn đề cần giải quyết thành đề tài khoa học, xây dựng giả thuyết khoa học và đề cương nghiên cứu, điều tra cơ bản, thực nghiệm sư phạm, xử lý kết quả, viết báo cáo khoa học, ứng dụng triển khai, rút kinh nghiệm dạy học.
+ Hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật	
- Trình bày và phân tích được các dạng học sinh cần hỗ trợ đặc biệt (các đặc điểm, những nguyên nhân, hoàn cảnh sống…); - Hiểu nội dung, phương pháp, nguyên tắc, quy trình tác động, hỗ trợ các dạng học sinh đặc biệt; - Nắm vững yêu cầu về phẩm chất, thái độ của giáo viên trong việc ứng xử với các dạng học sinh đặc biệt. - Nắm vững hệ thống tri thức chuyên môn, có sự cảm nhận tinh tế, có quan điểm thẩm mĩ đúng đắn.	- Nhận diện học sinh đặc biệt trong lớp và lập hồ sơ cá nhân; - Xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch dạy học cá nhân phù hợp; - Triển khai hành động hỗ trợ phù hợp từng đối tượng học sinh cá biệt; - Phối hợp với cha mẹ học sinh và các lực lượng giáo dục hỗ trợ học sinh đặc biệt; - Đánh giá mức độ các tác động sư phạm đến học sinh đặc biệt và điều chỉnh nội dung, phương pháp, hình thức dạy học. - Biết lập và khai thác hồ sơ cá nhân của học sinh đặc biệt.

Như vậy, để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông, giáo viên dạy Âm nhạc, Mĩ thuật cần được đào tạo và bồi dưỡng những năng lực dạy học được trình bày ở trên. Đây là những năng lực dạy học được đề xuất phát triển ở mức độ cao trong chương trình đào tạo giáo viên nghệ thuật.

3.2.2. Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên

Quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học theo hướng tích cực được diễn tả bằng một trình tự xác định là đi từ thực tiễn khoa học giáo dục nghệ thuật ở trường phổ thông với đặc điểm, yêu cầu của chuyên môn ngành nghề, phân tích nghề. Từ đó, xác định mục tiêu và các tiêu chuẩn thực hiện. Tiến tới thực hiện thiết kế quy trình, nội dung dạy học, lựa chọn phương pháp dạy học, chuẩn bị điều kiện đảm bảo cho dạy học và tiến hành tổ chức quá trình dạy học. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả học tập được thực hiện theo tiêu chuẩn thực hiện.

Phát triển năng lực dạy học là môn thực hành rèn luyện kĩ năng cho nên bài học cũng được thực hiện theo các bước cụ thể như sau:

Bước 1: Chuẩn bị dạy học, gồm:

Nghiên cứu hồ sơ hệ thống tiêu chuẩn năng lực dạy học nghệ thuật:

Hoạt động này có vai trò quan trọng trong việc lập kế hoạch, tổ chức dạy học và đánh giá kết quả học tập theo định hướng phát triển năng lực. Qua đó, giúp giảng viên xác định các nhiệm vụ và công việc mà giáo viên nghệ thuật phải thực hiện tại vị trí làm việc. Từ đó, giảng viên sẽ xây dựng các tình huống học tập, gắn nội dung học tập với việc giải quyết nhiệm vụ thực tế, xác định được các năng lực dạy học cần hình thành cho sinh viên trong mỗi bài học.

Nghiên cứu chương trình dạy học, giáo trình, tài liệu tham khảo:

Đây là bước quan trọng trong quy trình dạy học giúp giảng viên xác định mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo; mối liên hệ với các học phần/ môn học/ mô đun; vị trí, vai trò, trình tự giảng dạy của học phần/ môn học/ mô đun trong chương trình và những khả năng thay đổi trình tự giảng dạy trong chương trình để phù hợp điều kiện kĩ năng, thực tế, thực tập sư phạm trong thực tiễn.

Nghiên cứu đối tượng dạy học và đánh giá năng lực đầu vào của sinh viên:

Đối tượng dạy học ở các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật là sinh viên, là người trưởng thành đi học để trở thành giáo viên nghệ thuật đáp ứng nhu cầu xã hội. Hoạt động học tập của họ có điểm chung của người trưởng thành, điểm riêng của sinh viên và sinh viên nghệ thuật. Trong suốt quá trình học tập, họ phải có khả năng thích nghi,

tự giác, tích cực, sáng tạo và tính kế hoạch cao. Những điều này thường không giống nhau ở mỗi sinh viên. Vì vậy, việc nghiên cứu hồ sơ của sinh viên, đánh giá và xác nhận năng lực của sinh viên trước mỗi bài học, trao đổi trực tiếp với sinh viên…là việc làm cần thiết để giảng viên nắm bắt được thông tin về đối tượng dạy học.

Thiết kế kế hoạch dạy học:

Kế hoạch dạy học là văn bản ghi chép một cách chi tiết trình tự những gì mà giảng viên mong muốn diễn ra trong giờ lên lớp. Nhờ đó, giảng viên chủ động khi giảng dạy và tránh được những sai sót trong tiến trình giờ giảng.

Trong kế hoạch dạy học, mục tiêu học tập là các năng lực dạy học phải trình bày rõ ràng, bao gồm *sự thực hiện* (công việc sinh viên cần thực hiện), *điều kiện thực hiện* (các thông tin, công cụ, thiết bị và nguồn lực cần thiết cung cấp cho sinh viên để thực hiện công việc), *tiêu chuẩn* (các tiêu chí/ tiêu chuẩn của sự thực hiện để xác định trình độ cần đạt của sự thực hiện). Chúng có thể bao gồm các đặc tính của sản phẩm, các yêu cầu về quá trình hoặc quy trình, các yêu cầu về thời gian và sự chuẩn xác.

Kế hoạch dạy học phải xác định rõ nội dung chính của bài dạy gồm kiến thức liên quan đến thực hiện các công việc của nghề, hệ thống năng lực thực hiện công việc và phẩm chất nghề nghiệp tương ứng với công việc cần rèn luyện cho sinh viên.

Kế hoạch dạy học gồm hai phần: (1) Hệ thống công việc và tình huống dạy học phù hợp tính chất và trình độ tiếp nhận của sinh viên; (2) Hệ thống hoạt động, thao tác tương ứng với công việc và tình huống trên do giảng viên sắp xếp, tổ chức hợp lí nhằm hướng dẫn sinh viên tiếp cận đối tượng một cách tích cực và sáng tạo. Kế hoạch dạy học không chỉ chú trọng kiến thức mà phải xây dựng hệ thống việc làm, thao tác tương ứng nhằm tổ chức, dẫn dắt sinh viên thực hiện để hình thành năng lực.

Phần tổng kết bài giảng trong kế hoạch dạy học phải nêu bật kiến thức và kĩ năng cốt lõi, những sai phạm mà sinh viên gặp phải trong quá trình học tập và định hướng cho bài học tiếp theo. Tổ chức đánh giá và lượng giá kết quả học tập theo chuẩn năng lực thực hiện đã nêu trong mục tiêu. Có thể trắc nghiệm khách quan, trắc nghiệm sự thực hiện, thực hành, bài tập để đánh giá kết quả học tập của sinh viên.

Chuẩn bị các tài liệu và phương tiện hướng dẫn:

Căn cứ mục tiêu, nội dung và hoạt động dạy học dự kiến của bài giảng, giảng viên chuẩn bị tài liệu và phương tiện hướng dẫn tương ứng. Tư liệu hướng dẫn bao gồm: phiếu hướng dẫn thực hiện công việc, phiếu đánh giá quy trình và đánh giá sản phẩm, tài liệu phát tay hỗ trợ sinh viên nghiên cứu (tờ rơi mô tả công việc, câu hỏi

trắc nghiệm khách quan, bản vẽ, mô hình, mô phỏng, sản phẩm hoàn thiện, video trình diễn kĩ năng mẫu, phương tiện hỗ trợ lưu giữ và truyền tải thông tin…).

Tài liệu và phương tiện hướng dẫn phải đảm bảo chính xác, khoa học, yêu cầu thẩm mĩ, sư phạm, thuận lợi, an toàn cho việc sử dụng và bảo quản.

Bước 2: Thực hiện kế hoạch bài giảng, gồm:

Hướng dẫn ban đầu: Đây là giai đoạn rất quan trọng và không thể thiếu đối với mỗi bài học thực hành phát triển năng lực. Tùy theo nội dung mỗi bài học thực hành mà thời lượng của giai đoạn này thường từ 30 đến 50 phút.

Trình tự nội dung của giai đoạn hướng dẫn ban đầu gồm các công việc sau:

- Nêu mục tiêu bài học (tiêu chuẩn thực hiện)
- Kiểm tra điều kiện tổ chức lớp học và các kiến thức liên quan bài học.
- Xác định kiến thức, kĩ năng trọng tâm, phẩm chất và thái độ nghề nghiệp;
- Xác định nhiệm vụ và nội dung bài tập thực hành, kiểm tra kiến thức, kĩ năng liên quan đến bài thực hành, trang bị cho sinh viên hiểu biết và kĩ năng mới cần thiết.
- Nêu khái quát trình tự các bước công việc, các thao động tác, phương tiện, dụng cụ, cách thức tương ứng và kế hoạch cơ bản của bài học.
- Giảng viên biểu diễn và phân tích hành động mẫu (thị phạm mẫu). Sinh viên theo dõi, tiếp thu để thực hiện nhiệm vụ luyện tập qua sự tái hiện hoặc theo chỉ dẫn trong giai đoạn hướng dẫn thường xuyên của giảng viên.
- Hướng dẫn phiếu luyện tập, thiết bị, dụng cụ, phân công nhóm và vị trí luyện tập cho sinh viên.

Hướng dẫn thường xuyên: Bước này chiếm phần lớn thời gian luyện tập (4 đến 5 giờ) để giảng viên tổ chức, điều khiển sinh viên "giải quyết vấn đề"; là giai đoạn chuyển từ nhận thức kĩ thuật sang rèn luyện thao tác, kĩ năng (theo tiêu chuẩn thực hiện) tạo tiền đề cho việc rèn luyện thuần thục kĩ năng, hình thành kĩ xảo, tay nghề, phẩm chất, tác phong, thái độ nghề nghiệp và năng lực thực hiện cho sinh viên.

Trình tự nội dung công việc trong hướng dẫn thường xuyên bao gồm:

- Giảng viên nêu nội dung bài tập thực hành: những vấn đề chuyên môn cần giải quyết, tiêu chuẩn thực hiện của bài học và yêu cầu luyện tập.
- Sinh viên nghiên cứu, phân tích yêu cầu nội dung bài tập thực hành để tìm ra công việc cụ thể của vấn đề cần giải quyết.

+ Mỗi thành viên trong nhóm học tập thực hiện xây dựng phương án hoặc tìm ra cách giải quyết từng công việc luyện tập (phiếu luyện tập).

+ Nhóm luyện tập thực hiện kiểm định, thống nhất phương án, trình tự luyện tập.

+ Giảng viên kiểm tra và thẩm định trước khi sinh viên thực hành luyện tập.

- Sinh viên, nhóm học tập luyện tập, tái hiện hành động mẫu theo trình tự công việc, chú ý khâu tự kiểm tra và điều chỉnh hành động.

- Thành viên tự đánh giá, nhóm thống nhất đánh giá, giảng viên theo dõi, uốn nắn, kiểm tra từng bước, từng phần công việc phát hiện thói quen, điểm yếu và sai lầm của sinh viên.

- Những thành viên luyện tập chưa đạt sẽ tiếp tục được luyện tập cho tới khi đạt tiêu chuẩn thực hiện.

Khi cả nhóm luyện tập thuần thục công việc thứ nhất đạt chuẩn thực hiện sẽ chuyển sang công việc luyện tập tiếp theo và đến công việc cuối cùng. Hướng dẫn trung gian thường thực hiện bằng *thực hành có giảng viên hướng dẫn:* người học làm việc độc lập dưới sự giám sát của giảng viên cho đến khi họ thực hiện công việc một cách an toàn và *Thực hành độc lập*: người học làm việc dưới sự giám sát của giảng viên cho đến khi họ có thể thực hiện thành thạo mà không cần giám sát.

Sinh viên được phân công và luyện tập theo từng nhóm.

+ Thứ tự từng sinh viên luyện tập chưa có sự hợp tác của nhóm trong cùng một thời gian nhất định. Khi tập luyện, sinh viên thực hiện thông qua việc "nhớ lại" và "làm theo" các thao tác mẫu đã tiếp thu ở giai đoạn định hướng ban đầu.

+ Giảng viên theo dõi các nhóm luyện tập, nếu sinh viên thao tác sai hoặc không làm được thì giảng viên hướng dẫn lại và có thể thực hiện qua thao tác mẫu của giảng viên. Hết thời gian luyện tập ấn định của một nội dung, giảng viên cho sinh viên đổi vòng hoặc vị trí tập luyện.

Hướng dẫn kết thúc: Phần này thực hiện khoảng 5 phút khi chuẩn bị kết thúc bài thực hành. Qua đó giảng viên củng cố kiến thức, kĩ năng, nhận xét, đánh giá quá trình luyện tập và sản phẩm sinh viên thực hiện; lưu ý các ưu điểm, hạn chế mà sinh viên thường gặp trong quá trình thực hiện.

<u>Bước 3</u>: Hướng dẫn sinh viên tự học

Giao nhiệm vụ tự học: Nhiệm vụ tự học có vai trò quan trọng với việc đạt được năng lực dạy học của sinh viên. Nhiệm vụ tự học được giảng viên cụ thể hóa bằng các bài tập mà sinh viên phải thực hiện, bao gồm các nhiệm vụ thực hành, các tiêu chuẩn về kết quả thực hiện, yêu cầu về thời gian, cách tiến hành, tài liệu tham khảo và dụng cụ thiết bị được sử dụng. Bài tập tự học có thể được giảng viên giao trực tiếp hoặc biên soạn trên tài liệu phát tay để phát cho sinh viên trong quá trình giao bài tập.

Hướng dẫn cách thực hiện bài tập:

Thời gian của hoạt động này khoảng 5 phút.

Giảng viên nên hướng cách thực hiện bài tập kể cả khi giảng viên đã hướng dẫn trong phiếu giao bài tập; Biên soạn tiêu chí đánh giá, xác định thời gian nộp báo cáo kết quả tự học của sinh viên và thông báo cho sinh viên ngay khi giao nhiệm vụ tự học.

Cung cấp tài liệu và giới thiệu địa chỉ tìm tài liệu tối thiểu mà sinh viên cần đọc và nghiên cứu. Hướng dẫn cách thức tìm kiếm, xử lý thông tin tự học, tự nghiên cứu, chỉ rõ cách tìm kiếm theo cấu trúc kiến thức của bài học.

Bước 4: Đánh giá năng lực dạy học của sinh viên

Hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá năng lực dạy học của sinh viên:

Đánh giá năng lực dạy học của sinh viên phải dựa vào hệ thống tiêu chuẩn năng lực dạy học của giáo viên nghệ thuật. Các tiêu chuẩn này bao gồm quy trình thực hiện, hiệu quả và chất lượng thực hành, sự phối hợp với người khác trong quá trình thực hiện. Tiêu chuẩn và điều kiện đánh giá phải công khai cho sinh viên trước bài học. Để đánh giá kết quả rèn luyện chính xác, khách quan, giảng viên và sinh viên phải thu thập đủ bằng chứng có giá trị là cơ sở cho việc ra các quyết định đánh giá.

Quá trình đánh giá năng lực dạy học của sinh viên được thực hiện như sau:

- Công bố các tiêu chuẩn đánh giá;
- Thu sản phẩm và kết quả thực hành của sinh viên;
- Phát phiếu kiểm tra và hướng dẫn tự kiểm tra, cung cấp phương tiện kiểm tra;
- Tổ chức cho sinh viên tự kiểm tra và kiểm tra lẫn nhau;
- Yêu cầu sinh viên thông báo kết quả kiểm tra sản phẩm;
- Nhận xét, phổ biến kinh nghiệm và sáng kiến học tập.

Thông báo kết luận đánh giá và đăng nhập thông tin đánh giá vào hệ thống

Việc thông báo kết luận đánh giá đến sinh viên được thực hiện thông qua các phiếu đánh giá để cung cấp cho họ thông tin phản hồi, giúp họ xác nhận quy trình hay sản phẩm như thế nào là chấp nhận được để tự điều chỉnh sự thực hiện. Qua đó, sinh viên có thể tham gia quá trình đánh giá - tự đánh giá kết quả học tập của mình.

Quản lý hồ sơ đánh giá: Hồ sơ đánh giá bao gồm đề kiểm tra, nhật ký quan sát, tài liệu ghi chép, công cụ, bằng chứng và xác nhận năng lực của sinh viên. Hồ sơ đánh giá phải được giảng viên quản lý theo từng khóa học hoặc theo mã sinh viên và được cung cấp cho sinh viên, cán bộ quản lý và các cơ quan tuyển dụng khi cần thiết.

Như vậy, bài giảng phát triển năng lực dạy học thường vận dụng cấu trúc bài giảng như trên. Trong mỗi giai đoạn của bài giảng đều có yêu cầu và nội dung công việc khác nhau. Vì vậy, giảng viên phải lựa chọn, sử dụng các phương pháp dạy học tích cực, thích hợp dựa vào giáo dục trải nghiệm. Mặt khác, việc tổ chức tập luyện cho sinh viên trong quá trình rèn luyện phát triển năng lực dạy học cần lưu ý:

- Cần hướng dẫn kĩ, chậm, đầy đủ và đúng thao tác ở bước hình thành hành động, chứ không thể dừng ở việc quan sát, rồi tự mầy mò. Yêu cầu không chỉ hiểu về tầm quan trọng bằng lời giải thích vắn tắt mà phải nắm được lôgic hành động.

- Cần tổ chức tốt khâu tập vận dụng lí luận để lập luận, giải thích, phê phán…, tăng cường khâu tập giảng tạo điều kiện để sinh viên được nói nhiều lần (trình bày, bảo vệ giáo án, phát biểu nhận xét trong khâu rút kinh nghiệm dự giờ…).

- Tăng cường kiểm tra và kiểm soát chặt chẽ từng thao tác, đặc biệt là giai đoạn tập kĩ năng (hình thành hành động). Chỉ khi nào làm đúng và tự kiểm tra được hành động (từng thao tác, logic tiến hành) mới chuyển sang giai đoạn luyện (củng cố, hoàn thiện, nâng cao, luyện thành kĩ xảo).

- Trong quy trình rèn luyện năng lực dạy học, nhất thiết phải dành đủ thời gian cho sinh viên tập kĩ năng làm đúng, thực hành quy trình từng bước để đạt được sự vững chắc và hoàn thiện thao động tác. Tổ chức rèn luyện từ dễ đến khó, từ kĩ năng đơn giản đến kĩ năng phức tạp, kĩ năng cơ bản đến kĩ năng chuyên sâu; Tăng dần tốc độ luyện tập; Thoát li dần hướng dẫn lí thuyết và thị phạm mẫu của giảng viên;

- Tùy từng bước công việc, điều kiện cụ thể và yêu cầu từng kĩ năng, giảng viên tổ chức cho sinh viên thực hành độc lập hoặc thực hành theo nhóm. Vai trò tự rèn luyện cá nhân ở bước này là rất quan trọng. Cũng có thể tổ chức luyện tập theo nhóm để họ giám sát, kiểm tra lẫn nhau, đồng thời giảng viên kiểm soát và kiểm tra chặt chẽ, liên tục công việc của họ để đảm bảo tất cả sinh viên thực hiện đúng mới sang bước tiếp theo. Việc thực hành từng bước kéo dài cho đến khi tất cả sinh viên thực hiện đúng cách, đúng quy trình của kĩ năng. Đến cuối giai đoạn thực hành độc lập, sinh viên đã có thể thực hiện được theo đúng các tiêu chuẩn về kĩ thuật và thời gian. Bước này được thực hiện cho đến khi sinh viên có thể thực hiện công việc một cách thành thạo mà không phụ thuộc vào hướng dẫn và thị phạm mẫu của giảng viên.

Có thể khái quát quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật như sau:

Hình 3.2. Quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên

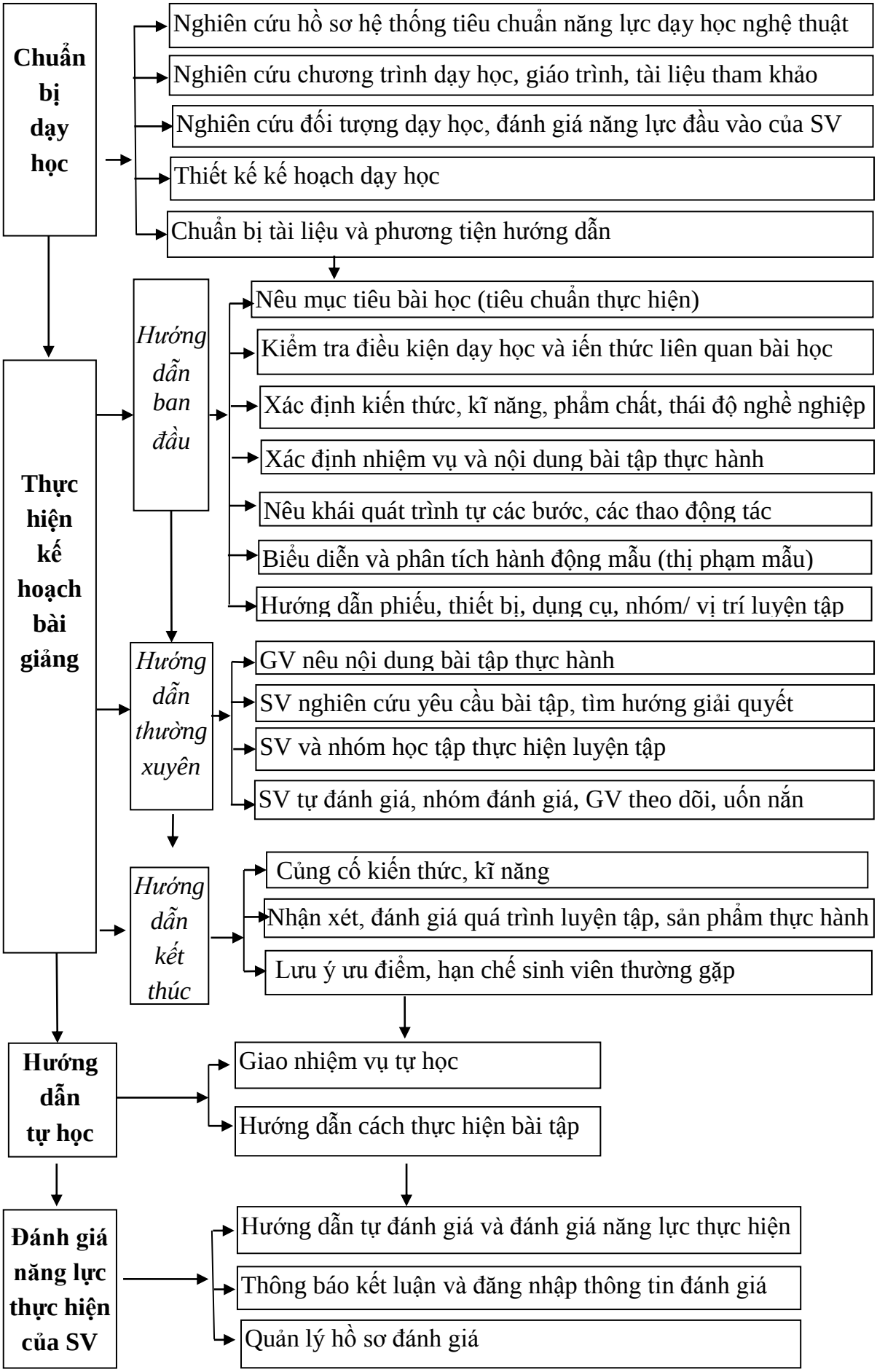

3.2.3. Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ

Bài tập thực hành là một hình thức tổ chức cho người học thực hành các nội dung, kiến thức môn học với những yêu cầu cụ thể về việc tập vận dụng những nội dung kiến thức đó nhằm nắm vững kiến thức, rèn luyện kĩ năng, kĩ xảo, vận dụng vào thực tiễn cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp của cá nhân.

Bài tập thực hành có ý nghĩa rất quan trọng trong việc chuyển đổi người học từ đối tượng giáo dục thành chủ thể giáo dục, hình thành động cơ kích thích nguyện vọng thỏa mãn nhu cầu nhận thức. Nó cũng tạo ra được quá trình tâm lí như nhu cầu trí tuệ và thúc đẩy hứng thú, mở rộng nhận thức, hình thành tư duy logic, độc lập, sáng tạo, qua đó phát triển niềm tin của người học vào khả năng của bản thân, bồi dưỡng các phẩm chất cần thiết của người lao động theo yêu cầu của xã hội.

** Nguyên tắc xây dựng hệ thống bài tập thực hành:*

- Đảm bảo phù hợp mục tiêu và gắn với nội dung môn học, qua đó góp phần hình thành năng lực nghề nghiệp, làm cho đào tạo gắn với yêu cầu thực tiễn;

- Đảm bảo tính khoa học về nội dung, bố cục, cấu trúc, ngôn ngữ...; gắn với thực tiễn công tác dạy học và giáo dục của người giáo viên nghệ thuật.

- Đảm bảo tính hệ thống, điển hình, giúp sinh viên nắm được phương pháp giải quyết bài tập; từ đó tự lực giải quyết bài tập một cách mềm dẻo, linh hoạt, sáng tạo.

- Đảm bảo tính phát triển, chứa đựng các mâu thuẫn, các vấn đề gây hứng thú, kích thích tính tích cực, nhu cầu tự học, sự khám phá, sáng tạo ở người học.

- Đảm bảo tính cụ thể: Mỗi bài tập thực hành phải hướng tới hình thành một năng lực cụ thể; yêu cầu của bài tập phải rõ ràng, chỉ ra cho người dạy và người học các bước cụ thể để đạt được mục tiêu của bài tập thực hành đó.

- Đảm bảo tính khả thi: Hệ thống bài tập thực hành có thể áp dụng vào điều kiện thực tế để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

- Đảm bảo việc đánh giá kết quả thực hiện của sinh viên dễ dàng và cụ thể.

** Quy trình thiết kế bài tập thực hành*

- *Bước 1:* Phân tích mục tiêu, chương trình môn học, tiêu chuẩn, tiêu chí năng lực thực hiện làm căn cứ xây dựng bài tập thực hành.

- *Bước 2:* Đặt tên cho bài tập thực hành trên cơ sở phân tích nội dung chương trình và năng lực cụ thể được hình thành thông qua giải quyết bài tập.

- *Bước 3:* Xác định rõ mục tiêu của bài tập thực hành.

- *Bước 4:* Xây dựng nội dung bài tập chứa đựng kiến thức và kĩ năng mới cần hình thành sau khi sinh viên giải quyết mâu thuẫn giữa cái đã biết và cái cần tìm.

- *Bước 5:* Xây dựng hướng dẫn thực hiện bài tập thực hành gồm các chỉ dẫn về phương pháp, về tài liệu học tập; về tự kiểm tra, đánh giá kết quả học tập.

** Áp dụng xây dựng bài tập thực hành trong dạy học học phần Lí luận dạy học*

Trên cơ sở vận dụng nguyên tắc và quy trình xây dựng bài tập thực hành, chúng tôi xây dựng hệ thống bài tập thực hành Lí luận dạy học làm cơ sở cho việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật, cụ thể như sau:

(1) Phân tích mục tiêu học phần Lí luận dạy học trong đào tạo ĐHSP Nghệ thuật, xác định đặc điểm của đối tượng áp dụng các bài tập thực hành

Mục tiêu học phần Lí luận dạy học trong đào tạo ĐHSP Nghệ thuật

Kiến thức: Trang bị cho sinh viên hệ thống lí luận chung về hoạt động dạy học ở trường phổ thông làm cơ sở cho việc rèn luyện tư duy và năng lực sư phạm; giúp sinh viên nắm vững chủ trương của Đảng và Nhà nước về đổi mới giáo dục nhằm tham gia hoạt động dạy học đạt hiệu quả.

Kĩ năng: Trên cơ sở kiến thức cơ bản của học phần, qua hoạt động thực hành môn học, thực hành Phương pháp dạy học bộ môn, thực hành Nghiệp vụ sư phạm, sinh viên tập vận dụng lí thuyết để thực hành năng lực dạy học theo hướng chủ động, tích cực, độc lập, sáng tạo nhằm hình thành năng lực dạy học của người giáo viên.

Thái độ: Nâng cao trách nhiệm và hứng thú với hoạt động dạy học, từ đó giúp sinh viên hình thành, phát triển tình cảm, đạo đức, lý tưởng và kĩ năng nghề nghiệp, góp phần củng cố tình yêu nghề dạy học.

Đặc điểm của đối tượng học tập học phần Lí luận dạy học

Đối tượng học tập học phần Lí luận dạy học trong đào tạo ĐHSP Nghệ thuật là sinh viên thuộc nhóm ngành Sư phạm Nghệ thuật. Đó là những sinh viên thuộc độ tuổi phát triển chín nhất cả về mặt sinh lí và tâm lí (19 - 24 tuổi). Họ có khả năng tư duy cao và linh hoạt, khả năng thích nghi và thích ứng nhanh trong nhận thức và khám phá thế giới, hứng thú với cái mới, cái hấp dẫn… Tuy nhiên, họ chưa có bề dày kinh nghiệm thực tiễn và kinh nghiệm dạy học. Việc sinh viên giải quyết bài tập theo quy trình xác định với nội dung thực hành cụ thể, thiết thực sẽ giúp họ phát triển tư duy khoa học sắc sảo, từ đó hình thành và phát triển ở họ những kĩ năng trường học.

(2) Đặt tên cho bài tập thực hành dựa vào tên đơn vị nội dung kiến thức và những năng lực mà bài tập thực hành hướng tới cho người học. Ví dụ: "Xác định mục tiêu dạy học", "Soạn giáo án", "Thiết kế phương tiện dạy học"...

(*3) Xác định mục tiêu của bài tập thực hành*: là phát triển năng lực tư duy sáng tạo như: Năng lực xác định vấn đề, vận dụng kinh nghiệm vào giải quyết tình huống có vấn đề, năng lực hợp tác, khai thác tài liệu, kiểm tra, đánh giá... làm cơ sở để hình thành năng lực dạy học như: Thiết kế nội dung dạy học; Lập kế hoạch dạy học; Tổ chức quá trình dạy học; Sử dụng phương pháp và phương tiện dạy học …

(4) Xây dựng nội dung bài tập thực hành

Các bài tập thực hành gồm có: bài tập thảo luận, bài tập luyện tập độc lập, bài tập vận dụng kiến thức, bài tập phát kiến, sáng tạo... thuộc học phần Lí luận dạy học trong chương trình đào tạo lĩnh vực ĐHSP Nghệ thuật.

Có nhiều nguồn khai thác khác nhau để xây dựng bài tập thực hành Lí luận dạy học như: Thực tiễn giáo dục; Tài liệu, giáo trình về cơ sở lí luận của nội dung chương trình học phần Lí luận dạy học; Các công trình nghiên cứu đã được công bố; Tham khảo ý kiến chuyên gia và kinh nghiệm bản thân cho xây dựng các bài tập thực hành.

(5) Hướng dẫn thực hiện bài tập thực hành: Giảng viên cần chỉ dẫn người học luyện tập, thực hành đúng theo bài tập đã được xây dựng để các em có thể thực hành ở trên lớp, ở nhà độc lập hoặc phối hợp với nhau một cách hiệu quả nhất. Qua đó, giúp người học hình thành năng lực dạy học một cách căn bản, tiết kiệm thời gian, sức lực, đảm bảo tiến trình dạy học và đạt được mục tiêu môn học.

Hệ thống bài tập thực hành để dạy học phần Lí luận dạy học (Phụ lục 5).

3.2.4. Tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên

3.2.4.1. Dạy học lấy người học làm trung tâm

Hoạt động dạy học phải lấy việc tự học, tự rèn luyện của sinh viên làm gốc, sự hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá của giảng viên mang tính quyết định. Thông qua dạy học giúp sinh viên có thái độ sẵn sàng tìm kiếm những giải pháp cho các vấn đề khó khăn sẽ gặp trong thực tiễn nghề nghiệp. Giảng dạy phải hướng đến việc hình thành cho sinh viên phương pháp tư duy, phát triển kĩ năng học tập để thực hiện công việc của mình… Ngoài ra, với tư cách là giáo viên tương lai, sinh viên phải được đào tạo để trở thành chuyên gia về việc học của bản thân và tự học của học sinh.

Năng lực dạy học của sinh viên được phát triển trong giờ thực hành, nhất là thực hành nghiệp vụ. Để thực hiện được phương thức này, phần thực hành các môn nghiệp vụ trong đào tạo sư phạm có thể được tổ chức như sau:

- Triệt để thực hiện giờ thực hành hiệu quả, không được dùng giờ thực hành để dạy lí thuyết. Học xong bài nào phải có kế hoạch thực hành ngay bài đó, dạy lí thuyết

đến đâu thực hành đến đó. Điểm tổng kết môn học phải bao gồm cả điểm lí thuyết và điểm thực hành theo tỉ lệ hợp lí.

- Phần thực hành Lí luận dạy học cần phát triển một số năng lực dạy học cơ bản như: xác định loại bài; thiết kế bài giảng theo mẫu; xác định mục đích, yêu cầu; xác định phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp; tập diễn đạt, đặt câu hỏi; tập viết bảng; thực hành các bước lên lớp… cho sinh viên quan sát kế hoạch bài giảng mẫu, xem các quy định về kế hoạch, chương trình dạy học…

- Phần thực hành Phương pháp dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật: giáo viên phải thị phạm mẫu cho sinh viên quan sát, cho sinh viên xem băng giờ giảng mẫu. Trong giờ này, yêu cầu phát triển một số năng lực như: thiết kế bài giảng theo mẫu, xác định mục đích, yêu cầu, phương pháp, phương tiện, hình thức tổ chức, loại bài, rèn luyện các bước lên lớp, tập diễn đạt, trình bày vấn đề, làm đồ dùng dạy học (bảng phụ có chép sẵn bài hát, tranh minh họa, các bước tiến hành bài vẽ…)… Hướng dẫn sinh viên cách ghi biên bản dự giờ, biên bản rút kinh nghiệm sau dự giờ. Cho sinh viên tập thiết kế bài dạy theo bài dạy mẫu của giáo viên, có thể giảng một hoạt động hoặc giảng cả bài cho sinh viên khác góp ý, giáo viên góp ý, sửa chữa. Trong quá trình sinh viên tập giảng, giáo viên không chỉ góp ý về nội dung, phương pháp mà còn uốn nắn cả tư thế, tác phong, thái độ, chữ viết, cách trình bày bảng, nói và viết đúng tiếng phổ thông… Ngoài ra còn yêu cầu sinh viên nghiên cứu chương trình và kế hoạch dạy học của trường phổ thông, nghiên cứu sách giáo khoa và tài liệu tham khảo…

- Các giờ Tâm lí học đại cương, Tâm lí học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm, Giao tiếp sư phạm, phần thực hành giảng viên cần yêu cầu sinh viên tập nghiên cứu và phân tích biểu hiện tâm lí của học sinh, rèn luyện kĩ năng giao tiếp (trong giờ lí thuyết, giảng viên phải làm mẫu cho sinh viên về phong thái, cách tiếp xúc, cách trò chuyện…), tập diễn đạt, nói trước đám đông, phân tích các kĩ năng dạy học cơ bản. Tạo điều kiện cho sinh viên thảo luận nhóm, phát biểu xây dựng bài. Tăng cường giờ xêmina, thảo luận để sinh viên có nhiều cơ hội rèn luyện ngôn ngữ, kĩ năng diễn đạt ý nghĩ của mình…

Trong các giờ lên lớp, giảng viên cần tăng cường đối thoại với sinh viên, tạo điều kiện cho sinh viên phát biểu ý kiến xây dựng bài, trình bày bảng nhằm rèn luyện kĩ năng diễn đạt, kĩ năng trình bày, kĩ năng viết bảng và trình bày bảng…

Tóm lại, có thể thông qua các giờ thực hành trong các môn học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

3.2.4.2. Dạy học theo phương thức tổ chức người học trải nghiệm thực hành các hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn nhà trường phổ thông

Dạy học được khẳng định là nghề nghiệp mang tính thực tiễn cao. Các nghiên cứu cho thấy, với những trải nghiệm thực tế tốt, các giáo viên tương lai thể hiện khả năng kết nối kiến thức lí luận đã học với thực tiễn giáo dục tốt hơn và tự tin hơn. Rất nhiều thông tin giáo viên cần có để ra quyết định hiệu quả đều nảy sinh từ ngữ cảnh thực tiễn. Ví dụ, việc học sinh hiểu đúng hay sai nội dung bài dạy như thế nào, học sinh khác nhau học tốt nhất khi nào, phương pháp giáo dục nào hiệu quả,... xảy ra trong công việc thực tế của người giáo viên. Mặt khác, các tiêu chuẩn năng lực nghề nghiệp đều cần và chỉ có thể rèn luyện cho sinh viên ở trường phổ thông qua các tình huống sư phạm thực tiễn, qua tương tác với học sinh, với thành phần và mức độ phát triển khác nhau. Kiến thức môn học có thể được giảng dạy hiệu quả ở giảng đường nhưng hiểu biết về dạy như thế nào, các bước giảng dạy ra sao thì học hiệu quả nhất vẫn là ở bối cảnh thực tế với học sinh và giáo viên phổ thông giỏi, có kinh nghiệm.

Thông qua trải nghiệm thực tiễn nhà trường phổ thông, sinh viên còn được học cả lí thuyết. Dựa trên việc phân tích sản phẩm hoạt động của học sinh, những kế hoạch và bài tập của giáo sinh, băng ghi hình của giáo viên và học sinh cũng như những tình huống học tập và giảng dạy đều có thể giúp giáo viên rút ra mối liên hệ giữa lí luận với những trường hợp cụ thể của hoạt động dạy học.

Giáo dục trải nghiệm - dạy lí thuyết bằng và trong thực tiễn, lấy thực tiễn để dạy lí thuyết và dạy lí thuyết để ứng dụng hiệu quả trong thực tiễn chính là phương thức sử dụng nhà trường phổ thông làm môi trường đào tạo giáo viên. Qua đó, phát huy tính chủ động, tích cực, sáng tạo trong việc xây dựng kiến thức, rèn luyện kĩ năng, tư duy phê phán và hiểu biết thực tế ở người học.

Định hướng đào tạo sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm:

Một là: Thiết kế chương trình, giáo trình, tổ chức đào tạo phải có sự quản lí, phối hợp chặt chẽ hoạt động giữa các giảng viên, giữa giảng viên với giáo viên phổ thông, giữa các đơn vị tham gia đào tạo. Mỗi chủ thể cần tập trung các khía cạnh của chương trình và mô hình tổng thể năng lực giáo viên tương lai.

Hai là: Tổ chức dạy học theo phương thức: Học phần lí luận 50% lí thuyết tại trường sư phạm; 30% làm việc nhóm, cemina; 20% thực hành tại trường phổ thông; Học phần thực hành 50% lí thuyết tại trường sư phạm; 20% làm việc nhóm, cemina; 30% thực hành tại trường phổ thông. Các hình thức khác, như thực tế, thực tập sư phạm… được tiến hành tại trường phổ thông. Các vấn đề của thực tiễn trường học, các tình huống giáo dục điển hình ở phổ thông phải trở thành đối tượng để nghiên cứu, phân tích, lí giải, xác nhận và tác động; phải trở thành nội dung học tập về nghề, tức là gắn kết kiến thức lí luận với thực tiễn, gắn học lí thuyết với thực hành…

Ba là: Các học phần giảng dạy cần có hệ thống bài tập, chủ đề tích hợp được xây dựng dựa vào nội dung chương trình, sách giáo khoa và các hoạt động giáo dục của trường phổ thông. Đó là các bài tập yêu cầu sinh viên vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống dạy học, giáo dục xảy ra trong thực tiễn.

Bốn là: Tận dụng tối đa giờ học lí thuyết gắn với hoạt động thực tiễn. Lấy tình huống thực tiễn phổ thông để tổ chức hoạt động học lí thuyết. Tỉ lệ giờ thực hành phải chiếm ít nhất 50% so với giờ lí thuyết trong từng học phần.

Năm là: Sinh viên được tham gia vào quá trình cải tạo trường phổ thông với vai trò khác nhau, từ thực hiện nhiệm vụ đơn giản đến phức tạp, sự hướng dẫn, trợ giúp đến tiến hành độc lập. Chính thực tiễn phổ thông là kho tài liệu học tập, nghiên cứu phong phú, định hướng để sinh viên tư duy và hành động trong bối cảnh sư phạm thực, qua đó không chỉ áp dụng kiến thức đã học mà nhiều vấn đề thực tiễn được khái quát hóa làm phong phú lí luận, thúc đẩy nghiên cứu tạo ra những khoa học sư phạm.

Sáu là: Sinh viên được tham gia vào cộng đồng nghề để phát triển năng lực nghề nghiệp. Tham gia nghiên cứu đòi hỏi sự cộng tác giữa giáo viên, học sinh, cán bộ quản lí, nhân viên trường thực tập, sinh viên, giảng viên và có thể cả thành phần khác trong cộng đồng. Quá trình cùng nhau nghiên cứu và giải quyết vấn đề thực tiễn, sự chia sẻ ý kiến, quan điểm và kinh nghiệm cá nhân vì mục đích chung sẽ gắn kết các thành viên và kích thích sự học tập lẫn nhau một cách tự nhiên và tích cực.

Bảy là: Cần có cơ chế, phương thức liên kết trách nhiệm sư phạm - phổ thông. Tích hợp vai trò đối với giảng viên và giáo viên phổ thông. Trong đó, giảng viên đảm nhiệm hướng dẫn giáo sinh thực tập, tham gia giảng dạy học sinh và giáo viên trường thực hành. Ngược lại, giáo viên phổ thông giảng dạy thực hành cho sinh viên ở trường đại học và hướng dẫn giáo sinh thực tập...

Tóm lại, phương thức giáo dục trải nghiệm đã nhấn mạnh việc học từ thực tiễn, trong thực tiễn và vì sự phát triển của thực tiễn trường phổ thông. Phương thức đào tạo giáo viên như vậy sẽ mang đến kết quả tích hợp cả chất lượng đào tạo giáo viên, cả sự tiến bộ của nghiên cứu khoa học lẫn sự cải thiện thực tiễn dạy học nhà trường.

3.2.5. Tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề

Năng lực nói chung, năng lực sư phạm nói riêng là kết quả của một quá trình đào tạo lâu dài, liên tục với nhiều hoạt động thực hành, thực tập. Không có thực hành thì không thể có kĩ năng, không có năng lực. Vì vậy, để sinh viên ra trường có hệ

thống năng lực sư phạm đáp ứng chuẩn đầu ra khi và chỉ khi được tham gia chương trình đào tạo tại trường sư phạm và trải nghiệm giáo dục tại các trường phổ thông.

Việc tổ chức tập luyện cho sinh viên trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên được tiến hành như sau:

- *Thời lượng thực hành:* các môn nghiệp vụ thiết kế 50% lí thuyết, 50% thực hành; thực hiện trải đều trong khóa đào tạo, chậm nhất là học kỳ II của khóa đào tạo, 1 tín chỉ/ học kỳ tương đương 30 - 45 tiết thực hành/ kỳ học.

- *Nội dung thực hành*: thực hành phát triển hệ thống năng lực dạy học (mục 3.2.1). Tổ chức rèn luyện cho sinh viên đi từ dễ đến khó, tập từ các kĩ năng đơn giản đến các kĩ năng phức tạp, từ các kĩ năng cơ bản đến cá kĩ năng chuyên sâu thông qua:

+ Giảng viên nghiệp vụ thị phạm mẫu, tổ chức cho sinh viên quan sát, nhận xét.

+ Tổ chức cho sinh viên xem băng hình dạy mẫu của giáo viên phổ thông dạy giỏi. Biện pháp này cũng có hiệu quả rất cao trong việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên. Qua kết quả thống kê cho thấy, nhóm sinh viên được xem băng dạy mẫu bài nào thì kết quả giảng dạy cao hơn so với nhóm sinh viên không được xem khi dạy lại các bài đó. Ngay trong cùng một nhóm, bài nào sinh viên được xem băng dạy mẫu thì dạy cũng tốt hơn những bài chưa được xem. Chính vì vậy, đối với nhóm thực nghiệm, chúng tôi đã cho xem nhiều lần các bài sẽ phải giảng dạy trong thời gian thực tập sư phạm. Trong quá trình tổ chức cho sinh viên xem, các giáo viên giảng dạy phương pháp phân tích các kĩ năng cụ thể cho sinh viên, chỉ ra sự hợp lí và những chỗ chưa hợp lí. Có thể dừng lại để phân tích, cho sinh viên thảo luận. Sau khi xem xong yêu cầu sinh viên tự rút ra bài học kinh nghiệm bằng phiếu dự giờ.

+ Mời giáo viên phổ thông dạy giỏi đến dạy mẫu ở trường sư phạm cho sinh viên quan sát. Chức năng của biện pháp này cũng giống với biện pháp trước, nhưng nó có nhiều ưu điểm hơn. Thứ nhất, sinh viên được trực quan sinh động hơn, hấp dẫn hơn. Thứ hai, sinh viên được giao lưu, tiếp xúc, trao đổi trực tiếp với giáo viên phổ thông, qua đó để rút ra bài học kinh nghiệm cho bản thân. Mặc dù sinh viên đã được các giáo viên phương pháp dạy mẫu, nhưng phong cách giảng dạy của họ vẫn không gần gũi với trường phổ thông bằng chính các giáo viên phổ thông.

Sau khi giáo viên dạy xong, giáo viên phương pháp tổ chức cho sinh viên trao đổi, phỏng vấn thêm những điều họ chưa rõ hoặc còn băn khoăn…

- *Hình thức tổ chức:*

+ Biên chế sinh viên: Tổ chức tập luyện chung cả lớp, sau đó chia nhóm sinh viên tập luyện (10-15 sinh viên/ nhóm), khuyến khích cá nhân sinh viên tự tập luyện.

Việc tổ chức rèn luyện cho cả lớp có ưu điểm là tiết kiệm được sức lực cho giáo viên. Nhưng hạn chế là giáo viên không thể chỉ bảo tường tận cho từng sinh viên. Nhiều sinh viên không được tập luyện do không đủ thời gian và phương tiện…Do đó cần tổ chức rèn luyện theo nhóm, giáo viên vất vả hơn nhưng hiệu quả hơn. Hình thức này còn tạo điều kiện cho sinh viên góp ý sửa chữa cho nhau. Hình thức tập cá nhân thuận lợi ở chỗ là có thể tập ở mọi lúc, mọi nơi, tận dụng thời gian rỗi của từng người và họ hoàn toàn chủ động…nhưng hạn chế lớn nhất là không có sự góp ý lẫn nhau, khó kiểm soát được sự đúng sai và phụ thuộc hoàn toàn vào ý thức của từng cá nhân…

Việc các nhóm hoặc cá nhân tập luyện phải có báo cáo kết quả. Các giáo viên phương pháp có thể lên lịch tập luyện cho các nhóm để kiểm tra.

+ Địa điểm: phòng thực hành nghiệp vụ. Ở đó, người học rèn luyện trong môi trường thực hành nghề mang tính hệ thống chuyên môn sâu theo chương trình đào tạo, quy trình và môi trường chuẩn mực nhất định. Phòng Thực hành nghiệp vụ sư phạm phải được trang bị các phương tiện dạy học hiện đại, các tư liệu về các phương pháp dạy học và giáo dục mới, các tư liệu tham khảo cần thiết khác về nghiệp vụ sư phạm (mẫu kế hoạch bài học, kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục, các giáo án điện tử có sử dụng công nghệ thông tin, các băng hình…), tranh ảnh, trang thiết bị nghe nhìn như video, băng nhạc.... Đây là nơi sinh viên có thể đến để tự rèn luyện hay cùng nhau thảo luận, nghiên cứu, phân tích bài học trong băng hình...

- *Đánh giá kết quả thực hành phát triển năng lực dạy học*

Các giờ thực hành, cần có góp ý, đánh giá của giảng viên kết hợp với tự đánh giá và đánh giá lẫn nhau giữa sinh viên, qua đó hoạt động thực hành mới có hiệu quả.

Để các hoạt động thực hành có hiệu quả, cần chú ý một số vấn đề sau đây:

- Mỗi cơ sở đào tạo giáo viên phải có bộ phận chuyên trách chịu trách nhiệm: tổ chức triển khai các hoạt động thực hành sư phạm, học phần Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; xây dựng kế hoạch; tổ chức, chỉ đạo, triển khai tại cơ sở đào tạo và trường phổ thông; đánh giá rèn luyện nghiệp vụ sư phạm; phối hợp giảng viên bộ môn nghiệp vụ sư phạm với giảng viên các bộ môn có liên quan đến giáo dục phổ thông; gắn kết nội dung thực hành của các học phần nghiệp vụ sư phạm thuộc chương trình khung với học phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên...

- Xây dựng đội ngũ giáo viên thực hành từ đội ngũ giáo viên giỏi ở các trường phổ thông. Đó là những giáo viên giàu kinh nghiệm, nhiệt tình, tâm huyết với nghề, có đủ năng lực chuyên môn và nghiệp vụ, phẩm chất và tư cách tốt, là tấm gương về mọi mặt cho sinh viên. Mời các giáo viên này về báo cáo, dạy mẫu hoặc hướng dẫn thực hành... vừa có tác dụng như bài thực hành, vừa như một hoạt động giúp sinh

viên hiểu thêm thực tế phổ thông, gắn trường sư phạm với trường phổ thông; Phải coi lực lượng cộng tác viên này như đội ngũ giảng viên kiêm nhiệm của trường sư phạm, đội ngũ thực hành về nghiệp vụ sư phạm; Phải tổ chức đội ngũ này thành một lực lượng, có sinh hoạt, có bồi dưỡng về các nhiệm vụ, về chuyên môn, về phương pháp hướng dẫn sinh viên thực hành nghề với định mức kinh phí bồi dưỡng phù hợp.

- Quy định bắt buộc giảng viên sư phạm phải thâm nhập thực tế, đặc biệt giảng viên trẻ, giảng viên nghiệp vụ. Việc làm này không mới mà đã được thực hiện trước đây ở nhiều cơ sở đào tạo giáo viên. Hiện nay, theo Quy chế đào tạo nghiệp vụ sư phạm trong hoạt động đào tạo giáo viên phổ thông được đề xuất bởi Dự án Phát triển giáo viên trung học - Bộ Giáo dục và Đào tạo, mỗi giảng viên dạy các học phần liên quan đến phổ thông phải có ít nhất 10 tiết dự giờ tại trường phổ thông để hiểu biết về thực tiễn giáo dục. Trên cơ sở yêu cầu tối thiểu này, mỗi cơ sở đào tạo giáo viên tuỳ theo tình hình thực tế, có những quy định cụ thể đối với giảng viên của cơ sở mình.

- Phối hợp chặt chẽ giữa bộ môn phương pháp giảng dạy, bộ môn tâm lí giáo dục, các môn học khác, với Hội sinh viên, Đoàn thanh niên trong quá trình rèn luyện. Sự phối hợp này nhằm tăng cường hoạt động rèn luyện nghiệp vụ cho sinh viên. Trong sự phối hợp này có thể là phối hợp chuyên môn, có thể phối hợp tổ chức hoặc kiểm tra đánh giá. Nhờ sự phối hợp này mà hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên của sinh viên có tính liên tục, nền nếp và hiệu quả cao hơn.

3.2.6. Đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên

3.2.6.1. Đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm

** Hình thức tổ chức kiến tập, thực tập sư phạm*

+ *Xây dựng các nhóm sinh viên xuống trường phổ thông:* Sinh viên nên được bố trí theo nhóm nhỏ xuống các trường phổ thông có phong trào dạy tốt - học tốt để sinh viên được rèn luyện trong môi trường tốt. Các nhóm sinh viên này nên biên chế cố định về tại cùng một trường phổ thông trong các đợt kiến tập, thực tập sư phạm. Điều này tạo sự ổn định trong phối hợp, cộng tác giữa sinh viên cũng như với trường phổ thông và giáo viên hướng dẫn nhằm nâng cao chất lượng thực tập sư phạm.

+ *Thời điểm xuống trường phổ thông:* Nhà trường cần thiết lập hệ thống các trường phổ thông thực hành; xây dựng lịch trình và thông báo điều kiện tiên quyết của thực tập... Từ đó, sinh viên đăng kí học các học phân tiên quyết trước khi đi thực tập. Dựa trên danh sách đăng kí, nhà trường tổng hợp và công bố tới sinh viên những trường phổ thông thực hành có số sinh viên đăng kí đủ và tổ chức đi từng đợt. Với những em đăng kí nhưng không đáp ứng được có thể thay đổi lại... Cách làm này sẽ

giúp cho sinh viên đủ điều kiện đi thực tập và tốt nghiệp sớm [18].

Sinh viên được tổ chức thực tập theo nhóm tại cùng một trường phổ thông và người hướng dẫn nên sắp xếp cố định theo nhóm sinh viên. Theo đó, giáo viên phổ thông và giảng viên sư phạm trở thành ê kíp trong công tác đào tạo giáo viên. Những ê kíp đó, nếu được xây dựng hợp tác lâu dài, chắc chắn sẽ có đóng góp hiệu quả vào việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên, phát triển chương trình, triển khai nghiên cứu khoa học. Đây là bài học kinh nghiệm từ các nước tiên tiến và cũng đã có tiền lệ ở nước ta. Ê kíp sư phạm - phổ thông là cầu nối sư phạm - phổ thông và với các bên liên quan khác, cùng giải quyết nhiều vấn đề nảy sinh trong đào tạo giáo viên, giáo dục phổ thông, tạo cơ hội để các bên cùng phát triển chuyên môn.

** Tổ chức học nghề cho sinh viên ở trường phổ thông qua nghiên cứu bài học*

Nghiên cứu bài học bản chất là xây dựng cộng đồng học tập lẫn nhau trong từng đơn vị trường học, học qua làm, qua trải nghiệm dựa vào minh chứng diễn biến đơn vị bài học. Việc cùng nhau bình luận, tìm cách tối ưu trong tổ chức bài học phải trở thành chuỗi sinh hoạt học thuật, chuyên môn thường xuyên của tập thể nhà trường. Bằng hoạt động trải nghiệm sẽ tích hợp được kĩ năng, tri thức, thái độ, giá trị nghề nghiệp, làm xóa nhòa "biên giới" giữa lí luận và thực hành.

Nghiên cứu bài học là cách tổ chức học nghề cơ bản của sinh viên tại trường phổ thông. Qua đó, tạo cơ hội cho sinh viên xem xét việc dạy học một cách khách quan thông qua quan sát trực tiếp hoặc gián tiếp hoạt động dạy học diễn ra trong lớp học. Nghiên cứu bài học, sinh viên đồng thời thực hiện vai trò của người nghiên cứu, cải tạo thực tiễn và họ trở nên vững vàng hơn về chuyên môn, nghiệp vụ cũng như tự tin hơn trong giải quyết vấn đề thực tiễn để nâng cao chất lượng dạy học của mình.

** Đổi mới đánh giá thực tập sư phạm*

Kinh nghiệm cho thấy, việc đánh giá thực tập sư phạm cần có sự tham gia của giảng viên bộ môn và nghiệp vụ, giáo viên hướng dẫn thực tập và đại diện ban giám hiệu trường phổ thông. Ngoài ra, xu hướng hiện nay là sử dụng tiếp cận năng lực trong đánh giá kết quả cuối cùng - sản phẩm đầu ra của quá trình đào tạo. Cần xây dựng các tiêu chí đánh giá cụ thể, rõ ràng, minh bạch, có thể đo đạc được nhằm giúp đánh giá khách quan, công bằng và thống nhất giữa các trường, giữa các giáo viên hướng dẫn [18]. Các tiêu chí phải được đánh giá qua minh chứng là hồ sơ thực tập của sinh viên, nhật kí thực tập, kế hoạch chủ nhiệm, kế hoạch hoạt động giáo dục và qua dự giờ. Ý kiến đánh giá từ nhiều nguồn khác nhau như giáo viên hướng dẫn, các giáo sinh cùng nhóm, học sinh lớp thực tập và ý kiến tự đánh giá của sinh viên...

** Bồi dưỡng giáo viên phổ thông tham gia hướng dẫn sinh viên*

Đội ngũ giáo viên phổ thông tham gia hướng dẫn sinh viên được chuẩn bị tốt là cơ sở đảm bảo sự thành công của thực tập sư phạm. Do đó, họ phải là người yêu nghề, tận tâm và có trách nhiệm cao với nghề; kiến thức chuyên môn vững; phương pháp sư phạm tốt; có kinh nghiệm đứng lớp và làm chủ nhiệm; người đạt danh hiệu "giáo viên dạy giỏi" (theo tiêu chuẩn nghề nghiệp giáo viên); họ phải có kĩ năng hỗ trợ việc học của giáo sinh với tư cách là những người lớn, người trưởng thành.

Trên cơ sở đội ngũ giáo viên được lựa chọn, các cơ sở đào tạo giáo viên cần tổ chức các lớp bồi dưỡng chuyên sâu để họ thực sự là những đối tác, cộng tác viên của cơ sở đào tạo tại trường phổ thông.

3.2.6.2. Xây dựng các trường phổ thông liên kết phát triển nghề

Phát triển nghề nghiệp giáo viên sẽ không thể phát huy hiệu quả nếu thiếu sự kết nối giữa trường đại học với trường phổ thông. Trong đó, các trường phổ thông thực hành là bộ phận hữu cơ của cơ sở đào tạo giáo viên, gồm các trường thực hành thuộc cơ sở đào tạo giáo viên và các trường phổ thông tiếp nhận sinh viên thực hành, thực tập. Các trường được tổ chức thành một mạng lưới, trở thành một cộng đồng được ràng buộc trách nhiệm hoàn thành những công việc được giao cho mỗi bên để đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu giáo dục.

Giáo viên phổ thông tham gia đào tạo được coi là trợ giảng, đóng vai trò là thành viên cơ hữu của trường sư phạm, cần có phẩm chất của người giáo viên giỏi, nắm vững môn học, có kĩ năng phân tích, xây dựng chương trình giáo dục, phát triển năng lực chuyên môn, có năng lực trao đổi học thuật, hợp tác với giảng viên sư phạm và đồng nghiệp trong hoạt động hướng dẫn sinh viên thực tập và nghiên cứu khoa học.

Giảng viên nghiệp vụ phải là người vừa am hiểu chương trình, nghiệp vụ đào tạo giáo viên, vừa là chuyên gia môn học ở đại học, vừa là nhà sư phạm nắm vững chương trình giáo dục phổ thông. Họ có thể cùng giáo viên phổ thông chỉ đạo, hướng dẫn sinh viên học, tổ chức nghiên cứu khoa học, phát triển chương trình môn học, làm cầu nối giữa sư phạm và phổ thông... Đây là một trong những biện pháp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên đáp ứng yêu cầu xã hội.

Các hoạt động liên kết sư phạm - phổ thông trong đào tạo giáo viên:

** Hoạt động của cơ sở đào tạo giáo viên*

- Phát triển học phần thực tập sư phạm và chương trình đào tạo giáo viên theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên để họ có thể tham gia môi trường nhà trường phổ thông hiệu quả;

- Tích hợp, gắn kết nhiệm vụ học nghề trong thực tập sư phạm với việc cải tạo thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. Điều này được thực hiện thông qua hệ thống nhiệm vụ học tập trong thực tập sư phạm, hướng vào tìm tòi, khám phá và giải quyết vấn đề trong dạy học ở trường phổ thông;

- Xây dựng hệ thống trường phổ thông thực hành, đồng thời nghiên cứu thực tiễn giáo dục từ góc độ lí luận và triển khai thực tế. Điều này đòi hỏi nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên phải gắn với những nghiên cứu từ thực tiễn dạy học ở trường phổ thông;

- Duy trì quản lí, đánh giá và cải tiến chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo giáo viên thông qua duy trì mạng lưới thông tin phản hồi từ đối tác, xử lí và đổi mới không ngừng đào tạo và nghiên cứu để nâng cao chất lượng đào tạo.

**Hoạt động của trường phổ thông trong quá trình đào tạo giáo viên:*

- Tạo điều kiện để sinh viên tiếp cận với những thông tin cần thiết về tình hình thực tế giáo dục của nhà trường và địa phương;

- Tạo môi trường thuận lợi để sinh viên tham gia hoạt động sinh hoạt chuyên môn của bộ môn và các lớp bồi dưỡng giáo viên của nhà trường;

- Thu hút sinh viên tham gia vào các loại hình hoạt động giáo dục trong nhà trường và của nhà trường;

- Duy trì đều đặn sinh hoạt chuyên môn của bộ môn, của trường; các hoạt động dự giờ, thăm lớp trong thời gian sinh viên thực hành, thực tập sư phạm;

- Tổ chức giáo viên có tay nghề cao dạy mẫu để sinh viên được dự giờ;

- Hướng dẫn sinh viên quan sát, dự giờ, tiếp phân tích, chẩn đoán các biểu hiện hành vi, hành động, cử chỉ của học sinh, những thao tác và ứng xử sư phạm trong các tình huống dạy học và giáo dục;

- Hướng dẫn sinh viên thực hiện các nhiệm vụ cơ bản theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên như: tìm hiểu học sinh và môi trường giáo dục; công tác chủ nhiệm lớp, hoạt động ngoại khoá; thiết kế và thi công kế hoạch dạy học, đồ dùng dạy học; làm sổ sách, xây dựng, lưu trữ hồ sơ quản lí lớp học...

- Tổ chức cho sinh viên tham gia đầy đủ công tác của các tổ chức đoàn thể, chính trị và chuyên môn trong thời gian thực hành, thực tập sư phạm;

- Tổ chức đánh giá kết quả thực tập của sinh viên trên các lĩnh vực hoạt động nghề nghiệp như quy định trong chuẩn nghề nghiệp giáo viên;

- Làm báo cáo và tổ chức lễ tổng kết thực tập sư phạm vào cuối đợt thực tập;

- Khuyến khích giáo viên cùng sinh viên thực hiện dạy học, tổ chức hoạt động

tập thể, triển khai ý tưởng mới để làm phong phú đời sống nhà trường theo hướng vận dụng và thử nghiệm những sáng kiến và kinh nghiệm mới.

Tóm lại, sự cộng tác trách nhiệm sư phạm - phổ thông phải trở thành một thiết chế trong quản lí đào tạo, sử dụng giáo viên của nước ta.

3.2.7. Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo quá trình và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá

Trước đây, triết lí dạy học là truyền thụ kiến thức, kĩ năng, phẩm chất cho người học; kiểm tra, đánh giá lấy nội dung kiến thức, kĩ năng người học được đào tạo làm chính. Ngày nay, triết lí đào tạo giáo viên đã thay đổi theo hướng chuyển trọng tâm đào tạo giáo viên trở thành những chuyên gia dạy học, truyền đạt kiến thức sang đào tạo theo định hướng hình thành năng lực để họ trở thành nhà giáo dục, nhà nghiên cứu, người học suốt đời. Do đó, nội dung kiểm tra, đánh giá phải lấy năng lực sư phạm mà người học được đào tạo làm chính.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo tiếp cận năng lực tập trung theo hướng:

- Chuyển từ đánh giá kết quả học tập cuối môn học, khoá học (đánh giá tổng kết) nhằm mục đích xếp hạng, phân loại, sang đa dạng loại hình đánh giá, coi trọng đánh giá thường xuyên, định kì sau từng phần, từng chương nhằm phản hồi, điều chỉnh quá trình giảng dạy và học tập (đánh giá quá trình);

Chuyển từ đánh giá kiến thức, kĩ năng sang đánh năng lực của người học. Tức là chuyển trọng tâm đánh giá chủ yếu từ ghi nhớ, hiểu kiến thức… sang đánh giá năng lực vận dụng, giải quyết vấn đề của thực tiễn cuộc sống, đặc biệt chú trọng đánh giá năng lực tư duy, năng lực giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực suy ngẫm, tự quản lí phát triển bản thân, năng lực siêu nhận thức (nghĩ về cách suy nghĩ);

- Chuyển từ đánh giá một chiều (giảng viên đánh giá) sang đánh giá đa chiều (giảng viên đánh giá, sinh viên cùng đánh giá - tự đánh giá, đánh giá đồng đẳng);

- Chuyển đánh giá từ một hoạt động động lập với quá trình dạy học sang tích hợp vào quá trình dạy học, xem đánh giá là một phương pháp dạy học;

- Ứng dụng công nghệ thông tin vào kiểm tra, đánh giá: sử dụng phần mềm thẩm định đặc tính đo lường của công cụ (độ tin cậy, độ khó, độ phân biệt, độ giá trị), sử dụng mô hình thống kê vào xử lí, phân tích kết quả đánh giá

** Yêu cầu khi đánh giá năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật:*

- Dựa vào hệ thống năng lực dạy học cần hình thành cho sinh viên;

- Dựa vào chuẩn kiến thức, kĩ năng và yêu cầu cơ bản về kiến thức, kĩ năng, thái độ ở người học của môn học Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông;

- Phối hợp đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì, giữa đánh giá của giảng viên và tự đánh giá của sinh viên, giữa đánh giá của các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật và các trường phổ thông;

- Kết hợp giữa hình thức đánh giá bằng trắc nghiệm khách quan, tự luận và thực hành nhằm phát huy những ưu điểm của mỗi hình thức đánh giá này.

- Có công cụ đánh giá thích hợp nhằm đánh giá toàn diện, công bằng, trung thực, có khả năng phân loại, giúp giảng viên và sinh viên điều chỉnh kịp thời việc dạy và học nhằm đạt hiệu quả cao trong phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

Để đưa hoạt động kiểm tra, đánh giá đạt kết quả mang tính khách quan, phát huy được vai trò, sáng tạo của người học, đồng thời cải tiến được chất lượng và phương pháp tự học cho sinh viên; hoạt động kiểm tra, đánh giá cần:

- Đề kiểm tra hàng ngày phải có phần lí thuyết và phần thực hành tương đương nhau (giải được phần bài tập phải gắn lí thuyết ở phần trên).

- Đề thi kết thúc học phần theo hướng giảm yêu cầu trí nhớ thuộc lòng, nhấn mạnh sự vận dụng thực hành, sáng tạo của sinh viên, câu hỏi lí thuyết chiếm 30%, bài tập thực hành ứng dụng chiếm 70%.

- Xây dựng quy trình kiểm tra, đánh giá chính xác, khách quan để phát huy ý thức học tập và rèn luyện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

- Lựa chọn phương pháp và hình thức tổ chức dạy học phù hợp đánh giá theo năng lực người học, tạo cơ hội học tập và trải nghiệm cho sinh viên.

- Hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo: thư viện có đủ đầu sách, phòng học đầy đủ… phục vụ cho việc rèn luyện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

** Hướng dẫn đánh giá năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật:*

- Xác định mục đích chủ yếu của đánh giá năng lực dạy học là so sánh năng lực dạy học của sinh viên với mức độ yêu cầu về chuẩn kiến thức và kĩ năng dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở từng phân môn/ từng nhóm bài để cải thiện kịp thời hoạt động rèn luyện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

- Tiến hành đánh giá năng lực dạy học của sinh viên theo ba giai đoạn cơ bản là thu thập thông tin, phân tích và xử lí thông tin, xác nhận kết quả học tập (năng lực dạy học) và ra quyết định điều chỉnh hoạt động rèn luyện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên. Yếu tố đổi mới ở mỗi công đoạn là:

+ *Thu thập thông tin:* thu thập từ nhiều nguồn, nhiều hình thức và nhiều phương pháp khác nhau (quan sát giờ thực hành năng lực dạy học, làm bài kiểm tra, sản phẩm thực hành năng lực dạy học…), chọn những nội dung đánh giá cơ bản và trọng

tâm theo các năng lực dạy học cần hình thành và phát triển theo mục tiêu học phần/ học kỳ/ chuẩn đầu ra ĐHSP Nghệ thuật. Sử dụng đa dạng các loại công cụ khác nhau (đề kiểm tra viết, câu hỏi trên lớp, phiếu học tập, bài tập về nhà…).

+ *Phân tích và xử lí thông tin:* các thông tin định tính về thái độ và năng lực dạy học thu được qua quan sát, trả lời miệng, trình diễn…được phân tích theo nhiều mức độ với tiêu chí rõ ràng và được lưu trữ tại sổ theo dõi hàng ngày; các thông tin định lượng qua bài kiểm tra được chấm điểm theo đáp án/ hướng dẫn chấm, chính xác và đáp ứng yêu cầu kĩ thuật năng lực dạy học, số lần kiểm tra, thống kê điểm trung bình, xếp loại học lực,…theo đúng quy chế đánh giá, xếp loại.

+ *Xác nhận kết quả học tập (năng lực dạy học):* xác nhận người học đạt hay không đạt mục tiêu của từng năng lực dạy học. Cuối môn học, cuối kỳ học dựa vào kết quả định lượng và định tính, phân tích, giải thích sự tiến bộ học tập vừa căn cứ vào kết quả đánh giá quá trình và kết quả đánh giá tổng kết, vừa căn cứ vào thái độ học tập và phát triển năng lực của sinh viên. Ra quyết định cải thiện kịp thời hoạt động dạy của giảng viên, hoạt động học của sinh viên; ra quyết định về kết quả học tập của sinh viên, thông báo cho sinh viên và bộ môn, khoa, phòng ban liên quan.

Việc xác nhận kết quả học tập thường được tiến hành theo 3 bước:

Bước 1: Hướng dẫn sinh viên tự đánh giá và đánh giá năng lực thực hiện

Công bố các tiêu chuẩn đánh giá cho sinh viên trước bài học; Thu sản phẩm và kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên; Phát phiếu kiểm tra và hướng dẫn tự kiểm tra, cung cấp các phương tiện kiểm tra; Tổ chức cho sinh viên tự kiểm và kiểm tra lẫn nhau; Yêu cầu sinh viên thông báo kết quả kiểm tra năng lực dạy học; Nhận xét, phổ biến kinh nghiệm và sáng kiến học tập.

Bước 2: Thông báo kết luận đánh giá, đăng nhập thông tin đánh giá

Việc thông báo kết luận đánh giá đến sinh viên qua phiếu đánh giá cung cấp thông tin phản hồi để họ tự điều chỉnh sự thực hiện, đồng thời giúp họ có khả năng xác nhận quy trình hay sản phẩm như thế nào là chấp nhận được. Nói cách khác, sinh viên có thể tham gia vào quá trình đánh giá - tự đánh giá kết quả học tập của mình.

Bước 3: Quản lý hồ sơ đánh giá

Hồ sơ đánh giá bao gồm: đề kiểm tra, nhật ký quan sát, tài liệu ghi chép, công cụ, minh chứng và xác nhận năng lực dạy học của sinh viên. Hồ sơ đánh giá được giảng viên quản lý theo khóa học hoặc theo mã sinh viên và được cung cấp cho sinh viên, các phòng ban liên quan và lưu hồ sơ sinh viên.

Hình 3.3. Quy trình đánh giá năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

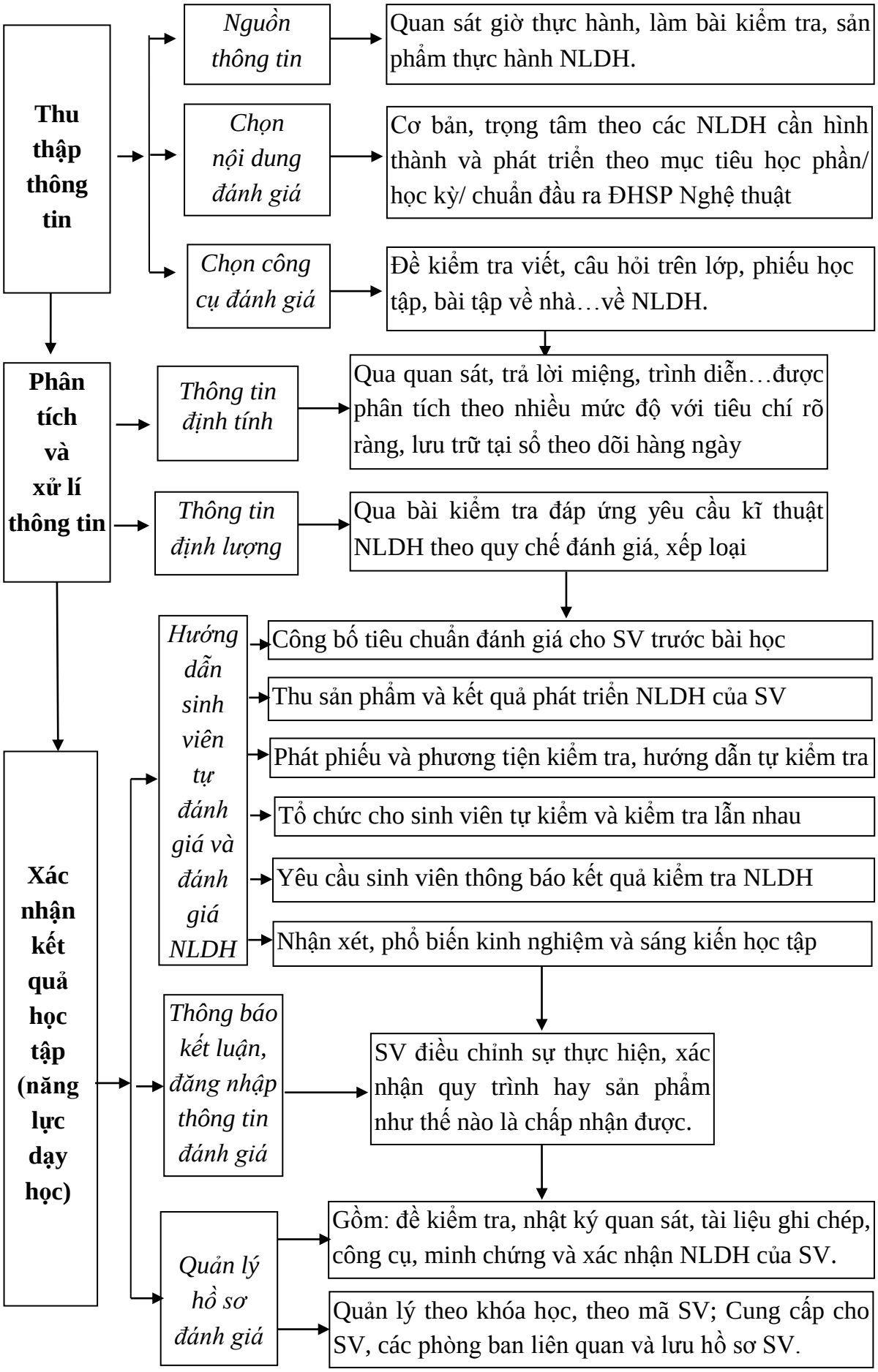

3.3. Khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp đề xuất trong luận án

3.3.1. Giới thiệu tổ chức khảo nghiệm

3.3.1.1. Mục đích khảo nghiệm

Nhận biết được ý kiến đánh giá về mức độ cần thiết và tính khả thi của 7 biện pháp đã được đề xuất trong luận án.

3.3.1.2. Nội dung khảo nghiệm

Đánh giá mức độ cần thiết và tính khả thi của 7 biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm tác giả đã đề xuất.

3.3.1.3. Phương pháp khảo nghiệm

Tác giả đã dùng Phiếu hỏi (Phụ lục 7) để thăm dò ý kiến của cán bộ quản lý đào tạo, giảng viên nghiệp vụ của một số cơ sở giáo dục đại học đào tạo chuyên ngành ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật và giáo viên dạy môn Âm nhạc, Mĩ thuật ở các trường phổ thông. Mức độ đánh giá như sau (Từ mức 1 đến mức 5).

- Mức 1: Không cần thiết/ Không khả thi
- Mức 2: Ít cần thiết/ Ít khả thi
- Mức 3: Tương đối cần thiết/ Tương đối khả thi
- Mức 4: Cần thiết/ Khả thi
- Mức 5: Rất cần thiết/ Rất khả thi

3.3.1.4. Đối tượng khảo nghiệm

Xử lý kết quả khảo nghiệm, sau khi thu Phiếu hỏi, tác giả lọc Phiếu hợp lệ, xử lý theo tỉ lệ % và kết quả thể hiện ở ***Bảng 3.2*** và ***Bảng 3.3.***

3.3.2. Kết quả khảo nghiệm

3.3.2.1. Kết quả khảo nghiệm về mức độ cần thiết của các giải pháp

Bảng 3.2. Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính cần thiết của các biện pháp

TT	Nội dung đánh giá	Mức đánh giá %				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	***Biện pháp 1:*** Thiết kế khung năng lực dạy học đáp ứng đào tạo ĐHSP Nghệ thuật	0,0	0,0	4,8	11,8	83,5
2	***Biện pháp 2:*** Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên	0,0	0,0	4,0	11,5	84,5
3	***Biện pháp 3*:** Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ	0,0	0,0	2,0	10,3	87,7
4	***Biện pháp 4***: Tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên	0,0	0,0	0,0	11,3	88,7
5	***Biện pháp 5***: Tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề	0,0	0,0	0,0	8,5	91,5

6	***Biện pháp 6:*** Đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên	0,0	0,0	0,0	13,5	86,5
7	***Biện pháp 7:*** Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo quá trình và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá	0,0	0,0	1,8	13,3	85,0
Tỉ lệ chung:		**0,0**	**0,0**	**1,8**	**11,5**	**86,8**

Kết quả khảo nghiệm cho thấy, đa số ý kiến lựa chọn sự cần thiết của các giải pháp ở mức độ 5 - Rất cần thiết (86,8%), mức độ 4 - Cần thiết (11,5%); rất ít ý kiến lựa chọn ở mức độ 3 - Tương đối cần thiết (1,8%); không có ý kiến chọn ở mức độ 2- Ít cần thiết và 1 - Không cần thiết. Trong đó, lựa chọn tập trung cao nhất (91,5) ở mức độ 5 - Rất cần thiết thuộc biện pháp 5: Tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề (Bảng 3.2).

3.3.2.2. Kết quả khảo nghiệm về mức độ khả thi của các giải pháp

Bảng 3.3. Tổng hợp ý kiến đánh giá về tính khả thi của các biện pháp

TT	Nội dung đánh giá	Mức đánh giá %				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	***Biện pháp 1:*** Thiết kế khung năng lực dạy học đáp ứng đào tạo ĐHSP Nghệ thuật	0,0	0,0	2,8	12,8	84,5
2	***Biện pháp 2:*** Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên	0,0	0,0	2,3	12,0	85,7
3	***Biện pháp 3:*** Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ	0,0	0,0	1,8	9,8	88,5
4	***Biện pháp 4***: Tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên	0,0	0,0	0,0	12,3	87,7
5	***Biện pháp 5***: Tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề	0,0	0,0	0,0	7,0	93,0
6	***Biện pháp 6:*** Đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên	0,0	0,0	0,0	10,5	89,5
7	***Biện pháp 7:*** Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo quá trình và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá	0,0	0,0	2,3	11,3	86,5
Tỉ lệ chung:		**0,0**	**0,0**	**1,3**	**10,8**	**87,9**

Khảo nghiệm về mức độ khả thi của các giải pháp Luận án đã đưa ra, các ý kiến nhận định tương đối tập trung.

Như vậy, kết quả lấy ý kiến các chuyên gia phần lớn đều cho thấy các giải pháp đã đề xuất đều phù hợp với thực tiễn, có tính cấp thiết và khả thi. Tuy nhiên, các chuyên gia cho rằng để thực hiện tốt, cần phải có sự đồng lòng quyết tâm thực hiện cao từ Ban giám hiệu, các cán bộ quản lý, giảng viên và sinh viên để có sự đồng bộ trong thực hiện nhiệm vụ.

3.4. Thực nghiệm sư phạm

3.4.1. Khái quát về quá trình thực nghiệm

3.4.1.1. Mục đích thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm sư phạm nhằm hiện thực hoá việc thực hiện các biện pháp nêu trên để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm, trên cơ sở đó đánh giá hiệu quả thực tiễn của các biện pháp và kiểm định lại giả thuyết khoa học mà chúng tôi đã nêu ra.

3.4.1.2. Đối tượng thực nghiệm

Thực nghiệm tiến hành trên 56 sinh viên ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật thuộc khoa Sư phạm Nghệ thuật trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

3.4.1.3. Nội dung thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành thực nghiệm 3/7 biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm mà Luận án đã đề xuất trên nhóm thực nghiệm tại học phần Lí luận dạy học. Các biện pháp thực nghiệm gồm:

- *Biện pháp 2:* Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

- *Biện pháp 3:* Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ.

- *Biện pháp 4:* Tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

Việc tổ chức triển khai các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật trong quá trình giảng dạy học phần Lí luận dạy học cho sinh viên được tiến hành đồng thời cả 2 lớp đối chứng và thực nghiệm. Chúng tôi tiến hành giảng dạy 10 tiết học phần Lí luận dạy học cho cả 2 lớp, hướng dẫn kiểm tra, đánh giá như nhau về mặt hình thức và thời gian. Trong đó, nhóm đối chứng giảng dạy theo giáo án thông thường, nhóm thực nghiệm giảng dạy theo giáo án thực nghiệm.

Ngoài việc giảng dạy thực nghiệm chúng tôi còn sử dụng phương pháp quan sát, phỏng vấn, thống kê kết quả thực tập sư phạm, trưng cầu ý kiến về mức độ đạt được của các năng lực dạy học ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng. Từ đó, có biện pháp điều khiển, điều chỉnh kịp thời quá trình làm thực nghiệm.

Để quá trình thực nghiệm diễn ra thuận lợi, chúng tôi có chuẩn bị kĩ về giáo trình cho giảng viên và tài liệu học tập cho sinh viên, các bài tập thực hành được in ấn cho sinh viên, máy chiếu phục vụ cho các giáo án điện tử. Các lớp học tiến hành thực nghiệm đầy đủ về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học…

3.4.1.4. Chọn mẫu thực nghiệm

Để thuận lợi cho việc nghiên cứu, theo dõi và đánh giá, chúng tôi chọn Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa làm nơi thực nghiệm. Ban lãnh đạo nhà trường đã nhất trí cho áp dụng thử nghiệm biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

Trên cơ sở danh sách sinh viên các lớp ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật K4 đã xếp theo vần A,B,C…, chúng tôi lấy ngẫu nhiên sinh viên có số thứ tự chẵn làm nhóm thực nghiệm, còn sinh viên có số thứ tự lẻ làm nhóm đối chứng.

Trước khi tiến hành thực nghiệm chúng tôi tiến hành kiểm tra đầu vào của sinh viên. Sau khi giảng dạy được 5 tiết chúng tôi tiến hành kiểm tra đánh giá cả 2 lớp lần 1. Sau 10 tiết chúng tôi tiến hành kiểm tra đánh giá lần 2. Đề kiểm tra nhằm đánh giá kết quả học tập học phần Lí luận dạy học của các lớp thực nghiệm trên đầy đủ các mặt kiến thức, kĩ năng, thái độ. Giữa lần kiểm tra đợt 1 đến đợt 2 có rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung cho quá trình giảng dạy và kiểm tra đợt 2 hợp lí và hiệu quả hơn.

3.4.1.5. Tiến trình thực nghiệm

Thực nghiệm sư phạm được thực hiện theo các bước sau:

** Bước 1: Chuẩn bị các điều kiện tiến hành thực nghiệm*

- Tìm hiểu đối tượng và lựa chọn lớp đối chứng, lớp thực nghiệm
- Bồi dưỡng đội ngũ cộng tác viên
- Chuẩn bị điều kiện về cơ sở vật chất để tiến hành thực nghiệm sư phạm
- Xây dựng tiêu chí và thang đánh giá …

** Bước 2: Triển khai thực nghiệm*

- Kiểm tra đầu vào của lớp thực nghiệm và đối chứng
- Tiến hành thực nghiệm sư phạm với các biện pháp đã xây dựng

** Bước 3: Đo và phân tích kết quả thực nghiệm*

- Xử lý kết quả thực nghiệm sư phạm
- Phân tích kết quả thực nghiệm sư phạm
- Đánh giá kết quả thực nghiệm sư phạm.

Sau khi tổ chức huấn luyện, tác động vào sinh viên nhóm thực nghiệm, chúng tôi so sánh nhóm thực nghiệm với nhóm đối chứng ở một số tiêu chí sau:

- Kết quả học tập học phần Lí luận dạy học hai nhóm thực nghiệm và đối chứng.
- Kết quả thực tập sư phạm của sinh viên hai nhóm thực nghiệm và đối chứng.
- Hệ thống năng lực dạy học của sinh viên đã có và trình độ năng lực đã đạt được ở nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng.

3.4.1.6. Tiêu chí và thang đánh giá

Tiêu chí đánh giá

Căn cứ đánh giá kết quả thực nghiệm bao gồm 3 tiêu chí:

1. Kết quả học tập học phần Lí luận dạy học và điểm Thực tập sư phạm;

2. Kết quả phát triển năng lực dạy học ở sinh viên xác định qua mức độ các năng lực dạy học của sinh viên, kết quả quan sát về năng lực dạy học của các em khi thực hành giảng dạy ở phần Thực hành Nghiệp vụ sư phạm và Thực tập sư phạm.

3. Tính tích cực, hứng thú học tập của sinh viên trong quá trình phát triển năng lực dạy học được xác định qua: Kết quả điều tra bằng phiếu hỏi, kết quả quan sát trực tiếp quá trình rèn luyện phát triển năng lực dạy học.

Thang đánh giá

Để đánh giá kết quả thực nghiệm, chúng tôi sử dụng thang đánh giá là thang điểm 10. Tương ứng với thang đánh giá là 5 cấp độ: 9 đến 10 điểm là giỏi, 7 đến 8 điểm là khá, 5 đến 6 điểm là trung bình, 3 đến 4 điểm là yếu, dưới 3 là điểm kém. Điểm này đánh giá được về kết quả học tập của sinh viên với học phần Lí luận dạy học cả về kiến thức, kĩ năng, thái độ.

Để đánh giá mức độ thay đổi của người học sau khi học xong một đơn vị kiến thức Lí luận dạy học có sử dụng các biện pháp phát triển năng lực dạy học, chúng tôi dựa vào cách phân loại mức độ nhận thức của nhà giáo dục học Bloom với các thứ bậc: Bậc 1: Nhớ, Bậc 2: Hiểu, Bậc 3: Áp dụng, Bậc 4: Phân tích, Bậc 5: Tổng hợp, Bậc 6: Đánh giá. Trong đó Bậc 4, 5, 6 ứng với cấp độ giỏi (9 - 1 0 điểm), Bậc 3, 4, 5 ứng với cấp độ khá (7 - 8 điểm), Bậc 2, 3 ứng với cấp độ trung bình (5 - 6 điểm), Bậc 1 ứng với cấp độ yếu (3 - 5 điểm), dưới Bậc 1 ứng với cấp độ kém (< 3 điểm)

Dựa vào chuẩn đánh giá, chúng tôi xây dựng ba bài kiểm tra để đánh giá kết quả học tập của sinh viên lớp thực nghiệm và đối chứng: Một bài kiểm tra đầu vào trước thực nghiệm, một bài kiểm tra thường xuyên sau 5 tiết (đánh giá kết quả thực nghiệm lần 1), một bài kiểm tra đầu ra sau 10 tiết (đánh giá kết quả thực nghiệm lần 2).

Kết quả thực nghiệm được xử lý bằng phương pháp thống kê toán học: Lập bảng phân phối tần số, tần xuất sinh viên đạt điểm; Minh họa kết quả nghiên cứu bằng biểu đồ; Tính các tham số đặc trưng và kiểm định giá trị trung bình.

3.4.2. Phân tích kết quả thực nghiệm

3.4.2.1. Kết quả trình độ ban đầu của sinh viên trước khi thực nghiệm

Chúng tôi tiến hành khảo sát, kiểm tra về mặt nhận thức, kĩ năng trong học phần Lí luận dạy học của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng thông qua bài kiểm tra lí

thuyết 1 tiết với một câu kiểm tra về lí luận, một câu kiểm tra về thực hành (phụ lục 5). Kết quả thực nghiệm được thể hiện ở bảng 3.4.

Bảng 3.4. Kết quả kiểm tra trình độ ban đầu
về học phần Lí luận dạy học của lớp đối chứng và lớp thực nghiệm

Lớp / Mức độ	Lớp thực nghiệm (TN)		Lớp đối chứng (ĐC)	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giỏi	0	0	0	0
Khá	8	28,6	6	21,4
Trung bình	16	57,1	17	60,7
Yếu	4	14,3	5	17,9
Kém	0	0	0	0

Hình 3.4. Biểu đồ kết quả nhận thức đầu vào lớp đối chứng và lớp thực nghiệm

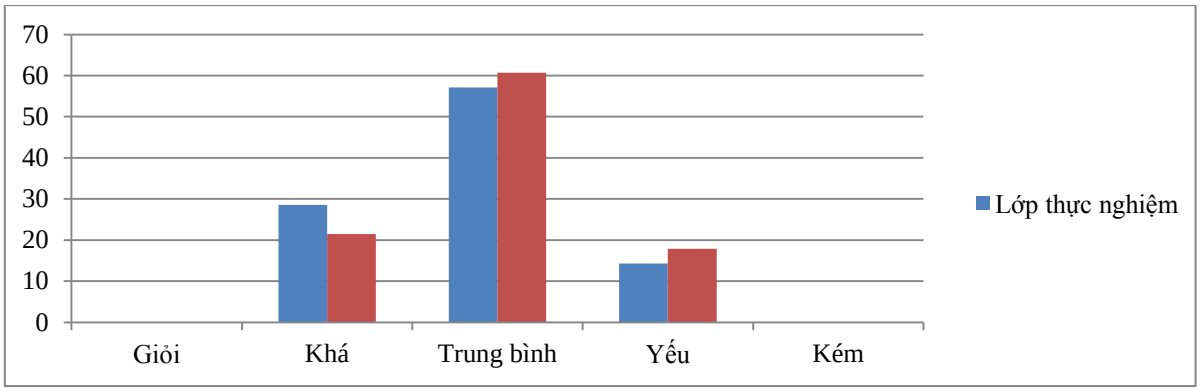

- Để kiểm định tỉ lệ khá ở hai nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm chúng tôi căn cứ vào cách thức kiểm định giả thuyết giữa 2 tỉ lệ:

Ta gọi tỉ lệ loại khá ở lớp đối chứng là f_1; Tỉ lệ loại khá ở lớp thực nghiệm là f_2; Ta đặt giả thuyết thống kê:

H_1: $f_1 = f_2$ (tỉ lệ loại nhận thức khá ở hai lớp đối chứng và thực nghiệm trước khi thực nghiệm là như nhau).

H_2: $f_1 \neq f_2$ (tỉ lệ loại nhận thức khá ở hai lớp đối chứng và thực nghiệm trước khi thực nghiệm là khác nhau).

Áp dụng phép kiểm định trong phân phối chuẩn ta có đại lượng kiểm định trên 2 mẫu đã cho là:

$$D = \frac{\left|\frac{m_1}{n_1} - \frac{m_2}{n_2}\right|}{\sqrt{\frac{m_1 + m_2}{n_1 + n_2} \cdot \left(1 - \frac{m_1 + m_2}{n_1 + n_2}\right) \cdot \left(\frac{1}{n_1} + \frac{1}{n_2}\right)}} = \frac{\left|\frac{8}{28} - \frac{6}{28}\right|}{\sqrt{\frac{8+6}{56} \cdot \left(1 - \frac{14}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 0,63$$

Trong đó: m_1 là số phần tử đạt loại nhận thứckhá ở lớp thực nghiệm

m_2 là số phần tử đạt loại khá ở lớp đối chứng

n_1 là số phần tử của lớp thực nghiệm

n_2 là số phần tử của lớp đối chứng

f_1 (tỉ lệ khá ở lớp đối chứng) $f_1 = \frac{m_2}{n_2} = \frac{6}{28}$

f_2 (tỉ lệ khá ở lớp thực nghiệm) $f_2 = \frac{m_1}{n_1} = \frac{8}{28}$

Với mức ý nghĩa α = 5%, độ tin cậy γ = 95% chúng tôi tra trong bảng phân phối chuẩn ta được tα = 1,96. Từ đó, ta so sánh D = 0,63 < tα = 1,96

Căn cứ vào quy tắc kiểm định giả thuyết H_1 bị bác bỏ nếu D > tα, ở đây D < tα ⇨ ta chấp nhận giả thuyết H_1 (có thể xem tỉ lệ khá ở hai lớp thực nghiệm và đối chứng trước khi thử nghiệm là như nhau).

- Tương tự như vậy để kiểm định tỉ lệ mức trung bình của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm.

Ta gọi f_1 là tỉ lệ trung bình của lớp thực nghiệm, f_2 là tỉ lệ trung bình của lớp đối chứng. Từ đó, ta có giả thuyết:

H_1: $f_1 = f_2$ (Tỉ lệ trung bình về nhận thức ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là như nhau trước khi làm thực nghiệm).

H_2: $f_1 \neq f_2$ (Tỉ lệ trung bình về nhận thức ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là khác nhautrước khi làm thực nghiệm).

Xét đại lượng kiểm định: Dựa vào phép kiểm định trong phân phối chuẩn ta có đại lượng kiểm định trên 2 mẫu đã cho là:

$$D = \frac{\left|\frac{m_1}{n_1} - \frac{m_2}{n_2}\right|}{\sqrt{\frac{m_1 + m_2}{n_1 + n_2} \cdot \left(1 - \frac{m_1 + m_2}{n_1 + n_2}\right) \cdot \left(\frac{1}{n_1} + \frac{1}{n_2}\right)}} = \frac{\left|\frac{16}{28} - \frac{17}{28}\right|}{\sqrt{\frac{16 + 17}{56} \cdot \left(1 - \frac{33}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 0,30$$

D = 0,30 < tα = 1,96

Như vậy, ta chấp nhận giả thuyết H_1: $f_1 = f_2$ (Tỉ lệ trung bình về nhận thức ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là như nhau trước khi làm thực nghiệm).

- Với tỉ lệ yếu về nhận thức của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng ta cũng có đại lượng:

$$D = \frac{\left|\frac{m_1}{n_1} - \frac{m_2}{n_2}\right|}{\sqrt{\frac{m_1 + m_2}{n_1 + n_2} \cdot \left(1 - \frac{m_1 + m_2}{n_1 + n_2}\right) \cdot \left(\frac{1}{n_1} + \frac{1}{n_2}\right)}} = \frac{\left|\frac{4}{28} - \frac{5}{28}\right|}{\sqrt{\frac{4 + 5}{56} \cdot \left(1 - \frac{9}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 0,37$$

D = 0,37 < tα = 1,96

Như vậy, ta chấp nhận giả thuyết H_1: $f_1 = f_2$ (Tỉ lệ yếu về nhận thức ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là như nhau trước khi làm thực nghiệm).

Với các phép kiểm định trên 2 mẫu thực nghiệm và đối chứng ở bảng 3.6 ta có thể kết luận: Mức độ nhận thức của 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm trước khi làm thực nghiệm là tương đương nhau.

3.4.2.2. Kết quả đo trong quá trình làm thực nghiệm

Sau khi giảng viên giảng dạy học phần Lí luận dạy học đồng thời cho cả 2 lớp đối chứng và thực nghiệm sau một nửa số tiết (15 tiết) chúng tôi cho cả 2 lớp cùng làm một bài kiểm tra về nhận thức và kĩ năng của học phần Lí luận dạy học. Kết quả được thể hiện ở bảng 3.5.

Bảng 3.5. Kết quả kiểm tra trình độ thường xuyên về học phần Lí luận dạy học của lớp đang làm thực nghiệm

Lớp / Mức độ	Lớp thực nghiệm		Lớp đối chứng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giỏi	3	10,7	0	0
Khá	15	53,6	8	28,6
Trung bình	9	32,1	18	64,3
Yếu	1	3,6	2	7,1
Kém	0	0	0	0

Hình 3.5. Biểu đồ kết quả nhận thức thường xuyên của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng

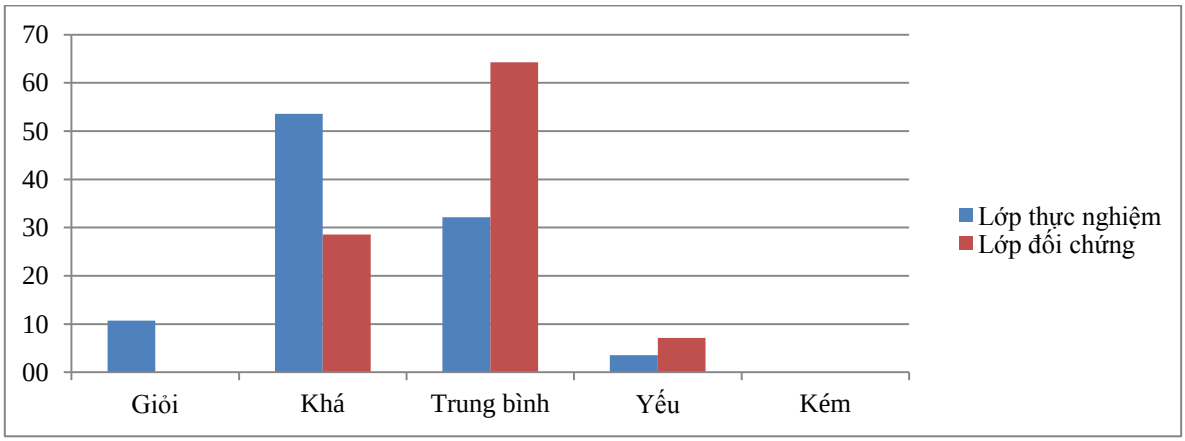

Xử lý kết quả nhận thức về học phần Lí luận dạy học ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng trong quá trình thực nghiệm (kết quả thực nghiệm lần 1).

Trước hết xác định mức ý nghĩa α = 5%, độ tin cậy γ = 95%, kiểm định hai phía *trong* phân phối chuẩn *ta* có tα = 1,*65*.

+ Kiểm định tỉ lệ giỏi ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau tác động thực nghiệm lần 1.

Gọi tỉ lệ nhận thức mức giỏi ở nhóm thực nghiệm là f_1; Tỉ lệ nhận thức mức giỏi ở nhóm đối chứng là f_2.

$f_1 = \frac{3}{28} = 10,7\%$ $\qquad$ $f_2 = \frac{0}{28} = 0,0\%$

Ta đặt giả thuyết:

H_1: $f_1 = f_2$ (Tỉ lệ giỏi ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là như nhau).

H_2: $f_1 \neq f_2$(Tỉ lệ giỏi ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là khác nhau).

Tính đại lượng kiểm định:

$$D = \frac{\frac{3}{28} - \frac{0}{28}}{\sqrt{\frac{3+0}{28} \cdot \left(1 - \frac{3}{28}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 1,78$$

D = 1,78 > tα = 1,65. Như vậy, ta bác bỏ H_1 và chấp nhận H_2 (tỉ lệ nhận thức mức giỏi ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng là khác nhau). Nói khác đi sự tác động của thực nghiệm làm tăng mức giỏi.

+ Kiểm định tỉ lệ khá giữa nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm sư phạm lần 1 ta có:

$$D = \frac{\frac{15}{28} - \frac{8}{28}}{\sqrt{\frac{15+8}{56} \cdot \left(1 - \frac{23}{58}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 1,9$$

D = 1,9 > tα = 1,65. Như vậy, tỉ lệ nhận thức mức khá ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng là khác nhau. Nói khác đi sự tác động của thực nghiệm làm tăng tỉ lệ sinh viên khá lên.

+ Kiểm định tỉ lệ trung bình giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm ta có đại lượng kiểm định là:

$$D = \frac{\left|\frac{9}{28} - \frac{18}{28}\right|}{\sqrt{\frac{9+18}{56} \cdot \left(1 - \frac{27}{58}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 2,41$$

D = 2,41 >tα = 1,65. Khẳng định tỉ lệ nhận thức mức trung bình ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng là khác nhau, qua biểu đồ 3.4 ta thấy tỉ lệ trung bình ở lớp thực nghiệm là 32,1%, trong khi ở lớp đối chứng là 64,3% rõ ràng tỉ lệ trung bình ở lớp thực nghiệm đã giảm đi so với lớp đối chứng. Điều này chứng tỏ sự tác động của thực nghiệm bước đầu đã có hiệu quả vì nó làm tăng tỉ lệ sinh viên khá, giỏi và giảm tỉ lệ trung bình.

3.4.2.3. Kết quả sau quá trình làm thực nghiệm (thực nghiệm lần 2)

Sau bài kiểm tra để xác định kết quả thực nghiệm lần 1 chúng tôi tiến hành điều chỉnh và hoàn thiện kĩ năng sử dụng bài tập thực hành vào trong giảng dạy Lí luận dạy học cho sinh viên. Đến khi giảng hết 30 tiết Lí luận dạy học chúng tôi tiến hành cho sinh viên làm bài kiểm tra lần 2 để đo kết quả thực nghiệm lần 2. Kết quả này được thể hiện ở bảng 3.6.

Bảng 3.6. Kết quả kiểm tra đầu ra của các lớp đang làm thực nghiệm

Lớp / Mức độ	Lớp thực nghiệm		Lớp đối chứng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giỏi	5	17,9	1	4
Khá	19	67,9	13	46,4
Trung bình	4	14,3	13	46,4
Yếu	0	0,0	1	3,6
Kém	0	0	0	0

Hình 3.6. Biểu đồ kết quả đầu ra của 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng

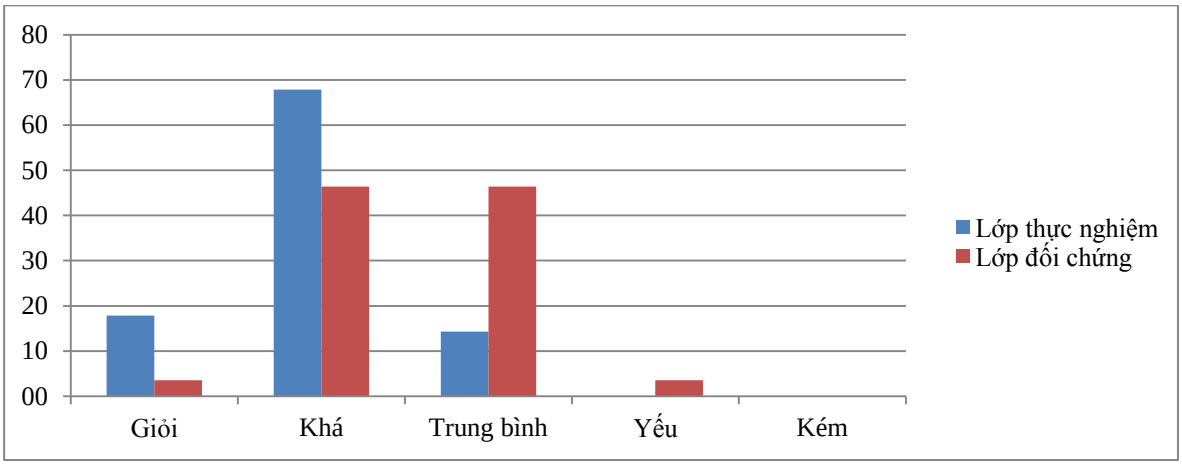

Kết quả xử lý về nhận thức học phần Lí luận dạy học của sinh viên 2 lớp thực nghiệm và đối chứng trong quá trình làm thực nghiệm lần 2 được thực hiện tương tự như xử lý kết quả thực nghiệm lần 1.

Với mức ý nghĩa $\alpha = 5\%$, độ tin cậy $\gamma = 95\%$, kiểm định hai phía trong phân phối chuẩn ta có $t\alpha = 1,65$.

+ Kiểm định tỉ lệ giỏi ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm sau tác động thực nghiệm lần 2.

Gọi tỉ lệ nhận thức mức giỏi ở nhóm thực nghiệm là f_1; Tỉ lệ nhận thức mức giỏi ở nhóm đối chứng là f_2.

$f_1 = \frac{5}{28} = 17,9\%$ $\qquad$ $f_2 = \frac{1}{28} = 4,0\%$

Ta đặt giả thuyết:

H_1: $f_1 = f_2$ (Tỉ lệ giỏi ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là như nhau).

H_2: $f_1 \neq f_2$(Tỉ lệ giỏi ở 2 nhóm đối chứng và thực nghiệm là khác nhau).

Tính đại lượng kiểm định:

$$D = \frac{\frac{5}{28} - \frac{1}{28}}{\sqrt{\frac{5+1}{56} \cdot \left(1 - \frac{6}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 1,74$$

$D = 1,74 > t\alpha = 1,65$. Như vậy, ta bác bỏ H_1 và chấp nhận H_2 (tỉ lệ nhận thức

mức giỏi ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng là khác nhau). Nói khác đi sự tác động của thực nghiệm vẫn tiếp tục làm tăng mức giỏi.

+ Kiểm định tỉ lệ khá giữa nhóm đối chứng và thực nghiệm sau thực nghiệm sư phạm lần 1 ta có đại lượng kiểm định:

$$D = \frac{\frac{19}{28} - \frac{13}{28}}{\sqrt{\frac{19+13}{56} \cdot \left(1 - \frac{32}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 1,77$$

D = 1,77 > tα = 1,65. Như vậy, tỉ lệ nhận thức mức khá ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng là khác nhau. Nói khác đi sự tác động của thực nghiệm tiếp tục làm tăng tỉ lệ sinh viên khá lên.

+ Kiểm định tỉ lệ trung bình giữa nhóm đối chứng và nhóm thực nghiệm ta có đại lượng kiểm định là:

$$D = \frac{\frac{4}{28} - \frac{13}{28}}{\sqrt{\frac{17}{58} \cdot \left(1 - \frac{17}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 2,69$$

D = 2,69 > tα = 1,65. Khẳng định tỉ lệ nhận thức mức trung bình ở 2 nhóm thực nghiệm và đối chứng là khác nhau, kết hợp với việc quan sát biểu đồ 3.4 ta thấy tỉ lệ trung bình ở lớp thực nghiệm là 14,3%, trong khi ở lớp đối chứng là 46,4% rõ ràng tỉ lệ trung bình của cả lớp thực nghiệm và đối chứng đều giảm nhờ việc tích cực giảng dạy của giảng viên và tinh thần học tập hăng hái của sinh viên. Nhưng tỉ lệ trung bình ở lớp thực nghiệm vẫn giảm đi so với lớp đối chứng. Điều này chứng tỏ việc sử dụng các bài tập thực hành trong giảng dạy học phần Lí luận dạy học tiếp tục mang lại hiệu quả cho quá trình nhận thức của sinh viên vì nó làm tăng tỉ lệ sinh viên khả, giỏi và giảm tỉ lệ trung bình.

- Kết quả kiểm định so sánh kết quả ở lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm

Để kiểm tra trình độ nhận thức của sinh viên lớp thực nghiệm trước và sau khi thực hiện các tác động sư phạm. Ta có kết quả ở bảng 3.7 và hình 3.7.

Bảng 3.7. Kết quả lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm

Lớp thực nghiệm / Mức độ	Trước thực nghiệm		Sau thực nghiệm	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giỏi	0	0,0	5	18
Khá	8	28,6	19	67,9
Trung bình	16	57,1	4	14,3
Yếu	4	14,3	0	0
Kém	0	0	0	0

Hình 3.7. Biểu đồ kết quả lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm

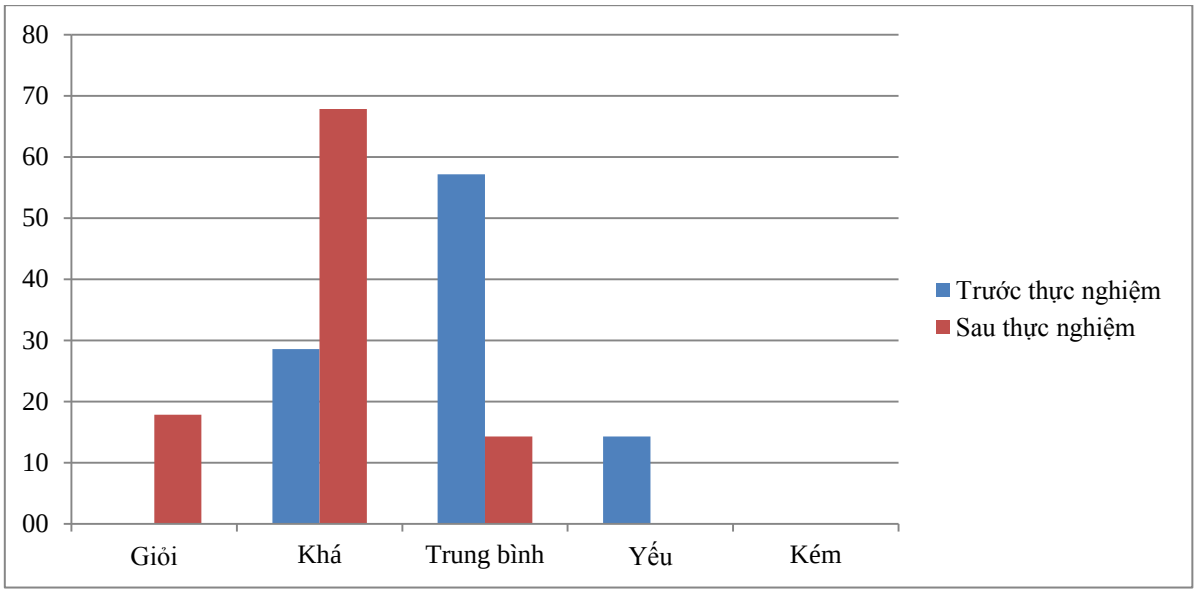

Kết quả xử lý về nhận thức học phần Lí luận dạy học của sinh viên 2 lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm được xử lý bằng cách áp dụng phép kiểm định trong phân phối chuẩn với mức ý nghĩa α = 5%, độ tin cậy γ= 95%, kiểm định hai phía trong phân phối chuẩn ta có tα = 1,65.

+ Kiểm định tỉ lệ giỏi lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm.

Gọi tỉ lệ nhận thức mức giỏi trước thực nghiệm là f_1; Tỉ lệ nhận thức mức giỏi sau khi thực nghiệm là f_2.

$f_1 = \frac{0}{28} = 0{,}0\%$ $\qquad$ $f_2 = \frac{5}{28} = 18{,}0\%$

Ta đặt giả thuyết:

H_1: $f_1 = f_2$ (Tỉ lệ giỏi ở lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm như nhau).

H_2: $f_1 \neq f_2$ (Tỉ lệ giỏi ở lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm là khác nhau và thực nghiệm có ý nghĩa).

Ta tính được đại lượng kiểm định là:

$$D = \frac{\left|\frac{0}{28} - \frac{5}{28}\right|}{\sqrt{\frac{0+5}{56} \cdot \left(1 - \frac{5}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 2{,}36$$

D = 2,36 > tα = 1,65. Như vậy, ta bác bỏ H_1 và chấp nhận H_2 (tỉ lệ nhận thức mức giỏi ở lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm là khác nhau). Quá trình giảng dạy bằng các bài tập thực hành theo định hướng phát triển năng lực đã làm tăng tỉ lệ sinh viên đạt loại giỏi ở lớp thực nghiệm lên từ 0% đến 18%.

+ Kiểm định tỉ lệ khá của lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm ta có đại lượng kiểm định:

$$D = \frac{\left|\frac{8}{28} - \frac{19}{28}\right|}{\sqrt{\frac{27}{56} \cdot \left(1 - \frac{27}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 3,12$$

D = 3,12 > tα = 1,65 Khẳng định tỉ lệ nhận thức mức khá ở lớp thực nghiệm trước và sau khi thực nghiệm khác nhau. Việc tác động sư phạm đã làm cho tỉ lệ sinh viên có nhận thức ở mức khá tăng lên rõ rệt.

+ Kiểm định tỉ lệ trung bình của lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm ta có đại lượng kiểm định là:

$$D = \frac{\frac{16}{28} - \frac{4}{28}}{\sqrt{\frac{20}{56} \cdot \left(1 - \frac{20}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 3,46$$

D = 3,46 > tα = 1,65 Cho ta thấy tỉ lệ nhận thức mức trung bình ở lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm là khác nhau một cách rõ rệt. Qua quan sát biểu đồ 3.5 ta thấy tỉ lệ trung bình ở lớp thực nghiệm trước khi thực hiện các tác động sư phạm là 57,1%, sau khi thực hiện các tác động sư phạm là 14,3% tỉ lệ sinh viên nhận thức ở mức trung bình giảm 42,8%.

+ Tương tự ta có đại lượng kiểm định tỉ lệ yếu ở lớp thực nghiệm trước và sau khi làm thực nghiệm là:

$$D = \frac{\frac{4}{28} - \frac{0}{28}}{\sqrt{\frac{4}{56} \cdot \left(1 - \frac{4}{56}\right) \cdot \left(\frac{1}{28} + \frac{1}{28}\right)}} = 2,09 > 1,65$$

Chứng minh giả thuyết tỉ lệ nhận thức của sinh viên về Lí luận dạy học trước và sau khi làm thực nghiệm là khác nhau. Từ 14,3% khi kiểm tra đầu vào đến khi thực hiện các tác động sư phạm sau một quá trình giảng dạy đã không còn sinh viên bị điểm yếu. Điều này chứng tỏ việc sử dụng giáo án thực nghiệm vận dụng phương pháp dạy học tích cực, vận dụng hệ thống bài tập thực hành theo định hướng phát triển năng lực trong quá trình giảng dạy học phần Lí luận dạy học cho sinh viên đã nâng cao chất lượng học tập cho sinh viên, làm tăng tỉ lệ khá, giỏi và giảm tỉ lệ trung bình, yếu trong kết quả học tập. Điều này đáp ứng được mục đích và yêu cầu đặt ra trước khi làm thực nghiệm.

3.4.2.4. Kết quả thực tập sư phạm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

Bảng 3.8. Kết quả thực tập sư phạm của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

Kết quả thực tập sư phạm / Mức độ	Nhóm thực nghiệm		Nhóm đối chứng	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Giỏi	24	85,7	21	75,0
Khá	4	14,3	7	25,0
Trung bình	0	0	0	0
Yếu	0	0	0	0
Kém	0	0	0	0

Tỉ lệ Khá/ Giỏi của lớp thực nghiệm và lớp đối chứng lần lượt là 14,3/ 85,7 và 25,0/ 75,0. So sánh kết quả thực tập của 2 nhóm cho thấy, nhóm thực nghiệm có kết quả mức Giỏi cao hơn nhóm đối chứng là 10,7%, trong khi tỉ lệ Khá thấp hơn 10,7%. Cả 2 lớp, đều không có kết quả thực tập mức Trung bình, Yếu, Kém. Như vậy, kết quả thực tập sư phạm của nhóm thực nghiệm cao hơn nhóm đối chứng.

Hình 3.8. Biểu đồ kết quả thực tập sư phạm nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

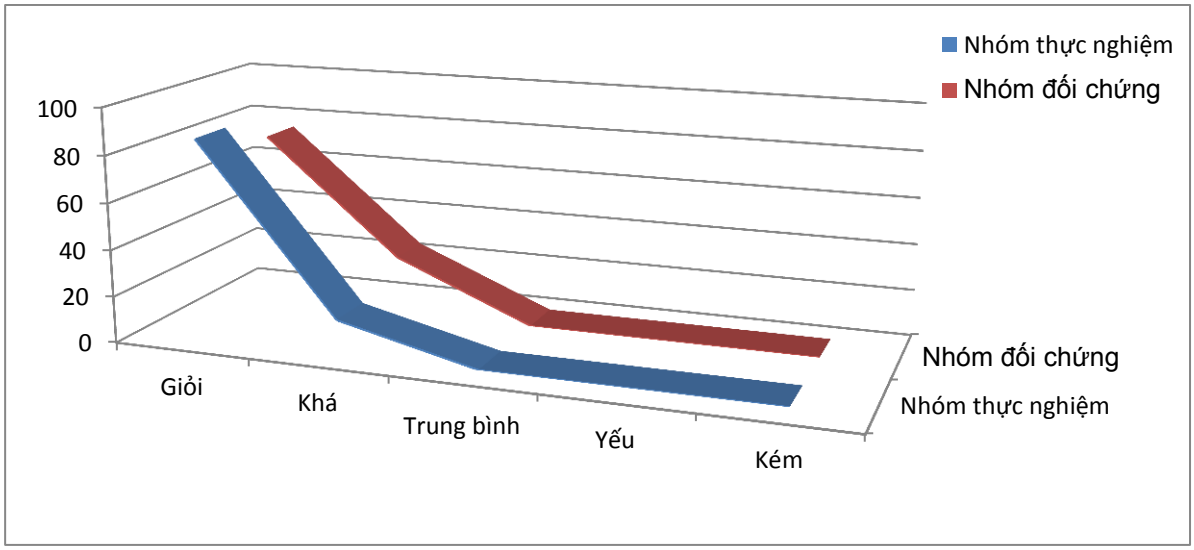

3.4.2.5. Mức độ các năng lực dạy học nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

Bảng 3.9. Mức độ năng lực dạy học của nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

TT	Năng lực dạy học	Mức độ	Giảng viên		Sinh viên		Giáo viên	
			TN	ĐC	TN	ĐC	TN	ĐC
1	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học	Tốt	8,8	3,5	7,1	0,0	7,3	5,5
		Khá	45,6	29,8	46,4	32,1	40,0	30,9
		TB	40,4	49,1	39,3	46,4	45,5	49,1
		Yếu	5,3	14,0	7,1	17,9	7,3	10,9
		Rất yếu	0,0	3,5	0,0	3,6	0,0	3,6
2	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi	Tốt	7,0	3,5	3,6	0,0	7,3	3,6
		Khá	52,6	42,1	35,7	25,0	34,5	25,5
		TB	35,1	38,6	50,0	53,6	43,6	47,3

	học tập	Yếu	5,3	12,3	10,7	17,9	12,7	18,2
		Rất yếu	0,0	3,5	0,0	3,6	1,8	5,5
3	Năng lực thiết kế dạy học	Tốt	5,3	5,3	17,9	3,6	10,9	5,5
		Khá	40,4	38,6	42,9	32,1	43,6	27,3
		TB	49,1	47,4	39,3	50,0	41,8	49,1
		Yếu	5,3	7,0	0,0	10,7	3,6	14,5
		Rất yếu	0,0	1,8	0,0	3,6	0,0	3,6
4	Năng lực dạy học trực tiếp	Tốt	8,8	5,3	10,7	0,0	7,3	3,6
		Khá	42,1	26,3	50,0	32,1	40,0	29,1
		TB	47,4	56,1	35,7	50,0	49,1	50,9
		Yếu	1,8	8,8	3,6	10,7	3,6	10,9
		Rất yếu	0,0	3,5	0,0	7,1	0,0	5,5
Trung bình		Tốt	7,5	4,4	9,8	0,9	8,2	4,5
		Khá	45,2	34,2	43,8	30,4	39,5	28,2
		TB	43,0	47,8	41,1	50,0	45,0	49,1
		Yếu	4,4	10,5	5,4	14,3	6,8	13,6
		Rất yếu	0,0	3,1	0,0	4,5	0,5	4,5

Kết quả khảo nghiệm tương đối tương đồng giữa giảng viên, giáo viên phổ thông và tự đánh giá ở sinh viên. Với nhóm thực nghiệm, đã có sự cải thiện rõ rệt ở mức độ các năng lực dạy học, tỉ lệ sinh viên đạt năng lực dạy học ở mức Tốt, Khá tăng lên đáng kể, giảm tỉ lệ sinh viên đạt mức Trung bình; không còn tỉ lệ sinh viên đạt mức Yếu, Rất yếu.

Với nhóm đối chứng, sau khi học tín chỉ 2 học phần Lí luận dạy học, không có sự khác biệt có ý nghĩa nào so với trước khi học.

Hình 3.9.Biểu đồ mức độ năng lực dạy học nhóm thực nghiệm và nhóm đối chứng

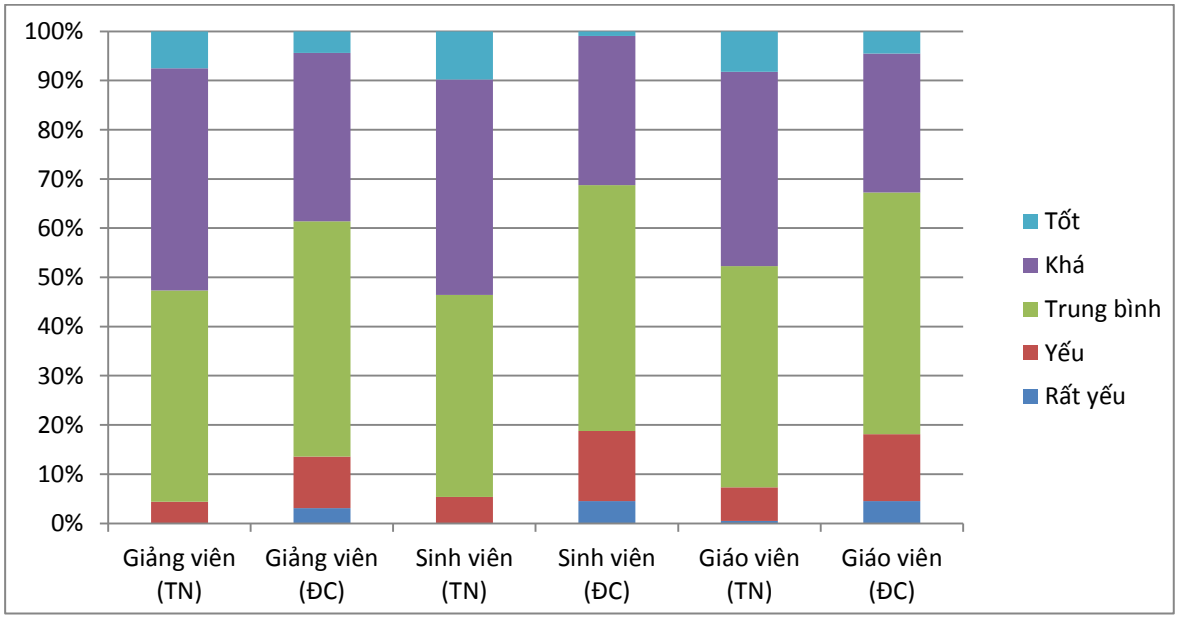

Tóm lại, sinh viên học học phần Lí luận dạy học theo giáo án thực nghiệm có kết quả phát triển năng lực dạy học cao hơn so với sinh viên học giáo án bình thường.

3.4.3. Kết luận thực nghiệm sư phạm

Việc tổ chức giảng dạy trong quá trình làm thực nghiệm mặc dù vấp phải rất nhiều khó khăn về mặt thời gian, không gian, vật chất, con người... Nhưng cả giảng viên lẫn sinh viên của hai lớp thực nghiệm và đối chứng đều rất hăng hái, nhiệt tình. Kết quả của cả hai lần kiểm tra kết quả thực nghiệm đều đáp ứng được mục đích của tác giả. Nhìn chung cả hai lớp thực nghiệm và đối chứng đều tiến bộ sau từng tiết giảng Lí luận dạy học cả về mặt kiến thức, kĩ năng và thái độ, kết quả kiểm tra lần 1 và lần 2 ở bảng 3.4; 3.6 và biểu đồ 3.4; 3.6 đã chứng minh sinh viên đạt được kết quả tốt hơn nhiều so với thời gian trước khi làm thực nghiệm. Lớp thực nghiệm được giảng dạy Lí luận dạy học theo giáo án thực nghiệm đã thể hiện sự tiến bộ vượt trội hơn cả về sự nhiệt tình, hăng hái khi giải quyết các bài tập thực hành theo hướng phát triển năng lực, cả về kết quả học tập được thể hiện cụ thể về mặt định lượng ở bảng 3.6 và biểu đồ 3.6. Qua việc quan sát từng giờ học, chúng tôi nhận thấy sinh viên lớp thực nghiệm rất có ý thức trong quá trình học tập trên lớp, các em tập trung chú ý cao khi nghe giảng, hăng hái phát biểu ý kiến xây dựng bài và tích cực làm bài tập và bài tập thực hành. Các em sinh viên ở lớp đối chứng học tập thụ động hơn theo giáo trình và quá trình giảng dạy của giảng viên. Còn đối với lớp thực nghiệm các em tích cực hoạt động theo các bài tập thực hành, sản phẩm chính là phát triển các năng lực sư phạm của bản thân như năng lực thuyết trình trước đám đông; năng lực lập kế hoạch, thời khóa biểu; Năng lực sử dụng các phương pháp giảng dạy; Năng lực kiểm tra đánh giá; Năng lực chế tạo và sử dụng phương tiện dạy học; Năng lực tổ chức và quản lý quá trình dạy học... Trong quá trình dạy học ở lớp thực nghiệm hoạt động học tập của sinh viên luôn ở cường độ rất cao. Đây cũng chính là nguyên nhân dẫn đến kết quả học tập Lí luận dạy học của các em cũng đạt kết quả cao hơn.

Qua nghiên cứu sản phẩm của sinh viên, đặc biệt là qua các bài làm của 2 lần kiểm tra. Chúng tôi thấy, sinh viên ở lớp đối chứng chỉ hoàn thành tốt câu hỏi 1 về mặt lí luận, còn ở câu 2 thực hành các em thường bị động và làm chưa tốt. Với lớp thực nghiệm các em hoàn thành tốt cả yêu câu về mặt lí luận lẫn thực hành trong đề kiểm tra. Ngoài ra bài làm không bị dập khuôn, máy móc theo giáo trình, tài liệu mà còn mang tính phê phán riêng của bản thân và thể hiện năng lực lập luận tốt hơn.

Trong quá trình làm thực nghiệm ngoài việc giảng dạy, quan sát, nghiên cứu sản phẩm. Chúng tôi còn trao đổi ý kiến với các giảng viên và sinh viên. Thông qua quá trình phỏng vấn giảng viên dạy trực tiếp và đánh giá sinh viên, chúng tôi có được những ý kiến nhận xét quý báu của các giảng viên đó là: Bước đầu sinh viên lớp thực nghiệm đã nhận thức được ở mức hiểu và phân tích được những nội dung cơ bản về

Lí luận dạy học. Trong đó sinh viên lớp thực nghiệm thể hiện mức độ nhận thức vượt trội hơn lớp đối chứng ở chỗ các em đã biết đánh giá kiến thức theo ý kiến riêng của mình thông qua việc thực hiện các bài tập thực hành. Sinh viên lớp thực nghiệm không bị gói gọn ở khối lượng lí luận của học phần Lí luận dạy học mà còn phát triển được các năng lực cơ bản của một người giáo viên nghệ thuật tương lai. Qua việc trao đổi với sinh viên, chúng tôi thu được những ý kiến tự nhận xét của các em như sau: sinh viên được hỏi ở lớp thực nghiệm cho rằng quá trình thực hiện các bài tập thực hành làm cho họ hiểu kiến thức Lí luận dạy học dễ dàng hơn. Ngược lại các em ở lớp đối chứng cho rằng kiến thức Lí luận dạy học là rất khô và khó hiểu. Vì thế, mặc dù rất tập trung học tập nhưng đôi khi các em vẫn không hiểu và cảm thấy mệt mỏi. Về mặt kĩ năng, hầu hết sinh viên lớp thực nghiệm đều cho rằng các em đã rất vất vả để tập trung và tích cực khi làm bài tập thực hành, nhưng qua đó các em đã hình thành được những năng lực cần thiết của người giáo viên nghệ thuật. Từ đó, các em thấy rất tự tin vào bản thân và thêm yêu nghề dạy học hơn. Còn đối với lớp đối chứng các em chỉ tập trung học theo giáo trình Giáo dục học và rất lúng túng khi gặp phải những bài tập thực hành vì các em chưa được thực hiện chúng bao giờ.

Như vậy, sau quá trình xây dựng các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật để vận dụng trong giảng dạy học phần Lí luận dạy học cho sinh viên dựa trên những nguyên tắc xác định và vận dụng các biện pháp đã được xây dựng vào giảng dạy ở lớp thực nghiệm; Chúng tôi đánh giá quá trình thực nghiệm như sau:

Đầu vào về nhận thức Lí luận dạy học của sinh viên hai lớp thực nghiệm và đối chứng là như nhau (biểu đồ 3.4). Sinh viên chỉ đạt mức độ khá trở về, chủ yếu sinh viên đạt mức trung bình với tỉ lệ 57,1% đến 60,7%, vẫn có không ít sinh viên đạt loại yếu. Các bài làm của sinh viên chỉ giải quyết được yêu cầu về lí luận ở câu 1, còn đa số không làm tốt yêu cầu về thực hành Lí luận dạy học ở câu 2. Sau quá trình làm thực nghiệm ở hai lần kiểm tra lớp thực nghiệm đã thể hiện trình độ nhận thức và kĩ năng tốt hơn nhiều so với lớp đối chứng.

Có thể nói các biện pháp phát triển năng lực dạy học đã đảm bảo các nguyên tắc cơ bản khi xây dựng. Quy trình sử dụng các biện pháp đã được kiểm chứng với chất lượng và hiệu quả trong quá trình nhận thức cũng như phát triển năng lực dạy học qua học phần Lí luận dạy học của nhóm thực nghiệm.

Mặc dù quá trình thực nghiệm gặp phải không ít khó khăn về thời gian, cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại phục vụ quá trình tổ chức thực nghiệm, thiếu giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy theo giáo án mới, sinh viên học chuyên ngành căng

thẳng, việc phối hợp nhịp nhàng với các bộ phận khác để rèn luyện cho sinh viên còn hạn chế. Nhưng cả thầy và trò vẫn nhiệt tình, tích cực dạy và học theo tiến trình thực nghiệm, có thái độ cởi mở khi hợp tác với người điều tra giúp quá trình thực nghiệm suôn sẻ, đạt kết quả như mong muốn. Mặt khác, nếu quá trình phát triển năng lực dạy học cho sinh viên được nhà trường thực hiện đồng bộ hơn, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các phòng, ban, giữa khoa với bộ môn… thì hiệu quả sẽ cao hơn.

Tóm lại, quá trình thực nghiệm đã được hoàn thành đúng tiến độ cũng như đạt được mục đích và yêu cầu đề ra. Giả thuyết khoa học đã được kiểm định và chứng minh. Đó là, việc sử dụng các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật qua dạy học học phần Lí luận dạy học đã nâng cao được chất lượng học tập, phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

Kết luận chương 3

Căn cứ vào cơ sở lí luận (chương 1) và thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật (chương 2), tác giả đã xây dựng và đề xuất các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật, đó là:

(1) Thiết kế khung năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật: Qua kết quả phân tích nghề giáo viên nghệ thuật, tác giả đã xác định được hệ thống năng lực dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật và những yêu cầu về kiến thức, kĩ năng của các năng lực dạy học đó. Đó là những năng lực cần thiết để người giáo viên nghệ thuật có thể thực hiện được công việc dạy học của mình;

(2) Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên: tác giả đã thiết kế quy trình dạy học gồm 4 bước và các công việc cụ thể trong mỗi bước để việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên được hợp lí và đạt kết quả cao;

(3) Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

(4) Đề xuất giải pháp tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên thông qua việc: Dạy học lấy người học làm trung tâm, Dạy học theo phương thức tổ chức người học trải nghiệm thực hành các hoạt động nghề nghiệp trong thực tiễn phổ thông.

(5) Đề xuất giải pháp tổ chức giờ nghiệp vụ sư phạm theo hướng hình thành năng lực nghề đảm bảo tính hiện đại, cập nhật, sát hợp thực tiễn, đảm bảo thực hiện thành công theo Chuẩn đầu ra đào tạo theo nhu cầu xã hội.

(6) Đề xuất giải pháp đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm từ hình thức tổ chức, đổi mới đánh giá, công tác bồi dưỡng giáo viên hướng dẫn đến việc xây dựng các trường phổ thông liên kết để phát triển.

(7) Hướng dẫn việc đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo quá trình và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá.

Tác giả đã tiến hành khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật; kết quả cho thấy các giải pháp Luận án đưa ra rất cần thiết, đảm bảo khả thi, thực tiễn với việc phát triển năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật theo giáo dục trải nghiệm.

Tác giả đã tiến hành thực nghiệm các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật trong thực tiễn. Kết quả cho thấy các biện pháp phát triển năng lực dạy học khi áp dụng vào thực tiễn đã khắc phục được những tồn tại và nâng cao được năng lực dạy học cho sinh viên trong quá trình rèn luyện nghiệp vụ sư phạm. Kết quả thực nghiệm sư phạm càng khẳng định tính đúng đắn của giả thuyết khoa học mà đề tài đặt ra. Việc áp dụng biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật sẽ góp phần nâng cao chất lượng đào tạo sinh viên ĐHSP Nghệ thuật.

Qua thực nghiệm cũng cho thấy, để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật có chất lượng, hiệu quả cao, người giảng viên hướng dẫn nghiệp vụ sư phạm của các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật phải là người trực tiếp tổ chức, quản lý và chịu trách nhiệm chính về chất lượng của hoạt động này. Vì thế, đòi hỏi người giảng viên hướng dẫn phải:

(1) Cụ thể hóa mục tiêu phát triển năng lực dạy học đã được xây dựng thành mục tiêu bộ phận của từng bước công việc trong hoạt động rèn luyện phát triển năng lực dạy học phù hợp với chuẩn đầu ra của sinh viên;

(2) Tổ chức thực hiện nội dung phát triển năng lực dạy học đã được cấu trúc theo từng mô đun; đảm bảo việc thực hiện nội dung đúng quy trình thiết kế và phù hợp với tình hình thực tiễn tại trường phổ thông.

(3) Sử dụng và hướng dẫn sinh viên sử dụng các công cụ đánh giá vào việc tự đánh giá, đánh giá quá trình phát triển năng lực dạy học của sinh viên, đảm bảo phát huy tính độc lập, tự giác, tích cực của sinh viên đồng thời đảm bảo tính khách quan, chính xác trong đánh giá;

(4) Quản lý việc thực hiện mục tiêu, nội dung, quy trình, đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo kế hoạch đã được lập.

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật là thành tố cơ bản, cốt lõi trong năng lực nghề nghiệp của giáo viên nghệ thuật, đó là sự tổng hòa giữa năng lực nghệ thuật và năng lực sư phạm. Phát triển năng lực dạy học mang tính đặc thù và có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đào tạo giáo viên nghệ thuật. Chương 1 đã xây dựng và làm sáng rõ cơ sở lí luận về phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

1.2. Kết quả khảo sát thực trạng cho thấy:

- Đội ngũ giáo viên âm nhạc, mĩ thuật còn thiếu về số lượng và chưa đồng đều về chất lượng.

- Thực trạng chung về năng lực dạy học của sinh viên nghệ thuật còn hạn chế, kết quả chưa đáp ứng nhu cầu xã hội.

- Khách thể khảo sát đã nhận thức được tầm quan trọng và các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm. Tuy nhiên, nhận thức tương đối dàn trải và không sát thực tế, đặc biệt là nhận thức của sinh viên.

- Về thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật còn chưa hiệu quả, từ việc xác định mục tiêu phát triển, xác định hệ thống năng lực dạy học cho đến việc tổ chức rèn luyện phát triển năng lực dạy học cho sinh viên.

1.3. Trên cơ sở phân tích thực trạng, tìm hiểu nguyên nhân của thực trạng phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật cùng với căn cứ khoa học, Luận án đã đề xuất 5 nguyên tắc và 7 giải pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm. Kết quả khảo nghiệm và thực nghiệm đã khẳng định các biện pháp đề xuất là cần thiết và khả thi. Kết quả này phù hợp với mục đích thực nghiệm và chứng minh được giả thuyết khoa học của công trình nghiên cứu.

2. Khuyến nghị

2.1. Đối với cán bộ quản lý trong các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật

1. Xây dựng đội ngũ giảng viên có chuyên môn và nghiệp vụ sư phạm vững vàng, có năng lực xây dựng và vận dụng các biện pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực dạy học thực tiễn cho sinh viên trong quá trình đào tạo.

2. Tạo điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết để giảng viên có thể xây dựng và vận dụng các biện pháp phát triển năng lực dạy học trong dạy học một cách thuận lợi.

3. Đổi mới hình thức kiểm tra, đánh giá kết quả học tập nghiệp vụ sư phạm của sinh viên, chú trọng đánh giá các năng lực sư phạm.

4. Tăng cường thời lượng học tập và rèn luyện năng lực sư phạm cho sinh viên; tăng cường sinh hoạt chuyên môn; khuyến khích giảng viên đổi mới phương pháp dạy học; lựa chọn biện pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực dạy học hiệu quả, khả thi.

2.2. Đối với giảng viên giảng dạy nghiệp vụ

1. Giảng viên cần nhận thức sâu sắc rằng hoạt động phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật góp phần rất lớn đến chất lượng đào tạo giáo viên nghệ thuật. Từ đó có nhu cầu và quyết tâm vượt qua những khó khăn trong việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm.

2. Tích cực nghiên cứu khoa học, xây dựng và vận dụng các biện pháp rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, phát triển năng lực dạy học trong giảng dạy học phần mình đảm nhiệm.

3. Tham gia biên soạn giáo trình, giáo án giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học.

4. Khích lệ sinh viên tự giác, chủ động, sáng tạo vận dụng tri thức chuyên môn, nghiệp vụ để thực hành rèn luyện kĩ năng, phát triển năng lực sư phạm; tạo môi trường học tập hợp tác giữa giảng viên với sinh viên, giữa sinh viên với sinh viên; đồng thời phát huy hiệu quả vai trò chủ đạo của mình, luôn sẵn sàng hỗ trợ sinh viên khi cần thiết.

5. Thường xuyên học tập, rèn luyện hoàn thiện chuyên môn và nghiệp vụ. Nghiên cứu tiếp cận quan điểm dạy học mới trong đào tạo, tích cực sử dụng các phương tiện kĩ thuật hiện đại, các phương pháp dạy học mới vào hỗ trợ quá trình giảng dạy một cách hiệu quả, chú trọng việc cập nhật thông tin khoa học, thực tế. Từ đó, định hướng phát triển năng lực nghề nghiệp cho sinh viên phù hợp yêu cầu cấp thiết của nền kinh tế xã hội, đáp ứng nhu cầu về việc làm của sinh viên khi ra trường.

2.3. Đối với sinh viên

1. Cần nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động học tập và rèn luyện năng lực nghề nghiệp ở trường ĐHSP đối với hoạt động nghề trong tương lai. Từ đó có quyết tâm vượt qua những khó khăn để vươn lên trong học tập.

2. Xây dựng kế hoạch rèn luyện phát triển năng lực dạy học để định hướng cho hoạt động học tập của bản thân.

3. Tham gia tích cực hoạt động nhóm, tìm kiếm thông tin, trao đổi với bạn học để giải quyết bài tập thực hành phát triển năng lực dạy học mà giảng viên đặt ra.

4. Tự đánh giá và rút kinh nghiệm trong hoạt động rèn luyện phát triển năng lực dạy học của bản thân.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ CÔNG BỐ

1. Lã Thị Tuyên (2012), *Dạy học theo dự án, theo hợp đồng, theo góc và vận dụng trong dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường phổ thông*, Tạp chí Giáo dục, Số 286 (Tháng 5/2012)

2. Lã Thị Tuyên (2012), *Nâng cao chất lượng rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên Sư phạm Nghệ thuật*, Tạp chí Giáo dục, Số 290 (Tháng 7/2012)

3. Lã Thị Tuyên (2012), *Dạy học theo tiếp cận năng lực ở các trường Sư phạm Nghệ thuật*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, Số 39 (Tháng 8/2012).

4. Lã Thị Tuyên (2014), *Rèn luyện kĩ năng dạy học theo tiếp cận năng lực cho sinh viên Sư phạm Nghệ thuật*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, Số 62 (Tháng 7/2014).

5. Lã Thị Tuyên (2014), *Tổng quan nghiên cứu biện pháp rèn luyện kĩ năng dạy học theo tiếp cận năng lực cho sinh viên Sư phạm Nghệ thuật*, Tạp chí Quản lý Giáo dục, Số 66 (Tháng 11/2014).

6. Lã Thị Tuyên (2015), *Cơ sở lí luận của rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên Sư phạm Nghệ thuật theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số 54 (Tháng 9/2015).

7. Lã Thị Tuyên (2016), *Đào tạo lĩnh vực Sư phạm Nghệ thuật đáp ứng nhu cầu xã hội*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế: Đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu hội nhập, Quảng Bình - Tháng 10/2016.

8. Lã Thị Tuyên (2017), *Hệ thống năng lực dạy học của sinh viên đại học sư phạm nghệ thuật*, Tạp chí Giáo dục và Xã hội, Số 77 (Tháng 8/2017)

9. Lã Thị Tuyên (2017), *Thực trạng phát triển năng lực dạy học của sinh viên đại học sư phạm nghệ thuật*, Tạp chí Giáo dục, Số 415 (Tháng 9/2017).

10. Lã Thị Tuyên (2017), *Phát triển năng lực dạy học cho sinh viên sư phạm nghệ thuật theo hướng trải nghiệm*, Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc tế: Đào tạo các lĩnh vực Văn hóa - Nghệ thuật, Thể thao và Du lịch trong thời kỳ hội nhập, Thanh Hóa - Tháng 11/2017.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tài liệu tham khảo trong nước

[1]. Nguyễn Như An (1993), *Hệ thống kĩ năng giảng dạy trên lớp môn Giáo dục học và quy trình rèn luyện hệ thống kĩ năng đó cho sinh viên khoa Tâm lí - Giáo dục*, Luận án PTS Khoa học Sư phạm Tâm lí, ĐHSP Hà Nội.

[2]. Nguyễn Thị Kim Ánh (2012), *Rèn luyện kĩ năng dạy học theo hướng tăng cường năng lực tự học, tự nghiên cứu của sinh viên khoa Hóa học ngành Sư phạm ở các trường Đại học*, Luận án Tiến sĩ, Trường ĐHSP Hà Nội.

[3]. Bộ Giáo dục và đào tạo (1996), *Chương trình đào tạo giáo viên Trung học cơ sở trình độ Cao đẳng Sư phạm môn Âm nhạc, Mĩ thuật*.

[4]. Bộ Giáo dục và đào tạo, *Thông tư Liên Bộ số 10/TTLB ngày 18/8/1989 của Liên Bộ Đại học,THCN và dạy nghề - Bộ Y tế quy định về tiêu chuẩn sức khoẻ của học sinh, sinh viên trong các trường Đại học, Cao đẳng, THCN và dạy nghề*.

[5]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), *Thông tư số: 37/2010/TT-BGDĐT về việc Ban hành Bộ Chương trình khung giáo dục đại học khối ngành Sư phạm*.

[6]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), *Điều lệ Hội nghị nghiệp vụ sư phạm văn nghệ, thể thao các trường sư phạm toàn quốc*, Ban hành kèm theo Quyết định số 2181/ QĐ - BGD ngày 4/3/2009;

[7]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2009), *Chuẩn bị nghiệp vụ sư phạm giáo viên TCCN*, Tài liệu dùng thí điểm áp dụng Chuẩn để đánh giá nghiệp vụ sư phạm giáo viên TCCN, 2010.

[8]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Âm nhạc và phương pháp dạy học âm nhạc*, Tài liệu đào tạo giáo viên, NXB Giáo dục.

[9]. Bộ Giáo dục và đào tạo (2006), *Mĩ thuật và phương pháp dạy học Mĩ thuật*, Tài liệu đào tạo giáo viên, NXB Giáo dục.

[10]. Bộ Lao động - Thương binh xã hội (2010), *Quy định chuẩn giáo viên, giảng viên dạy nghề*, Ban hành kèm theo Thông tư số 30/3010/TT - Bộ Lao động Thương binh xã hội ngày 29/9/2010.

[11]. Nguyễn Hữu Châu (2005), *Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[12]. Nguyễn Minh Châu (2004), *Giải pháp nâng cao kĩ năng thực hành cho sinh viên cao đẳng kỹ thuật nông nghiệp,* Luận án Tiến sĩ Giáo dục, ĐHSP.

[13]. Cao Danh Chính (2012), *Dạy học theo tiếp cận năng lực thực hiện ở các trường ĐHSP Kỹ thuật,* Luận án Tiến sĩ, Trường ĐHSP Hà Nội.

[14]. Nguyễn Đình Chỉnh (1991), *Thực tập sư phạm*, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[15]. Nguyễn Đình Chỉnh, Phạm Trung Thanh (1998), *Kiến tập và thực tập sư phạm,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[16]. Vũ Quốc Chung - Nguyễn Văn Khải - Cary J.Trexler - James Cameron John Timothy Denny - Nguyễn Bá Kim - Norio Kato - Peter Thursby Sean McGough - Ryuichi Sugiyama - Teresa San Buenaventura (2011), *Tài liệu hướng dẫn tăng cường năng lực sư phạm cho giảng viện các trường đào tạo giáo viên trung học phổ thông và trung cấp chuyên nghiệp,* NXB Giáo dục Việt Nam.

[17]. Nguyễn Thị Kim Dung (Chủ biên), Đinh Quang Báo, Nguyễn Thanh Bình, Dương Thị Thúy Hà, Nguyễn Hoàng Đoan Huy, Đào Thị Oanh, Mỵ Giang Sơn (2015), *Đào tạo Nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề cho sinh viên trong các trường Đại học sư phạm,* NXB Đại học Sư phạm.

[18]. Nguyễn Thị Kim Dung (2014), *Giải pháp đổi mới đào tạo nghiệp vụ sư phạm cho sinh viên đại học sư phạm đáp ứng yêu cầu giáo dục phổ thông trong thời kì mới*, B2011-17- CT04.

[19]. Vũ Dũng (chủ biên) (2000), *Từ điển Tâm lí học*, NXB Khoa học xã hội.

[20]. Đảng cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, NXB Chính trị Quốc Gia - Sự thật, Hà Nội.

[21]. Đề tài cấp Bộ mã số B96 - 48 - 02 (2000), *Nâng cao chất lượng giáo dục nghiệp vụ cho sinh viên trường Cao đẳng Sư phạm Nhạc - Họa Trung ương*.

[22]. Trần Khánh Đức (2014), *Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI, NXB Giáo dục Việt Nam*.

[23]. Trần Khánh Đức (2014), *Năng lực và tư duy sáng tạo trong giáo dục đại học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[24]. Nguyễn Minh Đường (1993), *Mô đun kĩ năng nghề thực hiện - Phương pháp tiếp cận hướng dẫn biên soạn và áp dụng*, NXB Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội.

[25]. Nguyễn Minh Đường (2005), *Đào tạo theo năng lực thực hiện, Tài liệu bồi dưỡng Giáo viên*, Hà Nội.

[26]. Nguyễn Đức Giang (2012), *Tổ chức hoạt động tự học cho sinh viên trường Đại học Sư phạm Hà Nội theo hướng tiếp cận năng lực thực hiện*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP Hà Nội.

[27]. Gônôbôlin F.N (1991), *Những phẩm chất tâm lí của con người giáo viên*, Tập I, II, NXB Giáo dục, Hà Nội.

[28]. G.D. Sharma và Shakati R.Ahmed, Denise Chelmer và Richard Fuller (2001), trong cuốn *Phương pháp dạy học và dạy cách học ở Đại học*, người dịch: Lê Khánh Bằng, Hà Nội.

[29]. Nguyễn Thanh Hà (2009), *Dạy học thực hành trang bị điện theo tiếp cận năng lực thực hiện trong đào tạo giáo viên dạy nghề hệ Cao đẳng*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

[30]. Phạm Minh Hạc (2001), *Tâm lí học*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.

[31]. Bùi Hiền, Nguyễn Văn Giao, Nguyễn Hữu Quỳnh, Vũ Văn Tảo (2001), *Từ điển Giáo dục học*, Nhà xuất bản Từ điển Bách khoa, Hà Nội.

[32]. Hội đồng biên soạn (2011), *Từ điển Bách khoa Việt Nam* (Tập 3), NXB Từ điển Bách khoa.

[33]. Hội nghị chuyên đề (8/2002) *"Đổi mới phương pháp dạy và học"*, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật, Thành phố Hồ Chí Minh.

[34]. Lê Văn Hồng (2001), *Tâm lí học lứa tuổi và sư phạm*, NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[35]. Nguyễn Ngọc Hùng (2006), *Các giải pháp đổi mới quản lí dạy học thực hành theo tiếp cận năng lực thực hiện cho sinh viên sư phạm kỹ thuật*, Luận án Tiến sĩ, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.

[36]. Vũ Xuân Hùng (2011), *Rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên Đại học sư phạm kỹ thuật trong thực tập sư phạm theo tiếp cận năng lực thực hiện*, Luận án Tiến sĩ, Viện Khoa học Giáo dục.

[37]. Đặng Thành Hưng (1993), *Các biện pháp phát huy tính tích cực của học sinh trong giờ lên lớp,* Trung tâm Giáo dục học, Hà Nội.

[38]. Đặng Thành Hưng (2001), *Bản chất của dạy học hiện đại, Tạp chí Thông tin Khoa học giáo dục*, số 84/2001, trang 17-21, Hà Nội.

[39]. Đặng Thành Hưng (2002), *Dạy học hiện đại: Lí luận - biện pháp - kĩ thuật,* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[40]. Đặng Thành Hưng (2004), *Kĩ thuật thiết kế bài học theo nguyên tắc hoạt động,* Tạp chí phát triển Giáo dục, số 10/2004.

[41]. Đặng Thành Hưng (2012), *Năng lực và giáo dục theo tiếp cận năng lực*, Tạp chí Quản lí giáo dục, số 43 tháng 12/2012.

[42]. Lê Thị Huyền, Minh Trí (2010), *Từ điển Tiếng Việt*, NXB Thanh niên, Hà Nội.

[43]. *John Dewey (1938), Kinh nghiệm và Giáo dục* (Experience and Education).

[44]. Trần Trung Kiên (2011), *Xây dựng và sử dụng bài tập thực hành Giáo dục học theo tiếp cận năng lực thực hiện ở trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Nam Định*, Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP Hà Nội.

[45]. Kixegof X.I (1976), *Hình thành các kĩ năng và kĩ xảo sư phạm cho sinh viên trong điều kiện của nền giáo dục đại học*, Tư liệu ĐHSP.

[46]. Kỷ yếu Hội thảo khoa học (10/2004) *"Chất lượng giáo dục và vấn đề đào tạo giáo viên",* Đại học Quốc gia Hà Nội.

[47]. Kỷ yếu hội thảo khoa học (10/2001) *"Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên hệ thống giáo dục kỹ thuật và dạy nghề giai đoạn 2001 - 2010",* Bộ Giáo dục và đào tạo và Bộ Lao động thương binh xã hội.

[48]. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia (2012) *"Giáo dục âm nhạc ở trường phổ thông Việt Nam",* Bộ Giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam.

[49]. Kỷ yếu Hội thảo khoa học Quốc gia (2012) *"Giáo dục Mĩ thuật ở trường phổ thông Việt Nam",* Bộ Giáo dục và đào tạo, NXB Giáo dục Việt Nam.

[50]. Đặng Bá Lãm (2006), *"Các giải pháp cải tiến quản lý dạy học thực hành cho sinh viên sư phạm kỹ thuật theo tiếp cận năng lực thực hiện",* Tạp chí Khoa học Giáo dục (số 4, tháng 1/2006).

[51]. Hoàng Long, Hoàng Lân (2010), *Phương pháp dạy học âm nhạc,* NXB Đại học sư phạm.

[52]. Phan Thanh Long (2004), *Các biện pháp rèn luyện kĩ năng dạy học cho sinh viên cao đẳng sư phạm,* Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, ĐHSP Hà Nội.

[53]. *Luật Giáo dục Đại học* số 08/2012/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2012 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[54]. *Luật Giáo dục* số: 38/2005/QH11 ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

[55]. Lã Văn Mến (2005), *Nghiên cứu kĩ năng giải quyết tình huống sư phạm của sinh viên cao đẳng sư phạm Nam Định,* Luận án Tiến sĩ Tâm lí, Viện Tâm lí học.

[56]. Ngô Thi Nam (2001), *Phương pháp dạy học Âm nhạc,* NXB Giáo dục.

[57]. Phan Trọng Ngọ, Dương Diệu Hoa, Nguyễn Thị Mùi (2000), *Tâm lí học hoạt động và khả năng ứng dụng vào lĩnh vực dạy học,* NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội.

[58]. Nguyễn Thị Nhung (Chủ biên), Nguyễn Tuấn Cường - Hoàng Đức Dũng - Nguyễn Thị Đông - Trần Thị Vân - Lê Thúy Quỳnh (2016), *Tài liệu dạy học mĩ thuật - Dự án hỗ trợ giáo dục mĩ thuật tiểu học,* NXB Giáo dục Việt Nam.

[59]. O.A.Abdullina (1976), *Những vấn đề đào tạo về giáo dục học đại cương cho các giáo viên tương lai,* bản viết (Đinh Loan Luyến, Lê Khánh Bằng dịch), Thư viện ĐHSP Hà Nội.

[60]. Trần Thị Tuyết Oanh (2008), *Giáo trình Giáo dục học,* NXB ĐHSP.

[61]. Trần Thị Tuyết Oanh, *Xây dựng và sử dụng bài tập thực hành môn Giáo dục học theo tiếp cận phát triển năng lực để rèn luyện kĩ năng nghề cho sinh viên Đại học Sư phạm* (đề tài NCKH-CN cấp Bộ B2010-17-254).

[62]. Hoàng Phê (2000), *Từ điển Tiếng Việt,* NXB Đà Nẵng.

[63]. R.Retzke (1997), *Một số khía cạnh tâm lí của việc học ở Đại học và THCN,* Viện nghiên cứu ĐH - THCN, Hà Nội.

[64]. Roegiers, X., (1996), *Khoa Sư phạm tích hợp hay làm thế nào để phát triển các năng lực ở nàh trường,* Đào Trọng Quang, Nguyễn Ngọc Nhi (biên dịch), NXB Giáo dục.

[65]. Vũ Sơn (2011), *Mô hình liên kết trách nhiệm giữa trường phổ thông và trường sư phạm trong tổ chức thực tập sư phạm cho sinh viên,* B2009-17-175.

[66]. Phạm Trung Thanh (2003), *Thực tập sư phạm năm thứ hai,* NXB ĐHSP, Hà Nội.

[67]. Phạm Trung Thanh (2003), *Rèn luyện Nghiệp vụ sư phạm thường xuyên,* NXB ĐHSP, Hà Nội.

[68]. Phạm Trung Thanh (2007), *Thực tập sư phạm năm thứ ba,* NXB ĐHSP, Hà Nội.

[69]. Thông tư ban hành quy định *chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, giáo viên luyện nghiệp vụ Sư phạm theo năng lực thực hiện,* Tài liệu Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh lần I, Bộ Giáo dục - Đào tạo.

[70]. Trịnh Xuân Thu (2009), *Cần thiết xây dựng chương trình đào tạo phần rèn luyện nghiệp vụ sư phạm theo năng lực thực hiện,* Tài liệu Hội nghị khoa học nghiên cứu sinh lần I, ĐHSP Hà Nội.

[71]. Đỗ Xuân Tiến (2011), *Tổ chức hoạt động tự học môn Giáo dục học cho sinh viên trường Đại học Đồng Nai theo tiếp cận năng lực thực hiện đáp ứng yêu cầu đào tạo theo tín chỉ,* Luận văn Thạc sĩ, ĐHSP Hà Nội.

[72]. Nguyễn Quốc Toản (2008), *Giáo trình "Phương pháp dạy học Mĩ thuật",* NXB Đại học Sư phạm.

[73]. Nguyễn Đức Trí (1996), *Tiếp cận đào tạo nghề dựa trên năng lực thực hiện và việc xây dựng tiêu chuẩn nghề nghiệp* (đề tài cấp bộ B93 - 38 - 24), Viện Nghiên cứu Phát triển Giáo dục, Hà Nội.

[74]. Nguyễn Đức Trí (2000), *Nghiên cứu xây dựng mô hình đào tạo giáo viên kỹ thuật ở trình độ đại học cho các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề,* Báo cáo tổng kết đề tài cấp Bộ: B99-52-36, Hà Nội.

[75]. Trần Anh Tuấn (1996), *Xây dựng quy trình tập luyện các kĩ năng giảng dạy cơ bản trong các hình thức thực hành, thực tập sư phạm,* Luận án Tiến sĩ Giáo dục học, ĐHSP.

[76]. Nguyễn Thu Tuấn (2016), *Lí luận dạy học Mĩ thuật ở trường THCS,* NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[77]. Thái Duy Tuyên (2001), *Giáo dục học hiện đại* (Những nội dung cơ bản), NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.

[78]. Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Tũy, Đinh Văn Vang (2007), *Giáo trình Tâm lí học đại cương,* NXB ĐHSP Hà Nội.

[79]. Vụ Giáo dục Trung học - Bộ Giáo dục và đào tạo (2010), *Tài liệu tập huấn giáo viên dạy học, kiểm tra đánh giá theo chuẩn kiến thức, kĩ năng trong chương trình giáo dục phổ thông môn Âm nhạc cấp THCS*, Hà Nội tháng 7/2010.

[80]. Phạm Viết Vượng (1995), *Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục,* NXB Giáo dục, Hà Nội.

[81]. Phạm Viết Vượng (1995), *Quan điểm dạy học lấy học sinh làm trung tâm,* Kỷ yếu Hội thảo Thành tựu nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng Tâm lí - Giáo dục học, Khoa Tâm lí - Giáo dục, ĐHSP Hà Nội.

[82]. Phạm Viết Vượng (2008), *Giáo dục học,* NXB ĐHSP Hà Nội.

Tài liệu tham khảo nước ngoài

[83]. Barnett, R. (1992) (eds) *Learning to effect, Thu Society Research into Higher Education & Open University Press*.

[84]. David Warwick (1987), *The Mondular Curriclum,Published by Basi Blackwell.*

[85]. *Definition and Selection of Competencies (DeSeCo)* http://WWW.deseco.admin.ch/).

[86]. Fletcher S. (1991), *Designing Competence - Based Training,* Kogan Page Limited, London.

[87]. Harris, R., Guthrie, H., Hobart, B., & Lundberg, D. (1995), *Competency-Based Education and Training: Between a Rock and a Whirlpool. South Melbourne: Macmillan Education Australia.*

[88]. Hermann Satedag (2004), *Handlungskonmpetenz als Ziel des Lehrerbidung Unniversiraet Koblenz-Landau*

[89]. Hortch Hanno (2003), *Didaktik der Berufsbidung, Hochschilskripten Unniversiraet Dresden.*

[90]. Glenn M., Mary Jo Blahna (2005). *A Competency-based model fordeveloping human reource professionals"*

[91]. Jonh W Burke (1995), *Competency Based Education and Training, The Flalmer Press, London.*

[92]. Kerka, S. (2001), *Competency-based education and training. ERIC cleaninghouse on Adult, Career and Vocational Education, Columbus, OHIO.* [Oo-line]. Avaitable: hyperlink http://ericacve.org/ docgen.asp?tbl=mr&ID=65.

[93]. McLagan, P.A. & Suhadolnik, Đ. (1989). *Models for HRD practice. Alexandria, VA: American Society for Training and Development.*

[94]. Laurence J.Severy, Jonh C.Brgha, Barry R.Schlenker (1976) *Acontemtoporary introduction to social psychology, NewYork.*

[95]. Ligaya D. Valmonte (2007), *competency-Based Training (CBT) in Technical and Vocational Education and Training (TVET) Institutions: Ít Nature, Context and Issues.*

[96]. McLagan, P.A. & Suhadolnik, Đ. (1989). *Models for HRD practice. Alexandria, VA: American Society for Training and Development.*

[97]. Myers. D.G (1999), *Social psychology*, NewYork.

[98]. *Quebec Educational Reform* (2005) - www. 6swlauriersb.qc.ca

[99]. Rothwel, W.J. và Lindholm, J.E. (1999), *Competency indentification, modeling and assessment in the USA, International Journal of Training and Development.*

[100]. Steig Michael (2006), *Handlungskompetenz, Kompetenzmodell in der paedagogischen Praxis, 1. Aufl.-Schotten, Libbri Books on Denmand*

[101]. Teles. V (2003), *Reviewing the Curriculum of Software Engineering Undergraduate Courses to Incorporate Communication and Interpersonal Skills Teaching, 16th Conference on Software Engineering Education and Training (CSEET'03), Universidade Federal do Rio de Janeiro.*

[102]. UNESCO (2004), *Education for All the Quality imperative.*

[103]. Vogt. /m (2007), *Work in Progress - Teaching Measured along Two Dimensions: Interpersonal Rapport and Teaching Skill, 37th ASEE/IEEE Frontiers in Education Conference, North Carolina State University.*

[104]. Zilic.Z, *Alteratvies in teaching-system building skills, Department of Electrical and computer Engineering*. Mc Gill University, Canada.

[105]. William E. Blank (1982), *Handbook for Developing Competency - Based Training Programs, Prentice Hall,* Inc, Ohio.

[106]. Wikipedia, *the free encyclopedia - General competence.*

Phụ lục 1. **CÁC TRƯỜNG ĐÀO TẠO SƯ PHẠM ÂM NHẠC, SƯ PHẠM MĨ THUẬT**

TT	Trường	SPÂN		SPMT	
		CĐ	ĐH	CĐ	ĐH
1	Đại học Sư phạm		x		x
2	Đại học Hùng Vương		x		x
3	Đại học Sư phạm Hà Nội		x		x
4	Đại học Sư phạm Nghệ thuật Trung ương		x		x
5	Đại học Tây Bắc	x			
6	Đại học Văn hóa, Thể thao, Du lịch Thanh Hóa	x	x	x	x
7	Cao đẳng Ngô Gia Tự	x		x	
8	Cao đẳng Sư phạm Bắc Ninh	x		x	
9	Cao đẳng Sư phạm Điện Biên			x	
10	Cao đẳng Sư phạm Hà Nội	x		x	
11	Cao đẳng Sư phạm Hà Tây	x		x	
12	Cao đẳng Sư phạm Hưng Yên	x			
13	Cao đẳng Sư phạm Hòa Bình	x		x	
14	Cao đẳng Sư phạm Lào Cai			x	
15	Cao đẳng Sư phạm Lạng Sơn	x		x	
16	Cao đẳng Sư phạm Nam Định	x			
17	Cao đẳng Sư phạm Nghệ An	x		x	
18	Cao đẳng Sư phạm Thái Bình	x		x	
19	Cao đẳng Sư phạm Thái Nguyên	x		x	
20	Cao đẳng Sư phạm Trung Ương	x		x	
21	Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Nghệ An	x		x	
22	Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Tây Bắc	x		x	
23	Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thái Bình	x		x	
24	Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Hạ Long	x		x	
25	Cao đẳng Nghệ thuật Việt Bắc	x		x	
26	Cao đẳng Vĩnh Phúc			x	
27	Đại học Nghệ thuật				x
28	Đại học Bạc Liêu		x		
29	Đại học Đồng Nai	x		x	
30	Đại học Đồng Tháp		x		x

TT	Trường	SPÂN		SPMT	
		CĐ	ĐH	CĐ	ĐH
31	Đại học Mĩ thuật Thành phố Hồ Chí Minh				x
32	Đại học Phú Yên	x		x	
33	Đại học Phạm Văn Đồng	x			
34	Đại học Phú Yên	x		x	
35	Đại học Quảng Nam		x		
36	Đại học Sài Gòn		x		x
37	Cao đẳng Bến Tre			x	
38	Cao đẳng Bình Định		x		
39	Cao đẳng Sư phạm Đà Lạt		x		
40	Cao đẳng Sư phạm Đắc Lắc	x		x	
41	Cao đẳng Sư phạm Gia Lai	x		x	
42	Cao đẳng Sư phạm Long An	x		x	
43	Cao đẳng Sư phạm Nha Trang			x	
44	Cao đẳng Sư phạm Quảng Trị	x		x	
45	Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế	x		x	
46	Cao đẳng Sư phạm Trung ương Thành phố Hồ Chí Minh	x		x	
47	Cao đẳng Sư phạm Trung ương Nha Trang	x		x	
48	Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	x		x	
49	Cao đẳng Văn hóa - Nghệ thuật Đắc Lắc	x		x	
50	Cao đẳng Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch Nha Trang	x		x	
	Tổng cộng:	**33**	**13**	**34**	**9**

Nguồn: Bộ Giáo dục và Đào tạo (Năm 2016)

Phụ lục 2.

PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC
CHO SINH VIÊN ĐHSP NGHỆ THUẬT
(Dành cho sinh viên khoa/ trường ĐHSP Nghệ thuật)

Để có được thông tin khách quan về thực trạng năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật làm cơ sở xây dựng giải pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, xin Anh/ Chị vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp hoặc viết thêm vào dòng còn để trống (...) về các vấn đề sau;

Các thông tin được thu thập qua phiếu khảo sát này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Anh/ Chị!

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Xin Anh/ Chị cho biết đôi điều về bản thân:

1. Giới tính của người được phỏng vấn: Nam ☐ Nữ ☐

2. Dân tộc

Kinh ☐ Mường ☐ Khác ☐ (ghi cụ thể).....

3. Chuyên ngành được đào tạo

Sư phạm Âm nhạc ☐ Sư phạm Mĩ thuật ☐

NỘI DUNG THÔNG TIN CẦN THU THẬP

Câu 1: Trường Anh/ Chị đã có văn bản nào nói rõ chuẩn đầu ra cho các ngành nghề và trình độ đào tạo giáo viên phổ thông không?

Có ☐ Không rõ ☐ Không ☐

Câu 2: Trường Anh/ Chị có công bố chương trình và tiêu chuẩn đánh giá cho sinh viên biết trước khi vào học không?

Có ☐ Không rõ ☐ Không ☐

Câu 3: Anh/ Chị hiểu như thế nào về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật?

TT	Vai trò giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật	Lựa chọn
1	Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở người học	
2	Để khắc phục tính hàn lâm trong đào tạo	
3	Để đạt kết quả cao trong học tập	
4	Để làm chủ được kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ	

5	Để thực hiện nhiệm vụ đi thực tế, thực tập	
6	Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này	
7	Để có năng lực học tập và giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp	
8	Để trở thành một giáo viên giỏi	
9	Để hình thành năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	

Câu 4: Hiện nay việc tổ chức phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ở trường Anh/ Chị được thực hiện theo phương thức nào? (chỉ lựa chọn một phương án)

Dạy lý thuyết tách rời khỏi thực hành	☐
Dạy lý thuyết kết hợp với thực hành	☐
Khác (ghi cụ thể).....	☐

Câu 5: Ý kiến của Anh/ Chị về mức độ phù hợp của mục tiêu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật với yêu cầu thực tiễn

TT	**Mục tiêu đào tạo**	**Mức độ**			
		Rất phù hợp	**Phù hợp**	**Tương đối phù hợp**	**Không phù hợp**
1	Về kiến thức				
2	Về kỹ năng hành nghề chuyên môn				
3	Về kỹ năng sư phạm				
4	Về thái độ, tác phong sư phạm				

Câu 6: Ý kiến của Anh/ Chị về căn cứ xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

TT	**Căn cứ xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học**	**Lựa chọn**
1	Yêu cầu của xã hội	
2	Thực tiễn và nhiệm vụ giáo dục Việt Nam	
3	Những thay đổi trong cấu trúc nghề nghiệp của giáo viên	
4	Những quan điểm giáo dục hiện đại của thế giới	
5	Phân tích chuẩn nghề nghiệp theo chuẩn giáo viên do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành	
6	Phân tích đặc điểm/ tích chất nội dung rèn luyện	
7	Phân tích năng lực của sinh viên	
8	Xác định kỹ năng cần đạt được của sinh viên sau bài học	

9	Căn cứ khác	

Câu 7: Anh/ Chị đánh giá mức độ phù hợp của những nội dung sau so với thực tiễn phát triển năng lực dạy học cho sinh viên:

TT	Mục tiêu đào tạo	Mức độ			
		Rất phù hợp	**Phù hợp**	**Tương đối phù hợp**	**Không phù hợp**
1	Mục tiêu phát triển năng lực dạy học				
2	Nội dung phát triển năng lực dạy học				
3	Quy trình phát triển năng lực dạy học				
4	Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học				

Câu 8: Anh/ chị đánh giá mức độ giảng viên sử dụng các bước trong tiến hành giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

Các bước tiến hành	Mức độ sử dụng			
	Rất thường xuyên	**Thường xuyên**	**Không thường xuyên**	**Không sử dụng**
1. Hướng dẫn ban đầu				
1.1. Nêu mục tiêu bài học				
1.2. Kiểm tra điều kiện và kiến thức liên quan bài học				
1.3. Xác định kiến thức, kĩ năng, phẩm chất và thái độ				
1.4. Xác định nhiệm vụ và nội dung bài tập thực hành				
1.5. Nêu khái quát trình tự các bước, các thao động tác				
1.6. Biểu diễn và phân tích hành động mẫu				
1.7. Hướng dẫn phiếu, thiết bị, dụng cụ, nhóm luyện tập				
2. Hướng dẫn thường xuyên				
2.1. Giảng viên nêu nội dung bài tập thực hành				
2.2. Sinh viên nghiên cứu yêu cầu bài tập, tìm hướng giải quyết				

2.3. Sinh viên và nhóm học tập thực hiện luyện tập				
2.4. Sinh viên tự đánh giá, nhóm đánh giá, giảng viên theo dõi, uốn nắn, kiểm tra				
3. Hướng dẫn kết thúc				
3.1. Củng cố kiến thức				
3.2. Củng cố kỹ năng				
3.3. Lưu ý ưu điểm, hạn chế sinh viên thường gặp				

Câu 9: Anh/ Chị đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên dựa vào giáo dục trải nghiệm bằng các nhận định sau:

TT	Các yếu tố	Mức độ ảnh hưởng				
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Có ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Kiểm tra, đánh giá					
2	Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên					
3	Năng lực của giảng viên					
4	Môi trường, điều kiện phát triển năng lực dạy học					

Câu 10: Những khó khăn mà Anh/ Chị gặp phải khi phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm:

TT	Khó khăn	Lựa chọn
1	Thiếu mục tiêu vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp	
2	Thiếu động lực để tích cực rèn luyện	
3	Năng khiếu, khả năng của bản thân hạn chế	
4	Thiếu giáo trình, tài liệu, học liệu tham khảo	
5	Thiếu thời gian	
6	Giảng viên chưa quan tâm, khuyến khích	
7	Thị phạm mẫu và quy trình rèn luyện chưa phù hợp	
8	Giảng viên chưa hướng dẫn cụ thể cách học tập, rèn luyện	
9	Thiếu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị để rèn luyện	
10	Thiếu bầu không khí tâm lí tích cực, say mê để khuyến khích	

	sinh viên rèn luyện	
11	Khó khăn khác	

Câu 11: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực dạy học của bản thân:

TT	Năng lực dạy học	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học					
2	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập					
3	Năng lực thiết kế dạy học					
4	Năng lực dạy học trực tiếp					

Câu 12: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực quan sát người học và hành vi học tập					
2	Năng lực đo lường những đặc điểm tâm - sinh lí của người học					
3	Năng lực điều tra bằng các kĩ thuật thông thường					
4	Năng lực thu thập và phân tích dữ liệu học tập					
5	Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa					

Câu 13: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực thuyết phục và hợp tác với người học					
2	Năng lực phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học					
3	Năng lực khuyến khích, động viên người học					
4	Năng lực tổ chức lớp và nhóm học tập					

5	Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực học tập					

Câu 14: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực thiết kế dạy học của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực xác định mục tiêu dạy học					
2	Năng lực thiết kế hoạt động của người dạy và người học					
3	Năng lực thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học					
4	Năng lực thiết kế học liệu và phương tiện trực quan, phương tiện e-learning					
5	Năng lực thiết kế môi trường học tập					

Câu 15: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực dạy học trực tiếp của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp					
2	Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập					
3	Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập					
4	Năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học					
5	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật					

Câu 16: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá của bản thân về mức độ năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật:

TT	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung	Yếu	Rất

				bình		**yếu**
1	Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật					
2	Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu					
3	Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật					
4	*Năng lực phân tích và* hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật					
5	*Năng lực phát hiện* và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật					
6	Năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật					

Câu 17: Anh/ Chị đánh giá mức độ ảnh hưởng của các con đường trải nghiệm đến sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên bằng các nhận định sau:

TT	**Các con đường**	**Mức độ**				
		Rất ảnh hưởng	**Ảnh hưởng**	**Có ảnh hưởng**	**Ít ảnh hưởng**	**Không ảnh hưởng**
1	*Thông qua hoạt động dạy học*					
2	Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm trong trường					
3	Thông qua các hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm					

Câu 18: Anh/ Chị đánh giá như thế nào về mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo ĐHSP Nghệ thuật với các trường phổ thông?

TT	**Cách thức phối hợp**	**Mức độ**				
		Rất thường xuyên	**Thường xuyên**	**Thỉnh thoảng**	**Không thường xuyên**	**Chưa thực hiện**
1	Trường phổ thông tạo điều kiện cho sinh					

	viên tham quan thực tế					
2	Trường phổ thông tạo điều kiện cho sinh viên thực tập sư phạm					
3	Giáo viên trường phổ thông hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm					
4	Kết hợp trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật					
5	Trường Sư phạm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trường phổ thông					
6	Phối hợp trong xây dựng và triển khai chương trình đào tạo của trường Sư phạm					

Câu 19: Mức độ cần thiết và khả thi của các giải pháp phát triển năng lực dạy học của sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm?

TT	**Các giải pháp**	**Mức độ cần thiết**				
		Rất cần thiết	**Cần thiết**	**Có cần thiết**	**Ít cần thiết**	**Không cần thiết**
1	Đổi mới mục tiêu phát triển năng lực dạy học					
2	Đổi mới nội dung phát triển năng lực dạy học					
3	Đổi mới quy trình phát triển năng lực dạy học					
4	Đổi mới phương thức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
5	Đổi mới phương thức đào tạo nghiệp vư sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề					
6	Đổi mới hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm					
7	Đổi mới đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học					

8	Nâng cao trình độ của giảng viên hướng dẫn					
9	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho phát triển năng lực dạy học					

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Anh/ Chị!

Phụ lục 3.

PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐHSP NGHỆ THUẬT
(Dành cho giảng viên khoa/ trường ĐHSP Nghệ thuật)

Để có được thông tin khách quan về thực trạng năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật làm cơ sở xây dựng giải pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, xin Thầy/ Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp hoặc viết thêm vào dòng còn bỏ trống (...) về các vấn đề sau:

Các thông tin được thu thập qua phiếu khảo sát này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Thầy/ Cô!

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Xin Thầy/ Cô cho biết đôi điều về bản thân:

1. Giới tính

Nam ☐ Nữ ☐

2. Trình độ chuyên môn:.....

3. Chuyên ngành được đào tạo: .....

4. Thâm niên giảng dạy

Dưới 5 năm ☐ Từ 5 đến 10 năm ☐

Từ 10 đến 20 năm ☐ Từ 20 năm trở lên ☐

5. Thâm niên quản lý

Dưới 5 năm ☐ Từ 5 đến 10 năm ☐

Từ 10 đến 20 năm ☐ Từ 20 năm trở lên ☐

NỘI DUNG THÔNG TIN CẦN THU THẬP

Câu 1: Trường Thầy/ Cô có văn bản nào ghi rõ chuẩn đầu ra cho sinh viên các ngành nghề và trình độ đào tạo giáo viên phổ thông không?

Có ☐ Không rõ ☐ Không ☐

Câu 2: Trường Thầy/ Cô có công bố chương trình và tiêu chuẩn đánh giá cho sinh viên biết trước khi dạy học không?

Có ☐ Không rõ ☐ Không ☐

Câu 3: Thầy/ Cô hiểu như thế nào về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật?

TT	Vai trò giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật	Lựa chọn
1	Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở người học	
2	Để khắc phục tính hàn lâm trong đào tạo	
3	Để đạt kết quả cao trong học tập	
4	Để làm chủ được kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ	
5	Để thực hiện nhiệm vụ đi thực tế, thực tập	
6	Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này	
7	Để có năng lực học tập và giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp	
8	Để trở thành một giáo viên giỏi	
9	Để hình thành năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	

Câu 4: Hiện nay việc tổ chức rèn luyện năng lực dạy học cho sinh viên ở trường Thầy/ Cô được thực hiện theo phương thức nào? (chỉ lựa chọn một phương án)

Dạy lý thuyết tách rời khỏi thực hành	☐
Dạy lý thuyết kết hợp với thực hành	☐
Khác (ghi cụ thể).....	☐

Câu 5: Ý kiến của Thầy/ Cô về mức độ phù hợp của mục tiêu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật với yêu cầu thực tiễn

TT	Mục tiêu đào tạo	Mức độ			
		Rất phù hợp	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp
1	Về kiến thức				
2	Về kỹ năng hành nghề chuyên môn				
3	Về kỹ năng sư phạm				
4	Về thái độ, tác phong sư phạm				

Câu 6: Ý kiến của Thầy/ Cô về căn cứ xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

TT	Căn cứ xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học	Lựa chọn
1	Yêu cầu của xã hội	
2	Thực tiễn và nhiệm vụ giáo dục Việt Nam	
3	Những thay đổi trong cấu trúc nghề nghiệp của giáo viên	
4	Những quan điểm giáo dục hiện đại của thế giới	
5	Phân tích chuẩn nghề nghiệp theo chuẩn giáo viên do Bộ Giáo dục	

	và đào tạo ban hành	
6	Phân tích đặc điểm/ tích chất nội dung rèn luyện	
7	Phân tích năng lực của sinh viên	
8	Xác định kỹ năng cần đạt được của sinh viên sau bài học	
9	Căn cứ khác	

Câu 7: Thầy/ Cô đánh giá mức độ phù hợp của những nội dung sau so với thực tiễn phát triển năng lực dạy học cho sinh viên:

TT	Mục tiêu đào tạo	Mức độ			
		Rất phù hợp	**Phù hợp**	**Tương đối phù hợp**	**Không phù hợp**
1	Mục tiêu phát triển năng lực dạy học				
2	Nội dung phát triển năng lực dạy học				
3	Quy trình phát triển năng lực dạy học				
4	Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học				

Câu 8: Thầy/Cô tự đánh giá mức độ sử dụng các bước trong tiến hành giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

Các bước tiến hành	Mức độ sử dụng			
	Rất thường xuyên	**Thường xuyên**	**Không thường xuyên**	**Không sử dụng**
1. Hướng dẫn ban đầu				
1.1. Nêu mục tiêu bài học				
1.2. Kiểm tra điều kiện và kiến thức liên quan bài học				
1.3. Xác định kiến thức, kĩ năng, phẩm chất và thái độ				
1.4. Xác định nhiệm vụ và nội dung bài tập thực hành				
1.5. Nêu khái quát trình tự các bước, các thao động tác				
1.6. Biểu diễn và phân tích hành động mẫu				
1.7. Hướng dẫn phiếu, thiết bị, dụng cụ, nhóm luyện tập				
2. Hướng dẫn thường xuyên				

2.1. Giảng viên nêu nội dung bài tập thực hành				
2.2. Sinh viên nghiên cứu yêu cầu bài tập, tìm hướng giải quyết				
2.3. Sinh viên và nhóm học tập thực hiện luyện tập				
2.4. Sinh viên tự đánh giá, nhóm đánh giá, giảng viên theo dõi, uốn nắn, kiểm tra				
3. Hướng dẫn kết thúc				
3.1. Củng cố kiến thức				
3.2. Củng cố kỹ năng				
3.3. Lưu ý ưu điểm, hạn chế sinh viên thường gặp				

Câu 9: Thầy/ Cô đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc phát triển năng lực dạy học của sinh viên dựa vào giáo dục trải nghiệm bằng các nhận định sau:

TT	**Các yếu tố**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Rất ảnh hưởng	**Ảnh hưởng**	**Có ảnh hưởng**	**Ít ảnh hưởng**	**Không ảnh hưởng**
1	Kiểm tra, đánh giá					
2	Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên					
3	Năng lực của giảng viên					
4	Môi trường, điều kiện phát triển năng lực dạy học					

Câu 10: Những khó khăn mà Thầy/ Cô gặp phải khi tổ chức phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm:

TT	**Các khó khăn**	**Lựa chọn**
1	Môi trường để sinh viên vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp còn hạn chế	
2	Thiếu động lực để tổ chức sinh viên tích cực rèn luyện	
3	Năng khiếu, khả năng của sinh viên hạn chế	
4	Thiếu giáo trình, tài liệu, học liệu tham khảo	

5	Thiếu thời gian	
6	Thiếu điều kiện tiếp xúc gần gũi để quan tâm, khuyến khích sinh viên rèn luyện	
7	Kiến thức và kỹ năng về tổ chức đào tạo theo định hướng phát triển năng lực còn hạn chế	
8	Môi trường làm việc hợp tác tích cực, hiệu quả cho sinh viên còn hạn chế	
9	Thiếu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thuận lợi để rèn luyện	
10	Thiếu bầu không khí tâm lí tích cực, say mê để khuyến khích sinh viên rèn luyện	
11	Khó khăn khác	

Câu 11: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực dạy học của sinh viên:

TT	**Năng lực dạy học**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học					
2	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập					
3	Năng lực thiết kế dạy học					
4	Năng lực dạy học trực tiếp					

Câu 12: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học của sinh viên:

TT	**Năng lực dạy học trực tiếp**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực quan sát người học và hành vi học tập					
2	Năng lực đo lường những đặc điểm tâm - sinh lí của người học					
3	Năng lực điều tra bằng các kĩ thuật thông thường					
4	Năng lực thu thập và phân tích dữ liệu học tập					
5	Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa					

Câu 13: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực thuyết phục và hợp tác với người học					
2	Năng lực phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học					
3	Năng lực khuyến khích, động viên người học					
4	Năng lực tổ chức lớp và nhóm học tập					
5	Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực học tập					

Câu 14: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực thiết kế dạy học của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực xác định mục tiêu dạy học					
2	Năng lực thiết kế hoạt động của người dạy và người học					
3	Năng lực thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học					
4	Năng lực thiết kế học liệu và phương tiện trực quan, phương tiện e-learning					
5	Năng lực thiết kế môi trường học tập					

Câu 15: Thầy/ Cô cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực dạy học trực tiếp của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp					
2	Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập					
3	Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập					
4	Năng lực sử dụng phương pháp,					

	phương tiện và công nghệ dạy học					
5	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật					

Câu 16: Thầy/ Cô cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ của năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật của sinh viên:

TT	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật					
2	Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu					
3	Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật					
4	*Năng lực phân tích và* hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật					
5	*Năng lực phát hiện* và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật					
6	Năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật					

Câu 17: Thầy/ Cô đánh giá mức độ ảnh hưởng của các con đường trải nghiệm đến sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên bằng các nhận định sau:

TT	Các con đường	Mức độ				
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Có ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	*Thông qua hoạt động dạy học*					
2	Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm trong trường					
3	Thông qua các hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm					

Câu 18: Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo ĐHSP Nghệ thuật với các trường phổ thông?

TT	Cách thức phối hợp	Mức độ

		Rất thường xuyên	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Không thường xuyên	Chưa thực hiện
1	Trường phổ thông tạo điều kiện cho sinh viên tham quan thực tế					
2	Trường phổ thông tạo điều kiện cho sinh viên thực tập sư phạm					
3	Giáo viên trường phổ thông hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm					
4	Kết hợp trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật					
5	Trường Sư phạm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trường phổ thông					
6	Phối hợp trong xây dựng và triển khai chương trình đào tạo của trường Sư phạm					

Câu 19: Mức độ cần thiết và khả thi của các giải pháp phát triển năng lực dạy học của sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm?

TT	Các giải pháp	Mức độ cần thiết				
		Rất cần thiết	Cần thiết	Có cần thiết	Ít cần thiết	Không cần thiết
1	Đổi mới mục tiêu phát triển năng lực dạy học					
2	Đổi mới nội dung phát triển năng lực dạy học					
3	Đổi mới quy trình phát triển năng lực dạy học					
4	Đổi mới phương thức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
5	Đổi mới phương thức đào tạo nghiệp vư sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề					
6	Đổi mới hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm					
7	Đổi mới đánh giá kết quả phát triển					

	năng lực dạy học					
8	Nâng cao trình độ của giảng viên hướng dẫn					
9	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho phát triển năng lực dạy học					

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Thầy/ Cô!

Phụ lục 4.

PHIẾU KHẢO SÁT
THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN ĐHSP NGHỆ THUẬT

(Dành cho Cán bộ quản lý và giáo viên trường phổ thông)

Để có được thông tin khách quan về thực trạng năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật làm cơ sở xây dựng giải pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, xin Thầy/ Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp hoặc viết thêm vào dòng còn bỏ trống (...) về các vấn đề sau:

Các thông tin được thu thập qua phiếu khảo sát này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Thầy/ Cô!

THÔNG TIN CÁ NHÂN

Xin Thầy/ Cô cho biết đôi điều về bản thân:

1. Đối với cán bộ quản lý

1.1. Giới tính

Nam ☐ Nữ ☐

1.2. Trình độ chuyên môn

Trung cấp ☐ Đại học ☐

Cao đẳng ☐ Sau Đại học ☐

1.3. Chuyên ngành được đào tạo:.....

1.4. Thâm niên quản lý

Dưới 5 năm ☐ Từ 5 đến 10 năm ☐

Từ 10 đến 20 năm ☐ Từ 20 năm trở lên ☐

2. Đối với giáo viên dạy môn Âm nhạc/ Mĩ thuật

2.1. Giới tính

Nam ☐ Nữ ☐

2.2. Trình độ chuyên môn

Trung cấp ☐ Đại học ☐

Cao đẳng ☐ Sau Đại học ☐

2.3. Chuyên ngành được đào tạo:.

Sư phạm Âm nhạc ☐ Sư phạm Mĩ thuật ☐

Chuyên ngành khác (ghi rõ):.....

2.4. Thâm niên giảng dạy

Dưới 5 năm ☐ Từ 5 đến 10 năm ☐

Từ 10 đến 20 năm ☐ Từ 20 năm trở lên ☐

2.5. Số tiết giảng dạy/ 1 tuần: .....

***2.6. Đơn vị công tác:*.....**

NỘI DUNG THÔNG TIN CẦN THU THẬP

Câu 1: Thầy/ Cô hiểu như thế nào về vai trò của giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật?

TT	Vai trò giáo dục trải nghiệm trong phát triển năng lực dạy học nghệ thuật	Lựa chọn
1	Để phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo ở người học	
2	Để khắc phục tính hàn lâm trong đào tạo	
3	Để đạt kết quả cao trong học tập	
4	Để làm chủ được kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ	
5	Để thực hiện nhiệm vụ đi thực tế, thực tập	
6	Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu khoa học sau này	
7	Để có năng lực học tập và giải quyết vấn đề trong cuộc sống, nghề nghiệp	
8	Để trở thành một giáo viên giỏi	
9	Để hình thành năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	

Câu 2: Ý kiến của Thầy/ Cô về mức độ phù hợp của mục tiêu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật với yêu cầu thực tiễn

TT	Mục tiêu đào tạo	Mức độ			
		Rất phù hợp	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp
1	Về kiến thức				
2	Về kỹ năng hành nghề chuyên môn				
3	Về kỹ năng sư phạm				
4	Về thái độ, tác phong sư phạm				

Câu 3: Ý kiến của Thầy/ Cô về căn cứ xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

TT	Căn cứ xác định mục tiêu phát triển năng lực dạy học	Lựa chọn
1	Yêu cầu của xã hội	
2	Thực tiễn và nhiệm vụ giáo dục Việt Nam	
3	Những thay đổi trong cấu trúc nghề nghiệp của giáo viên	
4	Những quan điểm giáo dục hiện đại của thế giới	
5	Phân tích chuẩn nghề nghiệp theo chuẩn giáo viên do Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành	

6	Phân tích đặc điểm/ tích chất nội dung rèn luyện	
7	Phân tích năng lực của sinh viên	
8	Xác định kỹ năng cần đạt được của sinh viên sau bài học	
9	Căn cứ khác	

Câu 4: Thầy/ Cô cho biết mức độ phù hợp của những nội dung sau so với thực tiễn phát triển năng lực dạy học cho sinh viên:

TT	Mục tiêu đào tạo	Mức độ			
		Rất phù hợp	Phù hợp	Tương đối phù hợp	Không phù hợp
1	Mục tiêu phát triển năng lực dạy học				
2	Nội dung phát triển năng lực dạy học				
3	Quy trình phát triển năng lực dạy học				
4	Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học				

Câu 5: Thầy/ Cô đánh giá mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc phát triển năng lực dạy học của sinh viên dựa vào giáo dục trải nghiệm bằng các nhận định sau:

TT	Các yếu tố	Mức độ ảnh hưởng				
		Rất ảnh hưởng	Ảnh hưởng	Có ảnh hưởng	Ít ảnh hưởng	Không ảnh hưởng
1	Kiểm tra, đánh giá					
2	Tính tích cực rèn luyện và năng khiếu bẩm sinh của sinh viên					
3	Năng lực của giảng viên					
4	Môi trường, điều kiện phát triển năng lực dạy học					

Câu 6: Những khó khăn mà Thầy/ Cô gặp phải khi tổ chức phát triển năng lực dạy học dựa vào giáo dục trải nghiệm:

TT	Các khó khăn	Lựa chọn
1	Môi trường để sinh viên vận dụng kiến thức và kĩ năng vào thực tiễn nghề nghiệp còn hạn chế	
2	Thiếu động lực để tổ chức sinh viên tích cực rèn luyện	
3	Năng khiếu, khả năng của sinh viên hạn chế	

4	Thiếu giáo trình, tài liệu, học liệu tham khảo	
5	Thiếu thời gian	
6	Thiếu điều kiện tiếp xúc gần gũi để quan tâm, khuyến khích sinh viên rèn luyện	
7	Kiến thức và kỹ năng về tổ chức đào tạo theo định hướng phát triển năng lực còn hạn chế	
8	Môi trường làm việc hợp tác tích cực, hiệu quả cho sinh viên còn hạn chế	
9	Thiếu điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị thuận lợi để rèn luyện	
10	Thiếu bầu không khí tâm lí tích cực, say mê để khuyến khích sinh viên rèn luyện	
11	Khó khăn khác	

Câu 7: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực dạy học của sinh viên:

TT	**Năng lực dạy học**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học					
2	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập					
3	Năng lực thiết kế dạy học					
4	Năng lực dạy học trực tiếp					

Câu 8: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học của sinh viên:

TT	**Năng lực dạy học trực tiếp**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực quan sát người học và hành vi học tập					
2	Năng lực đo lường những đặc điểm tâm - sinh lí của người học					
3	Năng lực điều tra bằng các kĩ thuật thông thường					
4	Năng lực thu thập và phân tích dữ					

	liệu học tập					
5	Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa					

Câu 9: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập của sinh viên:

TT	**Năng lực dạy học trực tiếp**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực thuyết phục và hợp tác với người học					
2	Năng lực phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học					
3	Năng lực khuyến khích, động viên người học					
4	Năng lực tổ chức lớp và nhóm học tập					
5	Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực học tập					

Câu 10: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực thiết kế dạy học của sinh viên:

TT	**Năng lực dạy học trực tiếp**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực xác định mục tiêu dạy học					
2	Năng lực thiết kế hoạt động của người dạy và người học					
3	Năng lực thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học					
4	Năng lực thiết kế học liệu và phương tiện trực quan, phương tiện e-learning					
5	Năng lực thiết kế môi trường học tập					

Câu 11: Thầy/ Cô cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực dạy học trực tiếp của sinh viên:

TT	**Năng lực dạy học trực tiếp**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**

1	Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp					
2	Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập					
3	Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập					
4	Năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học					
5	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật					

Câu 12: Thầy/ Cô cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ của năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật của sinh viên:

TT	**Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật**	**Mức độ**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật					
2	Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu					
3	Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật					
4	*Năng lực phân tích và* hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật					
5	*Năng lực phát hiện* và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật					
6	Năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật					

Câu 13: Thầy/ Cô đánh giá mức độ ảnh hưởng của các con đường trải nghiệm đến sự phát triển năng lực dạy học của sinh viên bằng các nhận định sau:

TT	**Các con đường**	**Mức độ**				
		Rất ảnh hưởng	**Ảnh hưởng**	**Có ảnh hưởng**	**Ít ảnh hưởng**	**Không ảnh hưởng**
1	*Thông qua hoạt động dạy học*					

2	Thông qua hoạt động rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên và tổ chức Hội thi Nghiệp vụ sư phạm trong trường					
3	Thông qua các hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm					

Câu 14: Thầy/ Cô đánh giá như thế nào về mối quan hệ giữa các cơ sở đào tạo ĐHSP Nghệ thuật với các trường phổ thông?

TT	Cách thức phối hợp	Mức độ				
		Rất thường xuyên	**Thường xuyên**	**Thỉnh thoảng**	**Không thường xuyên**	**Chưa thực hiện**
1	Trường phổ thông tạo điều kiện cho sinh viên tham quan thực tế					
2	Trường phổ thông tạo điều kiện cho sinh viên thực tập sư phạm					
3	Giáo viên trường phổ thông hướng dẫn sinh viên thực tập sư phạm					
4	Kết hợp trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học kỹ thuật					
5	Trường Sư phạm đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trường phổ thông					
6	Phối hợp trong xây dựng và triển khai chương trình đào tạo của trường Sư phạm					

Câu 15: Mức độ cần thiết và khả thi của các giải pháp phát triển năng lực dạy học của sinh viên các trường đào tạo ĐHSP Nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm?

TT	Các giải pháp	Mức độ cần thiết				
		Rất cần thiết	**Cần thiết**	**Có cần thiết**	**Ít cần thiết**	**Không cần thiết**
1	Đổi mới mục tiêu phát triển năng lực dạy học					
2	Đổi mới nội dung phát triển năng lực					

	dạy học					
3	Đổi mới quy trình phát triển năng lực dạy học					
4	Đổi mới phương thức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
5	Đổi mới phương thức đào tạo nghiệp vư sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề					
6	Đổi mới hoạt động thực tế, kiến tập, thực tập sư phạm					
7	Đổi mới đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học					
8	Nâng cao trình độ của giảng viên hướng dẫn					
9	Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị cho phát triển năng lực dạy học					

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Thầy/ Cô!

Phụ lục 5. **ĐỀ KIỂM TRA**

(Trước và trong khi làm thực nghiệm)

1. Bài kiểm tra trình độ nhận thức ban đầu của sinh viên lớp thực nghiệm về học phần Lí luận dạy học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH, TT & DL
THANH HÓA
KHOA SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT

ĐỀ KIỂM TRA

Học phần: Lí luận dạy học
Lớp: ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật
Hình thức: Tự luận
Thời gian làm bài: 2 tiết

Nội dung câu hỏi:

Câu 1 (5 điểm):

Chứng minh rằng: "Bản chất của quá trình dạy học là quá trình nhận thức độc đáo của học sinh"; từ đó rút ra kết luận sư phạm cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp của bản thân.

Câu 2 (5 điểm):

Anh/ chị hãy:

- Phân tích cơ sở của việc xây dựng mục tiêu môn học/ mục tiêu bài dạy.
- Vận dụng xây dựng mục tiêu dạy học một bài học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật tự chọn.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017
Giảng viên ra đề

Lã Thị Tuyên

2. Bài kiểm tra thường xuyên trình độ nhận thức của sinh viên lớp thực nghiệm về học phần Lí luận dạy học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH, TT & DL
THANH HÓA
KHOA SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT

ĐỀ KIỂM TRA

Học phần: Lí luận dạy học
Lớp: ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật
Hình thức: Tự luận
Thời gian làm bài: 2 tiết

Nội dung câu hỏi:

Câu 1 (5 điểm):

Anh/ chị hãy phân tích và làm sáng rõ:

- Động lực của quá trình dạy học; vai trò và các mâu thuẫn của quá trình dạy học;
- Biện pháp xây dựng hệ thống động lực dạy học;
- Minh họa cụ thể việc xây dựng động lực dạy học qua một bài dạy Âm nhạc, Mĩ thuật tự chọn.

Câu 2 (5 điểm):

Từ quan sát hoạt động giảng dạy trên lớp của giáo viên phổ thông anh/ chị hãy mô tả những công việc của giáo viên, từ đó rút ra kết luận về bản chất của hoạt động giảng dạy.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017
Giảng viên ra đề

Lã Thị Tuyên

3. Bài kiểm tra trình độ đầu ra của sinh viên lớp thực nghiệm *về* học phần Lí luận dạy học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VH, TT & DL
THANH HÓA
KHOA SƯ PHẠM NGHỆ THUẬT

ĐỀ KIỂM TRA

Học phần: Lí luận dạy học
Lớp: ĐHSP Âm nhạc, ĐHSP Mĩ thuật
Hình thức: Tự luận
Thời gian làm bài: 2 tiết

Nội dung câu hỏi:

Anh/ chị hãy:

- Chọn 1 giờ dạy Âm nhạc/ Mĩ thuật trong chương trình dạy học bậc tiểu học hoặc THCS;
- Thiết kế kế hoạch giờ dạy trên;
- Giải thích tại sao anh (chị) lại lựa chọn các phương pháp dạy học đã nêu cho bài dạy đó.
- Nêu hiểu biết của anh/ chị về những phương pháp dạy học tích cực trong dạy học môn Âm nhạc/ môn Mĩ thuật ở trường phổ thông.

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2017
Giảng viên ra đề

Lã Thị Tuyên

Phụ lục 6. BÀI TẬP THỰC HÀNH LÍ LUẬN DẠY HỌC NHẰM PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC DẠY HỌC CHO SINH VIÊN

Bài tập 1: Khái niệm dạy học

Mục tiêu: Phát triển năng lực khái quát hóa, trừu tượng hóa, tổng hợp hóa, hệ thống kiến thức và kinh nghiệm cá nhân vận dụng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn dạy học.

Nội dung: Bằng kinh nghiệm bản thân, anh/ chị hãy làm rõ:

- Bản chất quan điểm: "Dạy học lấy người học làm trung tâm" và chỉ ra cách thức triển khai quan điểm này trong thực tế dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật?.

- Dạy học là gì? So sánh làm sáng rõ điểm giống và khác nhau giữa dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật với dạy học các môn học khác?

- Từ quan sát thực tế học tập trên lớp của học sinh phổ thông, hãy mô tả những công việc, từ đó rút ra kết luận về bản chất của quá trình học tập.

- Từ quan sát hoạt động giảng dạy trên lớp môn Âm nhạc/ Mĩ thuật của giáo viên anh/ chị hãy mô tả những công việc của giáo viên, từ đó rút ra kết luận về bản chất của hoạt động giảng dạy.

Hướng dẫn:

- Thực hiện vào buổi đầu của học phần Lí luận dạy học;
- Sinh viên làm bài tập ra giấy;
- Gọi một số sinh viên lên trình bày kết quả; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;
- Giảng viên đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 2: Động lực của quá trình dạy học

Mục tiêu: Phát triển năng lực thuyết trình, năng lực tổng kết kinh nghiệm cá nhân.

Nội dung: Phân tích câu nói của Comenxki *"Dưới ánh mặt trời không có nghề nào cao quý hơn nghề dạy học"*. Từ đó, xác định động lực cơ bản trong học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên nghệ thuật có ích cho xã hội.

Hướng dẫn:

- Chia nhóm sinh viên, giảng viên hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận nhóm;

- Đại diện các nhóm lên trình bày kết qủa; Nhóm khác nhận xét, phản biện;

- Giảng viên đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 3: Quy luật nhận thức

Mục tiêu: Phát triển năng lực sơ đồ hóa và phân tích một sơ đồ kiến thức.

Nội dung:

- Vẽ và phân tích sơ đồ về quy luật nhận thức theo V.I. Lênin *"từ trực quan sinh động đến tư duy trừu tượng, từ tư duy trừu tượng đến thực tiễn, đó là con đường biện chứng của nhận thức chân lý, nhận thức hiện thực khách quan".*

- Lấy ví dụ chứng minh qua một nội dung dạy học thuộc phân môn Thường thức Âm nhạc/ Thường thức Mĩ thuật.

Hướng dẫn:

- Sinh viên tự làm việc độc lập vào vở;

- Đại diện sinh viên lên vẽ và trình bày trên bảng; các sinh viên khác nhận xét, góp ý;

- Giảng viên đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 4: Các khâu của quá trình dạy học

Mục tiêu: Phát triển năng lực vận dụng tri thức vào giải quyết vấn đề, năng lực xây dựng phương án dạy học cho bản thân.

Nội dung: Chọn 1 giờ dạy Âm nhạc/ Mĩ thuật ở Tiểu học hoặc THCS; xác định các khâu của quá trình dạy học bài học đó và đưa ra phương án để thực hiện các khâu của quá trình dạy học một cách hiệu quả nhất.

Hướng dẫn:

- Chia nhóm sinh viên, giảng viên hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận nhóm;

- Đại diện các nhóm lên trình bày kết qủa; Nhóm khác nhận xét, phản biện;

- Giảng viên đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 5: Mục tiêu dạy học

Mục tiêu: Phát triển năng lực xác định mục tiêu dạy học trong dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường Tiểu học/ THCS.

Nội dung: Chọn một giờ dạy Âm nhạc/ Mĩ thuật ở Tiểu học hoặc THCS; xác định mục tiêu dạy học của bài học đó. Theo anh (chị) mục tiêu nào là quan trọng

nhất đối với việc dạy học môn nghệ thuật ở trường phổ thông?

Hướng dẫn:

- Sinh viên làm việc độc lập;
- Gọi một số sinh viên lên trình bày kết quả; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;
- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 6: Quan điểm dạy học mới và cũ

Mục tiêu: Phát triển năng lực vận dụng tri thức vào giải quyết vấn đề

Nội dung: Hãy so sánh quan điểm dạy học lấy giáo viên làm trung tâm và dạy học lấy học sinh làm trung tâm (tiêu chí so sánh: Mục tiêu, Nội dung, Phương pháp, Môi trường học tập, Kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học).

Hướng dẫn:

- Sinh viên làm việc độc lập;
- Gọi một số sinh viên lên trình bày kết quả; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;
- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 7: Hiểu đối tượng dạy học

Mục tiêu: Phát triển năng lực đánh giá và hiểu đối tượng dạy học.

Nội dung:

- Thông qua trải nghiệm từ bản thân anh (chị) hãy phân tích đặc điểm tâm sinh lý của lứa tuổi học sinh Tiểu học, THCS. Từ đó, cho biết việc nhận thức những đặc điểm này có ý nghĩa gì với quá trình dạy học ở trường phổ thông.
- Qua thực tế đã quan sát ở trường phổ thông, anh/ chị hãy thống kê các lỗi thường gặp của học sinh về mặt ý thức, thái độ và hành vi trong học tập.

Hướng dẫn:

- Chia nhóm sinh viên, giảng viên hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận nhóm;
- Đại diện các nhóm lên trình bày kết qủa; Nhóm khác nhận xét, phản biện;
- Giảng viên đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 8: Đặc điểm sinh viên sư phạm nghệ thuật

Mục tiêu: Phát triển năng lực hiểu bản thân và đối tượng khác

Nội dung: Theo anh (chị), đặc trưng về mặt ý thức, thái độ và hành vi trong quá trình học tập và rèn luyện của sinh viên sư phạm nghệ thuật là gì?, họ thường

hay mắc phải những lỗi gì trong quá trình học tập và rèn luyện?

Hướng dẫn:

- Sinh viên làm việc độc lập;

- Gọi một số sinh viên lên trình bày kết quả; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;

- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 9: Vận dụng nguyên tắc dạy học

Mục tiêu: Phát triển năng lực tổng kết kinh nghiệm cá nhân, năng lực vận dụng tri thức để giải quyết vấn đề.

Nội dung:

- Bằng kinh nghiệm của bản thân qua thâm nhập thực tế hoạt động dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông, anh/ chị hãy thống kê ưu điểm và hạn chế mà một người giáo viên thường bộc lộ trong quá trình dạy học của mình. Từ đó xác định xem người giáo viên đã vi phạm nội dung nào trong các nguyên tắc dạy học.

- Giải quyết tình huống dạy học - **Ngại dùng phương tiện dạy học**

Là giáo viên dạy Âm nhạc/ Mĩ thuật, lẽ ra giáo viên phải thường xuyên dùng đến nhạc cụ; bảng phụ chép sẵn bài hát/ khuông nhạc; tranh ảnh để minh hoạ các bước tiến hành bài vẽ…, nhưng giáo viên lại rất ngại phải mang theo những thứ đó lên lớp. Họ cho rằng việc làm đó vừa tốn thời gian, mà bài học cũng không cải thiện thêm được bao nhiêu.

Câu hỏi: Theo anh/ chị đây có phải là tình trạng chung hiện nay trong dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở các trường học hay không? Nên giải quyết tình trạng này như thế nào?

Hướng dẫn:

- Chia nhóm sinh viên, giảng viên hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận nhóm;

- Đại diện các nhóm lên trình bày kết qủa; Nhóm khác nhận xét, phản biện;

- Giảng viên đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 10: Nội dung dạy học

Mục tiêu: Phát triển năng lực phân tích nội dung dạy học, năng lực điều khiển, thích ứng của bản thân.

Nội dung:

- Nhận thức của cá nhân về thực trạng nội dung dạy học bậc phổ thông giai

đoạn hiện nay. Liên hệ thực tiễn nội dung dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật.

- Xác định những khó khăn và thuận lợi của bản thân khi tiếp xúc với một bài học mới hoặc một môn học mới. Qua đó, anh (chị) hãy xác định các phương pháp để hình thành động cơ, hứng thú học tập cho bản thân.

Hướng dẫn: sinh viên suy nghĩ và đại diện trả lời; sinh viên khác nhận xét; giảng viên tổng kết.

Bài tập 11: Kế hoạch dạy học

Mục tiêu: Có năng lực xây dựng kế hoạch dạy học.

Nội dung: Anh (chị) hãy xây dựng kế hoạch dạy học trong một năm học cho từng khối lớp. Từ đó, hãy xây dựng thời khóa biểu từng tháng cho từng khối lớp.

Hướng dẫn:

- Giảng viên hướng dẫn nội dung, quy trình, cách thức và yêu cầu trong xây dựng kế hoạch dạy học;

- Chia nhóm sinh viên và đề xuất nhiệm vụ cho mỗi nhóm thực hiện xây dựng kế hoạch dạy học trong một năm học cho từng khối lớp.

- Nhóm sinh viên tổ chức thảo luận, giao nhiệm vụ cho các thành viên trong nhóm chuẩn bị bài tập ở nhà.

- Đại diện nhóm sinh viên trình bày kết quả thực hiện bài tập của nhóm mình.

- Giảng viên tổ chức kiểm tra, nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm; tổng kết và rút kinh nghiệm sư phạm.

Bài tập 12: Chương trình môn học

Mục tiêu: Có năng lực phân tích chương trình môn học mà mình giảng dạy.

Nội dung:

- Hãy phân tích chương trình môn học Âm nhạc/ Mĩ thuật bậc Tiểu học hoặc THCS.

- Phân tích làm sáng rõ sự cần thiết của việc đổi mới và phát triển chương trình dạy học môn Âm nhạc, Mỹ thuật ở trường phổ thông giai đoạn hiện nay.

- Phương hướng đổi mới chương trình dạy học môn Âm nhạc, Mỹ thuật ở trường phổ thông.

Hướng dẫn:

- Sinh viên làm việc độc lập;

- Gọi một số sinh viên lên trình bày kết quả; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;

- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 13: Sơ đồ hóa kiến thức

Mục tiêu: Phát triển năng lực tổng kết kinh nghiệm và sơ đồ hóa kiến thức

Nội dung:

- Mối quan hệ giữa các thành tố của quá trình dạy học**:** Hãy vẽ và phân tích sơ đồ thể hiện mối quan hệ giữa các thành tố của quá trình dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông (mục tiêu - chủ thể - khách thể - nội dung - phương pháp - phương tiện - kết quả dạy học). Lý giải tại sao: để nâng cao chất lượng dạy học cần nâng cao chất lượng của từng thành tố trong quá trình dạy học.

- Mối quan hệ M - N - P, P - T - N: Hãy lập và phân tích sơ đồ mối liên hệ giữa các thành tố M - N - P (mục tiêu - nội dung - phương pháp) và P - T - N (phương pháp, phương tiện và nội dung dạy học) của quá trình dạy học. Lấy ví dụ chứng minh qua một nội dung dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông.

Hướng dẫn:

- Sinh viên làm việc độc lập vào vở;

- Đại diện sinh viên trình bày kết quả bằng vẽ sơ đồ lên bảng, phân tích sơ đồ, chứng minh mối liên hệ giữa các thành tố và lấy ví dụ minh họa; sinh viên khác nhận xét;

- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 14: Lựa chọn phương pháp dạy học

Mục tiêu: Có năng lực lựa chọn các phương pháp dạy học phù hợp các phân môn trong dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật.

Nội dung:

- Lựa chọn một bài học (theo các nhóm bài và các phân môn) môn Âm nhạc/ Mĩ thuật; xác định các phương pháp dạy học phù hợp bài học đó; Lý giải tại sao anh (chị) lại lựa chọn các phương pháp dạy học đã nêu.

- Lựa chọn một chủ đề hoặc một vấn đề mà anh (chị) sẽ sử dụng phương pháp thảo luận nhóm để tổ chức hoạt động dạy học. Tại sao lại lựa chọn chủ đề hay vấn đề đó.

Hướng dẫn:

- Sinh viên làm việc độc lập;

- Đại diện sinh viên lên trình bày sản phẩm; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;

- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 15: Phân tích giáo án dạy học

Mục tiêu: Sinh viên nắm vững cách thiết kế giáo án dạy học; có năng lực phân tích và đánh giá giáo án môn học Âm nhạc, Mĩ thuật ở phổ thông hiện nay.

Nội dung:

- Mỗi phân môn hoặc nhóm bài có 1 giáo án mẫu giờ dạy Âm nhạc (sinh viên SPÂN) hoặc Mĩ thuật (sinh viên SPMT); hãy phân tích và đánh giá giáo án đó.

- Mỗi phân môn hoặc nhóm bài có 1 giáo án đã được thiết kế giờ dạy Âm nhạc hoặc Mĩ thuật; hãy phân tích và tìm ra lỗi của các giáo án và chỉnh sửa chúng.

Hướng dẫn:

- Làm việc theo nhóm có phối hợp giữa giảng viên và sinh viên.

- Giảng viên thiết kế giáo án mẫu của các phân môn và các nhóm bài trong dạy học môn Âm nhạc, Mĩ thuật bậc THCS. Tổ chức nhóm sinh viên phân tích và đánh giá các giáo án mẫu: từ xác định mục tiêu; tiến trình dạy học; cách thức lựa chọn phương pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học phù hợp nội dung dạy học theo phân môn, theo nhóm bài; cách đặt câu hỏi và giả định phương án trả lời của học sinh…từ đó rút ra kết luận sư phạm.

- Giảng viên thiết kế giáo án dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật trong đó có chứa đựng các lỗi có chủ đích:

+ Lỗi ở phần thiết kế mục tiêu bài học (không đầy đủ hoặc không rõ ràng).

+ Lỗi ở phần tiến trình dạy học (tiến trình dạy học không đồng nhất với nội dung dạy học, Rất yếu hoạt động của giáo viên và học sinh…).

+ Lỗi không loogic giữa nội dung dạy học với phương pháp và phương tiện dạy học được sử dụng.

- Giảng viên tổ chức sinh viên thành 3 nhóm nghiên cứu 3 loại giáo án đã được thiết kế sẵn, yêu cầu các nhóm tìm và giải thích ra các lỗi mà giáo án họ nghiên cứu mắc phải.

- Giảng viên hướng dẫn cho sinh viên sửa lại các giáo án đó và tổ chức cho sinh viên rút ra kết luận về hình thức trình bày, bố cục nội dung, lựa chọn phương

pháp, phương tiện và hình thức tổ chức dạy học…

Bài tập 16: Thiết kế giáo án dạy học

Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng thiết kế giáo án dạy học.

Nội dung: Thiết kế giáo án một bài dạy theo các phân môn và các nhóm bài trong dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường THCS; yêu cầu đúng mẫu, đúng theo các khâu của quá trình dạy học.

Hướng dẫn:

- Giảng viên hướng dẫn và sinh viên thực hành ở nhà, giao nhiệm vụ cho sinh viên, nhóm sinh viên theo các phân môn, các nhóm bài dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật.

- Các nhóm sinh viên hoàn thiện giáo án theo phân công.

- Tổ chức cho nhóm sinh viên trình bày giáo án dạy học của nhóm mình.

- Tổ chức thảo luận, nhận xét, góp ý, đánh giá: chia nhóm tổ nhận xét, đánh giá chéo; góp ý và rút ra kết luận.

Bài tập 17: Thiết kế giáo án điện tử

Mục tiêu: Rèn luyện kĩ năng thiết kế giáo án điện tử Power point.

Nội dung: Thiết kế giáo án điện tử cho một bài giảng Âm nhạc/ Mĩ thuật theo các phân môn và các nhóm bài; yêu cầu sinh viên làm việc với phần mềm Power point, các nhóm sinh viên hoàn thiện giáo án theo phân công

Hướng dẫn:

- Giảng viên phân nhóm và hướng dẫn, yêu cầu từng nhóm sinh viên thực hành ở nhà thiết kế giáo án điện tử tương ứng phần mềm Power point.

- Các nhóm sinh viên hoàn thiện giáo án theo phân công.

- Tổ chức cho nhóm sinh viên trình bày giáo án điện tử của nhóm mình.

- Tổ chức thảo luận, nhận xét, góp ý, đánh giá: chia nhóm tổ nhận xét, đánh giá chéo; góp ý và rút ra kết luận (phù hợp về mục tiêu, nội dung và phương pháp dạy học; đảm bảo về hình thức: sử dụng màu sắc của nền, cỡ chữ, hiệu ứng hợp lý, dễ tri giác đối với người xem, căn lề và bố cục, nội dung trong mỗi slide đùng yêu cầu…; tuân theo nguyên tắc, ý đồ sư phạm của quá trình dạy học.

Bài tập 18: Thuyết trình

Mục tiêu: Phát triển năng lực thuyết trình một chủ đề trước đám đông.

Nội dung: Mỗi nhóm sinh viên tự lựa chọn và chuẩn bị nội dung thuyết trình

về một trong những chủ đề sau: Hành trang của một người giáo viên dạy nghệ thuật; Ý nghĩa của rèn luyện kĩ năng dạy học trong đào tạo sinh viên SPNT; Sự cần thiết nghiên cứu và học tập môn giáo dục học trong chương trình đào tạo giảng viên; Giáo viên dạy nghệ thuật vừa là một nhà giáo vừa là một nghệ sĩ, ở họ là sự tổng hòa cả tư chất sư phạm lẫn tư chất người nghệ sĩ; Sự khác biệt trong dạy học nghệ thuật ở trường phổ thông và trường chuyên nghiệp đào tạo nghệ thuật…

Hướng dẫn:

- Yêu cầu thi thuyết trình giữa các nhóm; thời gian suy nghĩ và thảo luận 10 phút; thời gian thuyết trình của đại diện mỗi nhóm là 10 phút;

- Ban giám khảo là giảng viên và tập thể lớp.

- Nhận xét, góp ý, rút ra kết luận sư phạm về yêu cầu và con đường, cách thức rèn luyện hình thành năng lực thuyết trình ở mỗi sinh viên.

Bài tập 19: Thảo luận nhóm

Mục tiêu: Có năng lực tổ chức dạy học một phân môn (Hát nhạc/ Lý thuyết âm nhạc/ Âm nhạc Thường thức/ Tập đọc nhạc hoặc Vẽ theo mẫu, Vẽ trang trí, Vẽ tranh, Thường thức Mĩ thuật) theo phương pháp thảo luận nhóm.

Nội dung: Lập kế hoạch chi tiết phương pháp thảo luận nhóm cho một nội dung chuyên ngành mà anh (chị) lựa chọn. Từ đó, giải thích tại sao anh (chị) lại lựa chọn phương pháp đó.

Hướng dẫn:

- Sinh viên làm việc độc lập;

- Đại diện sinh viên lên báo cáo sản phẩm; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;

- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 20: Thiết kế phương tiện dạy học

Mục tiêu: Có năng lực thiết kế phương tiện và đồ dùng dạy học trực quan trong dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông.

Nội dung: Thiết kế phương tiện và đồ dùng dạy học trực quan để giảng dạy cho một tiết học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường Tiểu học/ THCS. Giải thích ý nghĩa, chức năng của các phương tiện và đồ dùng dạy học đó.

Hướng dẫn:

- Sinh viên là việc theo nhóm.

- Giảng viên chia nhóm sinh viên, hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm sinh viên lựa chọn 1 bài dạy Âm nhạc, Mĩ thuật ở các phân môn; sinh viên thực hiện ở nhà Thiết kế phương tiện và đồ dùng dạy học trực quan để giảng dạy giờ học đó;

- Cử đại diện sinh viên trình bày sản phẩm của nhóm mình;

- Giảng viên tổ chức nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm; tổng kết và rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 21: Sử dụng phương tiện dạy học

Mục tiêu: Có năng lực lựa chọn phương tiện và đồ dùng dạy học trực quan trong dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường phổ thông.

Nội dung: Xây dựng kế hoạch sử dụng các phương tiện và đồ dùng dạy học trực quan để giảng dạy cho một tiết học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật ở trường Tiểu học/ THCS. Giải thích tại sao anh (chị) lại lựa chọn các phương tiện đó?

Hướng dẫn:

- Sinh viên là việc theo nhóm.

- Giảng viên chia nhóm sinh viên, hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho mỗi nhóm sinh viên lựa chọn 1 bài dạy Âm nhạc, Mĩ thuật ở các phân môn; Xây dựng kế hoạch sử dụng các phương tiện và đồ dùng trực quan để giảng dạy giờ học đó;

- Cử đại diện sinh viên trình bày sản phẩm của nhóm mình;

- Giảng viên tổ chức nhận xét, đánh giá chéo giữa các nhóm; tổng kết và rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 22: Phương pháp sử dụng trò chơi

Mục tiêu: Có năng lực sử dụng phương pháp trò chơi trong dạy học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật và công tác giáo viên chủ nhiệm lớp.

Nội dung: Hãy tự xây dựng một trò chơi cho học sinh học âm nhạc/ mĩ thuật mà bạn sẽ giảng dạy sau này với mục đích phát triển các năng lực thực hiện cho học sinh. Từ đó, nêu nội dung và các luật chơi của trò chơi đó.

Hướng dẫn:

- Chia nhóm sinh viên, giảng viên hướng dẫn và giao nhiệm vụ cho sinh viên thảo luận nhóm;

- Đại diện các nhóm lên trình bày kết qủa; Nhóm khác nhận xét, phản biện;

- Giảng viên đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 23: Công tác chuẩn bị cho giờ lên lớp

Mục tiêu: Có năng lực chuẩn bị đầy đủ hồ sơ giảng dạy trước khi lên lớp.

Nội dung:

- Sự cần thiết và những yêu cầu trong công tác chuẩn bị của người giáo viên trong quá trình dạy học.

- Hãy phân tích nội dung tài liệu học tập một tiết dạy để chuẩn bị lên lớp môn Âm nhạc/ Mĩ thuật mà anh, chị sẽ giảng dạy.

Hướng dẫn:

- Cho sinh viên suy nghĩ sau đó gọi một số em đại diện lên thuyết trình về vấn đề này; Các em khác nhận xét, bổ sung;

- Giảng viên tổng kết.

Bài tập 24: Vào bài

Mục tiêu: Có năng lực dẫn dắt để vào một bài học với các phương pháp khác nhau nhằm kích thích hứng thú học tập của người học.

Nội dung: Lập kế hoạch vào bài một bài học môn Âm nhạc/ Mĩ thuật dựa vào một nội dung kiến thức lí luận về hoạt động dạy học mà anh (chị) đã được học nhằm kích thích hứng thú học tập cho học sinh. Tập thực hiện hoạt động tổ chức để vào bài đó.

Hướng dẫn:

- Giảng viên hướng dẫn và cho sinh viên thực hành ở nhà;

- Giảng viên kiểm tra, đánh giá, nhận xét.

Bài tập 25: Tập giảng một giáo án tích cực

Mục tiêu: Phát triển năng lực soạn giáo án theo hướng tích cực; Năng lực dạy học tích cực các phân môn trong dạy học môn Âm nhạc, Mĩ thuật.

Nội dung:

- Hãy xây dựng một giáo án hoàn chỉnh theo nội dung một bài học môn Âm nhạc, Mĩ thuật ở trường thông; Tập giảng theo giáo án đó.

- Tập phân tích một tiết giảng sau khi anh, chị dự giờ hoặc lên lớp.

Hướng dẫn:

- Giảng viên hướng dẫn và cho sinh viên thực hành ở nhà;

- Giảng viên kiểm tra giáo án; Tổ chức giảng thử theo các phân môn;

- Đánh giá, nhận xét tính tích cực của quá trình dạy học.

Bài tập 26: Các bài học lí thuyết

Mục tiêu: Có năng lực tổ chức các loại bài học lý thuyết phù hợp trong quá trình dạy học các phân môn Âm nhạc Thường thức, Mĩ thuật Thường thức...

Nội dung: Anh (chị) hãy sắp xếp lại cho phù hợp với các kiểu bài học lý thuyết. Từ đó lấy ví dụ cho mỗi kiểu bài học đó theo chuyên ngành SPAN, SPMT.

Hướng dẫn:

- Giảng viên sử dụng bài này để đánh giá đầu ra;
- Sinh viên làm việc độc lập;
- Đại diện sinh viên lên trình bày kết quả; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;
- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 27: Hướng dẫn thực hành

Mục tiêu: Có năng lực lập kế hoạch hướng dẫn thực hành; Năng lực soạn giáo án thực hành; Năng lực hướng dẫn thực hành.

Nội dung: Soạn một kế hoạch hướng dẫn thực hành/ một phân môn trong dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật. Thực hành giảng tập giờ dạy học đó.

Hướng dẫn:

- giảng viên hướng dẫn cho sinh viên thực hiện và luyện tập ở nhà;
- Kiểm tra sản phẩm và kết quả luyện tập của các em một cách ngẫu nhiên hoặc theo tinh thần xung phong.
- Đại diện sinh viên lên trình bày kết quả; Các bạn khác nhận xét, bổ sung;
- Giảng viên nhận xét, đánh giá, tổng kết; sinh viên rút ra kết luận sư phạm.

Bài tập 28: Kiểm tra và đánh giá trong dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật

Mục tiêu: Phát triển năng lực kiểm tra, đánh giá trong dạy học nghệ thuật

Nội dung:

- Đánh giá thực trạng việc thực hiện các yêu cầu về kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh ở trường phổ thông hiện nay.
- Quan thâm nhập thực tiễn, anh/ chị hãy nêu những hạn chế mà hiện nay giáo viên hay mắc phải khi tiến hành phương pháp kiểm tra viết dạng tự luận/phương pháp vấn đáp. Hãy đề xuất ý kiến để khắc phục những hạn chế trên.

- Quan thâm nhập thực tiễn, anh/ chị hãy nêu thực trạng việc thực hiện các phương pháp kiểm tra - đánh giá thường được sử dụng trong dạy học môn Âm nhạc/ Mỹ thuật (các bước thực hiện, ưu điểm, hạn chế).

- Phân tích các đặc thù trong kiểm tra, đánh giá môn Âm nhạc/ Mĩ thuật bậc Tiểu học/ THCS. Từ đó nêu thuận lợi/ khó khăn và giải pháp nâng cao hiệu quả kiểm tra, đánh giá trong dạy học Âm nhạc/ Mĩ thuật.

Hướng dẫn:

- Đại diện sinh viên lên thuyết trình;
- Sinh viên/ nhóm sinh viên nhận xét;
- Giảng viên đánh giá, tổng kết.

Phụ lục 7. **PHIẾU KHẢO NGHIỆM**

Mức độ cần thiết và tính khả thi của các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP Nghệ thuật

(Dành cho CBQL, GV và GVPT)

Để có được thông tin khách quan về mức độ cần thiết và khả thi của các biện pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm được tác giả đề xuất trong luận án, xin Thầy/ Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp, mức độ đánh giá như sau (Từ mức 1 đến mức 5).

- Mức 1: Không cần thiết/ Không khả thi
- Mức 2: Ít cần thiết/ Ít khả thi
- Mức 3: Tương đối cần thiết/ Tương đối khả thi
- Mức 4: Cần thiết/ Khả thi
- Mức 5: Rất cần thiết/ Rất khả thi

Các thông tin được thu thập qua phiếu khảo sát này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Thầy/ Cô!

Câu 1: Ý kiến của Thầy/ Cô về mức độ cần thiết của các biện pháp sau đối với việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

TT	**Nội dung đánh giá**	**Mức đánh giá %**				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5

1	***Biện pháp 1:*** *Thiết kế khung năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật*					
2	***Biện pháp 2:*** Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
3	***Biện pháp 3:*** Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ					
4	***Biện pháp 4:*** Tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
5	***Biện pháp 5:*** Tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề					
6	***Biện pháp 6:*** Đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
7	***Biện pháp 7:*** Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo quá trình và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá					

Câu 2: Ý kiến của Thầy/ Cô về mức độ phù hợp của các biện pháp sau đối với việc phát triển năng lực dạy học cho sinh viên ĐHSP nghệ thuật dựa vào giáo dục trải nghiệm

TT	**Nội dung đánh giá**	**Mức đánh giá %**				
		Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4	Mức 5
1	***Biện pháp 1:*** *Thiết kế khung năng lực dạy học đáp ứng yêu cầu đào tạo ĐHSP Nghệ thuật*					
2	***Biện pháp 2:*** Xây dựng quy trình thực hiện giờ học để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
3	***Biện pháp 3:*** Xây dựng và sử dụng hệ thống bài tập thực hành trong dạy học môn nghiệp vụ					
4	***Biện pháp 4:*** Tổ chức dạy học theo hướng giáo dục trải nghiệm nhằm phát					

	triển năng lực dạy học cho sinh viên					
5	***Biện pháp 5***: Tổ chức giờ học thực hành nghiệp vụ sư phạm theo định hướng hình thành năng lực nghề					
6	***Biện pháp 6:*** Đổi mới hoạt động kiến tập, thực tập sư phạm để phát triển năng lực dạy học cho sinh viên					
7	***Biện pháp 7:*** Đánh giá kết quả phát triển năng lực dạy học của sinh viên theo quá trình và hướng dẫn sinh viên tự đánh giá					

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của quý Thầy/ Cô!

Phụ lục 8.

PHIẾU KHẢO SÁT
MỨC ĐỘ CÁC NĂNG LỰC DẠY HỌC
CỦA SINH VIÊN ĐHSP NGHỆ THUẬT
(Dành cho sinh viên khoa/ trường ĐHSP Nghệ thuật)

Để có được thông tin khách quan về mức độ các năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực nghiệm các biện giải pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, xin Anh/ Chị vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp về các vấn đề sau;

Các thông tin được thu thập qua phiếu khảo sát này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Anh/ Chị!

Câu 1: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực dạy học của bản thân:

TT	**Năng lực dạy học**	**Mức độ ảnh hưởng**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học					
2	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập					
3	Năng lực thiết kế dạy học					
4	Năng lực dạy học trực tiếp					

Câu 2: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực quan sát người học và hành vi học tập					
2	Năng lực đo lường những đặc điểm tâm - sinh lí của người học					
3	Năng lực điều tra bằng các kĩ thuật thông thường					
4	Năng lực thu thập và phân tích dữ liệu học tập					
5	Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa					

Câu 3: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực thuyết phục và hợp tác với người học					
2	Năng lực phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học					
3	Năng lực khuyến khích, động viên người học					
4	Năng lực tổ chức lớp và nhóm học tập					
5	Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực học tập					

Câu 4: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực thiết kế dạy học của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực xác định mục tiêu dạy học					
2	Năng lực thiết kế hoạt động của người dạy và người học					
3	Năng lực thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học					
4	Năng lực thiết kế học liệu và phương					

	tiện trực quan, phương tiện e-learning					
5	Năng lực thiết kế môi trường học tập					

Câu 5: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực dạy học trực tiếp của bản thân:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp					
2	Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập					
3	Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả học tập					
4	Năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học					
5	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật					

Câu 6: Anh/ Chị hãy cho biết ý kiến tự đánh giá của bản thân về mức độ năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật:

TT	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật	Mức độ				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật					
2	Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu					
3	Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật					
4	*Năng lực phân tích và* hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật					
5	*Năng lực phát hiện* và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật					
6	Năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi					

	dưỡng năng khiếu nghệ thuật					

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Anh/ Chị!

Phụ lục 9.

PHIẾU KHẢO SÁT
MỨC ĐỘ CÁC NĂNG LỰC DẠY HỌC
CỦA SINH VIÊN ĐHSP NGHỆ THUẬT
(Dành cho giảng viên nghiệp vụ và giáo viên phổ thông)

Để có được thông tin khách quan về mức độ các năng lực dạy học của sinh viên ĐHSP Nghệ thuật làm cơ sở cho việc đánh giá kết quả thực nghiệm các biện giải pháp phát triển năng lực dạy học cho sinh viên, xin Thầy/ Cô vui lòng cho biết ý kiến của mình bằng cách đánh dấu (X) vào ô phù hợp về các vấn đề sau;

Các thông tin được thu thập qua phiếu khảo sát này chỉ dùng vào mục đích nghiên cứu, không sử dụng vào mục đích khác.

Xin chân thành cảm ơn sự hợp tác, giúp đỡ của Thầy/ Cô!

Câu 1: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực dạy học của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học					
2	Năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập					
3	Năng lực thiết kế dạy học					
4	Năng lực dạy học trực tiếp					

Câu 2: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực nghiên cứu người học và chương trình dạy học của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực quan sát người học và hành vi học tập					
2	Năng lực đo lường những đặc điểm tâm - sinh lí của người học					
3	Năng lực điều tra bằng các kĩ thuật thông thường					
4	Năng lực thu thập và phân tích dữ liệu học tập					
5	Năng lực phát triển chương trình và tài liệu giáo khoa					

Câu 3: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực lãnh đạo người học và quản lí hành vi học tập của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực thuyết phục và hợp tác với người học					
2	Năng lực phát biểu và giải thích ý tưởng cho người học					
3	Năng lực khuyến khích, động viên người học					
4	Năng lực tổ chức lớp và nhóm học tập					
5	Năng lực quản lí thời gian và nguồn lực học tập					

Câu 4: Thầy/ Cô cho biết ý kiến đánh giá về mức độ các năng lực thiết kế dạy học của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực xác định mục tiêu dạy học					
2	Năng lực thiết kế hoạt động của người dạy và người học					
3	Năng lực thiết kế phương pháp và kĩ thuật dạy học					
4	Năng lực thiết kế học liệu và phương tiện trực quan, phương tiện e-learning					
5	Năng lực thiết kế môi trường học tập					

Câu 5: Thầy/ Cô cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ các năng lực dạy học trực tiếp của sinh viên:

TT	Năng lực dạy học trực tiếp	Mức độ ảnh hưởng				
		Tốt	Khá	Trung bình	Yếu	Rất yếu
1	Năng lực giao tiếp và ứng xử trên lớp					
2	Năng lực hướng dẫn, điều khiển, điều chỉnh hành vi học tập					
3	Năng lực giám sát, kiểm tra, đánh giá					

	quá trình và kết quả học tập					
4	Năng lực sử dụng phương pháp, phương tiện và công nghệ dạy học					
5	Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật					

Câu 6: Thầy/ Cô cho biết ý kiến tự đánh giá về mức độ của năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật của sinh viên:

TT	**Năng lực thực hiện các biện pháp và kĩ thuật dạy học cụ thể trong dạy học nghệ thuật**	**Mức độ**				
		Tốt	**Khá**	**Trung bình**	**Yếu**	**Rất yếu**
1	Năng lực nhận thức, cảm thụ ngôn ngữ nghệ thuật					
2	Năng lực biểu hiện ngôn ngữ nghệ thuật, trình diễn thao tác mẫu					
3	Năng lực sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật					
4	*Năng lực phân tích và* hướng dẫn học sinh phân tích giá trị thẩm mĩ và những thành tố biểu hiện nghệ thuật					
5	*Năng lực phát hiện* và giải quyết những vấn đề nảy sinh trong thực tiễn dạy học Âm nhạc, Mĩ thuật					
6	Năng lực hỗ trợ học sinh đặc biệt và phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu nghệ thuật					

Một lần nữa xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ của Thầy/ Cô!